

## MỤC LỤC

| Nội dung                                                                                                                                                                                                         | Trang     |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>VẬN DỤNG QUAN ĐIỂM GẮN LÝ LUẬN VỚI THỰC TIỄN CỦA HỒ CHÍ MINH TRONG GIẢNG DẠY CÁC MÔN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ TẠI TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM TRUNG ƯƠNG</b><br><b>ThS. Phạm Trần Hồng Hà</b><br>Khoa Giáo dục đại cương | <b>1</b>  |
| <b>DẠY HỌC TRỰC TUYẾN CÁC MÔN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ TẠI TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM TRUNG ƯƠNG</b><br><b>ThS. Trần Thị Nhung</b><br>Khoa Giáo dục đại cương                                                              | <b>7</b>  |
| <b>VẬN DỤNG QUAN ĐIỂM LỊCH SỬ CỤ THỂ TRONG DẠY HỌC MÔN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH</b><br>(Nội dung: Quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh)<br><b>TS. Phạm Thị Kim Lan</b><br>Khoa Giáo dục đại cương | <b>16</b> |
| <b>MỘT VÀI VẤN ĐỀ LÝ THUYẾT CẦN THỐNG NHẤT TRONG HỌC PHẦN TIẾNG VIỆT THỰC HÀNH TẠI TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM TRUNG ƯƠNG</b><br><b>TS. Lê Thị Kim Cúc</b><br>Khoa Giáo dục Mầm non                                  | <b>22</b> |
| <b>NHẬN DIỆN NHỮNG THUẬN LỢI VÀ KHÓ KHĂN TRONG ĐỔI MỚI PHƯƠNG THỨC DẠY HỌC THÍCH ỨNG VỚI BỐI CẢNH DỊCH COVID - 19</b><br><b>TS. Đỗ Thị Thanh Loan</b><br>Khoa Giáo dục đại cương                                 | <b>29</b> |
| <b>BIỆN PHÁP ĐỔI MỚI PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC MÔN GIÁO DỤC THỂ CHẤT TẠI TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM TRUNG ƯƠNG</b><br><b>ThS. Hoàng Đức Anh</b><br>Khoa Giáo dục đại cương                                                | <b>38</b> |
| <b>GIÁO DỤC HÀNH VI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG QUA HOẠT ĐỘNG GÓC CHO TRẺ MẪU GIÁO TRONG TRƯỜNG MẦM NON</b><br><b>ThS. Đinh Hương Ly</b><br>Khoa Giáo dục mầm non                                                          | <b>47</b> |

|                                                                                                                         |                                                                                                           |            |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| <b>MỘT SỐ PHƯƠNG THỨC GIAO TIẾP - ỨNG XỬ CỦA GIÁO VIÊN VỚI TRẺ MẦM NON</b>                                              | <b>ThS. Vũ Thị Thu Hà</b><br>Khoa giáo dục mầm non                                                        | <b>55</b>  |
| <b>MỘT SỐ BIỆN PHÁP RÈN LUYỆN SO SÁNH CHO TRẺ 5 – 6 TUỔI TRONG HOẠT ĐỘNG LÀM QUEN VỚI VĂN HỌC Ở TRƯỜNG MẦM NON</b>      | <b>TS. Nguyễn Thị Minh Phương</b><br><b>ThS. Trần Thị Yến</b><br>Khoa Giáo dục Mầm non                    | <b>65</b>  |
| <b>VẬN DỤNG PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC DỰ ÁN TRONG GIẢNG DẠY MÔN TIẾNG VIỆT THỰC HÀNH Ở TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM TRUNG ƯƠNG</b> | <b>TS. Hoàng Thị Lan</b><br>Phòng Khoa học công nghệ - Hợp tác quốc tế                                    | <b>72</b>  |
| <b>MỘT SỐ BIỆN PHÁP NÂNG CAO LỢI ÍCH XEM PHIM HOẠT HÌNH CHO TRẺ MẦM NON</b>                                             | <b>ThS. Nguyễn Thị Thu Hà</b><br><b>ThS. Tạ Thị Nhàn</b><br>Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập | <b>80</b>  |
| <b>HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG STEAM TRONG HƯỚNG TRÌNH GIÁO DỤC MẦM NON</b>                                             | <b>TS. Đào Thị My</b><br>Trường mầm non Thực nghiệm Hoa Hồng                                              | <b>87</b>  |
| <b>NGHỀ THIẾT KẾ ĐỒ HỌA TRONG THỜI ĐẠI MỚI</b>                                                                          | <b>ThS. Vương Bích Hiền</b><br>Khoa Nghệ thuật                                                            | <b>93</b>  |
| <b>NÂNG CAO NĂNG LỰC TỰ HỌC MÔN NHẠC CỤ CHO SINH VIÊN KHOA MẦM NON TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM TRUNG ƯƠNG</b>               | <b>ThS. Phùng Thị Hồng Giang</b><br>Khoa Nghệ thuật                                                       | <b>101</b> |
| <b>VẬN ĐỘNG THEO NHẠC TRONG TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG ÂM NHẠC TẠI CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON</b>                                    | <b>ThS. Nguyễn Hoàng Anh</b><br>Khoa Nghệ thuật                                                           | <b>107</b> |

|                                                                                                                                                                                              |            |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| <b>GIỚI THIỆU SƠ LƯỢC VỀ E-LEARNING VÀ KHÓA HỌC ĐẠI TRÀ TRỰC TUYẾN MỞ (MOOC)</b><br><br><b>ThS. Phạm Hồng Dương</b><br>Khoa Tiếng Anh                                                        | <b>113</b> |
| <b>CÁCH TẠO SÁCH ĐIỆN TỬ LẬT TRANG (FLIPBOOK) VÀ TRIỂN KHAI LÊN HỆ THỐNG HỌC TẬP LMS</b><br><br><b>ThS. Nguyễn Thanh Thủy</b><br>Khoa Công nghệ thông tin – Giáo dục nghề nghiệp             | <b>124</b> |
| <b>ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG GIÁO DỤC Ở GIAI ĐOẠN MỚI, CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC</b><br><br><b>ThS. Nguyễn Thị Hương Giang</b><br><b>ThS. Nguyễn Trung Hiếu</b><br>Khoa Giáo dục mầm non | <b>134</b> |
| <b>ỨNG DỤNG PHẦN MỀM AZOTA HỖ TRỢ GIÁO VIÊN TRONG QUÁ TRÌNH DẠY TRỰC TUYẾN CHO TRẺ MẦM NON</b><br><br><b>ThS. Nguyễn Thanh Thủy</b><br>Khoa Công nghệ thông tin – Giáo dục nghề nghiệp       | <b>141</b> |
| <b>ỨNG DỤNG TÂM LÝ HỌC VỀ ÂM NHẠC TRONG GIÁO DỤC TRẺ MẦM NON</b><br><br><b>ThS. Lê Hoàng Huệ Hương</b><br>Khoa Nghệ thuật                                                                    | <b>151</b> |

# **LÍ LUẬN GIÁO DỤC - DẠY HỌC**



# VẬN DỤNG QUAN ĐIỂM GẮN LÝ LUẬN VỚI THỰC TIỄN CỦA HỒ CHÍ MINH TRONG GIẢNG DẠY CÁC MÔN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ TẠI TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM TRUNG ƯƠNG

**ThS. Phạm Trần Hồng Hà**

Khoa Giáo dục đại cương

**Tóm tắt:** “Lý luận gắn liền với thực tiễn” là một trong những nguyên tắc cơ bản và tổng quát được Chủ tịch Hồ Chí Minh vận dụng sáng tạo từ lý luận gắn liền với thực tiễn của Chủ nghĩa Mác-Lênin vào thực tiễn cách mạng nước ta. Người đã khái quát thành lý luận trong hoạt động thực tiễn nước ta và đã trở thành bài học vô giá cho mọi thế hệ người Việt Nam. Đặc biệt, đối với người làm công tác nghiên cứu, giảng dạy Lý luận chính trị, học tập tư duy Hồ Chí Minh về gắn lý luận với thực tiễn là một trong những nội dung quan trọng góp phần nâng cao hiệu quả, chất lượng giảng dạy các học phần này. Bài viết này đề cập đến quan điểm gắn lý luận với thực tiễn của Hồ Chí Minh và việc vận dụng quan điểm này trong giảng dạy các môn Lý luận chính trị ở Trường CĐSPTƯ hiện nay.

**Từ khóa:** *Lý luận, thực tiễn, lý luận gắn liền với thực tiễn, quan điểm lý luận gắn liền với thực tiễn của Hồ Chí Minh.*

## **1. Đặt vấn đề**

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã để lại cho dân tộc ta một di sản tinh thần vô giá, đó là hệ thống các quan điểm trên nhiều lĩnh vực, về nhiều vấn đề, trong đó có quan điểm “lý luận gắn liền với thực tiễn”. Trong giai đoạn hiện nay, việc tiếp tục nghiên cứu, vận dụng quan điểm này của Hồ Chí Minh vào giảng dạy nói chung, giảng dạy Lý luận chính trị nói riêng là vấn đề có ý nghĩa quan trọng cả về lý luận và thực tiễn. Chỉ thị số 23-CT/TW, ngày 09/02/2018 của Ban Bí thư Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam đã chỉ rõ: “Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả học tập, nghiên cứu, vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong tình hình mới”, đã đề ra các nhiệm vụ và giải pháp, trong đó nhấn mạnh phải: “Phát huy dân chủ trong công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận; tôn trọng tính sáng tạo và nâng cao ý thức trách nhiệm của nhà khoa học, tăng cường trao đổi, đối thoại trong nghiên cứu lý luận. Đổi mới cơ chế và tăng cường đầu tư cho tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận”. Đây chính là cụ thể hóa

và vận dụng quan điểm, tư tưởng của Hồ Chí Minh về lý luận gắn với thực tiễn trong việc nghiên cứu, giảng dạy và học tập các môn Lý luận chính trị. Thời gian qua, việc giảng dạy các môn Lý luận chính trị ở Trường CĐSPТУ đã đạt được những kết quả nhất định. Nguyên tắc thống nhất giữa lý luận với thực tiễn được thực hiện nghiêm túc. Tuy nhiên, cũng còn bộc lộ một số hạn chế cần có những biện pháp khắc phục để tiếp tục nâng cao hơn nữa hiệu quả của môn học, đáp ứng với yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới.

## **2. Nội dung**

### ***2.1. Quan điểm của Hồ Chí Minh về gắn lý luận với thực tiễn***

Đến với chủ nghĩa Mác - Lênin - học thuyết cách mạng đúng đắn nhất, khoa học nhất và tìm được lý luận tiên tiến soi đường, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc trở về Quảng Châu - Trung Quốc, chuẩn bị về chính trị, tư tưởng và tổ chức cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam. Cũng trong những năm tháng đó, một trong những nội dung Người giảng cho những người yêu nước Việt nam là phải nắm vững và không ngừng nâng cao trình độ lý luận, đặc biệt là gắn liền lý luận với thực tiễn. Trong diễn văn khai mạc lớp học Lý luận chính trị khoá I tại trường Nguyễn Ái Quốc Trung ương (nay là Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh), Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: “Lý luận rất cần thiết, nhưng nếu cách học tập không đúng thì sẽ không có kết quả” và Người nhấn mạnh: “Lý luận phải liên hệ với thực tế, lý luận mà không liên hệ với thực tế là lý luận suông”.

Trước hết, bàn về lý luận, Hồ Chí Minh cho rằng: “Lý luận là sự tổng kết kinh nghiệm của loài người, là tổng hợp những tri thức về tự nhiên và xã hội tích trữ lại trong quá trình lịch sử”. Lý luận được hình thành trên cơ sở khái quát kinh nghiệm thực tiễn, nhưng không phải cứ có kinh nghiệm thực tiễn là có được lý luận. Lý luận không phải là cái nhất thành, bất biến mà nó luôn luôn vận động, phát triển và lý luận cần phải được bổ sung, hoàn thiện, bằng tổng kết kinh nghiệm thực tiễn để có những quan điểm mới trong những điều kiện, hoàn cảnh mới. Mặc dù lý luận được tổng kết từ thực tiễn nhưng nó có vai trò quan trọng trong việc chỉ ra cách thức, phương hướng cho con người trong hoạt động thực tiễn. Người chỉ rõ: “Lý luận như cái kim chỉ nam, nó chỉ phương hướng cho chúng ta trong công việc thực tế. Không có lý luận thì lúng túng như nhắm mắt mà đi”. Về hoạt động thực tiễn và vai trò của lý luận với thực tiễn, Hồ Chí Minh cho rằng, thực tiễn đúng đắn phải được chỉ đạo, soi đường, dẫn dắt bởi một lý luận khoa học, đúng đắn, nếu không sẽ là thực tiễn mù quáng, mò mẫm,

mất phương hướng. Như vậy, thống nhất giữa lý luận và thực tiễn được Hồ Chí Minh hiểu trên tinh thần biện chứng. Thực tiễn cần tới lý luận soi đường, dẫn dắt, chỉ đạo, hướng dẫn, định hướng để không mắc phải bệnh kinh nghiệm, còn lý luận phải dựa trên cơ sở thực tiễn, phản ánh thực tiễn và luôn liên hệ với thực tiễn, nếu không sẽ mắc phải bệnh giáo điều. Lý luận phải được ứng dụng vào trong thực tiễn, nếu lý luận không được áp dụng vào trong thực tế, không được thực tiễn kiểm nghiệm, chứng minh thì nó sẽ trở thành lý luận suông, lý luận đơn thuần, lý luận của lý luận.

Trong Giáo dục và Đào tạo, Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm đến mục đích học tập: học để biết, để làm việc, học để phục vụ cách mạng, phục vụ nhân dân, học để làm người. Muốn vậy, cần phải rèn luyện thói quen ứng dụng lý luận với thực tiễn, đem những kiến thức, kinh nghiệm đã tiếp thu được vận dụng giải quyết các công việc thực tiễn trong cuộc sống hàng ngày. Với tinh thần đó, Bác luôn chú trọng đến tính thực tế, bất cứ việc gì cũng phải xuất phát từ yêu cầu thực tế. Theo Người, học tập ở trong nhà trường, trong sách vở chưa đủ, phải học cả trong cuộc sống, học ở bạn bè, đồng nghiệp. Nội dung học tập cũng phải toàn diện: chương trình học vấn phổ thông, đại học, chuyên môn nghiệp vụ, học tập lý luận Mác - Lênin, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Trong đó, việc học tập lý luận Mác- Lênin, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước là nội dung quan trọng. Tư tưởng này của Người cho đến nay vẫn giữ nguyên giá trị lý luận và thực tiễn đối với chúng ta. Người cũng lưu ý rằng, không nên coi chủ nghĩa Mác - Lênin là “kinh thánh”, là những công thức có sẵn, cứng nhắc mà nên biết vận dụng, cải biến, sáng tạo thành những thuật ngữ dễ hiểu, đơn giản để mọi người đều hiểu. Có như vậy thì việc nghiên cứu, học tập, vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin mới có hiệu quả và những vấn đề lý luận cao siêu của chủ nghĩa Mác mới đi vào hiện thực được.

## ***2.2. Sự cần thiết phải gắn lý luận với thực tiễn trong giảng dạy các môn Lý luận chính trị***

Trong những năm qua, việc nghiên cứu, giảng dạy các môn Lý luận chính trị ở Trường CDSPTU đã đạt được những kết quả quan trọng. Đội ngũ giảng viên có bước phát triển về nhận thức, trình độ, bản lĩnh chính trị và năng lực tư duy. Nhận thức về ý nghĩa, vai trò và các giá trị bền vững của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh ngày càng được nâng cao. Công tác học tập, tổng

kết thực tiễn, nghiên cứu, vận dụng và phát triển lý luận đã và đang giải đáp nhiều vấn đề thực tiễn đặt ra. Tuy nhiên, thực tiễn nghiên cứu, giảng dạy Lý luận chính trị đặt ra những vấn đề cần phải giải quyết, đòi hỏi một lý luận khoa học, tiến bộ dẫn dắt. Có như vậy, mới đảm bảo nội dung, phương pháp, mục tiêu cần hướng tới, nhằm tạo cảm hứng cho người dạy và khả năng tiếp thu tốt nhất của người học. Các môn Lý luận chính trị có tính trừu tượng và khái quát cao, đòi hỏi người dạy phải nắm vững, sâu sắc tri thức lý luận thông qua hệ thống khái niệm, phạm trù, nguyên lý, quy luật của nó. Cùng với đó là vốn kinh nghiệm, vốn sống thực tế phong phú. Bài giảng có tính thực tiễn sẽ làm cho lý luận trừu tượng, khó hiểu, phức tạp thành những vấn đề gần gũi, giản dị, dễ tiếp thu. Xuất phát từ đặc trưng của các môn học lý luận chính trị, việc đảm bảo nguyên tắc phương pháp luận gắn lý luận với thực tiễn trong nghiên cứu, giảng dạy có ý nghĩa đặc biệt quan trọng và là một yêu cầu hết sức cần thiết đối với mỗi giảng viên trong việc nâng cao hiệu quả giảng dạy

### ***2.3. Một số giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả của việc giảng dạy các môn Lý luận chính trị theo hướng gắn lý luận với thực tiễn***

*Một là*, tiếp tục nâng cao nhận thức cho giảng viên về sự cần thiết của việc nghiên cứu, vận dụng nguyên tắc gắn lý luận với thực tiễn của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong hoạt động nghiên cứu, giảng dạy. Đây là vấn đề có ý nghĩa hết sức quan trọng, bởi thông qua việc nghiên cứu, học tập quan điểm của Người sẽ giúp cho người giảng viên xây dựng được cho mình một phương pháp làm việc khoa học, hiệu quả trong nghiên cứu, giảng dạy, đồng thời còn giúp họ tích cực học tập, nâng cao trình độ lý luận, thu thập, tích lũy kiến thức thực tế, từ đó làm cho vốn kiến thức của mình ngày càng thêm phong phú cả về lý luận lẫn thực tiễn, đảm bảo quá trình giảng dạy ngày càng có chất lượng, hiệu quả cao hơn. Thực tiễn không ngừng vận động, biến đổi, đặt ra yêu cầu phải bổ sung, phát triển lý luận giảng dạy và cả những nội dung của Lý luận chính trị cho phù hợp nhằm chỉ đạo thực tiễn một cách hiệu quả nhất.

*Hai là*, giảng viên phải thường xuyên học tập, nâng cao trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ, nâng cao lập trường tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và kinh nghiệm thực tế. Thống nhất giữa lý luận và thực tiễn là một nguyên tắc của nhận thức khoa học và hành động thực tiễn có hiệu quả. Việc gắn lý luận với thực tiễn còn khẳng định vai trò to lớn của lý luận khoa học. Vì vậy, yêu cầu đặt ra đối với giảng viên các môn Lý luận chính trị phải không ngừng học tập nâng



cao trình độ lý luận. Tuy nhiên, không được tuyệt đối hóa lý luận mà phải liên hệ với thực tiễn đất nước và thời đại; phải thấm nhuần lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Lý luận rất cần thiết nhưng nếu cách học tập không đúng thì sẽ không có kết quả”. Có như vậy, giảng viên mới có đủ trình độ, năng lực, phẩm chất để bảo vệ, truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng, pháp luật của nhà nước đến sinh viên. Cùng với đó là trang bị thêm cho mình tri thức ở một số lĩnh vực khác của đời sống xã hội, trau dồi thêm kinh nghiệm, vốn sống phong phú... Khi có vốn kiến thức lý luận sâu rộng người giảng viên sẽ chủ động, tự tin trong quá trình truyền đạt, chia sẻ tri thức cũng như đảm bảo việc truyền đạt tri thức đến sinh viên một cách có hiệu quả. Nếu không có hiểu biết sâu rộng về các lĩnh vực của đời sống xã hội, vốn sống thực tiễn ít thì trong quá trình giảng dạy sẽ gặp khó khăn trong việc liên hệ thực tiễn, xa rời thực tiễn sẽ dẫn đến bệnh giáo điều, sách vở, ít sức thuyết phục. Đồng thời, giảng viên cần thường xuyên học tập, nâng cao phương pháp, kỹ năng sư phạm, để từ đó sử dụng các phương tiện, phương pháp để kết hợp lý luận với thực tiễn một cách linh hoạt trong quá trình giảng dạy.

*Ba là*, phải thường xuyên đổi mới phương pháp giảng dạy, luôn tuân thủ nguyên tắc gắn lý luận với thực tiễn. Lý luận bắt nguồn từ thực tiễn và phản ánh thực tiễn, nhưng thực tiễn luôn vận động, biến đổi không ngừng. Do đó, đòi hỏi giảng viên phải đưa lý luận về thực tiễn để kiểm nghiệm, qua đó bổ sung, hoàn thiện, định hướng hoạt động thực tiễn của sinh viên. Xác định được nội dung nào cần thiết phải liên hệ thực tiễn và đưa ví dụ thực tiễn nào cho hấp dẫn.

Trong quá trình giảng dạy, nếu giảng viên chỉ trình bày lý luận mà không gắn với thực tiễn tình hình kinh tế, chính trị, xã hội của đất nước, của địa phương, nhà trường thì sinh viên không thể nhận thức được thực chất của lý luận, không gắn kết được lý luận với các vấn đề thực tiễn, không vận dụng được những tri thức lý luận vào việc luận giải, xử lý các tình huống thực tiễn. Điều đó có nghĩa là họ mới thu nhập được một lượng lý luận suông và mới có học mà chưa có hành, không đáp ứng được những đòi hỏi của thực tế. Từ đó phân tích, luận giải những vấn đề lý luận được biểu hiện cụ thể trong thực tiễn ở từng ngành học như thế nào. Tuy nhiên, cần xác định được nội dung nào cần thiết phải liên hệ thực tiễn và đưa ví dụ thực tiễn nào cho hấp dẫn. Những yếu tố thực tiễn đưa vào bài giảng phải mang tính điển hình. Phải quan tâm tới các sự kiện thực tiễn mang tính thời sự, đang được xã hội quan tâm nhiều. Mỗi yếu tố thực

tiền đều phải có địa chỉ, nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng và đảm bảo tính trung thực. Khi đưa thực tiễn vào liên hệ, giảng viên phải phân tích để sinh viên thấy được thực tiễn đó mang ý nghĩa tích cực hay tiêu cực nhằm định hướng cho sinh viên.

Bên cạnh đó, cũng cần chú trọng việc giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên gắn với việc thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy chế của nhà trường. Sự phân tích lý luận gắn với thực tiễn sẽ tạo cơ sở cho sinh viên vận dụng lý luận để nâng cao năng lực nghề nghiệp, kỹ năng lãnh đạo, quản lý sau này.

### **3. Kết luận**

Thực tiễn luôn luôn vận động, lý luận không ngừng phát triển; lý luận phải đi liền với thực tiễn, phản ánh đời sống thực tiễn, khi thực tiễn thay đổi thì lý luận cũng phải thay đổi theo. Điều đó, đòi hỏi người giảng viên cần thường xuyên thâm nhập vào thực tiễn, kịp thời khái quát những vấn đề của thực tiễn để có sự lý giải lý luận cho phù hợp. Quán triệt nguyên tắc gắn lý luận với thực tiễn theo tư tưởng Hồ Chí Minh, mỗi giảng viên Trường CDSPTU nói chung, giảng viên giảng dạy các môn Lý luận chính trị nói riêng cần không ngừng học tập, sáng tạo, tự vươn lên, tự đổi mới trong từng bài giảng, từng tiết học, gắn chặt giữa lý luận với thực tiễn. Chỉ có như vậy, mỗi bài giảng mới đáp ứng được yêu cầu, mục đích của môn học; mỗi giảng viên sẽ tự khẳng định được vị thế, hình ảnh của mình. Khi đó mới giúp được cho sinh viên có cảm hứng, tiếp cận gần hơn với mỗi học phần Lý luận chính trị mà không còn cảm thấy “sợ”. Từ đó góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập các môn Lý luận chính trị ở Trường CDSPTU.

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Hồ Chí Minh(2011), Toàn tập, Tr.8, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
2. Đảng CSVN(2018), Chỉ thị số 23-CT/TW, ngày 09/02/2018 của Ban Bí thư về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả học tập, nghiên cứu, vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong tình hình mới.
3. Link: [lyluanchinhtri.vn](http://lyluanchinhtri.vn)

# **DẠY HỌC TRỰC TUYẾN CÁC MÔN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ TẠI TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM TRUNG ƯƠNG**

**ThS. Trần Thị Nhung**  
Khoa Giáo dục đại cương

## **Tóm tắt:**

Do ảnh hưởng bởi đại dịch COVID -19 đã tác động và chi phối đến toàn bộ mọi mặt của đời sống xã hội trong đó không thể không kể đến lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo. Dạy học trực tuyến (DHTT) không phải là hình thức dạy mới mẻ trên thế giới cũng như ở Việt Nam như Thứ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Nguyễn Văn Phúc đã cho rằng DHTT đang diễn ra rất mạnh mẽ với nhiều hình thức khác nhau. DHTT được thực hiện đối với các môn học trong đó có cả các học phần lý luận chính trị tại Trường Cao đẳng Trung ương.

***Từ khóa:** Dạy học trực tuyến, sinh viên lý luận chính trị*

## **1. Đặt vấn đề**

Ngày nay, với sự bùng nổ của công nghệ thông tin, dạy và học trực tuyến trở thành xu thế mới của thế giới. DHTT mang lại rất nhiều ưu điểm như: Giảm thiểu chi phí học tập, đi lại và chi phí tổ chức và quản lý lớp học; Đào tạo mọi lúc mọi nơi, truyền đạt kiến thức nhanh chóng theo yêu cầu; Tiết kiệm thời gian học tập, chủ động và linh hoạt; Tối ưu hóa nội dung... Tuy nhiên, đối với các môn học Lý luận chính trị là các môn học nhằm giáo dục tư tưởng chính trị, thái độ, lý tưởng sống cũng như giáo dục đạo đức cho sinh viên thì DHTT sẽ gặp những khó khăn.

Theo nhiều nghiên cứu thì hình thức giáo dục giữa thầy và trò không cần gặp nhau ở một không gian được quy định mà thế giới gọi là giáo dục trực tuyến (Online learning hay E-Learning) được xuất hiện đầu tiên tại Mỹ vào năm 1999 từ đó mở ra một môi trường học tập mới giúp người học có thể tương tác thông qua Internet trên các phương tiện truyền thông điện tử, giúp cho người dạy và người học dễ dàng tương tác mọi lúc, mọi nơi.

Việt Nam là quốc gia được đánh giá bắt kịp nhanh xu hướng thế giới. Năm 2010, Việt Nam với sự ra đời một loạt các trang Web học trực tuyến như Violet.vn, Học mãi.vn, Topica, Onluyen.vn...xong sử dụng trang web này vào

dạy học rất hạn chế, dạy học vẫn theo truyền thống, vẫn là trường lớp, vẫn là thời gian và không gian cụ thể.

Đại dịch Covid -19 đang có tốc độ lây lan khủng khiếp trên toàn thế giới. Chỉ tính riêng ở Việt Nam, số ca nhiễm (tính đến ngày 16/09/2021) 651.726 ca, trong đó 16.425 người bị tử vong. Ảnh hưởng của đại dịch dẫn đến hơn 22 triệu sinh viên, học sinh và trẻ mầm non đã phải nghỉ học theo quy định của chính phủ để phòng chống dịch COVID-19. Vì vậy, triển khai DHTT ở Trường CDSPTU là việc làm cần thiết và hợp với xu thế hiện nay.

## **2. Nội dung**

### ***2.1. Tình hình dạy học trực tuyến các môn Lý luận chính trị ở Trường CDSPTU***

Những sự bất cập trong dạy học trực tuyến hiện nay có thể thấy do chúng ta chưa triển khai đồng bộ, chưa đầu tư cho chiến lược này một cách bài bản. Trong những năm qua, khi đại dịch COVID -19 xảy ra, chúng ta đã phải thực hiện giãn cách xã hội và tổ chức DHTT để bảo đảm an toàn phòng chống dịch. Tuy nhiên, do chưa đủ nguồn lực và cơ sở hạ tầng cho DHTT dẫn đến sinh viên có tâm lý bất an, lo lắng, mệt mỏi và chán nản, nhất là học những học phần chuyên ngành có tính chất “cầm tay chỉ việc”.

Nền kinh tế thế giới đang bước vào giai đoạn kinh tế tri thức, với đặc điểm của quốc gia số, kinh tế số và chuyển đổi số. DHTT ra đời như một xu thế tất yếu. DHTT mang đến khá nhiều thuận tiện cho người dạy và người học. Với ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại trong giáo dục, người dạy và người học có thể nắm bắt được kiến thức thông qua những thiết bị công nghệ: Điện thoại, máy tính, ipad... và học ở bất kỳ không gian nào. DHTT còn mang lại rất nhiều giá trị.

#### ***Thuận lợi của DHTT***

+ Giảm chi phí học tập, đi lại cho sinh viên, giảm chi phí tổ chức và quản lý lớp học; Đào tạo mọi lúc mọi nơi, truyền đạt kiến thức, thông tin nhanh chóng; Tiết kiệm thời gian học tập, chủ động và linh hoạt trong việc sắp xếp thời gian của người học, người dạy; Tối ưu hóa nội dung, hệ thống hóa về số sinh viên tham gia khóa học, theo dõi kết quả cũng như tiến độ học tập.

Trong DHTT các môn Lý luận chính trị ở trường đã mang đến những thuận lợi đối với các thầy cô và sinh viên:

*Một là:* Thầy cô có thể sử dụng hình ảnh, âm thanh và video để truyền đạt nội dung học tập đến người học thêm hấp dẫn và sinh động hơn. Ngoài ra, còn có thể quản lý sinh viên thông qua tính năng thiết kế website quản lý trường học.

*Hai là:* Sinh viên tiết kiệm được nhiều chi phí học tập cũng như chi phí đi lại và địa điểm. Ngoài ra, hình thức trả học phí cũng đơn giản thông qua tính năng thiết kế website thanh toán online.

Đại dịch Covid-19 là một thảm họa toàn cầu, đe dọa đến tính mạng của con người, nền kinh tế thế giới thì việc tổ chức học trực tuyến mang lại ưu điểm tránh sự lây lan giữa người với người. Từ đó, ngăn chặn đại dịch thành công trên thế giới nói chung và ở mỗi quốc gia nói riêng.

Ở các trường Đại học, Cao đẳng hiện nay, ngoài việc giảng dạy kiến thức chuyên môn, nghề nghiệp cho sinh viên, cần phải chú trọng trang bị cho sinh viên về phẩm chất chính trị, đạo đức, kỹ năng và lý tưởng sống cao đẹp.

Không có lĩnh vực nào của đời sống xã hội hiện đại lại đứng ngoài chính trị, từ vấn đề phát triển kinh tế, văn hóa đến xây dựng đạo đức, lối sống; từ sự đánh giá về quá khứ, đến dự báo tương lai... đều phải có định hướng chính trị rõ ràng. Theo đó, nội dung của các môn lý luận chính trị rất rộng, từ lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước trên các lĩnh vực chính trị, quốc phòng, an ninh, đối ngoại.. Các môn lý luận chính trị trang bị thế giới quan, nhân sinh quan cách mạng và phương pháp luận khoa học, đồng thời bồi dưỡng tư tưởng chính trị, đạo đức cho sinh viên. Các môn học Lý luận chính trị đa phần là nặng về lý luận, học thuật, lý thuyết. Vậy nên, trong DHTT cả thầy cô và sinh viên cần có sự chuẩn bị chu đáo về phương pháp, công nghệ và học liệu nhằm mang lại hiệu quả cao trong dạy và học.

#### *- Hạn chế của dạy học trực tuyến*

Ngoài những yếu tố thuận lợi, việc dạy và học trực tuyến vẫn tồn tại những hạn chế nhất định. Những sự bất cập trong dạy học trực tuyến hiện nay có thể thấy là do chúng ta chưa triển khai đồng bộ, chưa đầu tư cho chiến lược này một cách bài bản. Hai năm qua, khi đại dịch COVID-19 xảy ra, chúng ta đã phải thực hiện giãn cách xã hội và tổ chức dạy học trực tuyến nhiều lần để bảo đảm an toàn phòng chống dịch. Tuy nhiên, do chưa đủ nguồn lực và cơ sở hạ tầng dạy học trực tuyến, dẫn đến hiện tượng sinh viên lo lắng, mệt mỏi và chán nản.

DHTT được triển khai dựa trên các nền tảng công nghệ thông tin sử dụng mạng internet. Sinh viên của trường chủ yếu sống ở các vùng miền. Có những nơi chưa có điều kiện về mạng hoặc thiết bị sử dụng mạng internet như những vùng cao, vùng sâu và vùng xa ở nước ta, người học sẽ khó có thể tiếp cận được với phương pháp học này. DHTT làm giảm sự tương tác của sinh viên với giảng viên, làm giảm khả năng truyền đạt với lòng say mê nhiệt huyết của giảng viên đến sinh viên. Bên cạnh đó, dễ làm nảy sinh ra các vấn đề liên quan đến an ninh mạng cũng như các vấn đề về sở hữu trí tuệ.

DHTT hiệu quả là sự kết hợp một cách có chọn lọc giữa yếu tố công nghệ và yếu tố sư phạm. Vì vậy, muốn nâng cao năng lực giảng dạy trực tuyến của giảng viên thì không chỉ tập trung vào nâng cao năng lực công nghệ, mà còn phải làm rõ bản chất của học tập trực tuyến để thiết kế các hoạt động học và lựa chọn các công cụ công nghệ phù hợp. Tương tự, vì chúng ta đang xem “dạy học trực tuyến” là giải pháp tình thế, mà không gắn nó vào trong cuộc cách mạng “chuyển đổi số giáo dục”. Cho nên, áp lực về chất lượng đào tạo đang đè nặng lên tâm lý của mỗi giảng viên. Họ quá mệt mỏi khi vừa phải bỏ thời gian, công sức để tìm hiểu một mô hình dạy học mới, lại vừa phải chịu trách nhiệm về chất lượng của mô hình dạy học mới này.

Khả năng ứng dụng công nghệ thông tin vào dạy học ở nhiều giảng viên còn hạn chế, việc sử dụng các phần mềm học trực tuyến chưa thông thạo dẫn đến thực hiện chưa hiệu quả. Chưa xây dựng được các phương pháp, cách thức tổ chức lớp học trực tuyến một cách hiệu quả. Từ những hạn chế đó, càng làm tăng khối lượng công việc cũng như áp lực cho thầy cô. Sinh viên trên thực tế, hoàn cảnh và điều kiện cơ sở vật chất của gia đình là yếu tố cơ bản chi phối nhiều đến hoạt động học trực tuyến. Không phải gia đình nào cũng trang bị được mạng, máy tính, điện thoại thông minh để cho con em mình học tập, nhất là ở các địa phương thuộc vùng sâu, vùng xa, đặc biệt khó khăn. Người học không có nhiều cơ hội học hỏi trao đổi thông tin với bạn bè, dẫn đến trong quá trình học bị nhàm chán và bỏ cuộc.

Đối với các môn học Lý luận chính trị, để thu hút người học có thái độ yêu thích các môn học thì việc nâng cao chất lượng, hiệu quả và đổi mới phương pháp giảng dạy cũng như chương trình giảng dạy là vấn đề đặt ra cho Nhà trường. Những năm gần đây, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã tiến hành đổi mới chương trình, đổi mới nội dung giảng dạy và học tập các môn lý luận chính trị.

Tuy nhiên, đối với người học khi nghe đến môn học Lý luận chính trị hầu như đều tỏ thái độ thờ ơ, chán chường. Để người học có những thái độ đó một phần do người dạy tạo ra và yếu tố chủ quan từ người học, cụ thể như: Người dạy chỉ chăm chú vào giáo trình, nhắc lại những điều đã có, yêu cầu sinh viên ghi chép đầy đủ rõ ràng, nhiều giờ học giảng viên chỉ trình bày lý thuyết suông và sử dụng phương pháp “đọc - chép” dẫn đến bài giảng thiếu thực tiễn, sức hấp dẫn, không tạo cảm hứng cho sinh viên. Thực tế sinh viên của trường khi học các môn Lý luận chính trị chỉ chú trọng làm sao để đạt trong các kỳ thi bằng các hình thức tâm lý đối phó, học vẹt, học thuộc lòng. Dẫn đến bản chất vấn đề của các nội dung môn học sinh viên không hiểu, dần dần rơi vào tình trạng không hứng thú và không biết cách vận dụng lý thuyết vào thực tiễn. Sở dĩ có những hạn chế trong việc dạy và học các môn học Lý luận chính trị là do những nguyên nhân cơ bản như sau:

*Một là*, các môn lý luận chính trị được xếp vào khối kiến thức kỹ năng chung, phân bổ dạy theo kế hoạch chuyên môn, thực hiện theo từng học kỳ. Năm thứ nhất có môn Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin 1 và 2. Đối với hầu hết tân sinh viên thường có “nỗi sợ” chung là khô khan và trừu tượng dẫn đến tâm lý của sinh viên là: khó tiếp thu.

*Hai là*, Giảng viên trẻ giảng dạy các môn Lý luận chính trị nội dung bài giảng và có phương pháp giảng dạy tốt song vẫn còn tham kiến thức, lượng kiến thức đưa vào trong một buổi DHTT nhiều. Đối với giảng viên lớn tuổi với kinh nghiệm nhiều lại gặp phải rào cản về công nghệ, ít sử dụng những phần mềm công nghệ thông tin trong giảng dạy, sử dụng phương pháp giảng dạy truyền thống làm giảm đi sự hấp dẫn và hứng thú của người học.

*Ba là*, một nguyên nhân khác khá quan trọng khiến cho việc giảng dạy Lý luận chính trị kém phần hấp dẫn là vì sự lựa chọn và chất lượng thông tin để đưa vào bài giảng của giảng viên là chưa thật sự hiệu quả, mang tính thời sự... Thực chất với lứa tuổi của sinh viên thì việc nhận thức các vấn đề của các môn học Lý luận chính trị có vai trò rất quan trọng, chính vì vậy, cần có những thay đổi về phương pháp dạy và học. Trước những nguyên nhân đã được xác định, cộng với hiện nay học trực tuyến đang trở thành xu thế toàn cầu, được các trường Đại học, Cao đẳng quan tâm. Việc đưa các môn học Lý luận chính trị vào giảng dạy trực tuyến cũng là một bước thay đổi về hình thức, phương pháp dạy và học.

Tuy nhiên, để dạy và học trực tuyến các môn Lý luận chính trị tại trường hiện nay tôi nhận thấy có những yếu tố ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả DHTT sau:

Những học phần Lý luận chính trị đang thực hiện giảng dạy trong trường là môn học đại cương và bắt buộc. Chủ yếu nghiên cứu các nội dung về Chủ nghĩa Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh và Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam. Do ảnh hưởng bởi đại dịch COVID – 19 năm học vừa qua chúng tôi thực hiện DHTT với tổng số 68 lớp với hơn 3000 sinh viên học các môn Lý luận chính trị. Hình thức thi chuyển đổi từ thi vấn đáp sang thi viết bài tập lớn qua tổ chức giảng dạy và học trực tuyến kết quả sinh viên đạt yêu cầu không cao, giảm so với hình thức dạy và học truyền thống. Chúng ta cần hiểu rõ, việc dạy học trực tiếp (offline) truyền thống và dạy học trực tuyến (online) không trực tiếp là hai phương thức dạy học hoàn toàn khác nhau. Không thể chuyển đổi một cách cơ học, theo cách hiểu đơn giản giữa hai phương thức dạy học này cho nhau. Điều đó có nghĩa, cần xây dựng hai chương trình dạy học học trực tiếp và dạy học trực tuyến khác nhau cho các hệ đào tạo trong cùng một đơn vị nhà trường. Tuy nhiên, trên thực tế, việc tổ chức dạy học trực tuyến được coi là giải pháp tình thế hay giải pháp lâu dài có tính chiến lược ở mỗi quốc gia và mỗi một nhà trường có những cách làm khác nhau.

Mục tiêu DHTT là hạ thấp đích đến cho người học tới mức tối thiểu, chỉ cần sinh viên đạt được những yêu cầu cơ bản, cần thiết nhất của môn học hoặc hoạt động giáo dục. Từ đó sẽ giảm áp lực đáng kể cho cả giảng viên và sinh viên khi phải học tập trong môi trường phi truyền thống, nhất là dịch giả rình dập, rất nguy hiểm, khó lường trên phạm vi cả nước và cả thế giới

Điều này đồng nghĩa với hiệu quả DHTT thấp hơn so với dạy học truyền thống. Sự giảm sút về hiệu quả trên bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân, trong đó các yếu tố chủ quan của người học như: Trình độ nhận thức của người học chưa xác định được tầm quan trọng của việc học các môn Lý luận chính trị có ý nghĩa về mặt lý luận và thực tiễn trong cuộc sống; Thái độ còn thờ ơ với môn học, chủ yếu học đối phó để qua môn. Người dạy bộc lộ qua trình độ chuyên môn, năng lực sư phạm, thái độ tổ chức và điều hành lớp học; điều kiện cơ sở vật chất như tài liệu, công cụ và phương tiện học tập. một yếu tố khách quan nhưng ảnh hưởng đến chất lượng DHTT đó là chất lượng đường truyền internet của cả thầy cô và sinh viên. Đối với DHTT “*phương tiện học tập, đường truyền internet*” là yếu tố quyết định việc tổ chức dạy và học trực tuyến thành công. Khác với hình thức dạy và



học truyền thống, học trực tuyến đòi hỏi người dạy và người học phải chuẩn bị phương tiện như máy tính, máy tính bảng, điện thoại thông minh. Bên cạnh đó, phải chuẩn bị đường truyền internet đáp ứng được nhu cầu dạy và học. Trước yêu cầu đó lại đặt ra vấn đề: Để DHTT rất cần nhận được sự hỗ trợ của đội ngũ kỹ thuật. Đây là yếu tố ảnh hưởng không nhỏ, đội ngũ hỗ trợ sẽ can thiệp khi người dạy và người học gặp những sự cố về kỹ thuật, sự hỗ trợ sẽ khắc phục được những khó khăn trong các thao tác khi sử dụng các phần mềm công nghệ.

## ***2.2. Một số giải pháp nâng cao hiệu quả học trực tuyến đối với các môn lý luận chính trị tại Trường CDSPTU***

Ngày 12/9, trong bài phát biểu Phát động chương trình “Sóng và máy tính cho em”, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính nhấn mạnh, việc chuyển sang trạng thái học trực tuyến là việc không thể tránh khỏi, vừa là giải pháp tạm thời, vừa là một phần của công việc chuyển đổi số để phát triển nền giáo dục hiện đại cho hiện tại và tương lai.

Mặc dù dạy và học trực tuyến là một giải pháp tình thế trong những đợt bùng phát dịch Covid-19 tại Trường CDSPTU. Nhưng DHTT đang được triển khai nghiêm túc và đạt kết quả tốt. Vì thế, để dạy và học trực tuyến các môn Lý luận chính trị tại trường đạt hiệu quả tốt hơn trong thời gian tới khi đại dịch vẫn còn, theo chúng tôi cần có các giải pháp cụ thể như sau:

*Thứ nhất, đối với người học:* Để học trực tuyến các môn lý luận chính trị đạt hiệu quả tốt, sinh viên cần có thái độ tốt khi tham gia môn học. Bản thân mỗi sinh viên cần xác định rõ mục tiêu tham gia các môn học, thiết lập cho mình thói quen tập trung, tham gia bài học đúng giờ, tăng cường trao đổi với giảng viên và bạn cùng lớp học những vấn đề giảng viên đặt ra. Yếu tố này đóng vai trò quan trọng hàng đầu ảnh hưởng đến hiệu quả của quá trình học tập và rèn luyện. Người học phải nhận thức được vai trò của các môn lý Luận chính trị giúp phát triển con người toàn diện, có lập trường tư tưởng kiên định, bản lĩnh chính trị vững vàng.

Bên cạnh đó, phương tiện học tập ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả của quá trình học trực tuyến. Công cụ mà sinh viên của trường sử dụng chủ yếu để học trực tuyến là điện thoại thông minh. Sự thuận tiện của điện thoại thông minh là điều đáng ghi nhận, song trong học trực tuyến sinh viên sử dụng điện thoại thông minh sẽ bị ảnh hưởng rất lớn về tính năng không đầy đủ của nó, thao tác chậm so với thiết bị khác. Để học trực tuyến hiệu quả người học nên sử dụng

phương tiện học tập như laptop, máy tính bàn kết nối internet hoặc wifi ổn định và thao tác dễ dàng hơn. Người học chủ động trao đổi kỹ năng về sử dụng công nghệ thông tin, trang thiết bị học trực tuyến, đặc biệt đối với người học là sinh viên năm thứ nhất. Cần chuẩn bị đầy đủ các loại tài liệu học tập trong quá trình học, đối với các môn lý luận chính trị tài liệu người học cần chú ý đến nguồn cung cấp, tránh tình trạng người học lấy tài liệu chưa được kiểm chứng trên không gian mạng.

*Thứ hai, đối với người dạy các môn lý luận chính trị:* Giảng viên giảng dạy các môn lý luận chính trị cần chủ động tiếp cận, làm chủ những về kỹ năng giảng dạy trực tuyến thông qua các lớp tập huấn, hội nghị, hội thảo chuyên ngành; luôn đổi mới phương pháp giảng dạy trực tuyến bằng cách phối hợp linh hoạt các phương pháp truyền thống và hiện đại. Cần xác định các phương pháp thích hợp với từng môn học để có truyền đạt kiến thức đến với người học một cách tốt nhất. Mỗi giảng viên nên xây dựng các bài giảng phù hợp với dạy trực tuyến với hình thức sinh động, nội dung kiến thức vừa phải, lồng ghép các tài liệu để tránh sự nhàm chán. Tăng cường việc trao đổi, thảo luận trực tiếp cần được gia tăng để đảm bảo rằng sinh viên nắm chắc kiến thức và tập trung học tập. Giảng viên phải luôn đánh giá kết quả của người học một cách công bằng, đây là vấn đề sinh viên thường xuyên quan tâm. Sự đánh giá công bằng tạo làm thay đổi thái độ, sự hứng thú và mức độ sẵn sàng của người học. Giảng viên nên theo sát hỗ trợ sinh viên qua các kênh như email, tin nhắn hay các cuộc gọi. Giảng viên cần đảm bảo rằng các sinh viên đang theo sát nội dung và không gặp phải vấn đề gì trong việc tiếp nhận kiến thức khi tham gia môn học do mình phụ trách. Bên cạnh đó, mỗi giảng viên cần cung cấp cho người học các loại tài liệu cần thiết phục vụ trong quá trình giảng dạy. Các môn học lý luận chính trị là những môn học đại cương đề cập đến nhân sinh quan, đề cập đến vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa và tư tưởng. Do vậy, tài liệu phải đầy đủ và có nguồn gốc rõ ràng, luôn luôn cập nhật tình hình mới để tránh sự nhàm chán lặp đi lặp lại trong quá trình học tập. Ngoài hệ thống tài liệu, giáo trình theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, cần xây dựng hệ thống tài liệu tham khảo của của các học phần nhằm phục vụ tốt nhất cho người học.

*Thứ ba, đối với nhà trường:* DHTT sẽ làm thay đổi nội dung dạy học, kế hoạch đào tạo của từng ngành học. Trường CĐSPTU đóng vai trò rất quan trọng trong việc xây dựng “cơ sở hạ tầng” cho cả người học và người dạy đạt kết quả

tốt nhất. Do những diễn biến phức tạp của đại dịch Covid -19, nhiều giai đoạn sinh viên và giảng viên đều không thể đến trường để học tập và giảng dạy. Đặc biệt, từ học kỳ 2 năm học 2020 - 2021, các môn học Lý luận chính trị đều tổ chức hình thức thi kết thúc học phần từ vấn đáp sang làm bài tập lớn với ngân hàng đề mở. Do vậy, nhà trường cần chú trọng đầu tư xây dựng và hoàn thiện hệ thống hỗ trợ học tập như LMS, Microsoft Teams.... Hệ thống hỗ trợ học tập LMS là ứng dụng được dùng để lưu trữ và quản trị nội dung bài học đang được áp dụng triển khai song song trên phần mềm Zoom. LMS phục vụ cho nhu cầu cần theo dõi và đánh giá tiến độ học của nhà trường. Nhà trường cần xây dựng đội ngũ hỗ trợ kỹ thuật để hỗ trợ khi người dạy và người học có yêu cầu. Cần thông tin công khai đội ngũ hỗ trợ để người học dễ dàng liên hệ và hỗ trợ một cách chu đáo.

### **3. Kết luận**

Nâng cao hiệu quả học tập các môn Lý luận chính trị tại các trường đại học, cao đẳng nói chung và ở Trường CDSPTU nói riêng là một việc làm không đơn giản đối với hình thức giảng dạy truyền thống. Trong khi xu thế thế giới ứng dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy và học tập trở nên phổ biến, ngành Giáo dục và Đào tạo đang đối mặt với đại dịch COVID-19 thì việc tổ chức học trực tuyến đạt hiệu quả đối với các môn Lý luận chính trị trở thành khó khăn hơn. Để khắc phục những khó khăn đó trong giảng dạy và học tập trực tuyến chúng ta cần xác định các yếu tố chủ quan và khách quan ảnh hưởng đến hiệu quả học trực tuyến đối với các môn Lý luận chính trị từ đó có cách nhìn khách quan để khắc phục những hạn chế. Để làm được điều đó, đội ngũ giảng viên cần chuẩn bị các phương pháp giảng dạy kết hợp để tạo sự hứng thú đối với người học. Đối với người học cần có thái độ và mức độ sẵn sàng khi học tập các môn Lý luận chính trị. Mặt khác, đối với nhà trường cần chú ý đến đầu tư trang thiết bị, phương tiện, hệ thống hỗ trợ và đội ngũ hỗ trợ kỹ thuật phục vụ cho công tác dạy và học trở nên thuận tiện, đạt hiệu quả cao.

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. <https://eduz.com.vn/talk-show-day-hoc-truc-tuyen/>
2. <https://thietbihop.com/giai-phap-day-hoc-truc-tuyen-an-toan-hieu-qua-thoi-covid/>
3. <https://thanglong.chinhphu.vn/de-xuat-mot-so-giai-phap-nang-cao-viec-day-va-hoc-truc-tuyen-hien-nay>

**VẬN DỤNG QUAN ĐIỂM LỊCH SỬ CỤ THỂ TRONG DẠY HỌC  
MÔN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH**  
(Nội dung: Quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh)

**TS. Phạm Thị Kim Lan**  
Khoa Giáo dục đại cương

**Tóm tắt:** Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam tiếp tục khẳng định: Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của toàn Đảng, toàn dân. Trong dạy học môn Tư tưởng Hồ Chí Minh, nguyên tắc lịch sử cụ thể có vai trò quan trọng để giảng viên làm rõ quá trình hình thành, phát triển của từng quan điểm Hồ Chí Minh về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam. Bài viết đề cập đến nội dung: Quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh (1890 - 1969).

**Từ khoá:** *Tư tưởng Hồ Chí Minh, hành động, quan điểm, phát triển.*

### **1. Đặt vấn đề**

Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII (1/2021) của Đảng Cộng sản Việt Nam đã khẳng định bài học kinh nghiệm thứ nhất của thời kỳ đổi mới là: “Kiên định, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh” [2, tr26]. Đảng khẳng định tư tưởng chỉ đạo là: “Toàn Đảng, toàn quân và toàn dân... kiên định và vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội... Đây là vấn đề mang tính nguyên tắc, có ý nghĩa sống còn đối với chế độ ta, là nền tảng vững chắc của Đảng ta, không cho phép ai được ngả nghiêng dao động” [2, tr33].

Nhằm tiếp tục thực hiện chủ trương của Đảng, giảng viên các môn Lý luận chính trị nói chung, môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh nói riêng cần thiết phải làm sáng tỏ những vấn đề lịch sử trong bối cảnh thời đại hiện nay, vừa thực hiện mục tiêu nhận thức của môn học, đáp ứng yêu cầu công cuộc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

Vì vậy, giảng viên khi dạy môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh cần quán triệt, vận dụng quan điểm lịch sử cụ thể để làm rõ quá trình hình thành, phát triển của từng sự kiện, từng quan điểm; trong bối cảnh hiện nay, định hướng sinh viên hiểu giá trị những quan điểm đó như thế nào?

## **2. Nội dung**

### **2.1. Sự cần thiết thực hiện quan điểm lịch sử cụ thể trong dạy học môn Tư tưởng Hồ Chí Minh**

- Khái niệm lịch sử: Từ điển Tiếng Việt định nghĩa: “1. Quá trình phát sinh, phát triển đã qua hay cho đến tiêu vong của một hiện tượng, một sự vật nào đó”; “2. Thuộc về lịch sử của các quốc gia, dân tộc; có tính chất, ý nghĩa quan trọng trong lịch sử” [3, tr566].

- Cụ thể: Được xác định riêng biệt và rõ ràng, không chung, không khái quát [3, tr220].

- Quan điểm lịch sử - cụ thể: Theo Lênin, trong nghiên cứu khoa học, chúng ta không được quên mối liên hệ lịch sử căn bản, nghĩa là phải xem xét hiện tượng nhất định đã xuất hiện trong lịch sử như thế nào, hiện tượng đó đã trải qua những giai đoạn phát triển chủ yếu nào và đứng trên quan điểm của sự phát triển đó để xem xét hiện nay nó đã trở thành như thế nào? [1, tr.18]. Điều đó có nghĩa là, muốn hiểu biết chính xác nhất các sự vật, hiện tượng, chúng ta phải xem xét nó trong thời điểm, địa điểm xuất hiện và quá trình phát triển theo thời gian của các sự vật, hiện tượng ấy.

Trong dạy học môn Tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm lịch sử cụ thể là một trong sáu nguyên tắc phương pháp luận mà giảng viên, sinh viên cần quán triệt. Từ khái niệm trên, những quan điểm của Hồ Chí Minh về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam được phân tích, đánh giá trong điều kiện lịch sử cụ thể của xã hội Việt Nam từ truyền thống đến thời điểm Người đưa ra quan điểm, thực hiện lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Những quan điểm đó của riêng cá nhân Hồ Chí Minh, được áp dụng thực hiện với cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam, từng bước xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc. Khoảng thời gian được xác định từ cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX đến năm 1969. Trong giai đoạn hiện nay, giá trị thời sự của tư tưởng Hồ Chí Minh thể hiện ở sự vận dụng của Đảng về đường lối, chủ trương xây dựng, phát triển đất nước.

Hiện nay, tồn tại hai phương thức tiếp cận hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh.

*Thứ nhất*, tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống tri thức tổng hợp, bao gồm: tư tưởng triết học, tư tưởng kinh tế, tư tưởng chính trị; tư tưởng quân sự; tư tưởng văn hóa, đạo đức và nhân văn.

*Thứ hai*, tư tưởng Hồ Chí Minh là hệ thống, các quan điểm về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, bao gồm: tư tưởng về vấn đề dân tộc và

cách mạng giải phóng dân tộc; về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội; về Đảng Cộng sản Việt Nam; về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; về dân chủ, Nhà nước của dân, do dân, vì dân; về văn hóa, đạo đức...

Đồng thời, khi đánh giá tư tưởng Hồ Chí Minh cũng có hai khuynh hướng:

*Thứ nhất:* Tuyệt đối hóa tư tưởng Hồ Chí Minh, coi Bác là “vị thánh” của dân tộc Việt Nam;

*Thứ hai:* Coi Hồ Chí Minh chỉ như người mang chủ nghĩa Mác - Lênin về Việt Nam, không có gì đặc sắc.

Căn cứ vào mục tiêu môn học, kết cấu giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh của Bộ Giáo dục và Đào tạo hiện nay, khẳng định rằng: dạy học môn Tư tưởng Hồ Chí Minh thực chất là dạy học hệ thống quan điểm Hồ Chí Minh về nhưng vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam. Mỗi quan điểm đều có hoàn cảnh ra đời riêng. Vì vậy, quan điểm lịch sử cụ thể giúp giảng viên phân tích đúng bản chất của các quan điểm ấy, từ đó mang đến cho sinh viên kiến thức, kỹ năng, thái độ đúng đắn, khoa học.

## **2.2. Chủ tịch Hồ Chí Minh - Những tên gọi đi cùng năm tháng**

Trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh sử dụng nhiều tên gọi, bút danh, bí danh khác nhau nhằm đảm bảo bí mật trong hoạt động cách mạng, mang ý nghĩa phục vụ lợi ích cách mạng, đồng thời phần nào cũng đã phản ánh nhân cách, tư tưởng lớn lao của Người về cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, vì độc lập, tự do, hạnh phúc cho nhân dân. Mỗi tên gọi Người sử dụng thể hiện mục đích cách mạng, giai đoạn cách mạng, từng địa phương Người lưu sống, hoạt động cách mạng, gắn liền với quá trình hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh, quá trình vận động cách mạng dân tộc. Khi giảng dạy tư tưởng Hồ Chí Minh, giảng viên không nên dùng một tên gọi Hồ Chí Minh cho toàn bộ chương trình làm mất đi tính thời điểm cụ thể cũng như ý nghĩa từng tên gọi; cũng không nên dùng danh tên Bác, Bác Hồ quá nhiều sẽ không làm nổi bật tính khoa học của bài giảng. Mỗi thời điểm lịch sử cụ thể nên gắn với từng tên gọi của Hồ Chí Minh, tạo sự phong phú trong kiến thức môn học, và đảm bảo tính khoa học, lịch sử cụ thể. Cụ thể với nội dung kiến thức Quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh như sau:

\* **Nội dung kiến thức:** Thời kỳ trước năm 1911: Có 3 tên giảng viên có thể sử dụng theo tiến trình thời gian:

+ Nguyễn Sinh Cung, tên khai sinh tại làng Hoàng Trù, xã Chung Cự,

tổng Lâm Thịnh, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, nay thuộc xã Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.

+ Nguyễn Tất Thành (1901). Tại kì thi Hội khoa Tân Sửu. Khoa ấy Cụ Nguyễn Sinh Sắc đậu Phó bảng, được vua Thành Thái tặng biểu “Ấn tứ ninh gia” (có nghĩa: ơn vua ban cho gia đình tốt) và cờ “Phó bảng phát khoa”. Lần đầu tiên làng Sen có người đỗ đạt, ông Nguyễn Sinh Sắc, cha Nguyễn Sinh Cung, chuyển về sống ở làng Kim Liên. Tháng 9-1901, cụ Nguyễn Sinh Sắc làm lễ vào làng cho hai người con trai. Đồng thời ông đã ghi tên Nguyễn Sinh Khiêm là Nguyễn Tất Đạt và tên Nguyễn Sinh Cung thành Nguyễn Tất Thành vào sổ làng. Trước cuộc sống lầm than, cơ cực của bản thân cũng như vận mệnh của nước nhà, ông Phó bảng muốn thay đổi tên gọi của con để hướng đến một tương lai tốt đẹp hơn. Tên Nguyễn Tất Thành đã gắn liền với thời niên thiếu của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong suốt gần 20 năm. Tất Thành với mong ước làm việc gì cũng thành công.

+ Văn Ba, 1911, ngày 5/6/1911 Nguyễn Tất Thành rời Việt Nam làm việc trên một chiếc Tàu Pháp. Trong sổ lương của tàu có tên Văn Ba. Theo nghĩa đen, Văn Ba là tên gọi giản dị của người Nam Bộ. Theo nghĩa bóng, Văn là văn hóa, còn Ba là làn sóng. Văn Ba nghĩa là làn sóng văn hóa. Bác không đến Nhật Bản và phương Đông như Phan Bội Châu và các bậc tiền bối để tìm đường cứu nước, mà Bác đến phương Tây, đến Pháp - sào huyệt của kẻ thù đang xâm lược nước ta. Chủ kiến này của Bác đã được hình thành từ rất sớm. Nên người ta gọi Văn Ba là một làn sóng văn hóa mới và quả nhiên làn sóng đó đã khởi đầu cho thành công của cách mạng Việt Nam.

**\* Nội dung kiến thức:** Thời kỳ tìm đường cứu nước (1911 - 1920)

Nguyễn Ái Quốc, 1919. Tên này có khi Nguyễn Tất Thành ở Pháp cùng sinh hoạt chung với nhóm người gồm các ông Phan Chu Trinh, Phan Văn Trường, Nguyễn Thế Truyền, Nguyễn An Ninh. Nguyễn Tất Thành là người đến gia nhập nhóm sau cùng. Năm 1919, Hội nghị Vecxai diễn ra, Người ký tên Nguyễn Ái Quốc, nghĩa là Nguyễn yêu nước, thay mặt Nhóm những người Việt Nam yêu nước ở Pháp gửi Bản yêu sách của nhân dân An Nam, đòi thực dân Pháp trao trả quyền độc lập, tự do cho dân tộc An Nam. Từ thời điểm này trở đi, tên Nguyễn Ái Quốc được biết đến với tư cách một người yêu nước, hoạt động vì độc lập, tự do của Tổ quốc. Đây cũng là một trong những tên gọi phổ biến của Hồ Chí Minh giảng viên có thể sử dụng khi dạy về những nội dung kiến thức tư tưởng Hồ Chí Minh trước năm 1945.

**\* Nội dung kiến thức:** Thời kỳ tư tưởng Hồ Chí Minh hình thành về cơ bản (1920-1930)

Lý Thụy: Là tên được Hồ Chí Minh sử dụng trong thời kỳ ở tại Quảng Châu, Trung Quốc. Đây là thời điểm Người hoạt động lý luận, thực tiễn vô cùng sôi nổi, thành lập Hội Việt Nam cách mạng thanh niên (tháng 6/1925), tổ chức tiền thân của Đảng; viết tác phẩm Đường cách mệnh (1927). Những hoạt động này đánh dấu thời kỳ tư tưởng Hồ Chí Minh về con đường cách mạng Việt Nam được hình thành cơ bản.

**\* Nội dung kiến thức:** Thời kỳ vượt qua thử thách (1930-1945)

**Tổng Văn Sơ,** 1931. Tổng Văn Sơ là tên ghi trong thẻ căn cước của Nguyễn Ái Quốc khi Người ta bị bắt ở số 186, phố Tam Lung, Hong Kong, ngày 6 tháng 6 năm 1931, là kết quả “*Một chiến dịch điên cuồng tìm diệt cộng sản được chúng (Pháp và Anh) phát động trên quy mô lớn khắp vùng Đông Nam Á.*”

Bác, 1941. Tên gọi “Bác” xuất hiện từ khi Hồ Chí Minh về nước sau 30 năm đi tìm đường cứu nước, chủ trì hội nghị Trung Ương lần thứ 8, tháng 5 năm 1941 ở Pắc Bó, Hà Quảng, Cao Bằng.

Hồ Chí Minh, 1942. Để đánh lạc hướng khi hoạt động tại Trung Quốc, Nguyễn Ái Quốc lấy tên mới là Hồ Chí Minh. Ngày 13 tháng 8 năm 1942, Hồ Chí Minh đi Trung Quốc. Ngày 27 tháng 8 năm 1942 tại Túc Vinh Hồ Chí Minh bị bắt. Khi kiểm soát giấy tờ thì thấy thẻ hội viên Hồ Chí Minh là “Hội Ký Giả Thanh Niên Trung Quốc.” Hồ Chí Minh bị phe Tưởng Giới Thạch nghi ngờ là gián điệp cộng sản và bị bắt giải đi giam qua 13 huyện thị của tỉnh Quảng Tây. Ngày 10 tháng 9 năm 1943 Hồ Chí Minh được thả.

**\* Nội dung kiến thức:** Thời kỳ tư tưởng Hồ Chí Minh được thực hiện thắng lợi ở Việt Nam (1945-1969)

Hồ Chí Minh: là tên Người tiếp tục sử dụng trên cương vị Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Thế giới và nhân dân Việt Nam gọi người là Chủ tịch Hồ Chí Minh. Tên Hồ Chí Minh gắn liền với thời cách mạng Việt Nam mới: Thời đại Hồ Chí Minh.

Bác Hồ, 1946. Trong nhiều bức thư ký tên “Bác Hồ” gửi cho các thanh thiếu niên, học sinh.”Bác Hồ” cũng được quần chúng sử dụng rộng rãi, trong sách báo, học đường, cách gọi phổ biến nhân dân nhắc đến Bác..

Trong tổng số 175 tên gọi, bút danh, bí danh mà Hồ Chí Minh sử dụng



trong cả cuộc đời thì trên đây là những tên gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh mà giảng viên môn Tư tưởng Hồ Chí Minh nên sử dụng trong quá trình dạy học nội dung kiến thức: Quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh.

### **3. Kết luận**

Có thể thấy để có thể hiện dâng cuộc đời cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, hạnh phúc, ấm no của nhân dân, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã sử dụng tên gọi như một vũ khí, công cụ đấu tranh cách mạng, vận động quần chúng nhân dân vô cùng hiệu quả. Giảng dạy tư tưởng Hồ Chí Minh cần thiết phải giới thiệu những tên gọi, bút danh, bí danh qua từng chặng đường hoạt động cách mạng, gắn lịch sử dân tộc. Làm được điều này, giảng viên sẽ không chỉ thực hiện quan điểm lịch sử cụ thể trong dạy học mà còn cung cấp cho người học toàn cảnh về tư tưởng Hồ Chí Minh, góp phần làm rõ mỗi quan điểm của Người theo lôgic: hoàn cảnh lịch sử - nội dung - ý nghĩa.

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Văn phòng Trung ương Đảng
3. Viện Ngôn ngữ học (2000), *Từ điển Tiếng Việt*, NXB Đà Nẵng
4. <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/>
5. <https://www.tapchicongsan.org.vn/>

# **MỘT VÀI VẤN ĐỀ LÝ THUYẾT CẦN THỐNG NHẤT TRONG HỌC PHẦN TIẾNG VIỆT THỰC HÀNH TẠI TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM TRUNG ƯƠNG**

**TS. Lê Thị Kim Cúc**

Khoa Giáo dục mầm non

**Tóm tắt:** Trong quá trình dạy học Tiếng Việt thực hành ở Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương, về cơ bản, chúng tôi thống nhất các nội dung giảng dạy học phần. Tuy nhiên, vẫn còn một vài thuật ngữ, khái niệm và nội dung kiến thức trong giáo trình khiến chúng tôi băn khoăn do chưa có cách hiểu thống nhất, chưa có sự phân biệt bản chất giữa các khái niệm gần nhau. Chẳng hạn, các cặp/nhóm khái niệm: “loại văn bản - phong cách chức năng”, “cấu trúc đoạn văn - kiểu lập luận - cấu trúc lập luận” hoặc nội dung “yêu cầu về nghĩa của câu trong văn bản”. Điều này có ảnh hưởng phần nào đến chất lượng dạy học học phần. Bài viết đi tìm lời giải đáp cho những thuật ngữ, khái niệm, nội dung chưa được thống nhất đó.

**Từ khóa:** *Khái niệm, thống nhất, Tiếng Việt thực hành*

## **1. Đặt vấn đề**

Học phần “Tiếng Việt thực hành” có nhiệm vụ giúp người học hệ thống hóa những kiến thức Tiếng Việt cơ bản, giúp người học nắm chính xác các thuật ngữ, khái niệm ngôn ngữ, các kiến thức cơ bản về Tiếng Việt. Trong thực tế dạy học học phần, với tư cách người dạy, chúng tôi nhận thấy, người học chưa hiểu chính xác bản chất của một vài khái niệm, còn hay nhầm lẫn chúng khi thực hành Tiếng Việt. Đây cũng là một trong những nguyên nhân dẫn đến chất lượng dạy học học phần chưa đáp ứng mục tiêu đã được xác định trong đề cương chi tiết học phần; người học còn mắc nhiều lỗi về chính tả, dùng từ, đặt câu; tiếp nhận và tạo lập đoạn văn, văn bản chưa đúng, chưa hay; chất lượng giao tiếp Tiếng Việt chưa cao... Bài viết mong muốn tìm một tiếng nói thống nhất giữa những người dạy và người học về một vài thuật ngữ, khái niệm thuộc nội dung học phần, nhằm nâng cao chất lượng dạy học; chất lượng sử dụng Tiếng Việt của người học trong học tập, giao tiếp và cuộc sống.

## 2. Nội dung

### 2.1. Các thuật ngữ, khái niệm cần phân biệt

#### 2.1.1. “Loại văn bản” - “phong cách chức năng”

Trong giáo trình có viết: “...mỗi văn bản cũng có sự lựa chọn và tổ chức các phương tiện ngôn ngữ nhất định (các phương tiện từ ngữ, câu, bố cục, chữ viết...)[9,28].

Tất cả các văn bản có những đặc điểm giống nhau về các phương tiện trên đây hợp thành một loại, một kiểu, hay một phong cách văn bản”. Đồng thời, giáo trình kể tên 6 loại văn bản: văn bản khoa học, văn bản hành chính, văn bản nghị luận, văn bản báo, văn bản nghệ thuật và văn bản sinh hoạt”.

Như vậy, giáo trình coi 6 loại văn bản trên cùng một loại, một kiểu hay một phong cách văn bản.

Vậy văn bản nghị luận được dùng ở đây có phải là phong cách nghị luận không? Chúng tôi đã rà soát cách hiểu khái niệm này trong một số tài liệu khác.

Trong cuốn [7, 63], theo Đinh Trọng Lạc, phong cách học ngôn ngữ (có khi còn được gọi là phong cách kết cấu hoặc phong cách học chức năng) có nhiệm vụ khảo sát các phong cách chức năng ngôn ngữ và các phương tiện biểu cảm của ngôn ngữ. Ông cho rằng có 5 phong cách chức năng của hoạt động lời nói trong tiếng Việt. Đó là: Phong cách hành chính - công vụ; Phong cách khoa học; Phong cách báo chí - công luận; Phong cách chính luận; Phong cách sinh hoạt hằng ngày. Các phong cách chức năng này thuộc phong cách học ngôn ngữ (khoa học ngôn ngữ), còn phong cách nghệ thuật thuộc phong cách học ngôn ngữ nghệ thuật (khoa học ngữ văn).

Theo Cù Đình Tú [12, 31]: Khái niệm phong cách chức năng ngôn ngữ là một trong những vấn đề trung tâm và là một trong những phạm trù cơ bản nhất của phong cách học. Đôi khi nhờ văn cảnh cho phép và để giản tiện, người ta dùng thuật ngữ “phong cách ngôn ngữ” hoặc “phong cách” với ý nghĩa là “phong cách chức năng ngôn ngữ”. Phong cách chức năng ngôn ngữ là dạng tồn tại của ngôn ngữ dân tộc biểu thị quy luật lựa chọn, sử dụng các phương tiện biểu hiện tùy thuộc vào tổng hợp các nhân tố giao tiếp ngoài ngôn ngữ như hoàn cảnh giao tiếp, đề tài và mục đích giao tiếp, đối tượng tham dự giao tiếp. Ông phân loại phong cách chức năng ngôn ngữ dựa vào nhiệm vụ giao tiếp (chức năng giao tiếp) gồm: Phong cách ngôn ngữ sinh hoạt hằng ngày (chức năng trao đổi tư tưởng, tình cảm); phong cách công vụ hằng ngày, phong cách hành chính

giấy tờ, phong cách khoa học (chức năng thông báo); phong cách chính luận, phong cách nghệ thuật, văn chương (chức năng tác động tư tưởng, tình cảm). Ông không nhắc đến phong cách báo.

Trong cuốn [9,149], phần 5: Phong cách học Tiếng Việt, Lê Thị Bắc Lý đã trình bày 6 phong cách chức năng: phong cách hành chính - công vụ; phong cách khoa học, phong cách chính luận, phong cách thông tin báo chí (phong cách báo), phong cách sinh hoạt, phong cách nghệ thuật. Mỗi loại phong cách chức năng được trình bày từ khái niệm, chức năng đến đặc điểm ngôn ngữ.

Theo Nguyễn Xuân Khoa [5, 84], phong cách chức năng gồm: phong cách khẩu ngữ (kiểu hội thoại) và các phong cách khoa học, hành chính, chính luận, nghệ thuật. Không có phong cách báo.

Như vậy, các tác giả trên không đưa loại phong cách nghị luận vào nhóm các văn bản này mà thay bằng phong cách chính luận. Ngay cả các tác giả không nhắc đến phong cách chính luận thì cũng không nhắc đến phong cách nghị luận. Chẳng hạn, Hữu Đạt [2], có 3 loại phong cách chức năng chính: phong cách hội thoại, phong cách hành chính, phong cách khoa học. Ngoài ra, trong ví dụ đưa ra phân tích, ông đã nhắc đến phong cách văn học nghệ thuật. Đồng thời ông đưa ra khái niệm: “Cùng một sự kiện, một hiện tượng người ta có thể có nhiều cách thông báo khác nhau. Mỗi một cách như vậy có đặc điểm riêng thuộc phong cách của mình. Ta gọi đó là phong cách chức năng.” [2, 176]

Diệp Quang Ban[1,86]: Ở bậc phong cách học hoạt động lời nói, hoạt động lời nói được xem xét trong các khu vực ít nhiều có tính chất chuyên môn trong đời sống xã hội, và nhờ đó mà định được các phong cách chức năng. Năm phong cách chức năng được xác lập là: chính thức - công vụ; khoa học; công luận; hội thoại văn học; hội thoại đời thường. Trong mỗi phong cách lại có các kiểu loại văn bản. Kiểu loại văn bản nghệ thuật nằm trong phong cách công luận.

Như vậy, từ những phân tích trên, chúng tôi đưa ra kết luận:

+ Có 6 phong cách chức năng ngôn ngữ: phong cách hành chính - công vụ, phong cách khoa học, phong cách chính luận, phong cách nghệ thuật, phong cách báo, phong cách sinh hoạt. Trong sách giáo khoa Ngữ Văn 12, [14], cũng đưa ra 6 phong cách chức năng ngôn ngữ này.

+ Nghị luận là phương thức biểu đạt chứ không phải là phong cách chức năng. Văn bản nghị luận về vấn đề văn học thuộc phong cách nghệ thuật; còn văn bản nghị luận chính trị - xã hội thì thuộc phong cách chính luận. Trong

[11,15], bài học “Giao tiếp, văn bản và phương thức biểu đạt” đã nêu 6 kiểu văn bản (phương thức biểu đạt): tự sự, miêu tả, biểu cảm, thuyết minh, nghị luận, hành chính-công vụ. Vấn đề này sẽ bàn thêm ở bài viết khác.

### **1.2. “Cấu trúc đoạn văn” - “kiểu lập luận” (phương pháp lập luận, cách lập luận) - “cấu trúc lập luận”**

Về khái niệm cấu trúc đoạn văn, tác giả Diệp Quang Ban [1,216]: “Cấu trúc đoạn văn là quan hệ hình thức giữa các yếu tố (cụ thể ở đây là các câu trong đoạn văn) có quan hệ với nhau; nó chỉ có nhiệm vụ giải thích nội dung các mối quan hệ mà không giải thích nội dung nghĩa của đoạn văn. Và việc giải thích nội dung quan hệ này cũng không lấy mất nghĩa của các mệnh đề (của các câu) làm mục đích, mà cũng chỉ dùng nó như phương tiện”.

Khi phân loại cấu trúc đoạn văn, một vài tác giả chỉ nhận xét: “Đoạn văn hai phần (gồm câu chủ đề và các câu triển khai, trong đó bao gồm cả đoạn văn không có câu chủ đề) - cấu trúc mở và đoạn văn ba phần (cấu trúc đóng)” [10]. Hoặc: “Cấu trúc đoạn văn thông thường gồm câu chủ đề, câu triển khai và câu kết luận” [4,65]. Giáo trình [11], khi nói đến ý chính của đoạn văn được thể hiện trong đoạn văn có câu chủ đề đã xác định vị trí của câu chủ đề trong các loại đoạn văn (câu chủ đề ở đầu đoạn, cuối đoạn, cả đầu và cuối đoạn).

Còn lại, đa phần các tác giả khác đã phân loại và gọi tên các loại cấu trúc đoạn văn.

Theo tác giả Diệp Quang Ban [1, 216], có các loại cấu trúc đoạn văn sau: cấu trúc ngữ âm; cấu trúc cú pháp; liệt kê; diễn dịch và quy nạp; cấu trúc đề - thuyết. Lã Thị Bắc Lý [9, 136] và Nguyễn Xuân Khoa [5, 26], cấu trúc của đoạn văn gồm: Ngoài cấu trúc tối giản (đoạn văn chỉ có 1 câu), có các loại cấu trúc: tổng - phân - hợp; diễn dịch; quy nạp; móc xích; song song; phối hợp. Trong [5, trang 101], Nguyễn Quang Ninh tuy không gọi tên cấu trúc đoạn văn nhưng khi đề cập đến vị trí của câu chủ đề trong đoạn văn, giáo trình cũng đã gọi tên đoạn văn có cấu trúc quy nạp, diễn dịch hay tổng phân hợp.

Như vậy, cấu trúc đoạn văn gồm nhiều dạng nhưng có 3 dạng được nêu tên gọi hoặc có nội hàm là diễn dịch, quy nạp, tổng phân hợp. Ba tên gọi này trùng với ba tên gọi của các kiểu/cách/phương pháp lập luận của đoạn văn.

Giáo trình của tác giả trong [4,18], [9,131] đã nêu 6 kiểu lập luận: diễn dịch, quy nạp, tổng phân hợp, nêu phản đề, so sánh, nhân quả. Nguyễn Chí Hòa [3,208], các phương pháp lập luận gồm: quy nạp, diễn dịch, phối hợp diễn dịch

với quy nạp. Theo Nguyễn Quang Ninh [10,119], khi hướng dẫn luyện viết đoạn văn theo mối quan hệ ý nghĩa, giáo trình đã nhắc đến những mối quan hệ sau: quan hệ liệt kê; quan hệ tương phản; quan hệ nhân quả; quan hệ suy luận; quan hệ hỗn hợp.

Có phải vì điều trên mà khái niệm “cấu trúc lập luận” cũng được sử dụng? Theo chúng tôi, “cấu trúc” là khái niệm thuộc về hình thức, còn “lập luận” là khái niệm thuộc về nội dung, ý nghĩa của đoạn văn (văn bản). Vì vậy không nên ghép hai khái niệm này thành một. Bởi những đoạn văn có câu chủ đề (trong cấu trúc diễn dịch, quy nạp, tổng phân hợp) thì mới có lập luận diễn dịch, quy nạp, tổng phân hợp. Còn những đoạn văn không có câu chủ đề (ví dụ: song hành hoặc móc xích) hoặc đoạn văn hỗn hợp về cấu trúc thì lại có những kiểu lập luận khác.

Ví dụ 1: Đoạn văn có cấu trúc song hành; lập luận so sánh tương phản

“Nhưng nếu Kiều là một người yếu đuối thì Từ là một kẻ hùng mạnh. Kiều là người tử nhục thì Từ là kẻ vinh quang. Ở trong cuộc sống, mỗi bước chân Kiều đều vấp phải một bất trắc thì trên quang đường ngang dọc, Từ không hề gặp khó khăn. Suốt đời, Kiều sống chịu đựng, Từ sống bất bình. Kiều quan tiếng khóc, từ quen tiếng cười. Kiều đội trên đầu nào trung, nào hiếu thì trên đầu Từ chỉ là một khoảng trống không “nào biết trên đầu có ai”. Nếu Kiều lê lét trên mặt đất liền đầy những éo le, trói buộc thì Từ vùng vẫy trên cao phóng túng, tự do. Kiều là hiện thân của mỗi mặc cảm tự ti, con Từ nguyên hình của mỗi mặc cảm tự tôn.” (Theo Vũ Hạnh)

Ví dụ 2: Đoạn văn có cấu trúc móc xích; lập luận nhân quả

“Mùa thu năm 1940, phát xít Nhật đến xâm lăng Đông Dương để mở thêm căn cứ đánh đồng minh thì bọn thực dân Pháp quỳ gối đầu hàng, mở cửa nước ta rước Nhật. Từ đó dân ta chịu hai tầng xiềng xích: Pháp và Nhật. Từ đó dân ta sống cực khổ, nghèo nàn. Kết quả là cuối năm ngoái sang đầu năm nay, từ Quảng Trị tới Bắc Kì, hơn hai triệu đồng bào ta bị chết đói.” (Hồ Chí Minh)

## **2. Nội dung lý thuyết cần làm rõ**

Chúng tôi nhận thấy sự không ăn nhập giữa tiêu đề và ví dụ minh họa trong nội dung “yêu cầu về nghĩa của câu” trong văn bản.

Trong [152,11], mục 2 có ghi: “Câu phải có quan hệ ngữ nghĩa phù hợp với tư duy người Việt.”. Trong phần diễn giải, các tác giả đã viết: “Trong quá trình đặt câu, người viết ngoài việc phải chú ý đến yêu cầu viết đúng ngữ pháp tiếng Việt còn phải chú ý đến quan hệ ngữ nghĩa giữa các từ ngữ trong câu”. Các ví

dụ mà nhóm tác giả đưa ra đều liên quan đến logic ngữ nghĩa giữa các từ trong câu, giữa các vế trong câu.

Chẳng hạn:

*Cái bàn tròn này vuông.*

*Vì trời mưa nên đường khô ráo.*

*Anh ấy bị hai vết thương: một vết thương ở đùi trái và một vết thương ở*  
*Quảng Trị...*

Thiết nghĩ, đây là yêu cầu bắt buộc trong việc đặt câu, dù ở ngôn ngữ nào, tư duy của bất kì dân tộc nào, chứ không chỉ là yêu cầu đối với tư duy người Việt. Vì vậy, hoặc là tên mục nên bỏ cụm từ “với tư duy người Việt”, hoặc nếu để đề mục như vậy thì ví dụ cần sáng tỏ được điều này.

Chúng tôi mạo muội đưa ra ví dụ cho mục này như sau: Nếu viết câu “*Hoa cúc là loài hoa biểu tượng của lòng chung thủy.*” thì với tư duy người Việt, ngữ nghĩa của câu này chưa thuyết phục người Việt bởi hoa cúc là loài hoa biểu tượng của tâm linh (thường dùng thờ cúng) hoặc thể hiện tình mẫu tử (truyện dân gian “Bông hoa cúc trắng”). Nhưng nếu câu trên được sửa là: “*Với người Pháp, hoa cúc là loài hoa biểu tượng của lòng chung thủy.*” thì hoàn toàn thuyết phục về ý nghĩa.

### **3. Kết luận**

Việc nắm vững kiến thức lý thuyết Tiếng Việt giúp người học thực hành tiếng Việt đúng và hay. Giáo trình và các tài liệu tham khảo Tiếng Việt nói chung và Tiếng Việt thực hành nói riêng tuy không phải là phương tiện duy nhất nhưng là cẩm nang cần thiết để cả người dạy và người học lựa chọn sử dụng trong quá trình lĩnh hội lý thuyết và thực hành các kỹ năng sử dụng Tiếng Việt một cách có định hướng theo triết giáo dục của mỗi nhà trường. Việc phát hiện những điểm chưa thống nhất trong giáo trình và các tài liệu tham khảo giúp cả người dạy và người học nâng cao tính chủ động trong việc tiếp thu kiến thức cũng như khả năng phản biện khoa học trong quá trình dạy - học, góp phần nâng cao chất lượng dạy học học phần “Tiếng Việt thực hành” trong trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương hiện nay.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Diệp Quang Ban (2010) - *Văn bản và liên kết trong tiếng Việt* - NXB Giáo dục Việt Nam
2. Hữu Đạt (1997) - *Tiếng Việt thực hành* - NXB Giáo dục
3. Nguyễn Chí Hòa (2008) - *Các phương tiện liên kết và tổ chức văn bản* – NXB Đại học Quốc gia
4. Học viện hành chính (2009) - *Giáo trình tiếng Việt thực hành* - NXB Khoa học và Kỹ thuật
5. Nguyễn Xuân Khoa (2009) - *Tiếng Việt tập I, giáo trình đào tạo giáo viên mầm non* – NXB Đại học Sư phạm Hà Nội
6. Nguyễn Xuân Khoa (2009) - *Tiếng Việt tập II, giáo trình đào tạo giáo viên mầm non* - NXB Đại học Sư phạm Hà Nội
7. Đinh Trọng Lạc (2012) - *Phong cách học tiếng Việt* - NXB Giáo dục Việt Nam
8. Hoàng Thị Lan (chủ biên) (2017) - *Rèn luyện kỹ năng thực hành tiếng Việt* - NXB Giáo dục Việt Nam
9. Lê Thị Bắc Lý, Phan Thị Hồng Xuân, Nguyễn Thị Thu Nga (2015) - *Giáo trình Tiếng Việt và Tiếng Việt thực hành* - NXB Đại học Sư phạm Hà Nội
10. Nguyễn Quang Ninh (2001) - *Giáo trình Tiếng Việt thực hành A* - NXB Giáo dục
11. Bùi Minh Toán, Lê A, Đỗ Việt Hùng (2012) - *Tiếng Việt thực hành* - NXB Giáo dục Việt Nam
12. Cù Đình Tú (1983) - *Phong cách học và đặc điểm tu từ tiếng Việt* - NXB Giáo dục
13. *Sách giáo khoa Ngữ Văn 6* - NXB Giáo dục
14. *Sách giáo khoa Ngữ Văn 12* - NXB Giáo dục



# **NHẬN DIỆN NHỮNG THUẬN LỢI VÀ KHÓ KHĂN TRONG ĐỔI MỚI PHƯƠNG THỨC DẠY HỌC THÍCH ỨNG VỚI BỐI CẢNH DỊCH COVID - 19**

**TS. Đỗ Thị Thanh Loan**

Khoa Giáo dục đại cương

**Tóm tắt:** Bài viết làm rõ sự cần thiết phải đổi mới phương thức dạy học, đồng thời nhận diện những thuận lợi, khó khăn trong dạy và học online; từ đó đề xuất các giải pháp cơ bản cần thực hiện trong đổi mới phương thức dạy học thích ứng với bối cảnh dịch bệnh Covid - 19 hiện nay.

**Từ khóa:** *Thuận lợi, khó khăn, đổi mới, phương thức dạy và học, thích ứng.*

## **1. Đặt vấn đề**

Đại dịch Covid -19 đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến mọi mặt của đời sống kinh tế - xã hội trên toàn cầu, trong đó có lĩnh vực giáo dục. Thời gian qua, ngành giáo dục đã và đang phải đối mặt với những hệ quả nghiêm trọng do đại dịch để lại. Học tập vốn là một quá trình để người học được liên tục tích lũy kiến thức, song liên tục trải qua những "làn sóng" của đại dịch, việc dạy và học của tất cả các cấp nói chung liên tục bị gián đoạn. Mặc dù, ngành giáo dục đã có nhiều điều chỉnh, song chất lượng giáo dục cũng chịu những ảnh hưởng nhất định bởi diễn biến phức tạp của đại dịch. Bên cạnh đó, một hệ quả không dễ nhìn thấy của dịch bệnh nhưng lại có thể gây nên những tác động lâu dài là việc tâm lý của đội ngũ giảng viên và sinh viên, đặc biệt sinh viên thiếu đi sự giao tiếp với xã hội, ảnh hưởng đến tâm sinh lý, cảm xúc xã hội...

Trường CDSPTU cũng không nằm ngoài những tác động kể trên, việc đổi mới phương thức dạy và học trong bối cảnh đại dịch Covid - 19 là một tất yếu. Nhà trường vừa thực hiện phòng, chống dịch vừa tiến hành điều chỉnh hình thức và chương trình dạy học, thi kết thúc học phần, tốt nghiệp, tuyển sinh, điều chỉnh nội dung dạy học... Những điều chỉnh này chưa có trong tiền lệ, rất đặc biệt trong bối cảnh đặc biệt.

Trong khuôn khổ bài viết, một lần nữa cần nhận diện và phân tích rõ hơn những thuận lợi và khó khăn trong dạy và học online, từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả của việc dạy và học trực tuyến trong thời gian tới.

## **2. Nội dung**

### **2.1. Sự cần thiết phải đổi mới phương thức dạy và học thích ứng với bối cảnh đại dịch Covid - 19 của Trường CĐSPTU**

Cùng với hệ thống giáo dục trên cả nước, Trường CĐSPTU đã chủ động ứng phó và đang thích ứng với hoàn cảnh “đánh giặc Covid”. Nhà trường đã chỉ đạo dạy học trực tuyến, đổi mới phương thức dạy học, đổi mới phương thức quản lý, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học. Lý giải cho việc thực hiện này xuất phát từ những lý do sau:

*Thứ nhất*, dịch bệnh gây thảm họa cho con người, đồng thời là phép thử không những cho nền kinh tế mà cho tất cả các tổ chức, cá nhân... về sự bền bỉ, ý chí, lòng quyết tâm và sự thay đổi cho phù hợp với điều kiện mới. Trong đó, dạy và học thích ứng là vấn đề được quan tâm hàng đầu ngang hàng với: chống dịch - phát triển kinh tế và phát triển giáo dục - đào tạo. Đây là thời điểm Nhà trường tìm thấy cơ hội trong nguy cơ, cơ hội để thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, thời cơ để tiến hành đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đào tạo theo tinh thần Nghị quyết NQ29/TW, ngày 4/11/2013.

*Thứ hai*, trong bối cảnh giãn cách xã hội, cho thấy phương pháp học truyền thống: thầy - trò, trường - lớp trực tiếp tương tác đã không thể đáp ứng nhu cầu học tập an toàn trong mùa dịch... Do đó, Nhà trường, đã chủ động nhìn nhận lại công nghệ tổ chức, công nghệ dạy học, công nghệ vận hành của mình để định hình lại các công việc cho phù hợp với điều kiện mới.

*Thứ ba*, nhìn lại trong thời gian chống dịch: phương pháp học tập sinh viên, phương pháp giảng dạy của giảng viên và phương pháp điều hành trực tuyến, họp trực tuyến, hội thảo trực tuyến của Nhà trường... đã mang lại giá trị đích thực về nhiều mặt...

*Thứ tư*, trước tình hình mới, đòi hỏi đội ngũ cán bộ quản lý các phòng, ban chức năng và đội ngũ giảng viên của Nhà trường phải tìm tòi những công nghệ mới, phương pháp mới để những giờ học trực tuyến của mình thêm sinh động, lôi cuốn, thu hẹp khoảng cách về không gian giữa thầy và trò, để tiếp tục hoàn thành mục tiêu đảm bảo chất lượng dạy - học.

*Thứ năm*, để đáp ứng yêu cầu của hình thức học online có hiệu quả, người học cần khai thác một số chức năng của điện thoại thông minh, máy vi tính và máy tính bảng để tương tác được với giảng viên. Đây cũng là cách khai thác thời gian trong thực hiện giãn cách xã hội. Thay vì vào mạng, đi lang thang để tìm tin

“hot” người học sẽ học tập các chương trình phù hợp; người dạy cũng hoàn thành nhiệm vụ của mình, đảm bảo tiến độ đào tạo của Nhà trường.

*Thứ sáu*, đây là phương cách để “giữ lửa” các bậc giảng online, để việc dạy và học không bị “đứt gãy”; đồng thời là thời điểm đội ngũ cán bộ quản lý các phòng, ban chức năng và đội ngũ giảng viên phải đổi mới cách thức kiểm tra, đánh giá người học theo hướng chủ động và phù hợp.

*Thứ bảy*, Cách mạng công nghiệp 4.0 đang tác động mạnh mẽ đến tất cả các lĩnh vực của nền kinh tế - xã hội và mang tính khách quan. Sự tác động ấy như một dòng chảy liên tục. Vì vậy, dạy và học trực tuyến, điều hành trực tuyến, họp trực tuyến, hội thảo trực tuyến của Nhà trường... là bước đi tất yếu trong dòng chảy của đất nước.

## **2.2. Những thuận lợi và khó khăn trong đổi mới phương thức dạy học thích ứng với bối cảnh đại dịch Covid - 19 ở Trường CĐSPTU**

### **2.2.1. Về thuận lợi**

Dạy học online đang là phương thức dạy học được quan tâm nhất, trong tình thế bắt buộc khi không thể tiến hành dạy học trực tiếp trên giảng đường, lớp học. Là minh chứng cho sự cần thiết, cấp thiết đổi mới giáo dục và dạy học, minh chứng cho quy luật phát triển của giáo dục trong thời đại cách mạng công nghiệp 4.0. Điều này, đã nhận được sự đồng thuận cao trong xã hội và trong chính bản thân đội ngũ giảng viên.

Dạy học online là lúc giáo dục đang thừa hưởng thành quả của cách mạng công nghiệp hiện đại, Nhà trường đã và đang tận dụng được sự phát triển của công nghệ thông tin, internet và mạng xã hội; với sự kết nối giữa nhà giáo - sinh viên - tài liệu số, kết nối giữa nhà trường và xã hội.

Nhà trường đã sẵn sàng sử dụng và khuyến khích sử dụng CNTT, các mạng xã hội, truyền thông số, để áp dụng có hiệu quả trong quản trị nhà trường như facebook, zalo,... để dạy học, trao đổi, chia sẻ thông tin sẽ hiệu quả hơn, hoặc thực hiện họp, dạy học, trao đổi trực tuyến bằng các phần mềm, các ứng dụng sẽ tiết kiệm được nhiều thứ và khá hiệu quả trong tình hình này.

Dạy học trực tuyến, cho phép sinh viên tham gia các lớp học từ bất kỳ địa điểm nào họ chọn. Nó cũng cho phép Nhà trường tiếp cận với mạng lưới sinh viên rộng rãi hơn, thay vì bị giới hạn bởi ranh giới địa lý. Ngoài ra, các bài giảng trực tuyến có thể được ghi lại, lưu trữ và chia sẻ để tham khảo trong tương lai. Điều này cho phép sinh viên truy cập tài liệu học tập vào thời điểm họ thoải mái.

Do đó, học trực tuyến cung cấp cho sinh viên khả năng tiếp cận về thời gian và địa điểm trong giáo dục.

Dạy và học trực tuyến là giảm chi phí tài chính. Dạy học trực tuyến có chi phí hợp lý hơn nhiều so với học tập thể chất. Điều này là do học trực tuyến giúp loại bỏ các điểm chi phí cho tất cả các khóa học hoặc tài liệu học tập đều có sẵn trực tuyến, do đó tạo ra một môi trường học tập không cần giấy tờ với chi phí hợp lý hơn, đồng thời có lợi cho môi trường. Vì các lớp học trực tuyến có thể được thực hiện tại nhà hoặc địa điểm tùy chọn, nên có ít khả năng sinh viên bỏ lỡ các bài học hơn.

Học trực tuyến giúp sinh viên nắm bắt bài giảng tốt hơn, bởi giáo viên sẽ nói hoặc thu âm bài giảng qua mic và khi nghe giảng âm thanh sẽ rất rõ và dễ nghe. Điều này có lợi hơn nhiều cho việc nghe giảng của sinh viên bởi ở những giảng đường lớn và rộng, đôi khi giáo viên nói rất nhanh nhưng âm lượng lại không đủ lớn nên sinh viên chỉ nắm bắt được khoảng 60% nội dung bài giảng. Ở những tiết học trực tuyến, ngoài những cuộc gọi Zoom thì các giáo viên còn thường thu lại bài giảng và đăng tải lên trang mạng nội bộ của trường, do đó sinh viên có thể dễ dàng xem lại các bài giảng mọi lúc mọi nơi.

Hệ thống học tập trực tuyến, với nhiều tùy chọn và tài nguyên, có thể được cá nhân hóa theo nhiều cách. Đó là cách tốt nhất để tạo ra một môi trường học tập hoàn hảo phù hợp với nhu cầu của từng sinh viên.

### **2.2.2. Về khó khăn**

Một bộ phận cán bộ, giảng viên chưa chú trọng đến đổi mới phương thức dạy học trực tuyến. Đây đang là lực cản rất lớn đối với nhà trường, nhà giáo, sinh viên, ảnh hưởng đến hiệu quả quản trị nhà trường.

Một bộ phận sinh viên không có khả năng tập trung vào màn hình: Đối với nhiều sinh viên, thách thức lớn nhất của việc học trực tuyến là phải vật lộn với việc tập trung vào màn hình trong thời gian dài. Với việc học trực tuyến, sinh viên cũng có cơ hội dễ dàng bị phân tâm bởi mạng xã hội hoặc các trang web khác. Vì vậy, các giảng viên bắt buộc phải giữ cho lớp học online của mình rõ ràng, hấp dẫn và tương tác để giúp sinh viên tập trung vào bài học.

Về sử dụng công nghệ: Một thách thức vô cùng quan trọng của các lớp học trực tuyến là kết nối internet. Mặc dù sự thâm nhập của internet đã tăng trưởng nhảy vọt trong vài năm qua, nhưng ở các vùng nông thôn một kết nối nhất quán với tốc độ ổn định là một vấn đề. Nếu không có kết nối internet nhất

quán cho sinh viên hoặc giảng viên, sinh viên có thể thiếu tính liên tục trong học tập. Điều này gây bất lợi cho quá trình giáo dục.

Sinh viên có cảm giác cô lập: Sinh viên có thể học được rất nhiều điều từ thầy cô, bạn bè. Tuy nhiên, trong một lớp học trực tuyến, có rất ít tương tác vật lý giữa sinh viên, nhà trường bắt buộc phải cho phép các hình thức giao tiếp khác giữa sinh viên, đồng nghiệp và giảng viên. Điều này có thể bao gồm tin nhắn trực tuyến, email và hội nghị truyền hình sẽ cho phép tương tác trực tiếp và giảm cảm giác bị cô lập.

Về khả năng sử dụng công nghệ thông tin của giảng viên: Học trực tuyến đòi hỏi giảng viên phải có hiểu biết cơ bản về việc sử dụng các hình thức học tập kỹ thuật số. Tuy nhiên, đây không phải là trường hợp luôn luôn xảy ra. Thông thường, giảng viên có hiểu biết rất cơ bản về công nghệ. Đôi khi, họ thậm chí không có các nguồn lực và công cụ cần thiết để tiến hành các lớp học trực tuyến. Để chống lại điều này, điều quan trọng là các trường phải đầu tư vào việc đào tạo giáo viên với các bản cập nhật công nghệ mới nhất để họ có thể thực hiện các lớp học trực tuyến của mình một cách liền mạch.

Về quản lý thời gian sử dụng: Những mối nguy hại đối với sức khỏe khi sinh viên dành quá nhiều giờ để dán mắt vào màn hình. Sự gia tăng thời gian sử dụng thiết bị này là một trong những mối quan tâm và bất lợi lớn nhất của việc học trực tuyến.

Thiếu thiết bị, đường truyền yếu, phần mềm chưa phù hợp... là nguyên nhân trong số nhiều nguyên nhân đang kéo giảm chất lượng dạy - học trực tuyến.

### **2.3. Biện pháp cơ bản nhằm nâng cao hiệu quả, đổi mới phương thức dạy học online trong thời gian tới**

Đại dịch Covid - 19 xảy ra trong bối cảnh kỷ nguyên số đã dẫn tới những thay đổi trong cách thích ứng, vận hành, quản trị Nhà trường. Để ứng phó với đại dịch, Trường CDSPTU đã xây dựng những giải pháp phù hợp với bối cảnh thực tế cũng như với xu thế phát triển của thời đại chuyển đổi số.

*Thứ nhất, tiếp tục nâng cao nhận thức về dạy học trực tuyến trong hiện tại và tương lai.*

Hiện nay, một bộ phận cán bộ, giảng viên có tâm lý cho rằng việc dạy học trực tuyến chỉ là giải pháp tình thế, là hình thức bổ sung trong thời gian dịch bệnh diễn ra. Tuy nhiên, cần có góc nhìn cởi mở và thực tế hơn, bởi việc chuyển đổi số trong giáo dục đang được triển khai, điều này đang là xu thế phát triển

trong xã hội hiện đại. Dịch bệnh chỉ là bối cảnh để quá trình này buộc phải đẩy nhanh hơn nữa. Vì thế cần có sự định hướng đúng của ngành giáo dục trong thực hiện các chính sách để việc triển khai được thuận lợi hơn và những kết quả của quá trình dạy học trong bối cảnh mới được ghi nhận một cách chính xác và xứng đáng hơn.

*Thứ hai, đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục phải bảo đảm mọi điều kiện thuận lợi để sẵn sàng cho việc dạy học trực tuyến.*

Đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục cần tiếp tục nỗ lực trong tìm kiếm, khai thác nguồn lực công nghệ thông tin để thực hiện giảng dạy trực tuyến nhằm đảm bảo tiến độ, kế hoạch đào tạo nhưng vẫn đảm bảo an toàn phòng chống dịch bệnh. Nhà trường cần tiếp tục triển khai chuyển đổi số; tiếp cận và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong việc quản lý, quản trị, trong hoạt động dạy và học trực tuyến. Tiếp tục khuyến khích đội ngũ giảng viên chủ động đổi mới phương pháp dạy học theo hướng tích cực, hiện đại, đẩy mạnh chuyển đổi từ hình thức dạy học truyền thống sang giảng dạy thông qua nền tảng công nghệ số. Đồng thời, tạo động lực cho nhà giáo đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu, nâng cao trình độ chuyên môn và năng lực dạy học trực tuyến.

Nhà trường cần xây dựng hệ thống dữ liệu để áp dụng trong giảng dạy và đào tạo; linh hoạt sáng tạo trong việc sử dụng các phần mềm, ứng dụng hỗ trợ tích cực trong các hoạt động giáo dục như: ứng dụng Zoom, Microsoft Teams để tổ chức dạy học trực tuyến, sử dụng Google form, Padlet để giao bài tập và nhận phản hồi của sinh viên; các Bộ môn xây dựng kế hoạch, nội dung ôn tập, ngân hàng đề đăng tải trên hệ thống quản lý đào tạo của trường để sinh viên theo dõi nghiên cứu bài học, ôn tập.

Phương tiện dạy học là yếu tố quan trọng giúp giảng viên có điều kiện đổi mới phương pháp dạy học một cách tốt nhất để đạt yêu cầu mong muốn. Tăng cường hạ tầng, bảo đảm thiết bị phần cứng và phần mềm đáp ứng việc dạy học online trong thời kỳ dịch bệnh đặc biệt trong bước chuyển của chuyển đổi số. Yếu tố mấu chốt để việc chuyển đổi số trong giáo dục có thể diễn ra một cách rộng rãi và hiệu quả là có đầy đủ các phương tiện, công cụ dạy và học.

*Thứ ba, thiết kế bài giảng khoa học và sáng tạo.*

Giảng viên cần thiết kế bài giảng kết hợp với những kho tài nguyên, trang WEB liên quan đến bài giảng chuyên môn sẽ là một lợi thế để nâng cao chất

lượng bài giảng, phát huy khả năng tìm tòi, sáng tạo, đồng thời cũng gợi mở những vấn đề mới cho sinh viên mà bản thân trong giáo trình chưa đề cập đến.

Để đảm bảo chất lượng cho việc dạy trực tuyến, trước tiên, kho học liệu của giảng viên phải đủ, đa dạng và bám sát chương trình đào tạo. Khi kho học liệu phong phú, giảng viên sẽ dễ dàng hơn trong việc thiết kế bài giảng. Bản thân giảng viên cũng phải thay đổi cách tổ chức và phương pháp dạy thông qua việc giảm thời gian thuyết trình bài giảng, tăng việc tương tác, bổ sung thêm hình ảnh trực quan, clip, hỗ trợ sinh viên liên hệ thực tế và tóm tắt nội dung trọng tâm trong từng phần.

#### *Thứ tư, sử dụng công nghệ thông tin thành thạo.*

Ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại vào việc dạy học dần trở thành một yêu cầu thiết yếu cần có ở mỗi giảng viên, đặc biệt là với hình thức học trực tuyến thì thành thạo công nghệ thông tin chính là mấu chốt để quá trình dạy học được hoàn thiện.

Cốt lõi mục đích của việc dạy học online hay truyền thống thực chất là giúp sinh viên khởi tạo, cập nhật và củng cố kiến thức về một lĩnh vực hay chuyên ngành, chủ đề nào đó. Nhưng điểm khác biệt rõ ràng nhất nằm ở loại hình dạy học trực tuyến này là công cụ sử dụng và môi trường giảng dạy - học tập được diễn ra, thông qua thiết bị điện tử có kết nối internet để tạo ra sự tương tác giữa giảng viên - sinh viên.

Việc dạy học trực tuyến đòi hỏi giảng viên phải biết sử dụng tương đối thành thạo công nghệ thông tin như việc cài đặt các phần mềm hỗ trợ dạy học trực tuyến và sử dụng phần mềm sao để sự tương tác với sinh viên được diễn ra một cách tự nhiên nhất, giúp việc học dù cho chỉ nhìn qua màn hình cũng trở nên gần gũi và thân thiện cả với người học và người dạy.

#### *Thứ năm, xây dựng sự chủ động từ hai phía người dạy và người học.*

Giảng viên cần tạo sự mới mẻ, thích thú cho người học, xây dựng tính chủ động, tự giác và tích cực - đây được xem như là điều kiện thiết yếu trong môi trường dạy học hiện nay. Khi việc học không còn là sự thụ động, chỉ đến từ một chiều mà luôn đòi hỏi cần có sự trao đổi, phản biện, và phát huy năng lượng tích cực chủ động của sinh viên.

Trong việc học trực tuyến thì yêu cầu này càng cần có nhiều hơn. Bản thân của người giảng viên cần soạn sẵn đề cương bài giảng cẩn thận để làm cái sườn nền tảng trình chiếu giúp sinh viên tiếp thu và theo dõi dễ dàng hơn.

Nếu trong việc trực tiếp người giáo viên phải chuẩn bị một thì với việc dạy học trực tuyến, họ cần soạn kỹ gấp đôi vì trên thực tế, giáo viên sẽ thông qua màn hình sẽ khó có thể đánh giá được sự theo dõi, nắm bắt bài giảng của từng sinh viên. Nếu như không chủ động và tích cực, người giảng viên sẽ rất nhanh chóng nản, thất bại với kế hoạch dạy trực tuyến của mình.

*Thứ sáu, đổi mới phương pháp giảng dạy.*

Khi dạy học trực tiếp, việc thảo luận, hỏi đáp thậm chí dùng bảng ngôn ngữ hình thể đều là những cách thức tạo sự tương tác. Việc tương tác giữa người dạy và người học không chỉ giúp bài học trở nên sinh động dễ tiếp thu hơn mà còn tạo sự gắn bó giữa các mối liên hệ, thầy - trò, và các bạn cùng lớp.

Thực hiện phương pháp giảng dạy mới là điều nên duy trì đổi mới trong công tác dạy học trực tuyến. Trong quá trình học, sinh viên nên tích cực sử dụng các công cụ bình luận nếu phần mềm LMS đang sử dụng cho phép được chia sẻ bình luận trực tiếp. Giảng viên cần chủ động quan tâm, để ý đến những thắc mắc, câu hỏi của sinh viên hay những đóng góp ý kiến về bài học.

Ở vai trò như một người “lái đò”, giảng viên nên tạo mọi điều kiện tích cực và thực hiện tương tác thường xuyên để ít nhất cũng lắng nghe sự phản hồi từ sinh viên thế nào để có thể đánh giá mức độ hiểu về bài học đang ở đâu, sau nữa là xây dựng được mối liên kết, gắn gũi giữa người và người một cách tích cực.

*Thứ bảy, giảng viên cần lưu trữ bài giảng.*

Lý do chính để giảng viên nên lưu trữ lại bài giảng: (1) Do quá trình học tập bằng công nghệ nên không tránh khỏi tình trạng đôi khi xảy ra lỗi kỹ thuật. Đảm bảo rằng sinh viên của bạn vì lỗi kỹ thuật mà không thể tham gia trực tiếp trong thời điểm đó vẫn không bị bỏ lỡ mất bài học nào; (2) Giúp sinh viên có thể tự học và ôn tập lại tốt hơn, vì việc tương tác vào trao đổi với giảng viên đôi khi hạn chế với một số bạn khá rụt rè; (3) Theo sát hỗ trợ sinh viên. Khi học trực tuyến việc người dạy nói hoặc trình bày liên tục bài giảng trong một khoảng thời gian dài có thể khiến người học mất tập trung. Vì vậy, việc lưu trữ lại bài giảng là cách quan trọng giúp người dạy và người học tạo nên hiệu quả cao trong việc dạy, học. Các bài giảng đã được quay có thể được lưu giữ lại để người học có thể xem lại khi cần. Đối với phần mềm Zoom Cloud Meeting có hỗ trợ tính năng ghi lại và lưu trữ nội dung bài giảng trên nền tảng đám mây (Cloud). Với Cloud Storage của Zoom, giảng viên và sinh viên có thể đăng tải và xem lại nội dung bài giảng từ bất cứ nơi nào thông qua kết nối Internet mà không cần tốn đến dung lượng bộ nhớ máy tính, điện thoại.



### 3.Kết luận

Có thể chưa khẳng định dạy và học trực tuyến là xu thế tất yếu nhưng vẫn nên xem đây là một phương pháp, hình thức cần thiết, quan trọng, có tính tiết kiệm nhất định, và có tính khả thi cao trong bối cảnh dịch Covid-19. Nhưng để hoạt động này thực sự có chất lượng, hiệu quả, cần có sự thay đổi dần, thích nghi dần, như là một cách làm quen, cả phía Nhà trường, người dạy và người học. Đồng thời, tiếp tục nâng cao nhận thức về dạy học trực tuyến trong hiện tại và tương lai; đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục phải bảo đảm mọi điều kiện thuận lợi để sẵn sàng cho việc dạy học trực tuyến; thiết kế bài giảng khoa học và sáng tạo; sử dụng công nghệ thông tin thành thạo; xây dựng sự chủ động từ hai phía người dạy và người học; đổi mới phương pháp giảng dạy; giảng viên cần lưu trữ bài giảng... thực hiện đồng bộ các giải pháp này chắc chắn trong thời gian tới chất lượng và hiệu quả của việc dạy học trực tuyến sẽ nâng cao./.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tuệ Anh (2018) “*Đổi mới để đáp ứng nền giáo dục 4.0*”, Bản tin của Đại học Quốc gia.
2. Chỉ thị số 800/CT-BGDĐT ngày 24/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về thực hiện nhiệm vụ năm học 2021 – 2022 ứng phó với dịch Covid-19 và tiếp tục đổi mới, kiên trì mục tiêu chất lượng giáo dục và đào tạo.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam (2013), *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo*.
4. Đặng Xuân Hải, Nguyễn Sỹ Thư (2012), *Quản lý giáo dục, quản lý nhà trường trong bối cảnh thay đổi*, NXB Giáo dục Việt Nam.
5. Trần Kiểm (2011), *Những vấn đề cơ bản của Khoa học quản lý giáo dục*, NXB ĐHSP, Hà Nội.

# BIỆN PHÁP ĐỔI MỚI PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC MÔN GIÁO DỤC THỂ CHẤT TẠI TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM TRUNG ƯƠNG

**ThS. Hoàng Đức Anh**

Khoa Giáo dục đại cương

**Tóm tắt:** Bài viết làm rõ sự cần thiết đổi mới phương pháp dạy học môn học giáo dục thể chất; phân tích đánh giá tình hình giảng dạy môn học này; từ đó đề xuất các biện pháp chủ yếu đổi mới phương pháp giảng dạy môn Giáo dục thể chất tại Trường CDSPTU trong thời gian tiếp theo.

**Từ khóa:** *Đổi mới, phương pháp dạy học, giáo dục thể chất.*

## 1. Đặt vấn đề

Điểm mới trong Văn kiện Đại hội Đại biểu lần thứ XIII của Đảng chỉ rõ: “Gắn giáo dục tri thức, đạo đức, thẩm mỹ, kỹ năng sống với giáo dục thể chất, nâng cao tầm vóc con người Việt Nam, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”. Rõ ràng, giáo dục thể chất (GDTC) và hoạt động thể dục thể thao (TDTT) giữ một vai trò quan trọng trong việc phát triển con người toàn diện, có đạo đức, có trình độ nghiệp vụ chuyên môn, có đầy đủ sức khỏe và nâng cao tầm vóc thể chất, trình độ văn hóa thể chất dân tộc.

Tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW của Bộ Chính trị về thể dục thể thao, nhận thức của các cấp ủy đảng và chính quyền về trách nhiệm lãnh đạo đối với sự nghiệp TDTT đã được nâng lên. Quản lý nhà nước về TDTT có nhiều chuyển biến, công tác xã hội hóa TDTT được đẩy mạnh. Công tác giáo dục thể chất và thể thao trong trường học đã có sự đổi mới. Phong trào TDTT quần chúng phát triển khá sâu rộng, các chỉ tiêu cơ bản đều hoàn thành.

Những năm qua Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương đã nhận thức được ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác thể dục, thể thao; Lãnh đạo Nhà trường đã chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW của Bộ Chính trị; tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện tốt Nghị quyết; quan tâm chăm lo xây dựng và bố trí giảng viên có phẩm chất, năng lực tham gia công tác thể dục, thể thao; đầu tư, xây dựng các cơ sở tập luyện thể dục thể thao; thường xuyên tuyên truyền, giáo dục ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác thể dục, thể thao đến đảng viên, viên chức và sinh viên trong Nhà trường bằng nhiều hình thức phong phú.

## **2. Nội dung**

### **2.1. Sự cần thiết đổi mới phương pháp dạy học môn học giáo dục thể chất**

Trong bối cảnh hiện nay, cần thiết phải đổi mới phương pháp dạy học môn học giáo dục thể chất, điều này xuất phát từ những lý do sau:

- Thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW của Bộ Chính trị về về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, tạo bước phát triển mạnh mẽ về thể dục, thể thao đến năm 2020, với quan điểm chỉ đạo: “Phát triển thể dục, thể thao là một yêu cầu khách quan của xã hội, nhằm góp phần nâng cao sức khỏe, thể lực và chất lượng cuộc sống của nhân dân, chất lượng nguồn nhân lực; giáo dục ý chí, đạo đức, xây dựng lối sống và môi trường văn hóa lành mạnh, góp phần củng cố khối đại đoàn kết toàn dân, mở rộng quan hệ hữu nghị và hợp tác quốc tế; đồng thời, là trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể, tổ chức xã hội và của mỗi người dân. Các cấp ủy đảng có trách nhiệm thường xuyên lãnh đạo công tác thể dục, thể thao, bảo đảm cho sự nghiệp thể dục, thể thao ngày càng phát triển”.

- Công tác giáo dục thể chất và thể thao trường học là một phần quan trọng trong mục tiêu giáo dục toàn diện của ngành Giáo dục và đào tạo, nhằm trang bị kiến thức, kỹ năng vận động cơ bản và hình thành thói quen tập luyện thể dục, thể thao thường xuyên cho học sinh - sinh viên; gắn giáo dục thể chất, thể thao trong trường học với giáo dục ý chí, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống; đáp ứng nhu cầu vui chơi giải trí lành mạnh cho học sinh - sinh viên, đồng thời góp phần phát hiện, đào tạo năng khiếu và tài năng thể thao cho đất nước.

- Rèn luyện thể lực, góp phần củng cố kỹ năng, kỹ xảo, nâng cao sức khỏe cho sinh viên. Trong quá trình luyện tập với các bài, các động tác khác nhau, với lượng vận động hợp lý sẽ có tác dụng tới việc nâng cao thể lực cho sinh viên. Khi sinh viên được luyện tập thì các kỹ thuật, kỹ năng, kỹ xảo động tác cũng được hình thành, củng cố và thành thục. Quá trình tập luyện kỹ thuật của sinh viên là một quá trình đòi hỏi phải có thời gian, thời gian nhiều hay ít tùy thuộc vào động tác, bài tập khó hay dễ và phải luyện tập lặp lại nhiều lần, tập với số lần cần thiết thì kỹ thuật, kỹ năng, kỹ xảo mới được hình thành, mới có tác dụng rèn luyện thể lực, nâng cao sức khỏe.

- Nhận thức của một bộ phận sinh viên về tầm quan trọng của sức khỏe chưa cao: ý thức rèn luyện thể dục, thể thao thường xuyên chưa cao, tâm lý sợ học môn học GDTC, coi môn học GDTC chỉ là môn phụ, tình trạng học “đổi phỏ” của một bộ phận sinh viên trong giờ học GDTC.

- Để thực hiện mục tiêu phát triển phẩm chất của môn GDTC, cần lựa chọn những phương pháp dạy học phù hợp, có ưu thế góp phần bồi dưỡng phẩm chất cụ thể như: Thông qua việc tổ chức các hoạt động học tập, giảng viên giúp người học rèn luyện tính trung thực, tình cảm bạn bè, tính đồng đội, tinh thần trách nhiệm và ý thức tự giác, chăm chỉ tập luyện để phát triển hài hoà về thể chất, tinh thần, có những phẩm chất và năng lực cần thiết để trở thành người công dân có trách nhiệm, có sức khỏe, có văn hóa, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.

- Để thực hiện hiệu quả mục tiêu phát triển năng lực chung cũng như năng lực đặc thù của môn học GDTC.

## **2.2. Tình hình giảng dạy môn giáo dục thể chất ở Trường CĐSPTU**

Trong những năm qua, công tác giáo dục thể chất và hoạt động thể thao của Nhà trường ngày càng phát triển góp phần rèn luyện sức khỏe cho sinh viên, phục vụ hiệu quả mục tiêu giáo dục toàn diện.

Hiện nay, Bộ môn Giáo dục thể chất, khoa Giáo dục đại cương có 04 giảng viên có trình độ chuyên môn theo quy định; nội dung môn học phù hợp với đối tượng sinh viên của Nhà trường; phương pháp giảng dạy luôn được quan tâm cải tiến phù hợp với điều kiện cơ sở vật chất của Nhà trường. Nhà trường đã tạo điều kiện thuận lợi cho Bộ môn thực hiện bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ; cử đội ngũ giảng viên giáo dục thể chất đi tập huấn chuyên môn hằng năm do Bộ GD&ĐT tổ chức.

Những năm gần đây, sân tập, trang thiết bị, dụng cụ dùng cho giảng dạy, luyện tập từng bước được cải thiện, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện đổi mới phương pháp dạy học (PPDH) môn học Giáo dục thể chất. Để đảm bảo cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công tác giáo dục thể chất và hoạt động thể thao Nhà trường đã đầu tư cơ sở hạ tầng gồm có: 01 sân tập Thể dục thể thao gần 200m<sup>2</sup>, hàng năm Nhà trường đã trang bị các dụng cụ phục cho các hoạt động đào tạo và ngoại khóa của giảng viên và sinh viên như: Bóng rổ 50 quả/năm, Bóng chuyền 50 quả/năm đáp ứng một phần nhu cầu học tập và tập luyện, thi đấu thể dục thể thao của sinh viên.

### ***a. Về kết quả đạt được:***

Thập kỷ qua, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy, Ban Giám hiệu Nhà trường và các tổ chức đoàn thể, công tác thể dục, thể thao được triển khai, thực hiện tương đối rộng rãi và thường xuyên, cụ thể:

- Công tác giáo dục thể chất của Nhà trường được chú trọng, và đạt kết quả cao hàng năm: 100% học sinh, sinh viên ra trường đảm bảo sức khỏe tốt; Đối với học sinh, sinh viên khoa Giáo dục Mầm non có phương pháp tốt để giảng dạy Giáo dục thể chất cho trẻ em tại các trường mầm non.

- Các phong trào TDTT được tổ chức gắn với các sự kiện và các lễ hội do Công đoàn trường và Đoàn thanh niên Nhà trường phối hợp tổ chức như: Kế hoạch số 42/KH-CĐSP ngày 24/9/2019 "Kế hoạch tổ chức Ngày hội thể thao năm 2019", Kế hoạch số 103/KH-CĐ ngày 24/9/2020 "Tổ chức Ngày hội thể thao chào mừng Ngày nhà giáo Việt Nam 20/11/2020"...

#### *b. Về những tồn tại, hạn chế*

- Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho thể thao đều chưa đáp ứng được yêu cầu và nhu cầu tập luyện của học sinh - sinh viên cũng như phục vụ cho các giải thi đấu thể thao. Kinh phí phân bổ dành cho TDTT còn quá hạn hẹp. So với nhu cầu chuyên môn, chuyên ngành đào tạo thì thầy và trò vẫn còn thiếu sân bãi, dụng cụ rất nhiều, việc sắp xếp lịch học còn chòng chéo giữa các lớp và các môn học như Giáo dục quốc phòng còn chung một địa điểm và thời gian học, điều này ảnh hưởng rất nhiều đến quá trình thực hiện các bài tập của sinh viên. Chính vì những nguyên nhân trên đòi hỏi giảng viên phải đổi mới PPDH, cải tiến phương pháp để lên lớp, sắp xếp các nội dung cũng như cấu trúc của một tiết học hợp lý và khoa học, nhằm sử dụng tối đa sân tập, trang thiết bị, dụng cụ hiện có để tổ chức hoạt động dạy học hiệu quả nhất.

- Chương trình môn học Giáo dục thể chất hiện nay với mục tiêu kiến thức là quan trọng nhất. Xuất phát từ mục tiêu đó, giảng viên khi lên lớp đã giảng giải, phân tích các động tác một cách tỉ mỉ. Điều này rất cần thiết, nhưng vì sử dụng thời gian quá nhiều để giảng giải, phân tích nên sinh viên không có nhiều thời gian để luyện tập, khi đã luyện tập ít thì việc rèn luyện kỹ năng, rèn luyện thể lực cũng chưa đạt yêu cầu. Mặt khác, xuất phát từ những yếu tố khách quan lẫn chủ quan, nên chương trình môn học còn cứng nhắc chưa đáp ứng được sở thích của sinh viên.

- Trong quá trình lên lớp, vẫn có giảng viên thực hiện các bước lên lớp một cách cứng nhắc, tuần tự đi từ bước này sang bước khác, làm cho giờ học nhàm chán, nặng nề. Chưa kết hợp và giải quyết hài hòa giữa các bước lên lớp, nội dung giảng dạy chưa đồng bộ, cách đánh giá và thang điểm không thống nhất, còn mang nhiều cảm tính và chủ quan.

- Các hình thức lên lớp còn đơn điệu, phần lớn giảng viên chỉ sử dụng phương pháp dòng chảy, điều này không kích thích được tính tự giác tích cực của sinh viên.

- Một bộ phận sinh viên chưa ý thức rõ tầm quan trọng của việc học môn GDTC cho nên sinh viên còn xem nhẹ môn học này.

Với những thực trạng trên, chất lượng giờ dạy chưa thật hiệu quả. Thực tế và mục tiêu còn có một khoảng cách cần được khắc phục, nhằm tiếp tục thực hiện có chất lượng mục tiêu rèn luyện kỹ năng và rèn luyện thể lực, góp phần nâng cao thể chất cho sinh viên.

### **2.3. Biện pháp chủ yếu đổi mới phương pháp giảng dạy môn Giáo dục thể chất tại Trường CĐSPTU**

Đổi mới PPDH là một yêu cầu khách quan và cần thiết trong quá trình đào tạo. Đổi mới PPDH không phải là gạt bỏ, thay thế PPDH hiện có mà vận dụng một cách sáng tạo các phương pháp hiện có để đạt mục tiêu của môn học. Đối với môn Giáo dục thể chất không chỉ đổi mới về phương pháp mà còn phải đổi mới về cách sắp xếp nội dung một tiết học, đổi mới về tổ chức lên lớp... nghĩa là phải đổi mới toàn diện ở mọi hoạt động trên lớp. Trong thời gian tiếp theo cần thực hiện tốt các biện pháp sau:

*Thứ nhất, đổi mới quan điểm dạy học, lấy người học làm trung tâm trong quá trình dạy học:*

- Sinh viên phải hiểu rõ và ý thức được tầm quan trọng của môn học. Từ đó họ tự rèn luyện, tự trau dồi phẩm chất đạo đức và hình thành nhân cách của mình;

- Hướng dẫn sinh viên tham khảo, đọc tài liệu phân tích kỹ thuật động tác, luyện tập ngoại khóa;

- Sử dụng câu hỏi, nêu tình huống có vấn đề để sinh viên tổ chức thảo luận, tổ chức khám phá, tổ chức luyện tập trước;

- Để sinh viên thường xuyên tham gia kiểm tra, tự kiểm tra, tự đánh giá.

*Thứ hai, đổi mới nội dung, chương trình:*

- Lược bỏ những nội dung sinh viên đã được học ở chương trình trung học phổ thông để tránh gây tâm lý nhàm chán trong sinh viên và sử dụng thời gian học tập hiệu quả;

- Lược bỏ những nội dung lý thuyết không quan trọng để thay vào đó là những nội dung thực hành;

- Tăng cường những môn thể thao tự chọn mà sinh viên ham thích. Nên đưa một số môn thể thao như bóng rổ và bóng đá để kích thích sự vận động liên tục cho sinh viên khi tham gia học tập và tập luyện.

*Thứ ba, đổi mới cách đánh giá, hình thức thi:*

- Kết quả đánh giá thi kết thúc học phần nên có hai giảng viên tham gia chấm thi và đánh giá để mang tính công bằng và khách quan hơn (Nguyên tắc tổ chức thi phải do 2 cán bộ chấm thi chấm. Cần xem lại ý này trong bài viết). Phải có thang điểm rõ ràng cho sinh viên biết để từ đó sinh viên có tinh thần phấn đấu trong học tập và rèn luyện;

- Tiến hành nhiều hình thức kiểm tra, thi: Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, sử dụng đề mở... Khi kiểm tra thực hành nên kiểm tra cả thành tích lẫn kỹ thuật thực hiện động tác;

- Có thang điểm (ở nội dung thực hành) phù hợp cho từng đối tượng, trình độ, sức khỏe của sinh viên.

*Thứ tư, thay đổi/đổi mới phương pháp giảng dạy*

- Khi giảng viên sử dụng nhóm phương pháp dùng lời nói (phương pháp giảng giải, quy nạp, phát vấn, đàm thoại, mệnh lệnh) để truyền thụ kiến thức cho sinh viên; nếu dạy động tác, kỹ thuật mới, giảng viên cần nói ngắn gọn, dễ hiểu, dùng thuật ngữ chính xác, xoáy vào trọng tâm, vào những kỹ thuật quan trọng;

- Các động tác bổ trợ không nhất thiết phải phân tích mà chỉ cần làm mẫu và tổ chức cho sinh viên tập luyện ngay;

- Khi giảng viên sử dụng nhóm phương pháp trực quan (làm mẫu, cho xem tranh ảnh, biểu đồ, phim...) chú ý đến vị trí làm mẫu, chọn hướng làm mẫu để sinh viên có thể nhìn rõ, nhìn thấy biên độ, góc độ động tác;

- Tăng cường sử dụng tranh ảnh, biểu đồ... giúp cho sinh viên nắm được kỹ thuật một cách nhanh hơn mà không tốn thời gian và có thể tự so sánh giữa động tác của mình với tranh ảnh kỹ thuật;

- Sắp xếp nội dung tập luyện một cách hợp lý, mỗi buổi học (thường 2 tiết) nên tổ chức thực hiện 2 đến 3 nội dung;

- Có thể kết hợp ôn tập, học mới, tập luyện, kiểm tra, không nhất thiết phải tổ chức thành mục riêng cho những nội dung này;

- Luân chuyển giữa các nội dung một cách hợp lý, đưa ra lượng vận động và cường độ vận động phải thích hợp với trình độ và thể trạng của sinh viên;

- Mạnh dạn áp dụng các phương pháp, các hình thức lên lớp như: Dòng chảy, phân nhóm, phân nhóm xoay vòng. Tùy theo từng bài mà giảng viên áp dụng phương pháp, hình thức cho linh hoạt.

- Mạnh dạn sử dụng phương pháp trò chơi, thi đấu....

- Sử dụng các phương tiện dạy học một cách hợp lý, hiệu quả.

*Thứ năm, thực hiện tốt các bước trong đổi mới phương pháp giảng dạy*

*Bước 1:* Thực hiện giảng dạy theo kế hoạch đã chuẩn bị gồm các công việc sau:

- Trong buổi học đầu tiên, giảng viên giới thiệu môn học, yêu cầu của môn học, phương pháp học tập cùng với các tiêu chí đánh giá;

- Cho lớp chọn nhóm để tổ chức các hoạt động học tập;

- Trình bày danh sách các chủ đề sinh viên phải thực hiện và cho nhóm sinh viên lựa chọn chủ đề từ buổi học đầu tiên của môn học nhằm giúp sinh viên có thời gian chuẩn bị nội dung báo cáo gồm: tìm hiểu về tác dụng GDTC, lịch sử môn học, kỹ thuật môn học, nhưng sai lầm thường mắc, chấn thương trong thể thao theo yêu cầu của bài báo cáo.

- Cung cấp quy trình thực hiện cho sinh viên.

*Bước 2:* Sinh viên thực hiện theo các nội dung sau:

- Hoàn thành mỗi bước trong tiến trình ở bước 1 sau một tuần và giờ học tuần sau mỗi nhóm sẽ báo cáo kết quả của tuần trước đó đến giảng viên bằng file qua email hoặc kết quả trình bày trên giấy;

- Vào giờ học của tuần sau, giảng viên xem xét và có những góp ý cần thiết cho sinh viên để họ có thể tiến hành bước tiếp theo hoặc quay về làm lại bước trước đó trước khi bắt tay các bước tiếp theo hoặc chuyển sang bước 3;

*Bước 3:* Sinh viên được kiểm tra bài học thông qua các công cụ giảng dạy trong giáo dục như Khoot, offices 365...

*Bước 4:* Trình bày kết quả thực hiện của nhóm và rút ra bài học kinh nghiệm. Yêu cầu của việc trình bày nhóm:

- Các nhóm phải đưa ra được các minh chứng bằng biên bản, video, photos... để chứng minh đã thực hiện theo đúng quá trình hoạt động của tư duy thiết kế.

- Trình bày kết hợp phương tiện công nghệ.

- Các thành viên trong nhóm cùng tham gia trình bày, các nhóm đều phải góp ý, bình chọn các nhóm khác.



### **3.Kết luận**

Đổi mới phương pháp dạy học môn GDTC là cần thiết trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và diễn biến phức tạp của đại dịch Covid-19 hiện nay. Qua việc phân tích sự cần thiết và đánh giá thực trạng giảng dạy môn GDTC của Bộ môn GDTD, có thể thấy trong thời gian tiếp theo đội ngũ giảng viên cần đồng thuận thực hiện đồng bộ các giải pháp: đổi mới quan điểm dạy học, lấy người học làm trung tâm trong quá trình dạy học; đổi mới nội dung, chương trình môn học; đổi mới cách đánh giá, hình thức thi; thay đổi/đổi mới phương pháp giảng dạy; thực hiện tốt các bước trong đổi mới phương pháp giảng dạy... cùng với sự vào cuộc của Nhà trường, chắc chắn công tác đổi mới phương pháp giảng dạy GDTC sẽ đạt hiệu quả cao; từ đó góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường./.

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Lê Văn Long (2010), *Tuyển tập nghiên cứu khoa học giáo dục thể chất, y tế trường học*, NXB Thể dục thể thao.
2. Nguyễn Thiệt Tình (1993), *Nghiên cứu khoa học trong thể dục thể thao*, NXB Thể dục thể thao.
3. Bộ Công an (2009). *Hướng dẫn về giảng dạy các môn học Giáo dục quốc phòng, võ thuật công an nhân dân và giáo dục thể chất trong các trường Công an nhân dân*.
4. Nguyễn Thu Nga (2017), *Một số biện pháp rèn luyện kỹ năng dạy học cho sinh viên đại học sư phạm ngành Giáo dục thể chất*, Tạp chí Giáo dục, số 418, tr 49-53.
5. Nguyễn Thị Trâm - Bùi Thị Hiền (2011), *Đổi mới phương pháp giáo dục thể chất cho sinh viên đại học, cao đẳng theo hướng tích cực hóa hoạt động của người học*, Tạp chí Giáo dục, số 259, tr 57-58.
7. Nguyễn Toán - Phạm Danh Tồn (2000), *Lí luận và phương pháp thể dục thể thao*, NXB Thể dục thể thao.

## **TÂM LÝ HỌC – SINH LÝ HỌC LÚA TUỔI**



# GIÁO DỤC HÀNH VI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG QUA HOẠT ĐỘNG GÓC CHO TRẺ MẪU GIÁO TRONG TRƯỜNG MẦM NON

**ThS. Đinh Hương Ly**  
Khoa Giáo dục mầm non

**Tóm tắt:** Giáo dục hành vi bảo vệ môi trường thông qua hoạt động góc cho trẻ mầm non là một nội dung quan trọng. Điều này không chỉ phù hợp với thực tiễn biến đổi khí hậu hiện nay mà còn góp phần hoàn thiện và phát triển nhân cách của trẻ em. Bài viết đề cập đến nhiều khía cạnh lý luận có liên quan đến giáo dục hành vi bảo vệ môi trường; Thực trạng giáo dục hành vi bảo vệ môi trường cho trẻ mầm non; Dự kiến một số nội dung và biện pháp giáo dục hành vi bảo vệ môi trường thông qua hoạt động vui chơi cho trẻ mẫu giáo (3-6 tuổi) trong trường mầm non.

**Từ khóa:** *Môi trường, bảo vệ, hành vi, góc chơi, trẻ mầm non.*

## 1. Đặt vấn đề

Trong giai đoạn hiện nay, vấn đề môi trường đang được đặt ra cấp thiết trên thế giới cũng như ở Việt Nam, giáo dục môi trường trở thành một trong những nhiệm vụ quan trọng của ngành giáo dục ở các bậc học. Giáo dục bảo vệ môi trường giúp trẻ hiểu và hình thành, phát triển ở trẻ thói quen, hành vi ứng xử văn minh, lịch sự, thân thiện với môi trường. Bồi dưỡng tình yêu thiên nhiên, những xúc cảm tích cực, xây dựng cái thiện và hình thành thói quen, kỹ năng sống bảo vệ môi trường.

## 2. Nội dung

### 2.1. Một số vấn đề lý luận có liên quan

#### 2.1.1. Hành vi

L.S.Vygotsky (1896 -1934, Nga) với lý thuyết lịch sử - văn hóa trong tâm lý học được trình bày trong tác phẩm “Các công trình nghiên cứu lịch sử hành vi” cho rằng: Hành vi là biểu hiện bên ngoài của hoạt động được điều chỉnh bởi tâm lý ý thức bên trong của con người trong một bối cảnh nào đó nhằm mục đích nhất định trước tác động của các yếu tố trong môi trường. Cấu trúc tâm lý của hành vi từ các quan điểm về cấu trúc hành vi của các tác giả có thể xác định các thành phần trong cấu trúc tâm lý hành vi có ý thức, bao gồm nhận thức, kỹ

năng hành động, thái độ, các thành phần này có mối quan hệ chặt chẽ với nhau trong quá trình hợp thành hành vi con người” (1930), ngày nay gọi là lý thuyết tâm lý học lịch sử - văn hóa trong tâm lý học lịch sử. Trong tác phẩm này, ông nhấn mạnh cơ chế tâm lý của hành vi văn hóa: Hành vi văn hóa là hành vi bao giờ cũng có sự tham gia của một thuộc tính hay quá trình tâm lý trong bán cầu đại não. Thuộc tính hay quá trình tâm lý tham gia vào hành vi văn hóa giữ một vai trò như “công cụ” tương tự như công cụ lao động trong hoạt động lao động tác động vào đối tượng lao động thông qua “biểu tượng trong ý niệm”.

Vygotsky và Luria viết: Kỹ xảo sáng chế và sử dụng công cụ lao động là tiền đề của toàn bộ phát triển văn hóa của loài người; kỹ xảo ấy, quá trình sử dụng đó tạo nên các dấu hiệu - công cụ tâm lý ở trong đầu làm cho hành vi, hành động của con người mang tính gián tiếp. Hành vi văn hóa, ứng xử về văn hóa: nghiên cứu con người và văn minh đã đánh dấu một mốc mới trong lý thuyết về cơ chế tâm lý của hành vi văn hóa, Ông khẳng định: các vật thể văn hóa là các “biểu trưng”, văn hóa là sản phẩm của quá trình biểu trưng. Như vậy, những tri thức nhà trường truyền đạt cho người học phải giúp họ tạo nên các “dấu hiệu” trong não - các “công cụ” tâm lý trong đầu.

#### *2.1.2. Giáo dục hành vi bảo vệ môi trường cho trẻ mầm non*

Đối với trẻ mầm non, môi trường là tất cả những gì bao quanh trẻ. Môi trường xung quanh bao gồm cả môi trường tự nhiên và xã hội. Môi trường tự nhiên bao gồm các hiện tượng tự nhiên như thời tiết, khí hậu, các hiện tượng tự nhiên như gió, mưa... Đó còn là thế giới thực vật như cỏ cây, hoa lá, thế giới động vật. Môi trường xã hội bao gồm con người gần gũi xung quanh trẻ, đồ vật đồ chơi và xã hội loài người với những hoạt động lao động, lễ hội văn hoá truyền thống...

Các nhà khoa học đều cho rằng giáo dục bảo vệ môi trường cần được quan tâm đúng mức ngay từ lứa tuổi mầm non, vì lứa tuổi này dễ dàng hình thành nề nếp thói quen, mang lại hiệu quả cao, tạo cơ sở cho việc hình thành nhân cách con người.

Giáo dục hành vi bảo vệ môi trường cho trẻ mẫu giáo trong trường mầm non chính là nhiệm vụ nhà giáo dục tổ chức hoạt động giáo dục nhận thức giúp trẻ biết tên gọi, đặc điểm, chức năng và cách tương tác với đúng chức năng của các sự vật hiện tượng trong môi trường sống của trẻ.

### *2.1.3. Hoạt động góc*

Có rất nhiều quan niệm khác nhau về hoạt động vui chơi của trẻ em lứa tuổi mầm non như G. Spencer (1820-1903) - nhà triết học, nhà xã hội học và nhà sư phạm người Anh cho rằng chơi chính là sự giải toả năng lượng dư thừa. Nhà tâm lý học Thụy Sĩ - J. Piaget coi trò chơi là một hoạt động trí tuệ.

Dưới góc độ lý thuyết hoạt động, trong giáo trình “Tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non”. Đinh Văn Vang đã cho rằng “Nếu hoạt động lao động là hoạt động cơ bản đặc trưng của người lớn thì hoạt động vui chơi chính là hoạt động đặc trưng của trẻ mầm non. Chơi chính là cuộc sống của trẻ. Đặc biệt ở lứa tuổi mẫu giáo, chơi là hoạt động chủ đạo”. Hoạt động vui chơi có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với sự phát triển toàn diện của trẻ mẫu giáo, đặc biệt hoạt động vui chơi còn là phương tiện giáo dục hành vi bảo vệ môi trường cho trẻ, do lứa tuổi mẫu giáo trẻ đã có nhận thức và có nhu cầu thể hiện bản thân mạnh mẽ. Lúc này cuộc sống sinh hoạt của người lớn xung quanh trẻ, đặc biệt là các hành vi, cách cư xử của người lớn gây sự chú ý đặc biệt đến trẻ. Trẻ bắt đầu để ý và bắt chước người lớn về mọi mặt. Đây chính là cơ hội để nhà giáo dục tổ chức hoạt động chơi với mục đích giáo dục.

“Mỗi ngày đến trường là một ngày vui” với phương châm trẻ học qua chơi, chơi mà học thì hoạt động một ngày ở trường mầm non của trẻ vô cùng đa dạng với hoạt động học và các hoạt động chơi trong đó có hoạt động chơi góc. Hoạt động chơi góc của trẻ ở trường mầm non là một trong những hoạt động giáo dục trong chế độ sinh hoạt của trẻ ở trường mầm non. Đây là hoạt động chơi diễn ra vào hai thời điểm: sáng và chiều sau giờ hoạt động dạo chơi ngoài trời tại các góc chơi trong lớp mầm non. Hoạt động chơi tại góc là hoạt động thoả mãn nhu cầu chơi của trẻ, trẻ được chơi theo nhu cầu, hứng thú, thoả sức thể hiện bản thân qua các nội dung chơi hấp dẫn. Ngoài ra mục đích hoạt động chơi này là củng cố, mở rộng tri thức và hình thành kỹ năng cho trẻ. Một giờ chơi góc của trẻ mẫu giáo thường diễn ra với các nội dung chơi như đóng vai theo chủ đề, xây dựng - lắp ghép, sân khấu, tạo hình, đọc - xem sách truyện, khám phá, chăm sóc thiên nhiên, chơi dân gian, vận động, học tập.

### *2.1.4. Yếu tố ảnh hưởng đến việc giáo dục hành vi bảo vệ môi trường thông qua hoạt động góc cho trẻ mẫu giáo trong trường mầm non*

Sự phát triển toàn diện về nhân cách của trẻ mầm non được hình thành và phát triển trong quá trình hoạt động học tập và vui chơi, đặc biệt trẻ học thông

qua chơi. Do đó việc giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ mầm non cũng cần được thực hiện trong quá trình vui chơi của trẻ. Bên cạnh những yếu tố thuận lợi của việc giáo dục hành vi bảo vệ môi trường cho trẻ bằng hình thức hoạt động trẻ yêu thích, cũng có những yếu tố có ảnh hưởng không nhỏ tới chất lượng và kết quả giáo dục này.

Môi trường giáo dục mầm non là nơi diễn ra các hoạt động giáo dục, được giáo viên tổ chức với dụng ý sư phạm; là tổ hợp những điều kiện vật chất và xã hội cần thiết, trực tiếp ảnh hưởng đến hoạt động chăm sóc - giáo dục trẻ; là yếu tố quan trọng góp phần thực hiện tốt mục tiêu chăm sóc - giáo dục trẻ mầm non.

Môi trường giáo dục, trước hết phải kể đến đó là môi trường tự nhiên, môi trường xã hội mà hàng ngày trẻ đang sống và tiếp xúc. Đó là môi trường gia đình, trường, lớp mầm non... Các môi trường giáo dục yêu cầu phải đồng nhất về mục đích, phương hướng, cách thức giáo dục. Giáo dục cho trẻ hành vi bảo vệ môi trường nghĩa là trẻ phải được tiếp cận, được sống, học tập, vui chơi trong môi trường có văn hóa. Bởi vì, chính những người xung quanh trẻ như ba mẹ, thầy cô, bạn bè đều là những người có những hành vi chuẩn mực với môi trường thì mới có thể làm gương và hướng dẫn trẻ. Ngược lại, nếu trẻ tiếp xúc với môi trường ô nhiễm, chứng kiến hành vi phá hoại làm ảnh hưởng đến môi trường thì điều đó sẽ tác động không tốt đến nhận thức cảm tính của trẻ ở giai đoạn này. Giáo dục hành vi bảo vệ môi trường cho trẻ mầm non đóng vai trò quan trọng cho việc xây dựng, hình thành cho trẻ sự văn hóa trong mọi hành động, lời nói, cách giao tiếp, ứng xử với môi trường xung quanh. Trẻ có hành vi văn hóa sẽ giúp trẻ trở thành con người toàn diện, có ích cho gia đình, xã hội.

## ***2.2. Thực trạng giáo dục hành vi bảo vệ môi trường cho trẻ mầm non***

### ***2.2.1. Tổ chức khảo sát thực trạng***

*Mục đích khảo:* Nhằm thu thập những thông tin về thực trạng vấn đề nghiên cứu.

*Nội dung khảo:* Mức độ cần thiết giáo dục hành vi bảo vệ môi trường cho trẻ mẫu giáo qua hoạt động chơi góc; mức độ quan tâm của giáo viên tới việc giáo dục hành vi bảo vệ môi trường cho trẻ mẫu giáo qua hoạt động chơi góc.

*Địa bàn khảo sát:* 02 trường mầm non quận Hoàng Mai là trường mầm non (MN) Ước mơ nhỏ (Vĩnh Hưng - Thanh Trì - Hà Nội) và trường MN Steame Hà Nội (Đường Tam Chinh - Vĩnh Tuy - Hoàng Mai - Hà Nội).

*Đối tượng khảo sát:* 40 giáo viên mầm non phụ trách lớp mẫu giáo 3-6 tuổi và 80 trẻ mẫu giáo 3-6 tuổi ở 02 trường mầm non

*Thời gian khảo sát:* Tháng 10 năm 2019 - 2020

### 2.2.2. Kết quả khảo sát thực trạng

*\* Ý kiến của giáo viên về mức độ cần thiết của việc giáo dục hành vi BVMT cho trẻ mẫu giáo qua hoạt động chơi góc.*

Kết quả nghiên cứu thu được thể hiện ở bảng 1.

**Bảng 1.** *Mức độ cần thiết của việc giáo dục hành vi BVMT cho trẻ mẫu giáo qua hoạt động góc*

| TT | Mức độ          | Trường MN Ước mơ nhỏ |        | Trường MN Steame HN |        |
|----|-----------------|----------------------|--------|---------------------|--------|
|    |                 | Số phiếu             | Tỉ lệ% | Số phiếu            | Tỉ lệ% |
| 1  | Rất cần thiết   | 12                   | 60     | 16                  | 80     |
| 2  | Cần thiết       | 08                   | 40     | 04                  | 20     |
| 3  | Không cần thiết | 0                    | 0      | 0                   | 0      |
| 4  | Tổng số phiếu   | 20                   | 100%   | 20                  | 100%   |

Qua kết quả bảng 1 cho thấy 70% (28/40) GVMN của cả 02 trường đều thấy vấn đề giáo dục hành vi bảo vệ môi trường cho trẻ mẫu giáo qua hoạt động chơi góc là rất cần thiết, 30 % (12/40) GVMN cho rằng cần thiết. Không có GVMN nào thấy vấn đề này là không cần thiết.

*\* Ý kiến của GVMN về mức độ quan tâm của giáo viên tới việc giáo dục hành vi BVMT cho trẻ mẫu giáo qua hoạt động chơi góc (bảng 2).*

**Bảng 2.** *Mức độ quan tâm của GVMN đến việc giáo dục hành vi BVMT cho trẻ mẫu giáo qua hoạt động góc*

| TT | Mức độ          | Trường MN Ước mơ nhỏ |        | Trường MN Steame HN |        |
|----|-----------------|----------------------|--------|---------------------|--------|
|    |                 | Số phiếu             | Tỉ lệ% | Số phiếu            | Tỉ lệ% |
| 1  | Rất cần thiết   | 14                   | 70     | 12                  | 60     |
| 2  | Cần thiết       | 6                    | 30     | 8                   | 40     |
| 3  | Không cần thiết | 0                    | 0      | 0                   | 0      |
| 4  | Tổng số phiếu   | 20                   | 100%   | 20                  | 100%   |

Qua kết quả bảng 2 cho thấy 65%(26/40) GVMN của cả 02 trường đều thấy rất quan tâm giáo dục hành vi bảo vệ môi trường cho trẻ mẫu giáo qua hoạt động chơi góc, 35 % (14/40) GVMN cho rằng cần thiết, không có GVMN nào không quan tâm tới vấn đề này.

### ***2.3. Dự kiến một số nội dung và biện pháp giáo dục hành vi bảo vệ môi trường thông qua hoạt động vui chơi cho trẻ mẫu giáo (3-6 tuổi) trong trường mầm non***

Có thể nói, nội dung giáo dục hành vi bảo vệ môi trường cho trẻ mẫu giáo rất phong phú và đa dạng. Do đó, nhà giáo dục cần phải hình thành cho trẻ một số thói quen hành xử văn minh như: Trẻ biết cùng nhau giữ gìn vệ sinh môi trường, giữ sạch trường, lớp, không vẽ bằn lên tường, biết bỏ rác đúng nơi qui định, không khạc nhổ bừa bãi, biết yêu quý, giữ gìn và bảo vệ đồ dùng đồ chơi, sắp xếp đồ chơi đúng nơi quy định, biết cùng cô lau dọn đồ chơi, vệ sinh trong lớp... Tuy nhiên, giáo dục bảo vệ môi trường cho trẻ mẫu giáo thông qua hoạt động vui chơi là cung cấp những kiến thức sơ đẳng, cơ bản phù hợp với khả năng nhận thức của trẻ nhằm tạo ra thái độ và hành vi đúng đắn của trẻ đối với môi trường thông qua một số góc chơi của trẻ tại trường mầm non như góc chơi đóng vai theo chủ đề, góc sân khấu, góc xây dựng - lắp ghép, góc sách truyện, góc thiên nhiên. Mục đích giáo dục hình thành hành vi bảo vệ môi trường qua hoạt động chơi góc: Tạo cho trẻ có cơ hội tái tạo lại hành vi, thái độ của mình với môi trường sống cụ thể với đồ dùng, đồ chơi, ý tưởng, hành động chơi, luật chơi phù hợp với quy tắc, chuẩn mực văn hoá. Đồng thời, giáo viên khuyến khích trẻ nói lên cảm xúc, cũng như đánh giá hành vi bảo vệ môi trường của bạn mà trẻ quan sát trong quá trình chơi. Biện pháp tuyên dương, khen ngợi kịp thời là biện pháp không thể thiếu trong quá trình giáo dục trẻ mầm non. Khi trẻ thực hiện những hành động bảo vệ môi trường, giáo viên hãy dành tặng cho trẻ lời khen và khích lệ để trẻ có hứng thú hơn. Giáo viên không làm thay trẻ mà cần kiên nhẫn, đồng hành cùng trẻ. Ví dụ như cùng trẻ đi vớt rác, cùng trẻ trồng cây. Điều này sẽ giúp trẻ ý thức được những hành động mình làm có ý nghĩa như thế nào với môi trường.

Hoạt động góc đối với trẻ lớp mẫu giáo, có thể dự kiến nội dung chơi ở một số góc như sau:



+ Góc chơi đóng vai theo chủ đề, trò chơi gia đình: Các em sẽ được hình thành các thói quen như lau dọn bàn ghế, sắp xếp đồ chơi, tuyệt đối không xả rác bừa bãi hay để lớp học bừa bộn.

+ Góc chơi xây dựng - lắp ghép: xây dựng công viên cây xanh cùng nhau trồng cây. Điều này sẽ giúp các trẻ ý thức được những hành động mình làm có ý nghĩa như thế nào với môi trường.

+ Góc sách truyện: Trẻ được xem, đọc các tài liệu tranh ảnh, câu chuyện liên quan tới bảo vệ môi trường ví dụ: Câu chuyện về túi ni lông, câu chuyện về cục pin (NXB Giáo dục Việt Nam), bài thơ “bác quét rác”...

+ Góc thiên nhiên: Nội dung chăm sóc cây trong góc thiên nhiên của lớp như trẻ được trồng cây, xới đất, tưới nước cho cây. Với nội dung này giáo viên sẽ giảng giải, giải thích kết hợp hành động mẫu. Qua đó, dạy các trẻ biết mở vòi nước vừa đủ dùng để tiết kiệm nước, môi trường sống cần thiết giúp cây phát triển, trẻ sẽ học được hành vi góp phần bảo vệ cây xanh, một trong những yếu tố giúp môi trường luôn trong sạch.

+ Góc sân khấu: Nội dung đóng kịch, những vở kịch giáo dục việc trồng cây xanh, bắt lâm tặc hoặc bảo vệ nguồn nước sạch, giáo dục trẻ giữ môi trường biển không rác thải, hay trẻ được biểu diễn thời trang với các bộ trang phục từ đồ dùng tái chế. Thông qua những hoạt động đó, giáo viên sẽ tương tác với trẻ bằng những câu hỏi về môi trường, thảo luận về nội dung vừa xem, chỉ ra cho bé những hành động đúng đắn để bảo vệ môi trường.

+ Góc tạo hình: Giáo viên tổ chức cho trẻ cùng phụ huynh sưu tầm đồ dùng tái chế và cho trẻ luyện tập kỹ năng tạo hình như vẽ, tô màu, cắt, xé dán, trang trí các sản phẩm ngộ nghĩnh từ đồ dùng đó. Trẻ hiểu ý nghĩa việc tái sử dụng rác thải nhằm tiết kiệm và bảo vệ môi trường sống. Ví dụ: dịp Giáng sinh cô giáo cùng các bé tự làm đồ chơi bằng vỏ chai, dây thừng, cành cây khô... hoặc những cây đào, cây mai và cả những đồ chơi cho bé cũng làm bằng đồ tái chế. Đây cũng chính là văn hóa của hệ thống trường mầm non Steame Garten và tất cả các em được giáo dục rất cao về việc tái sử dụng đồ cũ, bảo vệ môi trường.

### **3. Kết luận**

Đối với giáo dục hành vi bảo vệ môi trường, sự đồng hành của gia đình cùng với nhà trường là việc làm rất cần thiết. Khi các con thực hiện những hành động bảo vệ môi trường, bố mẹ nên dành cho trẻ những lời khen để khích lệ, tạo hứng thú. Trẻ sẽ trở thành những “nhà giám sát” khi nhắc nhở ông bà, cha mẹ

phải biết tiết kiệm nước, tắt điện sau khi dùng xong, hoặc tích góp những đồ dùng không cần dùng nữa để có thể sử dụng vào việc có ích khác. Giáo dục môi trường cho trẻ nhỏ sẽ hình thành những phản xạ, những thói quen đầu tiên trong việc bảo vệ môi trường. Thông qua việc trải nghiệm giúp trẻ hình thành ý thức bảo vệ môi trường, có thái độ ứng xử, hành vi đúng đắn, biết cách sống thân thiện và tích cực với môi trường xung quanh.

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Phạm Thị Châu – Nguyễn Thị Oanh – Trần Thị Sinh (2011), *Giáo dục học mầm non*, NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội.
3. Phạm Minh Hạc (1989), *Hành vi và hoạt động*, NXB Giáo dục
2. Nguyễn Ánh Tuyết – Nguyễn Thị Như Mai – Đinh Thị Kim Thoa (2014), *Tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non (từ lọt lòng đến 6 tuổi)*, NXB Đại học Sư phạm.
3. Đinh Văn Vang (2012), *Tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non*, NXB Giáo dục Việt Nam.

# MỘT SỐ PHƯƠNG THỨC GIAO TIẾP - ỨNG XỬ CỦA GIÁO VIÊN VỚI TRẺ MẦM NON

**ThS. Vũ Thị Thu Hà**

Khoa Giáo dục mầm non

**Tóm tắt:** Có rất nhiều phương thức mà giáo viên dùng để giao tiếp - ứng xử với trẻ mầm non, trong đó sự kết hợp chặt chẽ giữa phương thức giao tiếp ứng xử cô giáo như mẹ hiền và cô giáo là cô giáo được coi là phương thức khoa học nhất. Việc nắm được đặc trưng của mỗi phương thức và một số nội dung khi thực hiện phương thức giao tiếp - ứng xử với trẻ mầm non theo độ tuổi là cách hiệu quả để đạt mục tiêu giáo dục mầm non.

**Từ khóa:** *Phương thức giao tiếp - ứng xử, phương thức giao tiếp - ứng xử của giáo viên mầm non*

## **1. Đặt vấn đề**

Để đạt được mục tiêu giáo dục mầm non (GDMN) trong giao tiếp - ứng xử với trẻ, có nhiều phương thức được giáo viên mầm non (GVMN) lựa chọn như phương thức áp đặt từ phía người lớn; phương thức nuông chiều; phương thức bỏ mặc; phương thức cô giáo như mẹ hiền và phương thức cô giáo là cô giáo. Mỗi phương thức có ưu điểm và hạn chế riêng. Tuy nhiên, từ vị trí xã hội quy định cho GVMN, vị trí của bậc học mầm non trong hệ thống giáo dục quốc dân, nhiều công trình nghiên cứu đã khẳng định phương thức phù hợp và khoa học nhất, đó là sự kết hợp chặt chẽ giữa phương thức giao tiếp ứng xử cô giáo như mẹ hiền và cô giáo là cô giáo.

## **2. Nội dung**

### **2.1. Các phương thức giao tiếp - ứng xử của GVMN với trẻ trong trường mầm non**

#### **2.1.1. Phương thức áp đặt**

Phương thức áp đặt là phương thức giáo viên dùng quyền lực của mình áp đặt cho trẻ những hành vi ứng xử, chuẩn mực cuộc sống hay giải pháp cho mọi tình huống xung đột trong mối quan hệ với mọi người xung quanh, hoặc cấm đoán, răn đe, quát mắng, trừng phạt... Những GVMN sử dụng phương thức này thường xét nét, ngăn cấm và trừng phạt những hành vi xấu của trẻ. Trong quá trình giao tiếp những GVMN này thường chủ động lựa chọn nội dung, hình thức

tổ chức, phương tiện tiến hành... Nếu có tình huống sư phạm nảy sinh cần phải giải quyết thì họ thường là người lựa chọn và quyết định giải pháp, trẻ phải răm rắp thực hiện theo. Nếu trẻ không làm theo, lúc đầu thường họ tìm cách khuyên bảo, thuyết phục trẻ chấp nhận. Nếu trẻ vẫn còn chần chừ, họ thường làm cho trẻ vâng lời bằng quyền uy và quyền lực của mình.

Phương thức áp đặt trẻ dựa vào quyền uy của cô có hiệu quả ngay trước mắt là trẻ vâng lời răm rắp, làm theo những gì cô giáo yêu cầu, tránh làm những điều cấm... Song hậu quả để lại rất lớn. Khi GVMN tự mình lựa chọn và áp đặt giải pháp tình huống cho trẻ, trẻ không được tham gia quá trình tìm hiểu, nhận biết và xử lý tình huống, trẻ như là người ngoài cuộc nên không có hứng thú thực hiện hành động, trẻ thường tìm cách chần chừ hoặc giả vờ thực hiện ở mức độ tối thiểu, hoặc làm ngược lại hoàn toàn với mong muốn của bản thân để cô hài lòng và yêu mến trẻ. Như vậy, động cơ hành động không xuất phát từ bản thân trẻ mà ở bên ngoài trẻ. Trẻ vâng lời, chấp nhận và tuân thủ mệnh lệnh chỉ vì lo sợ bị khiển trách, bị trừng phạt, bị mất phần thưởng... Và khi phải miễn cưỡng làm theo mệnh lệnh của người lớn, thái độ của những trẻ này thường hậm hực, ầm ức và không thiện cảm với cô giáo. Với phương thức giao tiếp này, dần dần GVMN làm mất đi tính tự chủ, tự lực, độc lập, sáng tạo, trách nhiệm và ý thức kỷ luật của trẻ. Điều này không những không phù hợp với mục tiêu GDMN mà còn đi ngược lại với mục tiêu đào tạo những con người độc lập, sáng tạo cho nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Hơn nữa, trẻ mầm non có một nhu cầu rất thiết thực là nhu cầu muốn được khen và với những GVMN sử dụng phương thức này, để được khen trẻ phải tuân thủ mọi điều cô yêu cầu, đôi khi trẻ còn thiếu trung thực, sẵn sàng nói dối cô, dối bạn và dối chính lòng mình để được thưởng, được khen.

### **2.1.2. Phương thức nuông chiều**

Ngược lại với phương thức áp đặt, một số GVMN lại áp dụng *phương thức nuông chiều* trong giao tiếp ứng xử với trẻ. Có thể mô tả phương thức này như sau: GVMN và trẻ đứng trước một tình huống xung đột. Trẻ đã lựa chọn giải pháp và muốn GVMN chấp nhận giải pháp của mình. Nếu GVMN không chấp nhận cách làm của trẻ, khuyên trẻ làm theo cách của mình thì trẻ sẽ dùng quyền lực cá nhân của mình, thông thường là nước mắt, giận dữ, làm mình làm mẩy, không hợp tác hoạt động, làm lý, cãi lại, chống đối... để ép buộc GVMN

phải nhượng bộ làm theo ý muốn của trẻ. Cuối cùng GVMN nhượng bộ và trẻ muốn gì được nấy.

Từ khi trẻ lên 3, trẻ có thể tự xúc ăn, tự cầm cốc uống nước, tự sắp xếp đồ chơi... trẻ tự nhận ra khả năng của mình, trẻ biết tách mình ra khỏi mọi người xung quanh để nhận thức về chính mình là trẻ có nguyện vọng độc lập, trẻ muốn được tự mình làm mọi việc, không muốn phụ thuộc vào người lớn. Nhưng do tự ý thức còn mờ nhạt, nhiều trẻ thời kỳ này còn chưa biết mình mấy tuổi, mình là con cái nhà ai, mình là trai hay gái...; trẻ cũng chưa phân biệt được đâu là mong muốn chủ quan của mình với đâu là tính chất khách quan mang tính quy luật của sự vật, hiện tượng mà mọi người phải tuân theo chứ không phải muốn làm gì thì làm. Vì vậy trẻ có những đòi hỏi rất vô lý, chẳng hạn như đang học thì khóc đòi cô cho về nhà hoặc đòi cô gọi mẹ đến đón về; đang chơi thì đột nhiên giằng đồ chơi của bạn hoặc kéo tóc, cẩu má bạn; khi ăn thì dùng tay bốc đồ ăn, đưa chân lên ghế hoặc giả vờ nôn ọe khi cô phê bình để cô sợ mà không dám phê bình nữa; vào giờ ngủ thì nói chuyện với bạn, tranh gối của bạn, bắt cô bế dong, cá biệt có trẻ còn giả vờ buồn tè để vào nhà vệ sinh nghịch nước.... Những GVMN sử dụng phương thức này dễ thỏa hiệp, nhượng bộ với những hành vi vô lý đó của trẻ. Đó là nguyên nhân dẫn đến một số trẻ khi lớn lên thường không chịu nghe lời, thiếu khả năng tự kiểm chế, thường đánh giá mình quá cao, không biết tôn trọng mọi người xung quanh, dễ nảy sinh tính ích kỷ, hẹp hòi...

Như vậy, phương thức giao tiếp - ứng xử với trẻ bằng quyền uy hay nuông chiều dù cho kết quả trái ngược nhau nhưng vẫn có một số điểm chung: Đó là trong cả hai trường hợp, GVMN hoặc trẻ đều muốn hành động theo ý mình. Trong phương thức quyền uy, GVMN yêu cầu trẻ làm theo ý mình, không chú ý tìm hiểu, cảm thông và tôn trọng nhu cầu của trẻ. Trong phương thức nuông chiều trẻ cũng không quan tâm và tôn trọng cô giáo. Cả hai phương thức này đều dẫn đến một bên có cảm giác thắng thế còn một bên tự thấy phải nhượng bộ.

### **2.1.3. Phương thức bỏ mặc**

Những GVMN lựa chọn kiểu phương thức này khi giao tiếp - ứng xử với trẻ thường có thái độ lạnh nhạt, thờ ơ, không quan tâm, không kịp thời đáp ứng các nhu cầu chính đáng của trẻ. Họ dành rất ít thời gian và tâm sức trong việc lập kế hoạch, chuẩn bị đồ dùng đồ chơi, tổ chức hoạt động học, hoạt động chơi cho trẻ. Họ chỉ làm qua loa cho có. Trẻ còn nhỏ, trẻ rất cần được người lớn yêu

thương, chăm sóc, dạy dỗ mà gặp sự bỏ mặc của GVMN thì có thể dẫn đến tình trạng trẻ thờ ơ, hờ hững với những người xung quanh, là nguyên nhân cơ bản dẫn đến sự phát triển lệch lạc cả về tâm lý lẫn sinh lý sau này... Theo tác giả Nguyễn Ánh Tuyết: “Những đứa trẻ thiếu sự gắn bó yêu thương từ tấm bé thường sống trong tình cảnh cô đơn, lo lắng, sợ hãi, sau này lớn lên thường mang nhiều mặc cảm trong quan hệ với mọi người xung quanh, thậm chí còn có thái độ chống đối thù nghịch” [4].

GVMN vừa yêu thương trẻ vô điều kiện, chăm chút cho trẻ từng li từng tí như một người mẹ, vừa phải dạy trẻ những tri thức khoa học của một GVMN; vừa hết lòng chăm sóc, dạy dỗ trẻ bằng tình yêu thương, vừa phải tạo ra các tình huống để trẻ có cơ hội đáp lại tình cảm của cô, của bạn; vẫn thỏa mãn mọi nhu cầu cho trẻ mà không nuông chiều theo mọi ý muốn của trẻ... Cũng có lẽ vì vậy mà trường mầm non còn có tên gọi là “vườn trẻ”, “nhà trẻ”.

#### ***2.1.4. Phương thức giao tiếp ứng xử cô giáo như mẹ hiền.***

Cần hiểu chữ “mẹ hiền” là người mẹ luôn đáp ứng những nhu cầu cần thiết của đứa trẻ với tất cả tình yêu thương vô bờ bến. Có những người mẹ sinh con ngoài ý muốn nên khi sinh con ra thì rơi vào tâm trạng buồn phiền, sầu não nên thường bỏ rơi trẻ, tỏ ra bức bối, khó chịu khi phải chăm sóc trẻ, hoặc lạnh nhạt, thờ ơ với trẻ. Cô giáo mầm non khi chăm sóc trẻ phải là một người mẹ hiền với đầy đủ ý nghĩa sâu sa của nó.

Phương thức này có một số đặc trưng sau:

*\* Giao tiếp với trẻ trực tiếp bằng xúc giác:*

Trẻ mầm non còn rất nhỏ, đang phát triển cả về thể chất và tâm lý, trẻ rất cần sự chăm sóc, yêu thương của người lớn vậy mà lúc này trẻ lại phải tạm xa vòng tay yêu thương của cha mẹ, trẻ đến trường mầm non với cô giáo và ở với cô trong thời gian tương đối dài (khoảng 8 đến 10 giờ/ngày). Vì vậy, GVMN phải thay người mẹ để chăm sóc, vỗ về trẻ. Bằng cách đó GVMN không chỉ thỏa mãn cho trẻ nhu cầu gắn bó, nhu cầu tình cảm mà còn tạo cho trẻ cảm giác an toàn, yên tâm khi ở bên cô, điều này có ý nghĩa rất lớn đối với sự phát triển tâm lý và thể chất của trẻ.

Nhà tâm lý Harlow (người Mỹ) đã đưa ra kết luận: Một con khỉ khi bị thiếu mẹ sẽ trải qua các giai đoạn: kích động - vô cảm - trầm nhược. Nếu người ta đưa con khỉ mẹ đến sau một thời gian ngắn chia cắt thì con khỉ con sẽ trải qua trạng thái bùng nổ cảm xúc và bám chặt vào mẹ với thời gian lâu hơn. Ngược

lại, nếu nó bị tách khỏi mẹ trong một khoảng thời gian dài thì con vật tự tạo ra hành vi giống như được ở bên mẹ như: chúng mút bất cứ thứ gì (thường là ngón tay) hay tự bám vào mình (con khỉ con lấy tay tự quàng vào mình như thể có người bế ẵm, rồi tự đu đưa mình...), các vận động này thường lặp đi lặp lại; đôi khi chúng có những hành vi hung hãn, chống đối những người chăm sóc. Những rối loạn này tùy thuộc vào thời gian kéo dài của sự thiếu mẹ. Nếu xa mẹ không quá 3 tháng thì phần lớn những con khỉ con thích nghi lại một cách dễ dàng. Nếu xa mẹ quá 6 tháng thì thời gian thích nghi kéo dài hơn. Đặc biệt, sự tổn thất sẽ không bao giờ hồi phục được nếu xa mẹ quá 12 tháng. (*Theo kết quả nghiên cứu của Harlow và các cộng sự năm 1968 – BS Phạm Văn Đoàn dịch*)[1]. Trẻ em cũng vậy, nếu như đứa trẻ không nhận đủ những vuốt ve ôm ấp sẽ dao động giữa 2 cách ứng xử: hoặc cơ thể bị tê liệt, bị mất đi những cảm xúc hoặc suốt đời thèm khát khôn nguôi những vuốt ve mà chúng đã bị thiếu. Sau này một số trẻ tìm cách thỏa mãn bằng việc tự mút tay mình hoặc tự lắc đầu, dằm tay vào trán mình, lắc lư thân mình lúc ngồi hoặc lắc lư từng chân một để tạo ra cảm giác như đang được bế ẵm. [3]

*\* Thỏa mãn những nhu cầu cơ bản cho trẻ trong những lúc cần thiết nhất*

Cô đối xử với trẻ như cách của người mẹ đối xử với con mình. Cô coi trẻ như con và chính tình cảm thiêng liêng này là động cơ để GVMN dồn hết tâm trí, sức lực chăm sóc trẻ, phát hiện ra những biến đổi dù là rất nhỏ của trẻ và sẵn sàng đáp ứng mọi nhu cầu của trẻ dù có phải vượt qua nhiều khó khăn, trở ngại. Có trẻ ăn kiêng, ăn ít; có trẻ lại có nhu cầu ăn thêm, có trẻ bệnh, có trẻ khỏe, có trẻ nhận thức nhanh, có trẻ nhận thức chậm, có trẻ lảm lỳ ít nói, có trẻ cởi mở dễ gần, có trẻ nhanh nhẹn, có trẻ chậm chạp, có trẻ có vấn đề về mắt, có trẻ có vấn đề về tai, có trẻ có vấn đề về vận động, có trẻ có vấn đề về ngôn ngữ.... Với tất cả tình yêu thương của một người mẹ dành cho trẻ, GVMN phải quan tâm, chăm sóc, thỏa mãn nhu cầu chung, nhu cầu riêng để đảm bảo sự phát triển và sự công bằng cho từng trẻ.

*\* Giao tiếp - ứng xử với trẻ bằng khích lệ, biểu dương và trách phạt*

Trẻ mầm non ưa những lời nói ngọt ngào, dịu dàng, thích được khen ngợi. Do đó cô nên khen trẻ nhiều, khen kịp thời khi trẻ có sự tiến bộ để động viên và củng cố hành vi tốt cho trẻ, trên cơ sở đó mà hình thành cho trẻ những thói quen tốt. Khi trẻ thể hiện được một hành vi văn hóa đẹp, thực hiện được những hành động tốt như biết nói lời cảm ơn khi được giúp, biết nói xin lỗi khi mắc lỗi, biết

nhường nhịn, hợp tác với bạn khi chơi, biết giúp cô lau bàn ghế sau khi ăn, xếp gọn đồ chơi sau khi chơi, biết đi tiêu, đi tiểu sạch sẽ, đúng nơi quy định.... thì GVMN cần khen ngay để trẻ nhận thức thể nào là đúng, sai, nên và không nên từ đó mà củng cố những hành vi tốt đó.

Khi trẻ mắc lỗi GVMN nên tỏ thái độ không đồng tình, nhẹ nhàng phê bình cá nhân trẻ chứ không nên chê trách trẻ, nhất là chê trước mặt bạn bè bởi điều đó có thể làm cho trẻ sợ hãi, tâm trạng nặng nề, u ám. Trong một số ít trường hợp nếu đã dùng đủ biện pháp rồi mà trẻ vẫn tỏ ra ương bướng, có những hành vi, lời nói hỗn hào thì có thể dùng biện pháp trách phạt. Nhưng đây chỉ là hình thức bắt buộc dĩ và nguyên tắc của trách phạt là không được làm cho trẻ cảm thấy bị xúc phạm. Đặc biệt là không nên lạm dụng biện pháp cấm đoán, vì càng cấm đoán trẻ càng “làm tới”, có khi là vì tò mò, có khi là để thể hiện sự chống đối người lớn.

Khi trẻ mắc khuyết điểm GVMN cần phân tích giúp trẻ nhận ra lỗi của mình để sửa chữa. Trẻ trêu bạn, đánh bạn, đánh đổ cơm canh ra bàn, leo trèo lên bàn, lên ghế... cô nên nhắc nhở nhẹ nhàng, mục đích là để trẻ nhận ra lỗi và sửa lỗi chứ không phải để làm cho trẻ sợ hãi mà miễn cưỡng vâng lời như cách giao tiếp áp đặt, quyền uy. Bằng cách đó, người giáo viên mầm non đã giúp trẻ nhận biết được đúng, sai, tốt, xấu, ngoan, hư; những điều được làm và không được làm. Xây dựng cho trẻ niềm tin vào hành động của bản thân. Để làm được như vậy, cô giáo mầm non cần lưu ý: 1) Lời khen, chê phải chân thành, thiện ý xuất phát từ tấm lòng của người mẹ luôn mong những điều tốt nhất cho trẻ; 2) Cần khen - chê hành vi không khen- chê nhân cách của trẻ; 3) Khen- chê kịp thời, đúng lúc, cụ thể, tránh kiểu khen- chê chung chung.

*\* Dành nhiều thời gian chăm sóc từng trẻ, tạo điều kiện để trẻ được giao tiếp trực tiếp với cô*

Thực tế hiện nay GVMN ngoài làm các công việc trực tiếp chăm sóc giáo dục trẻ như: đón trẻ; trả trẻ; điểm danh; tổ chức giờ ăn; giờ ngủ; tổ chức hoạt động; tổ chức hoạt động vui chơi; soạn giáo án; làm đồ dùng đồ chơi... thì vẫn còn phải làm nhiều việc gián tiếp phục vụ trẻ như giặt khăn mặt, kê dọn bàn ghế, quét, lau sàn nhà, vệ sinh tắm lót sàn, dọn nhà vệ sinh.... Nhưng không vì thế mà giáo viên mầm non không dành thời gian chăm sóc, trò chuyện với từng trẻ. Khi nói chuyện với trẻ, cô nhìn trẻ âu yếm thân thương, vừa thể hiện sự lắng



nghe, tôn trọng trẻ, vừa làm gương cho trẻ để trẻ biết tập trung chú ý vào đối tượng giao tiếp.

#### **2.1.5. Phương thức giao tiếp ứng xử cô giáo là cô giáo**

GVMN lấy tình yêu thương vô bờ bến của người mẹ làm cơ sở để chăm sóc giáo dục trẻ, đồng thời phải thực hiện nhiệm vụ giáo dục trẻ theo khoa học, theo mục tiêu của GDMN.

Phương thức này có những đặc trưng sau:

*\* GVMN phải giúp trẻ phát triển khỏe mạnh, hài hòa về thể chất, nâng cao sức đề kháng cho trẻ.* Muốn vậy cô phải tổ chức tốt các hoạt động vận động và chú ý đảm bảo chế độ ăn đầy đủ, cân đối các chất dinh dưỡng cho trẻ; đảm bảo trẻ được ngủ đủ giấc và phối hợp với phụ huynh tiêm phòng đầy đủ để phòng tránh các bệnh truyền nhiễm cho trẻ.

*\* Giáo dục cho trẻ lòng thương người, biết quan tâm, nhường nhịn những người xung quanh, thật thà, lễ phép, mạnh dạn, hồn nhiên.*

GVMN có thể giáo dục lòng thương người cho trẻ qua: Mẫu của cô; mẫu của bạn; mẫu của các nhân vật trong truyện. Trong đó giáo dục trẻ qua mẫu của cô có một ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Chính thói quen ăn mặc chỉnh tề, nói năng từ tốn, cư xử lịch thiệp, đi đứng trang nghiêm, thương yêu trẻ, giúp đỡ đồng nghiệp, tận tụy hết lòng với công việc... của GVMN là tấm gương tốt để trẻ noi theo.

*\* Giáo dục trẻ yêu cái đẹp, nhận ra cái đẹp ở xung quanh.*

Khi trẻ nhìn thấy một bông hoa tươi thắm, nghe một khúc nhạc hay, một câu thơ giàu vần điệu, trẻ biết giữ gìn cái đẹp, trẻ có nhu cầu tạo ra cái đẹp như: sắp xếp đồ dùng, đồ chơi gọn gàng, đẹp mắt, nói năng lễ phép, biết nói lời cảm ơn, xin lỗi...

*\* Giáo dục trí tuệ cho trẻ:* GVMN thường xuyên đặt ra cho trẻ những tình huống, những câu hỏi, những vấn đề nhằm phát triển các thao tác trí tuệ như quan sát, phân tích, tổng hợp, so sánh, phán đoán, suy luận... cho trẻ mầm non.

### **2.2. Một số nội dung khi thực hiện phương thức giao tiếp - ứng xử cô giáo như mẹ hiền và cô giáo là cô giáo theo độ tuổi**

#### **2.2.1. Với trẻ hài nhi (2 – 15 tháng)**

GVMN thường xuyên ôm ấp, vỗ về khi chăm sóc trẻ; Kịp thời đáp ứng nhu cầu bế nựng của trẻ khi trẻ khóc, đau, khó chịu; Bế ẵm là cách hữu hiệu để dỗ dành trẻ

Khi trẻ nói hoặc trả lời câu hỏi của cô, cô nghiêng người về phía trẻ, gật đầu tán đồng ý kiến, giữ nét mặt vui tươi, ánh mắt nhìn về phía trẻ một cách thân thiện, biết phát ra tín hiệu tỏ rõ sự quan tâm đến điều trẻ nói, chờ đợi và tôn trọng trẻ, đón ánh mắt của trẻ một cách chủ động.

Khi chăm sóc – giáo dục, GVMN luôn giữ nét mặt tươi tắn, vui vẻ, âu yếm, cử chỉ nhẹ nhàng khi chăm sóc trẻ, chẳng hạn trước khi ăn cô hướng dẫn và đưa trẻ đi vệ sinh, rửa tay, trong khi ăn cô tạo không khí vui vẻ, cô xúc cho trẻ bé, cô tập cho trẻ lớn tự xúc cơm ăn, cô dỗ dành, động viên trẻ ăn hết suất, ăn xong cô lau miệng và vệ sinh cá nhân... Điều này vừa tạo cho trẻ cảm giác an toàn, yên tâm khi ở bên cô, vừa là tấm gương để trẻ bắt chước làm theo.

### **2.2.2. Với trẻ ấu nhi (15 – 36 tháng)**

Thường xuyên giao tiếp với trẻ bằng ngôn ngữ nói, kèm theo cử chỉ, hành vi, sắc thái biểu cảm để củng cố nội dung lời nói. Lưu ý GVMN phải phát âm chuẩn, rõ ràng và chú ý uốn nắn cho trẻ khi trẻ nói sai, nói ngọng, nói mất dấu, nói lắp...

Cô giáo có thể khen ngợi trẻ bằng cách xoa đầu, thơm má, cử chỉ nhẹ nhàng, cởi mở, vui tươi. Ngược lại khi trẻ không thực hiện tốt yêu cầu thì người lớn phải chê, phải tỏ thái độ nghiêm khắc để trẻ sửa, tránh quát mắng làm trẻ sợ hãi.

Kịp thời phát hiện những khả năng mới của trẻ, tin tưởng vào trẻ, tạo điều kiện và hướng dẫn trẻ làm một số việc phù hợp với khả năng, nhất là những việc tự phục vụ bản thân; tôn trọng cá tính riêng của trẻ; tạo ra bầu không khí giao tiếp chan hòa, dễ chịu để trẻ mạnh dạn, tự tin giao tiếp với mọi người. Chẳng hạn trong bữa ăn, cô động viên trẻ ăn hết suất, chỉ dẫn bằng lời nói để trẻ có hành động đúng như không vừa ăn vừa nói, không đùa cợt, không vứt thức ăn xuống sàn nhà mà phải gọn gàng sạch sẽ, không bỏ thừa đồ ăn....

### **2.2.3. Với trẻ mẫu giáo (3 – 6 tuổi)**

GVMN cần tổ chức tốt các hoạt động vui chơi, hoạt động nhận thức, các ngày lễ, ngày hội để trẻ được thỏa mãn nhu cầu giao tiếp với mọi người xung quanh.

GVMN luôn dạy trẻ tuân thủ theo những qui tắc, quy định của sinh hoạt tập thể như nhường nhịn, giúp đỡ, chia sẻ đồ chơi với bạn, chấp nhận sự phân chia đồ chơi... Kịp thời biểu dương những hành vi tốt, uốn nắn những hành vi không tốt, hướng dẫn trẻ tự giải quyết những mâu thuẫn nảy sinh trong nhóm

chơi chung, xây dựng một tập thể đoàn kết, thân ái. Chẳng hạn GVMN thể hiện gương mặt biểu cảm khi cùng chơi với trẻ, thái độ ân cần, chấp nhận cảm xúc của trẻ, giúp trẻ tháo bỏ tâm lý e ngại nhút nhát, sợ sệt. Khi trẻ làm sai hoặc mắc lỗi như tranh giành đồ chơi, không thích chơi quay sang phá bậy, hay chưa biết giữ gìn đồ chơi thì GVMN nhắc nhở trẻ nhẹ nhàng và hướng dẫn trẻ cách thu dọn đồ, giữ gìn đồ chơi.... GVMN luôn giao tiếp - ứng xử với trẻ bằng cử chỉ ân cần, giải thích cho trẻ hiểu đồ chơi là để chơi chung và nhắc nhở trẻ lần sau không trêu trọc, tranh giành đồ chơi của nhau.

### **3.Kết luận**

Trên nền tảng tình yêu thương của người mẹ, lấy tình yêu thương của người mẹ làm gốc, GVMN đã chuyển tải đến trẻ những tri thức khoa học giáo dục mầm non, chăm sóc, dạy dỗ trẻ nên người. Hai phương thức cô giáo như mẹ hiền và cô giáo là cô giáo đan xen, hòa quyện vào nhau, không tách rời nhau trong công việc hàng ngày của GVMN.

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Dương Diệu Hoa (Chủ biên, 2008), *Tâm lý học phát triển*, NXB ĐHSP Hà Nội.
2. Ngô Công Hoàn (1995), *Giao tiếp và ứng xử của cô giáo với trẻ em*, NXB ĐHSP Hà Nội.
3. Phan Trọng Ngọ (Chủ biên, 2003), *Các lý thuyết phát triển tâm lý người*, NXB ĐHSP Hà Nội.
4. Nguyễn Ánh Tuyết (Chủ biên, 2012), *Tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non*. NXB ĐHSP.
5. Nguyễn Thị Hồng Vân (Chủ biên, 2018), *Kỹ năng giao tiếp của giáo viên mầm non*, NXB Thanh niên.

**THỰC TIỄN GIÁO DỤC**



# MỘT SỐ BIỆN PHÁP RÈN LUYỆN SO SÁNH CHO TRẺ 5 – 6 TUỔI TRONG HOẠT ĐỘNG LÀM QUEN VỚI VĂN HỌC Ở TRƯỜNG MẦM NON

**TS. Nguyễn Thị Minh Phương**

**ThS. Trần Thị Yến**

Khoa Giáo dục Mầm non

**Tóm tắt:** Hoạt động làm quen với văn học chính là “chất màu” để nuôi dưỡng và phát triển trí tưởng tượng, so sánh của trẻ. Bài viết sau đây sẽ đề xuất một số biện pháp cụ thể trong việc rèn luyện so sánh cho trẻ 5 – 6 tuổi trong hoạt động làm quen với văn học ở trường mầm non. Thông qua các biện pháp này không chỉ giúp trẻ biết cách tư duy, cách nhận thức mà còn đem đến cho các em cách diễn đạt tinh tế hơn, mượt mà hơn.

**Từ khóa:** *Biện pháp, so sánh, làm quen văn học*

## **1. Đặt vấn đề**

Nhà văn M.Goóc-ki định nghĩa “*Văn học là nghệ thuật ngôn từ*”. Các hình tượng văn học, cách so sánh trong văn học sẽ làm phong phú những xúc cảm, tình cảm, đưa đến cho trẻ những hình tượng tuyệt diệu của ngôn ngữ dân tộc. Vì vậy đề xuất được các biện pháp rèn luyện cho trẻ 5 – 6 tuổi biết sử dụng so sánh trong hoạt động làm quen với văn học là hết sức quan trọng và cần thiết.

## **2. Nội dung**

### **2.1. Khái niệm “biện pháp”**

Theo *Từ điển Tiếng Việt* của Viện ngôn ngữ học Việt Nam do Quý Long và Kim Phụng biên soạn, 2014 thì *biện pháp* được quan niệm là “*cách làm, cách giải quyết một vấn đề cụ thể*” (trang 60). Còn trong *Từ điển Giáo dục học* của Nhà Xuất bản Từ Điển Bách Khoa thì *biện pháp giáo dục* được quan niệm là “*cách tác động có định hướng, có chủ đích, phù hợp với tâm lí đến đối tượng giáo dục nhằm bồi dưỡng hoặc làm thay đổi những phẩm chất và năng lực của đối tượng...*” (trang 26). Thuật ngữ *biện pháp* mà chúng tôi sử dụng ở đây chính là khái niệm như cuốn *Từ điển Giáo dục học* đã nêu: Đó là hoạt động tác động của giáo viên đến trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi một cách có định hướng, có chủ

đích, phù hợp với tâm lí của trẻ nhằm làm thay đổi những phẩm chất và năng lực của trẻ trong việc nhận thức và sử dụng phép so sánh trong hoạt động giúp trẻ làm quen với văn học.

## 2.2. Một số biện pháp rèn luyện so sánh cho trẻ 5 - 6 tuổi trong hoạt động làm quen với văn học ở trường mầm non

### 2.2.1. Biện pháp 1: Giáo viên đọc chậm rãi, rõ ràng những câu văn, câu thơ có sử dụng so sánh

Mục đích của biện pháp này là giúp trẻ hiểu được nghĩa, nhớ được âm và thuộc được những câu thơ có chứa đựng phép so sánh. Vì vậy cần lựa chọn văn bản có sử dụng phép so sánh. Khi gặp câu văn, câu thơ có sử dụng so sánh thì giáo viên cần đọc chậm rãi, rõ ràng, nhấn giọng, thay đổi nhịp điệu, âm lượng. Điều đó sẽ lôi kéo trẻ, giúp trẻ chú ý nhiều hơn đến câu văn, câu thơ được giáo viên kể hoặc đọc.

Muốn trẻ phát hiện ra câu văn, câu thơ có sử dụng so sánh thì điều đầu tiên là cần giúp trẻ nhận ra được cấu trúc của so sánh - bằng việc nhận ra từ tiêu biểu nhất của so sánh, đó chính là từ “*như*”. Từ “*như*” sẽ thâm dần vào bộ nhớ của trẻ. Rồi tiếp sau đó, trong những lần hoạt động sau, giáo viên mới cho trẻ làm quen với các từ “*tựa như, giống như, hệt như, tương tự như...*”. Ví dụ, bốn đoạn trích dưới đây đều có phép so sánh:

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                 |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <i>Vườn em có một luống khoai</i><br><i>Có hàng chuối mật với hai luống cà</i><br><i>Em trồng thêm một cây na</i><br><i>Lá xanh vẫy gió <b>như là</b> gọi chim.</i><br>( <i>Vườn em – Trần Đăng Khoa</i> )                                                                                                                      | <i>Lúc ở nhà, mẹ cũng <b>là</b> cô giáo</i><br><i>Khi đến trường cô giáo <b>như</b> mẹ</i><br><i>hiền</i><br><i>Cô và mẹ <b>là</b> hai cô giáo</i><br><i>Mẹ và cô đấy hai mẹ hiền</i><br>( <i>Cô và mẹ - Phạm Tuyên</i> )                       |
| <i>Sân nhà em sáng quá</i><br><i>Nhờ ánh trăng sáng ngời.</i><br><i>Trăng tròn <b>như</b> cái đĩa</i><br><i>Lơ lửng mà không rơi.</i><br><i>Những hôm nào trăng khuyết</i><br><i>Trông <b>giống</b> con thuyền trôi</i><br><i>Em đi, trăng theo bước</i><br><i>Như muốn cùng đi chơi.</i><br>( <i>Trăng sáng – Nhược Thủy</i> ) | <i>Em vẽ mặt trời</i><br><i>To <b>bằng</b> bàn tay</i><br><i>Mặt trời tỏa nắng</i><br><i>Và cho ban ngày.</i><br><i>Em vẽ mặt trăng</i><br><i>Trắng trong dịu mát</i><br><i>Đong đầy thơ ngây</i><br>( <i>Gia đình trời - Phùng Ngọc Hùng</i> ) |

Chúng ta thấy việc sử dụng từ ngữ so sánh trong bốn đoạn trích này có sự khác nhau. Thơ Trần Đăng Khoa sử dụng từ so sánh thông dụng nhất, thường gặp và có tần số xuất hiện cao, đó là từ “*như*”: *Lá xanh vậy gió như là gọi chim*. Trong khi đó, bài thơ của Nhược Thủy có sử dụng hai phép so sánh, trong đó có phép sử dụng từ so sánh “*giống*”: *Trông giống con thuyền trôi*. Và trong bài của Phùng Ngọc Hùng thì lại dùng từ so sánh “*bằng*”: *To bằng bàn tay*. Những từ so sánh này có tần số không hiện không cao, không thường nhật nên đối với trẻ khó nhận ra phép so sánh hơn và khó nhớ hơn. Còn bài hát của Phạm Tuyên cũng dùng phép so sánh nhưng dùng từ so sánh theo kiểu tuyệt đối “*là*”, chính vì thế mà tần số xuất hiện trong lời nói thường ngày lại càng ít hơn nữa. Từ sự phân tích trên, chúng ta thấy rằng, trong giai đoạn đầu rèn luyện cách sử dụng so sánh trong hoạt động giúp trẻ làm quen với văn học, thì những đoạn thơ, bài thơ có sử dụng phép so sánh như kiểu của Trần Đăng Khoa sẽ được ưu tiên hơn, được chọn trước, đọc trước; rồi lần lượt sau đó mới là cách so sánh kiểu của Nhược Thủy, Phùng Ngọc Hùng và cuối cùng mới là của nhạc sĩ Phạm Tuyên. Như vậy dựa theo sự định danh này, trẻ sẽ nhận ra rằng, trong câu văn, câu thơ nếu câu nào đó có sử dụng các từ: *như, giống như, là...* thì có nghĩa là câu đó đã sử dụng phép so sánh.

### **2.2.2. Biện pháp 2: Cho trẻ nói lại câu có dùng phép so sánh trong bài thơ đã được nghe**

Mục đích của phương pháp này là nhấn mạnh, tô đậm trong bộ nhớ của trẻ về những câu thơ, những hình ảnh hoặc cách so sánh và từ đó giúp trẻ thuộc được nhanh hơn, dễ dàng hơn những câu thơ được làm quen. Trong các bài văn, bài thơ có dùng phép so sánh thì giáo viên cần phải có cách đọc khác như chúng tôi vừa phân tích trên: đọc chậm rãi, rõ ràng, nhấn giọng, thay đổi nhịp điệu, thay đổi âm lượng... so với các câu khác. Sau đó giáo viên cho trẻ nói lại câu có sử dụng phép so sánh đó trong bài văn, bài thơ. Đây chính là bước đầu giúp trẻ làm quen với so sánh, nhận diện được so sánh trong hoạt động làm quen với văn học. Ví dụ, với bài “*Trăng ơi... từ đâu đến?*” của Trần Đăng Khoa, giáo viên có thể thực hiện biện pháp này theo một trình tự như sau:

- Đọc bài thơ theo cách đọc chậm rãi và nhấn giọng ở các câu (được in đậm và nghiêng trong bài thơ) có sử dụng phép so sánh. Việc đọc chậm và nhấn giọng như vậy sẽ giúp trẻ tập trung sự chú ý hơn đến câu thơ được đọc.

Trăng ơi... từ đâu đến?  
Hay từ cánh rừng xa  
*Trăng hồng **như** quả chín*  
Lững lơ lên trước nhà

Trăng ơi... từ đâu đến?  
Hay biển xanh diệu kì  
*Trăng tròn **như** mắt cá*  
Chẳng bao giờ chớp mi

- Sau khi đọc xong, giáo viên cần nói cho trẻ rõ trong bài thơ có sử dụng hai phép so sánh: “Lần thứ nhất là: *Trăng hồng như quả chín*, lần thứ hai là: *Trăng tròn như mắt cá*. Các con hãy cùng cô nhắc lại hai lần so sánh đó!”.

- Khi cô đã gọi tên phép tu từ và đọc tách biệt từng câu thơ trong bài, cô cho trẻ lần lượt nói lại, đọc lại những câu thơ đó. Và khi trẻ nhắc lại những câu thơ này cũng chính là lúc trẻ đã thực sự tham gia vào hoạt động nhằm mục đích nhận thức về phép so sánh để từ đó dần hình thành thói quen và kĩ năng nói lại, đọc lại những lời so sánh một cách trôi chảy, rõ ràng.

### **2.2.3. Biện pháp 3: Đàm thoại với trẻ về so sánh**

Mục đích của biện pháp này chính là tiến hành đàm thoại với trẻ để đánh giá một cách chính xác về nhận thức, về cách cảm nhận của trẻ đối với hình ảnh, câu chữ được sử dụng trong so sánh. Ở đây, chúng tôi chỉ tập trung chú ý vào việc đàm thoại, trò chuyện nhằm giúp trẻ làm quen với so sánh để rồi từ đó hiểu được về so sánh và bước đầu có thể sử dụng được phép so sánh trong lời nói của mình. Để có thể thực hiện được việc đàm thoại có hiệu quả, trẻ cần nhớ, cần thuộc những câu thơ có sử dụng so sánh. Bởi vậy, trong giai đoạn đầu giúp trẻ làm quen với so sánh, giáo viên nên chọn bài thơ nào mà phép so sánh chỉ gói gọn trong một câu mà không phải trải ra trong hai câu, như vậy trẻ sẽ thuận lợi, dễ dàng hơn trong việc nhận diện.

Ví dụ: Phép so sánh được thực hiện trong một câu thơ: *Trăng tròn **như** cái đĩa; Trăng hồng **như** quả chín* trẻ sẽ nhận ra thuận lợi hơn nhiều phép so sánh được thực hiện trong hai câu thơ sau:

*Hoa sen đỏ rực  
Như ngọn lửa hồng*

*Em đi, trăng theo bước  
Như muốn cùng đi chơi*

Và nội dung chúng ta cần đàm thoại và trò chuyện khi giúp trẻ 5 – 6 tuổi làm quen với so sánh gồm:

#### **➡ Đàm thoại để nhận ra đối tượng được đem ra so sánh (về A)**

Những câu hỏi loại này thường hướng sự chú ý của trẻ vào việc phát hiện, tìm ra, chỉ ra đối tượng được đem ra so sánh (về A). Ở loại câu hỏi này, đối tượng được dùng để so sánh (về B) sẽ hiện diện trong câu hỏi, còn về A là về



buộc trẻ phải tìm kiếm. Khi trẻ trả lời đúng thì điều đó có nghĩa là trẻ đã phát hiện chính xác đối tượng được đem ra so sánh. Ví dụ, những câu hỏi như dưới đây, là những loại câu hỏi như trên:

Các con cho cô biết, câu thơ đã so sánh cái gì “*như cái đĩa*”? → **trăng tròn**; câu thơ đã so sánh cái gì “*như quả chín*”? → **trăng hồng**; câu thơ đã so sánh cái gì “*như ngọn lửa hồng*”? → **hoa sen đỏ rực**; câu thơ đã so sánh cái gì “*như muốn cùng đi chơi*”? → **em đi, trăng theo bước**.

➡ **Đàm thoại để nhận ra đối tượng được dùng để so sánh (về B)**

Để khắc sâu hơn nữa nhận thức của trẻ về cấu trúc hai vế của so sánh, sau khi trò chuyện, trẻ đã nhận ra được đối tượng được đem ra so sánh (về A), giáo viên cần tiếp tục đàm thoại để trẻ đi tìm đối tượng được dùng để so sánh (về B).

Ví dụ, giáo viên có thể định hướng hỏi trẻ như sau để trẻ tìm được về B: Các con cho cô biết, “*trăng tròn*” được so sánh (hoặc trông giống với) cái gì? → **cái đĩa**; “*trăng hồng*” được so sánh (hoặc trông giống với) cái gì? → **quả chín**. Các con cho cô biết câu thơ đã so sánh “*hoa sen đỏ rực*” với cái gì? → **ngọn lửa hồng**

Các con cho cô biết, câu thơ đã so sánh hiện tượng “*em đi, trăng theo bước*” như thế nào? → **muốn cùng đi chơi**

Khi trẻ tìm ra được về B thì điều đó cũng có nghĩa là trẻ đã hiểu được đối tượng được đem ra so sánh là cái gì, con gì, vật gì, hiện tượng gì... Lúc đó trong nhận thức của trẻ sẽ hiểu được một đặc điểm cốt lõi của so sánh chính là: phải có hai đối tượng, một đối tượng được đem ra so sánh và một đối tượng được dùng để so sánh. Không có hai đối tượng sẽ không thể tạo thành so sánh.

➡ **Đàm thoại để trẻ nhận ra phương diện so sánh**

Đối với trẻ 5 – 6 tuổi, để trẻ nhận ra phương diện so sánh cô có thể dẫn dắt đặt các câu hỏi với trẻ như sau: Ví dụ, cô đọc lại câu thơ: “*Trăng tròn như cái đĩa*”; “*Trăng hồng như quả chín*”, và đặt câu hỏi:

+ Vì sao trăng lại được so sánh với “*cái đĩa*”? , trẻ suy nghĩ trả lời, sau đó cô sẽ hướng dẫn trẻ nhận ra chỗ giống giữa trăng và cái đĩa là ở *hình dáng: tròn*. Bởi vậy chúng có thể được đem ra so sánh với nhau, so sánh về hình dáng.

+ Vì sao trăng lại được so sánh với “*quả chín*”? Trẻ sẽ tìm câu trả lời và sau đó cô sẽ hướng dẫn trẻ nhận ra chỗ giống giữa trăng và quả chín là ở *màu sắc: quả chín có màu hồng và trăng cũng có màu hồng*. Bởi vậy chúng có thể được đem ra so sánh với nhau, so sánh về màu sắc.

Qua đàm thoại, trẻ sẽ dần dần nhận thức được một cách đầy đủ và chính xác về so sánh: Đã là so sánh thì phải có hai đối tượng; Hai đối tượng này phải có nét tương đồng, giống nhau nhất định nào đó; Sự tương đồng và giống nhau ấy có thể là về hình dáng, màu sắc, tính chất... hoặc ở một phương diện nào đó.

#### **2.2.4. Biện pháp 4: Trẻ tập nói câu so sánh**

Giai đoạn đầu của việc luyện tập, để trẻ nói được câu so sánh, cô cần phải có mẫu câu so sánh. Biện pháp này có thể thực hiện theo trình tự sau:

- *Giáo viên đưa mẫu so sánh:* Giáo viên có thể lấy mẫu câu: “*Trăng tròn như cái đĩa*” hoặc “*Trăng hồng như quả chín*” để giúp trẻ nói câu so sánh. Khi đưa ra mẫu này, cô chỉ nói về A và nhiệm vụ của trẻ là nói được nội dung của vế B. Khi trẻ nói lại được vế B thì hoạt động này đã được hoàn thành.

- *Trẻ nói lại mẫu:* Giáo viên có thể đặt câu hỏi gợi mở để định hướng cho trẻ. Ví dụ: Các con cho cô biết, “*trăng tròn*” trông giống với cái gì? → ***cái đĩa***. Sau đó cô cho trẻ nói lại mẫu câu chứa cấu trúc so sánh: “*trăng tròn như cái đĩa*”; hoặc “*trăng hồng*” trông giống với cái gì? → ***quả chín***, trẻ nói lại mẫu: “*trăng hồng như quả chín*”. Khi trẻ nhắc lại đầy đủ mẫu, có nghĩa là trẻ cũng đã nhận thức được mẫu so sánh và sẽ làm quen được với cách nói lời so sánh.

- *Trẻ nói theo mẫu:* Khi trẻ đã nói lại được một cách thành thạo theo mẫu, giáo viên có thể nâng cao hơn yêu cầu rèn luyện. Cô đưa ra vế A còn trẻ tự suy nghĩ và đưa ra so sánh riêng của mình trong vế B. Lúc này đòi hỏi trẻ phải có được một nhận thức riêng của mình thì mới có khả năng so sánh đúng và hay. Ví dụ, sau khi đã nói lại được theo mẫu, cô có thể đặt câu hỏi như: Các con đã thấy, “*trăng tròn như quả bóng*”, “*trăng hồng như quả chín*” rồi. Nhưng các con còn thấy *trăng tròn, trăng hồng* như cái gì nữa không? Lúc này trẻ sẽ đưa so sánh của mình, chẳng hạn như: *Trăng tròn như quả bóng, như cái mâm cơm, như một viên bi, như một cái kẹo mút ...* hoặc *trăng hồng như mắt cá, như ngọn lửa, như màu áo, như dải lụa, như mặt mẹ...*

Việc đánh giá ở đây của giáo viên không chỉ là tuyên dương, khen ngợi những trẻ có so sánh hay mà điều quan trọng hơn là phải khẳng định được việc biết nói ra câu so sánh, mặc dù so sánh đó chưa hay, chưa chính xác.

- *Trẻ nói sáng tạo:* Đây là một hoạt động khó nhất đối với trẻ. Để nói được những câu so sánh mang tính sáng tạo, trẻ phải có một sự hiểu biết nhất định về môi trường xung quanh, thuộc một số câu văn câu thơ có sử dụng so sánh và đặc biệt là trẻ phải tích cực, chủ động suy nghĩ... Bởi lẽ, đây là một

hoạt động chỉ dựa vào mẫu các em đã được nghe mà tự đưa ra một sự so sánh mới, có thể đó là một so sánh các em được gặp lần đầu về một phương diện nào đó của đối tượng được đem ra so sánh. Ví dụ, dựa vào mẫu so sánh trẻ đã biết như “*Trăng tròn như cái đĩa*” hoặc “*Trăng hồng như quả chín*”, giáo viên sẽ đưa ra một so sánh thuộc phương diện khác, đặc tính khác... của đối tượng đã được làm quen. Những câu hỏi như: *Trăng sáng như...; Trăng treo lơ lửng như ...; Trăng vàng như...; Trăng khuyết như...; Trăng đẹp như ...* là những câu hỏi giúp trẻ nói sáng tạo.

### **3.Kết luận**

Trên đây là một số biện pháp mà chúng tôi đề xuất để rèn luyện cho trẻ 5 – 6 tuổi sử dụng phép so sánh trong hoạt động làm quen với văn học. Mỗi biện pháp đều có điểm mạnh và điểm yếu nhất định. Vì thế, trong việc sử dụng các biện pháp này, giáo viên không nên tuyệt đối hóa sức mạnh của một biện pháp nào đó mà nên phối hợp và lựa chọn các biện pháp đan xen nhau, sao cho phát huy được điểm mạnh của từng biện pháp như vậy sẽ vừa phát triển được năng lực tư duy, vừa phát triển được năng lực sử dụng ngôn ngữ cho trẻ 5 – 6 tuổi ở trường mầm non.

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Nguyễn Cẩm Giang – Phạm Thị Thu (2015), *Tuyển chọn thơ, truyện cho trẻ mầm non*, NXB Văn học.
2. Nguyễn Xuân Khoa - *Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mẫu giáo* - NXBĐHQG Hà Nội, 1999
3. Hoàng Phê (1994), *Từ điển Tiếng Việt*, NXB Khoa học Xã hội, 1994.
4. Hà Nguyễn Kim Giang (2009). *Phương pháp tổ chức hoạt động làm quen với tác phẩm văn học*. NXB Giáo dục Việt Nam.
5. McLean J., McLean L.K., *How children learn language*, Singular Publishing Group, Inc., London, 1999

# **VẬN DỤNG PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC DỰ ÁN TRONG GIẢNG DẠY MÔN TIẾNG VIỆT THỰC HÀNH Ở TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM TRUNG ƯƠNG**

**TS. Hoàng Thị Lan**

Phòng Khoa học công nghệ - Hợp tác quốc tế

**Tóm tắt:** Dạy học dự án là một hình thức làm việc vừa có tính hợp tác, vừa có tính thực tiễn cao, cho phép người học phát huy được tính năng động, khả năng sáng tạo cũng như sự tự chủ trong học tập. Bài viết này trình bày một cách hệ thống những vấn đề cơ bản về phương pháp dạy học dự án: khái niệm, ưu điểm, cách tiến hành. Bài viết cũng giới thiệu một số hoạt động dạy học Tiếng Việt thực hành đã thực nghiệm theo phương pháp này tại Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương, đem đến những giờ hiệu quả thiết thực và được người dạy và người học tiếp cận một cách hứng thú.

**Từ khóa:** Cách tiến hành, dạy học dự án, ưu điểm, Tiếng Việt thực hành, hứng thú, hợp tác, làm việc nhóm.

## **1. Đặt vấn đề**

Hiện nay, các nhà nghiên cứu giáo dục đã đưa ra nhiều phương pháp dạy học tích cực nhằm giúp người học không chỉ tiếp thu kiến thức tốt mà còn phát triển năng lực. Ngoài phương pháp giáo dục truyền thống đang được áp dụng rộng rãi thì hiện nay giáo dục Việt Nam cũng đã tiếp cận và triển khai nhiều phương pháp giáo dục hiện đại trên thế giới, trong đó có thể kể đến phương pháp dạy học dự án. Theo Thomas (2000), “dạy học theo dự án vượt xa hơn việc tạo nên sự hứng thú trong học sinh. Những dự án được thiết kế tốt sẽ khuyến khích việc tìm hiểu tích cực và tư duy bậc cao”. “Đối với giảng viên, những ích lợi mang lại là việc nâng cao tính chuyên nghiệp và sự hợp tác”. Tuy nhiên, để áp dụng giáo viên cần linh hoạt tùy vào môn học/học phần mà người dạy lựa chọn phương pháp dạy học nhằm phát huy tính tích cực, sáng tạo của người học.

## **2. Nội dung**

### **2.1. Một số thuật ngữ, khái niệm về phương pháp dạy học dự án**

Phương pháp dạy học (PPDH) là lĩnh vực rất phức tạp và đa dạng. Có nhiều quan niệm, quan điểm khác nhau về PPDH. Trong bài viết này, PPDH

được hiểu là cách thức, là con đường hoạt động chung giữa người dạy và người học, trong những điều kiện dạy học xác định, nhằm đạt tới mục đích dạy học.

Dạy học dự án (Project base – learning) là phương pháp điển hình của dạy học định hướng hành động. Trong đó, người học thực hiện các nhiệm vụ phức hợp một cách tự lực, kết hợp lý thuyết và thực hành, được gọi là các dự án học tập. Có thể hiểu dạy học dự án là giao bài tập lớn (Project work) để tự người học thực hiện, người dạy đóng vai trò hướng dẫn, định hướng và tổ chức [1].

Khái niệm về dạy học dự án có nguồn gốc từ châu Âu từ thế kỉ XVI ở Ý và Pháp. Đầu thế kỉ XX, các nhà sư phạm người Mỹ như: Woodward, Richard, J.Dewey, W.Kilpatrick, Lilian Katz đã xây dựng lý luận cho Phương pháp dạy học dự án. Hiện nay, dạy học dự án được sử dụng rộng rãi trên thế giới, trong tất cả các cấp học, môn học với các tên gọi khác nhau: Project Method (Phương pháp dạy học dự án), Project base – learning (PP dạy học dự án hoặc dự án học tập), Project Approach (Phương pháp tiếp cận dự án).

Như vậy, *dạy học dự án một phương pháp dạy học, trong đó người học thực hiện một nhiệm vụ học tập phức hợp, gắn với thực tiễn, có sự kết hợp giữa lý thuyết và thực hành, tự lập kế hoạch, thực hiện, đánh giá kết quả. Phương thức làm việc chủ yếu là theo nhóm, kết quả dự án là những sản phẩm có thể giới thiệu và trưng bày* [1].

## **2.2. Những dạng thức của phương pháp dạy học dự án**

### *2.2.1. Phân loại theo chuyên môn*

- Dự án trong một môn học
- Dự án liên môn
- Dự án ngoài chuyên môn.

### *2.2.2. Phân loại theo sự tham gia của người học*

- Dự án cho nhóm
- Dự án cá nhân

### *2.2.3. Phân loại theo sự tham gia của người dạy*

- Dự án do một giáo viên hướng dẫn
- Dự án do nhiều giáo viên cộng tác hướng dẫn

### *2.2.4. Phân loại theo quỹ thời gian. (K.Frey)*

- Dự án nhỏ: thực hiện trong một vài giờ có thể là 2- 6 giờ học
- Dự án trung bình: thực hiện trong 1 hoặc một vài ngày giới hạn trong một tuần hoặc là 40 giờ học

- Dự án lớn: thực hiện với quỹ thời gian lớn tối thiểu là một tuần hoặc 40 giờ học, có thể kéo dài nhiều tuần

*Cách phân chia thời gian được áp dụng ở trường đối với từng chương trình giáo dục.*

#### 2.2.5. Phân loại theo nhiệm vụ

Dựa vào nhiệm vụ trọng tâm của dự án có thể phân loại theo các dạng sau:

- Dự án tìm hiểu
- Dự án nghiên cứu
- Dự án thực hành
- Dự án hỗn hợp

Các loại dự án trên không hoàn toàn tách biệt với nhau, tùy vào chuyên môn mà phân loại theo dự án đặc thù riêng.

### 2.3. Những đặc điểm chính của phương pháp dạy học dự án

- Mục đích trọng tâm là giáo dục tri thức
- Thời lượng trung bình hoặc dài.
- Đa ngành, đa lĩnh vực (có sự phối hợp kiến thức ở nhiều ngành Khoa học)
- Vấn đề/ chủ đề đặt ra phải có tính thách thức gây hứng thú đối với người học
- Người học là trung tâm của hoạt động
- Hoạt động nhóm là hình thức làm việc chủ yếu.
- Chủ đề phải liên hệ đến những vấn đề mang tính thực tiễn
- Có sản phẩm cụ thể, có tính thực tiễn
- Mang lại cơ hội rèn luyện nhiều kỹ năng sống tích cực cho người học như:
  - + Kỹ năng quản lý thời gian
  - + Kỹ năng quản trị dự án
  - + Kỹ năng giải quyết vấn đề
  - + Kỹ năng hợp tác nhóm
  - + Kỹ năng tranh luận và xây dựng
- Sử dụng các công cụ có tính trực quan và công nghệ thông tin cao.

### 2.4. Các giai đoạn của dạy học dự án

#### \* Giai đoạn 1: Lập kế hoạch cho dự án

Để lập được kế hoạch, chúng ta cần phải trả lời được các câu hỏi sau:

- Mục tiêu cần hướng tới là gì?
- Nhiệm vụ cần phải làm gì?
- Sản phẩm dự kiến là gì?

- Cách triển khai thực hiện hoàn thành dự án như thế nào?
- Thời gian thực hiện và hoàn thành dự án trong bao lâu?

Vì thế, để vận dụng hiệu quả dạy học dự án vào thực tiễn cần thực hiện theo các bước sau:

*- Lựa chọn chủ đề của dự án*

Giáo viên và sinh viên đề xuất ý tưởng, xác định chủ đề và xác định mục tiêu của dự án

*- Xây dựng các tiểu chủ đề*

Ý tưởng hoặc chủ đề lớn ban đầu được phát triển thành nhiều chủ đề nhỏ

*- Khơi gợi tính hứng thú của người học bằng cách giúp người học:*

- + Hiểu ý nghĩa của dự án mình sẽ thực hiện
- + Dự đoán được khả năng hoàn thành dự án
- + Nhận thức rằng sẽ học được nhiều kiến thức kỹ năng và giá trị mới

*- Lập kế hoạch, phân công nhiệm vụ*

- + Ai làm nhiệm vụ gì? Ở đâu? Bằng phương tiện gì?
- + Thời gian hoàn thành?
- + Kết quả? Sản phẩm?

**\* Giai đoạn 2: Thực hiện dự án**

*- Thu thập thông tin qua nhiều kênh như :*

Người dạy và người học có thể thu thập thông tin qua báo chí, internet, thư viện, thực nghiệm, quan sát điều tra, phỏng vấn sách vở, tạp chí, phim ảnh, hội thảo hoặc qua trao đổi các mối quan hệ xã hội bên ngoài...

*- Xử lý thông tin:*

Đây là bước khá quan trọng, chúng ta có thể sử dụng phương pháp thống kê, phân tích số liệu đưa ra kết quả dưới dạng biểu đồ, đồ thị...

Biết cách nhìn biểu đồ đánh giá rút ra kết luận

*- Thảo luận:*

Người học phải thường xuyên thảo luận trao đổi đánh giá nhận xét để chia sẻ dữ liệu, xác nhận ý kiến, giải quyết các vấn đề, kiểm tra tiến độ...

*- Trao đổi xin ý kiến người dạy/ người hướng dẫn:*

Người học cần thường xuyên trao đổi, gặp gỡ với người dạy nhằm đảm bảo tiến độ và đi đúng dự án. Người dạy cần định hướng, hỗ trợ cho người học đi đúng hướng và giải quyết các vấn đề đúng tiến độ

**\* Giai đoạn 3: Tổng hợp kết quả dự án**

- *Xây dựng sản phẩm*

+ Tổng hợp tất cả các kết quả đã phân tích thành sản phẩm cuối cùng

+ Lựa chọn hình thức sản phẩm để trình bày

- *Trình bày sản phẩm*

+ Sản phẩm cuối cùng có thể trình bày dưới nhiều dạng khác nhau: bài thuyết trình, biểu diễn (kịch, hát, múa, thơ...).

+ Trưng bày triển lãm (tranh ảnh, vật thật, báo tường, mô hình...)

- *Đánh giá dự án:*

Người dạy và người học đánh giá quá trình thực hiện và kết quả cũng như kinh nghiệm đạt được từ đó đưa ra kinh nghiệm cho việc thực hiện dự án tiếp theo. Kết quả dự án có thể được đánh giá từ bên ngoài. Quá trình đánh giá gồm các mặt sau:

*Nội dung/ tiêu chí giá trị sản phẩm nằm ở chỗ nào ?*

- *Rút ra được bài học gì? Về kiến thức, kỹ năng, thái độ làm việc nhóm như thế nào?*

- *Học viên tham gia thoải mái tích cực đến đâu?*

- *Cần tiếp tục phát huy những điểm nào cần thay đổi những gì những điểm nào cần cải thiện.*

## **2.5. Ưu điểm và hạn chế của phương pháp dạy học dự án**

### **a) Những ưu điểm**

Nhiều nhà nghiên cứu đã chứng minh những tác động tích cực mà dạy học dự mang lại cho người học. Sau đây là những ưu điểm nổi trội của phương pháp này:

- Dạy học dự án luôn gắn lý thuyết với thực hành, tư duy và hành động, nhà trường và xã hội

- Kích thích động cơ, hứng thú học tập của người học

- Phát huy tính tự lực, tính trách nhiệm

- Phát triển khả năng sáng tạo

- Rèn luyện năng lực giải quyết những vấn đề phức hợp, rèn luyện kỹ năng khai thác thông tin một cách hiệu quả, rèn luyện năng lực công tác làm việc

- Phát triển năng lực đánh giá tập trung vào một số câu hỏi lớn hoặc một vấn đề quan trọng có thể bao gồm nhiều quan điểm liên quan đến bộ môn khác nhau

- Tạo cơ hội để học sinh đưa ra nhiều sáng kiến và thực hiện nhiều hoạt động khác nhau

### **b) Những mặt hạn chế:**



- Không phù hợp với việc truyền thụ kiến thức lý thuyết mang tính hệ thống cũng như rèn luyện hệ thống kỹ năng cơ bản
- Đòi hỏi nhiều thời gian
- Không thể thay thế cho phương pháp thuyết trình và phương pháp dạy học bổ sung cho những PP dạy học truyền thống
- Cần có phương tiện và tài chính phù hợp

## **2.6. Vận dụng phương pháp dạy học dự án trong dạy học môn Tiếng Việt thực hành**

Chúng tôi đã tiến hành thực nghiệm giảng dạy môn Tiếng Việt thực hành theo phương pháp dạy học dự án trong một số chương/phần học. Trong khuôn khổ bài báo này, chúng tôi không có tham vọng đề cập tất cả những dự án dạy học đã thực hiện trong nghiên cứu. Chúng tôi sẽ trình bày 1 - 2 hoạt động dạy - học được thử nghiệm theo quy trình dạy học dự án dựa theo nội dung môn học.

Trong giờ học Tiếng Việt thực hành do chúng tôi phụ trách, sinh viên các lớp được phân vào các nhóm cố định từ đầu học kỳ để thực hiện các hoạt động theo nhóm tại lớp nói chung và các bài tập dự án nói riêng. Việc phân nhóm này dựa trên sự lựa chọn của chính sinh viên và có sự định hướng của giảng viên khi cần thiết. Các nhóm gồm 6 hoặc 8 sinh viên, trong đó có cử một trưởng nhóm. Về cơ bản, tiến trình thực hiện các dự án tuân theo 3 giai đoạn như đã trình bày trong mục 2.4 và tùy theo thực tế của từng dự án mà các giai đoạn có thể xen kẽ và phối hợp với nhau vì mỗi dự án cụ thể cần xây dựng cấu trúc riêng phù hợp với nhiệm vụ dự án.

### **Ví dụ: Dự án tìm hiểu về tạo lập văn bản Tiếng Việt**

***Chủ đề:*** *Tạo lập văn bản Tiếng Việt*

#### ***Mục tiêu và nội dung:***

- Tìm hiểu khái quát về văn bản Tiếng Việt
- Những yêu cầu khi tạo lập văn bản
- Kỹ thuật trình bày một văn bản khoa học

#### ***Nhiệm vụ:***

***Nhóm 1:*** Tìm hiểu khái quát về văn bản Tiếng Việt

- + Các bước tiến hành tạo lập văn bản
- + Sửa chữa và hoàn thiện văn bản

***Nhóm 2:*** Những yêu cầu khi tạo lập văn bản

- + Văn bản phải đảm bảo tính mạch lạc và liên kết
- + Văn bản phải đảm bảo tính mục đích giao tiếp thống nhất

- + Văn bản phải đảm bảo có kết cấu rõ ràng
- + Văn bản phải đảm bảo có một phong cách ngôn ngữ nhất định

### **Nhóm 3: Kỹ thuật trình bày một văn bản khoa học**

- + Khái quát về văn bản khoa học
- + Phương pháp tiến hành tạo lập một văn bản khoa học
- + Cách lựa chọn và đặt tên một văn bản khoa học
- + Xây dựng đề cương và kế hoạch nghiên cứu
- + Tạo lập văn bản khoa học
- + Sửa chữa và hoàn thiện văn bản

Đối với mỗi dự án, giảng viên xây dựng chủ đề dựa trên nội dung của môn học, đồng thời bám sát các tiêu chí “gần với cuộc sống thực tế”, “có tính khả thi”, “phù hợp với tâm lý lứa tuổi” hoặc “mang tính thời sự” nhằm tạo hứng thú cho sinh viên. Giảng viên có thể giới thiệu một số hướng đề tài để sinh viên cụ thể hóa hoặc chính sinh viên có thể đưa ra quyết định trong khuôn khổ chương trình. Để thực hiện sản phẩm của mình, các nhóm trưởng lên kế hoạch thực hiện thông qua thảo luận với các thành viên trong nhóm. Việc trao đổi ý kiến, đóng góp ý tưởng trong nhóm được thực hiện bằng nhiều cách: gián tiếp qua Zalo, Viber, Messenger hoặc trực tiếp trong giờ học thực hành hay ngoài giờ học tùy thời gian của mỗi nhóm. Mọi trao đổi cũng như việc phân công nhiệm vụ cho từng thành viên trong nhóm đều được tổng hợp trong phiếu theo dõi dự án do nhóm trưởng phụ trách.

### **Thời gian thực hiện dự án: 1 tuần**

#### **Cách thực hiện:**

- Tìm hiểu thực tế thông qua sách vở, tài liệu tham khảo chuyên ngành ngôn ngữ, tạp chí, báo đài, mạng internet....
- Tham vấn ý kiến chuyên gia
- Tìm hiểu trong thực tiễn xã hội ( môi trường nghiên cứu khoa học, môi trường xã hội....)

Trong quá trình thực hiện các sản phẩm của các nhóm, giảng viên theo dõi tình hình cũng như tiến độ làm việc của các nhóm thông qua nhóm trưởng và đưa ra trợ giúp hoặc góp ý nếu cần thiết như sửa dàn ý, cách diễn đạt.... Các trao đổi, góp ý này cũng được thực hiện thông qua Zalo, email, LMS (phần mềm dạy học trực tuyến của nhà trường) hay trong các giờ học trên lớp.

#### **Sản phẩm của dự án:**

- Báo tường
- Sơ đồ tư duy

- Báo cáo bằng văn bản, số liệu, kết quả nghiên cứu
- Video/ Powerpoint

Bước trình bày hoặc trình chiếu các sản phẩm thường được thực hiện vào cuối các buổi học. Đặc biệt ở bước “Đánh giá dự án”, sinh viên được yêu cầu viết ra ý kiến phản hồi, nói lên những gì họ nghĩ về dự án vừa thực hiện ở cuối phiếu đánh giá hoặc đưa ra kiến nghị để cả giảng viên và sinh viên rút kinh nghiệm cho những lần thực hiện tiếp theo. Đồng thời, giảng viên cũng thực hiện một số cuộc “thăm dò” thông qua trao đổi với một số sinh viên với mục đích điều chỉnh việc dạy cho phù hợp hơn.

Khâu đánh giá sau mỗi dự án cần được thực hiện một cách nghiêm túc và kiên nhẫn từ phía sinh viên và giảng viên, thông qua các mẫu phiếu đánh giá và các trao đổi trực tiếp với sinh viên tham gia dự án về những gì “được” và “chưa được” để sinh viên có thể làm việc tốt hơn và giảng viên tổ chức tốt hơn cho các dự án tiếp theo.

### **3.Kết luận**

Việc vận dụng phương pháp dạy học dự án vào chương trình giảng dạy không phải là ý tưởng mới lạ. Nhưng với mong muốn học hỏi chuyên môn và nâng cao chất lượng giảng dạy, chúng tôi đã tiến hành nghiên cứu thử nghiệm phương pháp dạy dự án này, nhằm xây dựng một nội dung và quy trình dạy học dự án phù hợp cho sinh viên học môn Tiếng Việt thực hành tại Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương, nhằm gây hứng thú cho sinh viên, kết hợp học và hành, đồng thời phát triển những kỹ năng mềm cần thiết cho họ khi làm việc trong môi trường hiện đại./.

## **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Phó Đức Hoà – Ngô Quang Sơn (2018), *Phương pháp và công nghệ dạy học trong môi trường sư phạm tương tác*, NXB ĐHSP Hà Nội.
2. Đinh Văn Tiến, Nguyễn Thị Minh Phượng, Phạm Thị Thuý, Lê Viết Chung ( 2020), *Cẩm nang Phương pháp Sư phạm*, NXB Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh
- 3.Thomas J. W. (2000). A review of research on project-based learning. San Rafael, CA: Autodesk Foundation.
- 4.<https://123docz.net/document/5895480-ap-dung-phuong-phap-day-hoc-theo-du-an-trong-giang-day-tieng-phap-tai-dai-hoc-da-nang.htm>

# MỘT SỐ BIỆN PHÁP NÂNG CAO LỢI ÍCH XEM PHIM HOẠT HÌNH CHO TRẺ MẦM NON

**ThS. Nguyễn Thị Thu Hà**

**ThS. Tạ Thị Nhân**

Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập

**Tóm tắt:** Xem phim hoạt hình là một trong những thói quen hàng ngày của trẻ mầm non. dù xem phim chỉ là để giải trí nhưng nếu trẻ nhỏ tiếp xúc ngày qua ngày thì những hành vi và hành động của trẻ sẽ bị chi phối rất nhiều. bài viết này sẽ tìm hiểu và đề xuất một số lựa chọn để phát huy những lợi ích của việc cho trẻ mầm non biết cách lựa chọn xem phim hoạt hình một cách thiết thực nhất.

**Từ khóa:** phim hoạt hình, bạo lực, giải trí, tìm hiểu, thể giới, tác động

## 1. Đặt vấn đề

Phim hoạt hình luôn là trò giải trí phổ biến nhất cho trẻ mầm non. Các nhà khoa học đã chứng minh rằng trẻ em bị thu hút bởi phim hoạt hình do sự hấp dẫn của kịch bản phim, hiệu ứng âm thanh, hình ảnh và màu sắc. Phim hoạt hình chiếm phần lớn sự chú ý và thời gian của trẻ hơn bất kỳ hoạt động nào mà trẻ thực hiện, đặc biệt là trong những tháng giãn cách xã hội vì dịch bệnh. Vì vậy, việc lựa chọn cho trẻ những phim hoạt hình phù hợp với trẻ mầm non là điều hết sức cần thiết trong giai đoạn hiện nay.

## 2. Nội dung

### 2.1. Cơ sở lý luận

Trong mỗi người, các tế bào não thần kinh được sinh ra nhiều gấp 10 lần số lượng các ngôi sao trong dải Ngân Hà, hay 20 lần số người trên Trái Đất. Nhưng cho đến khi sinh ra, những tế bào này vẫn không được kết nối với nhau cũng như không tạo thành liên kết. “Bộ não của một đứa trẻ giống như một ngôi nhà đã xong phần thô, cần hoàn thiện nội thất. Nếu người chủ nhà chỉ mua dây điện, công tắc, hộp cầu chì, các vật tư điện khác và đặt những thiết bị điện này trên sàn của ngôi nhà có tường và cửa, chúng sẽ không hoạt động. Trước tiên, ông ấy phải xuyên chuỗi dây và kết nối các mạch điện. Điều này khá giống với cách hình thành bộ não của chúng ta. Nghiên cứu hiện đại đã chứng minh rằng những năm đầu đời có ảnh hưởng đến sự phát triển của não và ảnh hưởng đến cách các tế

bào thần kinh kết nối với nhau. Những kết nối này được hình thành trong não bộ sẽ tạo ra thói quen, cách suy nghĩ, ký ức và tâm trí con người. Ví dụ, nếu cha mẹ liên tục gọi một đứa trẻ bằng một cái tên nhất định, thì các kết nối sẽ hình thành cho phép đứa trẻ nhận ra tên đó theo thời gian và trẻ sẽ học cách phản hồi từ khi sinh ra. Những trải nghiệm lặp đi lặp lại này sẽ ảnh hưởng đến cấu trúc não bộ của trẻ và tác động đến cách suy nghĩ của trẻ.

Ở độ tuổi lên 3, não bộ của trẻ nhỏ sẽ tạo ra khoảng nghìn tỷ khớp thần kinh, con số này gần gấp đôi so với khi trẻ trưởng thành bởi vì có những khớp nối bị yếu đi do không được sử dụng. Trong một cuộc khảo sát (hỏi 100 trẻ tại thành phố Gujrat, Ấn Độ), có nhiều câu hỏi được đưa ra để tìm hiểu về ảnh hưởng của phim hoạt hình đối với trẻ. Có thể giới thiệu 2 câu hỏi với hình minh họa tỉ lệ câu trả lời:

*Câu hỏi 1:* Tỷ lệ xem phim hoạt hình theo giờ hàng ngày của trẻ là bao nhiêu?

- A. 1 - 2 giờ      B. 2 - 3 giờ      C. 3 - 4 giờ      D. Hơn 4 giờ.

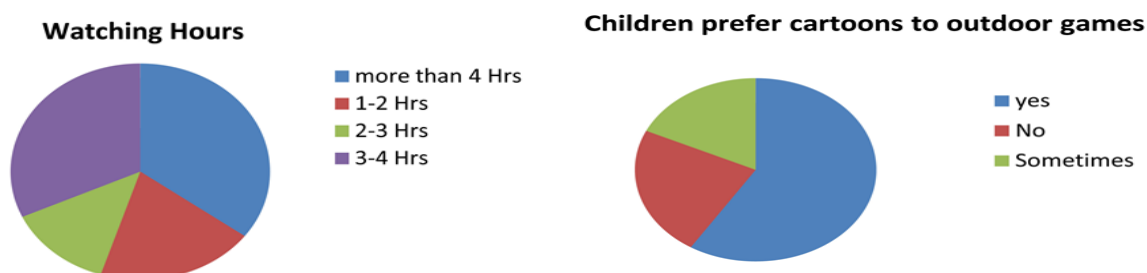
Hình 1 cho thấy rằng hơn 30% mẫu vượt qua hơn 4 giờ để xem TV.

*Câu hỏi 2:* Trẻ có thích xem phim hoạt hình hơn các trò chơi ngoài trời không?

- A. Có      B. Không      C. Đôi khi

Hình 2 cho thấy gần 60% trẻ em thích xem phim hoạt hình hơn các trò chơi ngoài trời, điều này có nghĩa là khả năng giải trí bằng phim hoạt hình cao hơn nhiều so với giải trí thể chất khi trẻ chơi ngoài trời hoặc đi dã ngoại.

Đó là những kết quả không nằm ngoài dự đoán: Phim hoạt hình có ảnh hưởng lớn đến trẻ em.



Hình 1: Số giờ trung bình/ ngày trẻ xem hoạt hình      Hình 2: Trẻ thích hoạt hình hơn hoạt động vui chơi ngoài trời

Trên thực tế là từ khi lọt lòng cho đến năm 12 tuổi, một đứa trẻ đã xem trung bình khoảng 10.000 đến 18.000 giờ phim hoạt hình. Điều này có nghĩa là phim hoạt hình là một trong những yếu tố chính tạo nên bộ não con người, dẫn đến một cách định trước về cách suy nghĩ và hành vi. Đặc biệt với trẻ nhỏ, là không phân biệt đâu là ảo và đâu là thật. Nói cách khác, nếu với một cảnh được chiếu

trên ti vi, bộ não con người sẽ phản ứng như thể nó là thật. Điều này giải thích tại sao chúng ta cảm thấy đói khi xem quảng cáo đồ ăn, tại sao chúng ta cảm thấy sợ khi xem một cảnh đáng sợ.

Trong một nghiên cứu khoa học được đại học Michigan thực hiện, người ta đề cập rằng kiểu bạo lực này sẽ có một trong hai khả năng ảnh hưởng đến trẻ. Đầu tiên là trường hợp được gọi là giải mẫn cảm - giảm sự nhạy cảm, bị trơ lì cảm xúc, dửng dưng, thờ ơ, hay nói quá lên là sự vô cảm, có nghĩa là đưa trẻ mất tư duy logic về kết quả hành động của mình. Ban đầu trẻ thay thế các nhân vật hoạt hình bằng chính mình/ bạn bè của mình, sau đó trẻ muốn lặp lại những tình huống này khiến trẻ bật cười. Khi đó tâm trí của trẻ cho rằng việc đánh bạn bằng vật cứng không phải là một vấn đề gây hại. Trường hợp thứ hai là sợ hãi và dao động. Những hành động mà một đứa trẻ xem trên phim khiến trẻ cảm thấy kết quả này bất chấp logic. Đánh vào đầu nhiều lần với một vật thể cứng nên gây tổn hại nghiêm trọng, tại sao điều này lại gần như vô hại? Điều này khiến đứa trẻ dao động trước khi thực hiện một hành động trong cuộc sống thực của mình, não của trẻ không còn khả năng dự đoán kết quả chính xác của một hành động. Bạo lực xuất hiện quá mức và không có lý do trong truyền hình, gây ra sự gia tăng quá mức Adrenaline, gây ra trạng thái tâm lý bất ổn. Sau đó, đứa trẻ bắt đầu hành động lo lắng và hung hăng đối với các tình huống bình thường hoặc trong thời gian chơi với bạn bè. Như vậy điều đó cho thấy trẻ em xem hoạt hình bạo lực có các nhân vật (giống như người) đánh, cắn nhau thường chọn chơi với đồ chơi hung hãn và có hành vi gây hấn cao hơn.

## ***2.2. Ảnh hưởng của phim hoạt hình đối với sự phát triển của trẻ em***

### ***2.2.1. Tác động tích cực***

*Khuyến khích trẻ cười và giảm căng thẳng:* trẻ cảm thấy thư giãn khi đắm chìm vào bộ phim hoạt hình yêu thích. Trẻ có thể thỏa thích cười to, từ đó làm tăng khả năng miễn dịch, giải phóng Hormone Endorphin giúp trẻ hạnh phúc.

*Giúp trẻ tìm hiểu về những điều mới lạ:* giúp khám phá khoa học, khám phá thế giới (Doraemon, Phòng thí nghiệm của Dexter).

*Giúp trẻ phát triển nhận thức:* phát triển các kỹ năng xã hội hóa và học tập của trẻ nhỏ. Phim hoạt hình mang tính giáo dục dạy cho trẻ em những giá trị quan trọng và bài học cuộc sống, ví dụ như: dạy trẻ các quy tắc ứng xử trong xã hội (tôn trọng người lớn, làm việc theo nhóm, ...)

*Giúp phát triển ngôn ngữ:* làm giàu vốn từ vựng (trẻ cũng có thể được “tắm ngôn ngữ” khi xem phim hoạt hình bằng tiếng nước ngoài).

*Tăng cường khả năng sáng tạo, trí tưởng tượng:* ý tưởng mới được lấy cảm hứng từ các bộ phim hoạt hình thiếu nhi và tạo ra những câu chuyện thú vị.

*Tăng cường khả năng cảm thụ nghệ thuật:* Trẻ được tiếp xúc, cảm nhận vẻ đẹp của âm nhạc, tạo hình một cách đầy xúc cảm. Nhiều nhân vật hoạt hình có cuộc sống lành mạnh, dễ mến hoặc có nhiều đặc điểm tích cực, truyền cảm hứng cho trẻ vận động theo nhạc, bắt chước các anh hùng của riêng mình.

### **2.2.2. Tác động tiêu cực**

Nếu cha mẹ và giáo viên không kiểm soát chương trình và thời gian xem phim hoạt hình đối với trẻ, có thể tiềm ẩn những rủi ro sau:

*Xem phim hoạt hình thiếu nhi có thể làm tăng tính bạo lực:* Trẻ có thể nghĩ rằng không ai bị thương hoặc cảm thấy đau khi bị đánh vì những nhân vật trong phim thường thoát khỏi thương tổn rất nhanh, ví dụ: khi một vật nặng rơi vào đầu anh hùng, cảnh đó sẽ gây cười vì anh hùng không bị tổn hại. Những cảnh bạo lực trong phim hoạt hình tạo ra khó khăn cho trẻ em để hiểu tác dụng và hậu quả của nó, trẻ dần dần phá vỡ mối quan hệ liên quan đến hành động.

*Vô lễ và thiếu sự đồng cảm:* Có một số phim có những hành vi thô lỗ, thậm chí là vô lễ và trẻ có thể bắt chước hành vi này và trở nên bướng bỉnh với cha mẹ hoặc thầy cô khi bị phạt vì những hành vi không tốt. Các chuyên gia của Học viện Nhi khoa Hoa Kỳ cho rằng những đứa trẻ xem phim hoạt hình độc ác đang trở nên hung dữ, không vâng lời, tàn nhẫn và tức giận. Phim hoạt hình giúp trẻ phát triển trí tưởng tượng, nhưng tác động tiêu cực của nó có thể là trẻ có thể ở trong thế giới tưởng tượng trong một khoảng thời gian dài.

*Phim hoạt hình thiếu nhi có ngôn ngữ thô tục:* Phim hoạt hình có thể chứa ngôn ngữ không phù hợp với trẻ mầm non. Khi trẻ xem những loại phim này, trẻ sẽ bị ấn tượng và bắt đầu sử dụng ngôn ngữ thô tục.

*Hành vi phi xã hội:* Có một số phim có các hành vi chống đối xã hội như giết người, đánh nhau. Thậm chí, có một số bộ phim còn có các cảnh yêu đương, không phù hợp với độ tuổi của trẻ. Những điều này có thể ảnh hưởng đến hành vi của trẻ và khiến chúng nghĩ rằng hung hăng, tàn bạo là điều bình thường.

*Xem phim hoạt hình thiếu nhi có thể dẫn đến các vấn đề sức khỏe:* Dành quá nhiều thời gian ngồi trước màn hình có thể dẫn đến một số vấn đề về sức khỏe như thừa cân, béo phì, các vấn đề về thị lực và thiếu/ thừa dưỡng chất do

thói quen vừa ăn uống vừa xem tivi. Năm 1997, 653 trẻ em ở Nhật Bản phải nhập viện do co giật động kinh. Các nghiên cứu sâu hơn đã phát hiện ra rằng lý do cho điều này là buổi chiếu tập thứ 38 của phim hoạt hình "Pokemon". Sau đó, tập phim này đã bị chính phủ Nhật Bản cấm và không bao giờ được chiếu lại.

*Thiếu kỹ năng ngôn ngữ và xã hội:* Nghiên cứu cho biết nhìn chăm chăm vào màn hình hơn ba giờ mỗi ngày khiến suy giảm trí nhớ từ ngữ. Trẻ bị “đánh cắp thời gian” và có thể bỏ lỡ các cơ hội giao tiếp khi dán mắt vào màn hình.

### **2.3. Biện pháp nâng cao lợi ích của phim hoạt hình với trẻ mầm non**

#### **2.3.1. Chọn phim hoạt hình thiếu nhi tích cực**

Nên chọn cho trẻ mầm non những bộ phim không chỉ có nội dung cuốn hút mà còn mang tính giáo dục với những bài học sâu sắc về tình bạn, tình yêu và sự hiểu biết, gửi gắm các giá trị và ý tưởng nhân văn. Dưới đây là một số gợi ý:

*Nàng tiên cá* - một câu chuyện mang tính biểu tượng, nói với trẻ về sự kiên trì, quyết tâm, tình yêu và sự trong sáng của trái tim.

*Peppa Pig*, trẻ học cách kết bạn và tình bạn, cách chấp nhận và đánh giá cao sự khác biệt của chúng ta, về những điều tích cực khi chơi ngoài trời.

*Strawberry Shortcake* và *My Little Pony* dạy trẻ về tình bạn, nói với chúng rằng đó là một điều gì đó rất quý giá và quan trọng, đồng thời chỉ ra rằng với sự giúp đỡ của bạn bè, bạn có thể giải quyết mọi vấn đề như thế nào.

*“Bo on go”* giúp trẻ làm quen với những nét hấp dẫn của văn hóa vật thể. Trẻ ba tuổi rưỡi có thể bắt chước tất cả các bài tập mà Bo và các bạn đang làm.

*Pinocchio* dạy trẻ nói dối là sai và hãy luôn lắng nghe thiện tâm.

*Dumbo* và *Vịt con xấu xí*, chúng ta học được rằng không sao cả khi trở nên khác biệt và chấp nhận và yêu thương bản thân.

*Cars* - không chỉ là một cuộc đua xe thông thường, mà còn là tìm hiểu lộ trình và những người bạn mà chúng ta kết bạn trên đường đi.

*Up (Vút bay - 2009)* dạy chúng ta rằng tình yêu là có thể có ở mọi lứa tuổi và tình bạn lâu dài là điều quý giá nhất trong cuộc sống.

*Kung Fu Panda* giúp trẻ khám phá ra không có “công thức bí mật” nào có thể đảm bảo thành công trong bất cứ việc gì. Mà đó là sức mạnh bên trong, sự quyết tâm, ý chí và trí tưởng tượng.

*“Brave”* (2012), *“Frozen”* (2013) và *“Moana”* (2016) tập trung vào tình yêu gia đình, mối quan hệ với cha, mẹ, anh chị em của cô gái.



“*Người đẹp và quái vật*” (1991), câu chuyện về tình yêu của cô gái (không phải công chúa) và quái vật, ca ngợi vẻ đẹp bên trong.

*Nữ hoàng băng giá (Frozen)*: Bộ phim dạy trẻ về lòng vị tha, tình yêu gia đình và sự quan tâm đến mọi người xung quanh.

*Vua sư tử (The Lion King)*: nội dung nhân văn sâu sắc, mở ra thế giới nhân sinh quan với nhiều bài học quý giá.

*Finding Nemo* (2003): đề cao tình cảm gia đình, thông qua bộ phim, các bé sẽ học được nhiều hơn về thế giới đại dương, tên của các loại cá. Phim này và “*Đi tìm Dory*” (2016) thể hiện mối quan hệ giữa những người khuyết tật.

“*Zootopia*” (2016) được quay trong cuộc khủng hoảng người tị nạn và ý tưởng chính là tạo ra một xã hội không còn chống phân biệt chủng tộc.

*Doraemon*: không chỉ giúp trẻ nâng cao trí tưởng tượng, sự sáng tạo mà thông qua bộ phim, trẻ còn học được các bài học đáng quý về tình bạn.

*Thế giới đồ chơi (Toy Story)*: không chỉ dạy trẻ về tình bạn mà nó còn giúp trẻ học cách làm việc nhóm.

Các phim mới hơn: *Coco*, *Gia đình siêu nhân*, *Spirited away* (Vùng đất linh hồn) – 2001, *WALL-E* (Người máy biết yêu) – 2008, *Inside out* (Những mảnh ghép cảm xúc) – 2015, *How to train your dragon* (Bí kíp luyện rồng) – 2010, *Monsters Inc* (Công ty quái vật) – 2001... và các phim bất hủ “*Aladdin*” (1992), “*Pacahonthas*” (1995), “*Mulan* (Hoa mộc lan)” (1998)...

Các kênh truyền hình dành riêng cho trẻ em: Disney Channel, VTV7, Bibi TV, HTV3... Ngoài ra, xem phim hoạt hình cũng là cách tuyệt vời để dạy cho trẻ về phong tục, truyền thống, lịch sử và văn hóa địa phương. Các bộ phim hoạt hình “*Sơn Tinh- Thủy Tinh*”, series “*Trưng Vương*”, “*Đại chiến Bạch Đằng*”, loạt phim “*Hào khí ngàn năm*”, “*Nữ tướng Thánh Thiên*”, “*Loa thành rực lửa*”, “*Bạch Đằng dậy sóng*”, “*Anh Kim Đồng*”, “*Cậu bé cờ lau*”, “*Huyền thoại Trần Quốc Toản*”, “*Tử chiến thành Đa Bang*”, “*Lý Thường Kiệt*”, “*Khai mở triều Trần*”, “*Việt Nam trăm bậc vĩ nhân*”, “*Đại chiến Như Nguyệt Giang*”... trẻ có thể hiểu được lịch sử và văn hóa Việt Nam.

### **2.3.2. Xây dựng thói quen tốt cho trẻ khi xem hoạt hình**

Cùng xem với con để biết con đang xem, phản ứng của con như thế nào với các sự kiện xảy ra trong phim. Điều này có thể giúp bạn gắn kết hơn với trẻ, biết được trẻ thích nhân vật nào và hiểu được cách suy nghĩ của con.

*Chỉ cho bé xem khoảng 1 giờ/ngày, đặc biệt là đối với trẻ nhỏ. Hãy khuyến khích trẻ ra ngoài chơi hơn là ngồi xem phim hoạt hình.*

*Không cho trẻ xem khi đang ăn vì vừa xem tivi vừa ăn có thể tạo ra những thói quen ăn uống xấu chẳng hạn như thích ăn vặt, không tập trung cảm nhận hương vị của thức ăn, ăn nhiều hơn nhu cầu của bản thân.*

*Giải thích cho trẻ hiểu về sự khác biệt giữa phim hoạt hình thiếu nhi và thực tế: Dạy cho trẻ cái gì đúng, cái gì sai và cái gì không thực tế. Ví dụ, bạn có thể giải thích cho con rằng mặc dù nhân vật hoạt hình đã trốn thoát sau khi trải qua trận chiến và không bị thương nhưng điều này không có thật trong thực tế.*

### **3.Kết luận**

Phim hoạt hình là một phần quan trọng trong các hoạt động giải trí của trẻ, là một trong những yếu tố ảnh hưởng mạnh mẽ tới sự phát triển của trẻ mầm non. Gia đình và nhà trường cần chủ động chọn lọc những phim hoạt hình phù hợp với trẻ. Người lớn cần dành thời gian để ngồi với trẻ và xem những bộ phim hoạt hình yêu thích của chúng, không chỉ giúp cho sự gắn kết và thân thiết mà cần cho trẻ thấy những thông điệp cuộc sống tích cực trong phim hoạt hình. Hãy khuyến khích trí tưởng tượng và sự sáng tạo của trẻ bằng cách để chúng nói về những anh hùng mà chúng yêu thích hoặc giúp chúng vẽ các nhân vật hoạt hình. Lợi ích của việc xem phim hoạt hình có phát huy với trẻ hay không hoàn toàn tùy thuộc vào loại phim mà trẻ xem. Để bảo vệ trẻ mầm non khỏi những tác động tiêu cực của phim hoạt hình, cha mẹ và cô giáo cần nắm được những gì trẻ đang xem, hạn chế thời gian xem và khuyến khích trẻ ra ngoài chơi, giúp trẻ phát triển khỏe mạnh và hạnh phúc.

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. [enlightngo.org/language/en/post/7795](http://enlightngo.org/language/en/post/7795)
2. [frontiersin.org/articles/10.3389/fpsyg.2016.01591/full](http://frontiersin.org/articles/10.3389/fpsyg.2016.01591/full)
3. <https://helloworldsi.com/nuoi-day-con/tre-di-hoc/su-phat-trien-tre-di-hoc/cho-tre-xem-phim-hoat-hinh/>
4. [mvorganizing.org/what-are-the-benefits-of-watching-cartoons/](http://mvorganizing.org/what-are-the-benefits-of-watching-cartoons/)
5. [novakdjokovicfoundation.org/cartoons-and-their-influence/](http://novakdjokovicfoundation.org/cartoons-and-their-influence/)
6. [scirp.org/html/17-1760575\\_59815.htm](http://scirp.org/html/17-1760575_59815.htm)

# HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG STEAM TRONG CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC MẦM NON

**TS. Đào Thị My**

Trường mầm non Thực nghiệm Hoa Hồng

**Tóm tắt:** Giáo dục STEAM mang lại rất nhiều hiệu quả trong công tác chăm sóc, giáo dục trẻ, trẻ tiếp cận khoa học liên ngành, được trải nghiệm, khám phá, làm việc khoa học phát triển tư duy, logic góp phần phát triển toàn diện nhân cách trẻ.

**Từ khóa:** Hoạt động STEAM, trẻ mầm non, giáo dục STEAM

## 1. Đặt vấn đề

Trong thời gian gần đây ngành Giáo dục mầm non có những thay đổi và tiếp cận khá nhiều các phương pháp cũng như cách tiếp cận hiện đại để nâng cao công tác chăm sóc giáo dục trẻ phù hợp với xu thế hiện đại của thế giới.

Tại Việt Nam bắt kịp với xu hướng của thế giới, chúng ta đang chuyển mình theo phát triển khoa học kỹ thuật và công nghệ số. Vì vậy, giáo dục trẻ mầm non, vận dụng STEAM vào tổ chức các hoạt động giáo dục hàng ngày là cần thiết và phù hợp với xu thế phát triển của thế giới. Những năm gần đây giáo dục mầm non đã bắt đầu quan tâm đưa STEAM vận dụng vào tổ chức các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ hàng ngày để trẻ tăng cường sự trải nghiệm, khả năng sáng tạo, óc tư duy tính toán và tính logic, khoa học tăng cường sự hứng thú, tự chủ, tự tin trong các hoạt động với quan điểm lấy trẻ làm trung tâm – học bằng chơi, chơi mà học.

Chương trình giáo dục mầm non được thiết kế mở nên giáo viên cùng trẻ xây dựng kế hoạch giáo dục theo hướng STEAM. Tùy từng độ tuổi, khả năng hứng thú nhu cầu của trẻ: trẻ mầm non được làm quen với các môn khoa học, công nghệ, toán và vận dụng linh hoạt trong các hoạt động trong ngày.

## 2. Nội dung

### 2.1. Một số vấn đề lý luận về STEM/ STEAM

Nền tảng của giáo dục STEM chính là giáo dục khoa học: là tập hợp các tri thức và hoạt động thực tiễn của nhân loại dựa trên các nghiên cứu có tính hệ thống thông qua quan sát và thí nghiệm để hiểu về thế giới tự nhiên.

\* Khái niệm giáo dục STEM: Theo Hiệp hội các giáo viên dạy khoa học quốc gia Mỹ định nghĩa; là cách tiếp cận liên ngành trong quá trình học, trong đó các khái niệm học thuật mang tính nguyên tắc được lồng ghép với các bài học trong thế giới thực, ở đó các học sinh áp dụng các kiến thức trong khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán vào trong các bối cảnh cụ thể, giúp kết nối giữa trường học, cộng đồng nơi làm việc và các tổ chức toàn cầu, để từ đó phát triển các năng lực trong lĩnh vực STEM và có thể góp phần vào cạnh tranh trong nền kinh tế mới.

Như vậy, giáo dục STEM là giáo dục liên ngành, liên môn các lĩnh vực khác nhau trong một hương trình tiếp cận đào tạo, mang đến cho trẻ mầm non hình thành tư duy khoa học toán, công nghệ và hướng dẫn đến sự vận dụng khoa học kỹ thuật trong việc giải quyết các vấn đề. Trẻ mầm non (mẫu giáo) tiếp cận chương trình học theo hướng STEM là các mô hình; máy bay, tàu thủy.... trẻ sẽ được liên kết tư duy logic, trí tưởng tượng sáng tạo ...nền tảng tư duy khoa học sau này.

Trẻ em sinh ra đã tò mò. Chúng là những nhà khoa học và kỹ sư ngay từ lần đầu tiên chúng tiếp cận để khám phá thế giới của mình. Khi lớn lên, chúng đặt nhiều câu hỏi mỗi ngày về thế giới xung quanh. Đây là cách trẻ em xây dựng sự tự tin, năng lực và thói quen tinh thần giúp chúng có thể chinh phục những thách thức trong tương lai của chúng và của chúng ta.

Khi các nhà giáo dục và người chăm sóc trẻ nhỏ thảo luận về giáo dục ngày nay, họ thường sử dụng từ viết tắt STEM/STEAM để chỉ cách tiếp cận tích hợp đối với khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán học hay nghệ thuật. STEM/STEAM không chỉ là một danh sách các nội dung, khái niệm và kỹ năng. Đó là một cách tiếp cận toàn diện đối với trải nghiệm giáo dục. Thực hành STEM/STEAM cung cấp các con đường khám phá từ thời thơ ấu cho đến khi trưởng thành. Nhưng chúng ta sẽ thấy từ các cuộc thảo luận sau đó, ngay cả từ viết tắt STEM cũng có thể bị hạn chế. Nó có thể khiến giáo viên và người chăm sóc tạo ra những ranh giới giả tạo giữa các cách nhận biết. Chúng ta cần nhớ rằng khám phá cũng liên quan đến việc đọc, giao tiếp, các kỹ năng xã hội và nghiên cứu, âm nhạc và nghệ thuật. Khám phá hiếm khi rơi vào bất kỳ loại đơn lẻ nào.

## **2.2. Một số vấn đề về thực tiễn:**

Năm lĩnh vực được đề cập trong từ viết tắt STEAM, nhưng khoa học và toán học là những lĩnh vực quen thuộc nhất đối với GVMN. Ngay cả như vậy, nhiều GVMN không tận dụng được các cơ hội khoa học có trong lớp học. Sự hỗ trợ của người lớn là rất quan trọng nếu trẻ nhỏ muốn tối đa hóa việc học tập nền tảng của chúng.

Giáo viên tham gia rất nhiều các khóa bồi dưỡng về giáo dục STEAM từ chuyên gia của các nước như: Mỹ, Singapore, Việt Nam. Họ đã bắt đầu tiếp cận và từng bước hiểu được giáo dục STEM mang lại nhiều trải nghiệm sáng tạo, thú vị, hấp dẫn trẻ, vận dụng từng bước để giúp trẻ có tư duy logic khám phá khoa học và bước đầu có những tiến bộ trong tư duy tính toán và làm việc nhóm, cách sắp xếp khoa học hiệu quả và rất nhiều những lợi ích cho trẻ mà phương pháp này mang lại.... Đây cũng là một thay đổi tích cực trong công tác chăm sóc giáo dục trẻ mầm non.

Sau khi được tham gia các lớp học và quan sát một số các hoạt động tổ chức giáo dục tại các trường vận dụng STEAM. Chúng tôi nhận thấy một số những vấn đề sau:

### *Những thuận lợi:*

- Nhà trường đã tổ chức đào tạo, bồi dưỡng các giáo viên nòng cốt tham dự hội thảo của các chuyên gia đầu ngành trong lĩnh vực STEAM, tham gia lớp STEAM do giáo viên Singapore giảng dạy, lớp bồi dưỡng kiến thức về STEAM do trường CĐSPTƯ tổ chức. Sau mỗi lần đi học tập, giáo viên trao đổi lại kinh nghiệm với Ban giám hiệu, tổ chuyên môn để tổng kết, rút kinh nghiệm cho lần sau, từ đó lên chương trình thí điểm ứng dụng việc vận dụng STEAM ở trên lớp.

- Toàn bộ giáo viên trong trường được tham gia học tập chuyên đề tiếp cận STEAM trong giáo dục mầm non và lớp bồi dưỡng kiến thức về STEAM cũng như lớp học về dự án.

- Tổ chuyên môn lên chương trình triển khai về nhóm lớp, từng lớp chỉnh sửa phù hợp với đặc điểm lớp mình và khả năng của trẻ. Chuẩn bị môi trường lớp học cho hoạt động STEAM. Không gian trong lớp học STEAM ở trường cần được thiết kế để làm nguồn cảm hứng cho hoạt động khám phá của trẻ em. Trẻ cần một không gian rộng rãi để thực hiện các hoạt động khoa học kỹ thuật. Nhà trường khuyến khích các lớp sử dụng những vật liệu tự nhiên và có sẵn trong

thực tế thay vì dụng cụ mô phỏng hoặc đồ chơi. Điều này sẽ tăng hiệu quả cho việc giáo dục đồng thời tăng hứng thú với việc học.

- Tổ chức các buổi kiến tập về hoạt động STEAM. Thông báo đến phụ huynh kế hoạch của nhà trường và của lớp trong việc ứng dụng STEAM vào các hoạt động giáo dục trong năm học.

- Xây dựng các dự án học tập tích hợp hoạt động STEAM tại trường Thực nghiệm Hoa Hồng. Triển khai hoạt động STEAM đến từng nhóm

#### *Những khó khăn:*

Chúng ta mới chỉ dạy giáo viên mầm non lý thuyết mà phần thực hành mới là cốt lõi – phần này liên quan rất nhiều đến yếu tố kỹ thuật để tạo nên sản phẩm lại chưa được hướng dẫn đầy đủ do nhiều yếu tố chủ quan và khách quan dẫn đến khi hướng dẫn cho trẻ sẽ rất lúng túng khó khăn và không mang lại hiệu quả - sản phẩm hầu như là mô hình trẻ không thể sử dụng chơi tích cực được.

Chúng ta mới hiểu khái niệm bề nổi của STEAM mà chưa hiểu hết cốt lõi khi vận dụng nó để hướng dẫn trẻ đó chính là các quy trình khoa học đòi hỏi tính chính xác về mặt tư duy và kỹ thuật thì mới tạo ra được sản phẩm thỏa mãn đam mê khám phá khoa học của trẻ.

Sự kiên nhẫn và khả năng làm việc nhóm để mang lại hiệu quả của quá trình thực hiện.

+ Cần có phòng học chuyên biệt đầy đủ trang thiết bị phục vụ, hướng dẫn trẻ thực hành, sắp xếp phòng học có tổ chức, trật tự sẽ tạo không gian rộng rãi để tổ chức lớp học, lưu giữ sản phẩm và thí nghiệm khoa học.

+ Giáo viên cần được bồi dưỡng, hướng dẫn sử dụng thành thạo các đồ công nghệ, thiết bị, kỹ thuật. Điều quan trọng là công nghệ liên tục thay đổi và các lớp học cần có khả năng thích ứng với các xu hướng mới nhất: máy tính, máy in, máy tính tương tác, thiết bị thực tế ảo...

#### **Nguyên nhân:**

##### *Khách quan:*

- Hầu hết các sách hướng dẫn đều bằng tiếng Anh điều này khó cho giáo viên trong quá trình tiếp cận.

- Các website hay các group hướng dẫn đều chỉ mang yếu tố mô hình và chủ yếu tài liệu là tiếng nước ngoài.

- Có một số loại sách hướng dẫn hay một số nhóm group hướng dẫn nhưng nhìn chung chủ yếu tạo mô hình là chính. Việc hiểu chính xác về các bài tập còn mang tính cảm nhận cá nhân.

- Các nguyên vật liệu chưa phong phú khó tìm mua

#### *Chủ quan*

- Giáo viên mầm non chưa được đào tạo những kỹ thuật cơ bản để thiết kế các sản phẩm theo đúng quy trình, việc học và mày mò theo một số các nhóm, bài tập trên mạng mất thời gian khá lâu.

- Việc tạo ra một sản phẩm mang đúng ý nghĩa vận dụng theo hướng STEAM đòi hỏi giáo viên cần có kỹ năng và được đào tạo về mặt kỹ thuật nhất định.

- Nhận thức được những khó khăn này trong quá trình triển khai Vận dụng STEAM và ngày hội trải nghiệm STEAM cho trẻ mầm non tại trường thực nghiệm Hoa Hồng. Với sự giúp đỡ của nhóm kỹ sư trẻ Đại học Bách Khoa Hà Nội đã tổ chức hướng dẫn một số các bài tập kỹ thuật cơ bản và cách tìm nguyên vật liệu để ứng dụng giúp giáo viên mầm non từ đó cùng hướng dẫn xây dựng các kế hoạch cụ thể để trẻ mầm non trải nghiệm đúng nghĩa và mang lại hiệu quả bất ngờ.

### **2.3. Hướng dẫn lập kế hoạch tổ chức hoạt động STEAM cho trẻ tại Trường thực nghiệm Hoa Hồng**

Hoạt động này cũng cần thiết có sự tham gia của phụ huynh, đồng hành về chuẩn bị kiến thức, kỹ năng, nguyên vật liệu để giúp trẻ thực hiện được mong muốn

*Bước 1.* Lập kế hoạch Giáo dục STEAM lồng vào kế hoạch giáo dục theo tuần, tháng, theo chủ đề, dự án của trường. Lên lập kế hoạch từng phần để từng bước thực hiện mục tiêu gần, cần chuẩn bị cho trẻ những kỹ năng cần thiết: kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng đạt mục tiêu và hoàn thiện, kỹ năng xây dựng bài học cụ thể và tạo sản phẩm....

*Bước 2.* Hoạt động STEAM cần tổ chức gắn liền với các hoạt động giáo dục mầm non hàng ngày nhưng cần tổ chức như hoạt động học bởi vì tính độc lập, tập trung và đòi hỏi có thời gian để trẻ có thể hoạt động nhất định.

*Bước 3.* Cần trang thiết bị hỗ trợ để trẻ có thể thực hành tốt nhất nếu có thể có phòng thực hành, nếu không có phòng thực hành có thể tổ chức ở lớp nhưng cần điều kiện không gian để trẻ tập trung và làm việc có hiệu quả tốt.

*Bước 4.* Trang bị kiến thức, kỹ năng cần thiết và đảm bảo an toàn tuyệt đối cho trẻ.

*Bước 5. Sản phẩm giúp trẻ thỏa mãn hứng thú và đam mê là chính và cần khuyến khích để trẻ sáng tạo trong quá trình hoạt động và những lần tiếp theo và rút kinh nghiệm trong mỗi lần thực hiện.*

### **3.Kết luận**

Để thực hiện được các hoạt động giáo dục theo hướng vận dụng STEAM cần chuẩn bị cả về mặt lý thuyết lẫn thực hành cho giáo viên mầm non, hướng dẫn các cô quy trình tiếp cận một cách khoa học và từng bước vận dụng vào chương trình một cách có hiệu quả, giáo viên hiểu rõ cách thức xây dựng hoạt động và kỹ thuật thực hiện khi lý tưởng hóa mong muốn của trẻ từ đó mới có thể hướng dẫn trẻ thực hiện một cách hiệu quả, thường xuyên khích lệ động viên trẻ trao đổi thảo luận, khuyến khích những ý tưởng sáng tạo và thay đổi cho phù hợp để trẻ mạnh dạn khi thực hiện dự án nhỏ của mình, nếu chưa thành công cùng ngồi lại với trẻ để nghĩ cách giải quyết, mục đích cuối cùng không phải là thành quả sản phẩm mà là trẻ được trải nghiệm và tư duy nhóm, chơi hết mình.

Trải nghiệm sáng tạo cần được khuyến khích và yêu thương tôn trọng quyết định của trẻ đây mới là mục đích giáo dục hướng tới. Dạy trẻ cách tư duy khoa học và rèn luyện tính kiên nhẫn tư duy logic của mình và khả năng hợp tác nhóm trong quá trình thực hiện hướng trẻ tới gần với môi trường xã hội đang diễn ra xung quanh trẻ giúp trẻ nhận thức rõ hơn, hình thành những tư duy, xúc cảm tình cảm tích cực nuôi dưỡng tâm hồn trẻ.

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. *Nguyễn Thanh Hải*, Giáo dục STEM/STEAM từ trải nghiệm thực hành đến tư duy sáng tạo, Nhà Xuất bản trẻ 2018.
2. *Phạm Thị Cúc Hà, Vũ Thị Huyền Trinh*, STEAM for Future (10 cuốn), Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam 2020.



# NGHỀ THIẾT KẾ ĐỒ HỌA TRONG THỜI ĐẠI MỚI

**ThS. Vương Bích Hiền**

Khoa Nghệ thuật

**Tóm tắt:** Thiết kế đồ họa là loại hình nghệ thuật ứng dụng, là ngành hợp giữa ý tưởng sáng tạo và khả năng cảm nhận thẩm mỹ thường được gọi với cái tên graphic design. Nghề thiết kế đồ họa dựa trên ý tưởng, kỹ năng sáng tạo, thông qua các công cụ đồ họa như AI, Photoshop, Indesign, Auto Cad... để sắp xếp câu chữ, chỉnh sửa hình ảnh, lựa chọn màu sắc và sáng tạo bố cục để sản phẩm đồ họa cuối cùng có một tổng thể bắt mắt và thu hút nhất. Mục đích để truyền đạt hiệu quả truyền thông cao nhất, phục vụ mục đích kinh doanh hoặc tuyên truyền các hoạt động xã hội. Một thiết kế tốt có thể truyền đạt thông điệp, cảm xúc và giá trị ngay lập tức tới người xem chỉ trong một vài giây.

**Từ khoá:** Thiết kế Đồ họa, công nghệ, design

## 1. Đặt vấn đề

Nghiên cứu tại 3M Corporation, một trong những tập đoàn đa quốc gia lớn nhất thế giới với khoảng 3000 bằng sáng chế mỗi năm, có trụ sở chính tại Hoa Kỳ đã kết luận rằng hình ảnh được não xử lý nhanh hơn khoảng 60.000 lần so với một văn bản. Các nghiên cứu sâu hơn cho thấy não người giải mã các yếu tố hình ảnh đồng thời, trong khi ngôn ngữ được giải mã theo cách tuyến tính, tuần tự, mất nhiều thời gian hơn để xử lý.

Một thiết kế tốt có thể truyền đạt thông điệp, cảm xúc và giá trị ngay lập tức tới người xem chỉ trong một vài giây và 90% lượng thông tin được não tiếp nhận thông qua hình ảnh.

Với phần lớn dân số thế giới thuộc nhóm “ghi nhớ thông qua hình ảnh” thì một tiếp cận trực quan là điều cần thiết để tạo cá tính và giúp doanh nghiệp ghi dấu ấn trong lòng công chúng. Cũng theo nhiều nghiên cứu chỉ ra mối quan hệ giữa hành vi mua hàng và nội dung bán hàng cho thấy màu sắc trong thiết kế sản phẩm có ảnh hưởng từ 60 đến 80% hành vi quyết định mua hàng, 93% các bài đăng trên fanpage có nhiều lượt “like” là nhờ các hình ảnh và video ấn tượng.

## 2. Nội dung

### 2.1. Thời đại công nghệ tái định nghĩa về ngành thiết kế/design

Khoan đề cập đến “Ngành Thiết kế Đồ họa”, trước tiên ta hãy tìm hiểu thời đại kỹ thuật số là gì? Thời đại kỹ thuật số (Digital age) còn gọi dưới các thuật

ngữ khác như: thời đại máy tính, thời đại thông tin hoặc thời đại truyền thông mới. Đây là một giai đoạn trong lịch sử nhân loại với sự chuyển đổi từ ngành công nghiệp truyền thống mà cách mạng công nghiệp đã mang lại thông qua công nghiệp hoá, tới nền kinh tế dựa trên tin học hoá. Thời đại kỹ thuật số được hình thành bằng cách tận dụng sự tiến bộ của máy tính. Sự tiến triển của công nghệ trong cuộc sống hàng ngày và tổ chức xã hội đã dẫn đến sự hiện đại hoá các quá trình thông tin và truyền thông, trở thành động lực của tiến hoá xã hội.

Thực tế cho thấy con người ngày càng tăng cường tương tác với nhau qua các thiết bị công nghệ, cảm nhận sự thuận tiện và nhanh chóng rõ rệt so với các phương thức truyền thống. Trước đây, con người chỉ có thể trò chuyện, tiếp nhận thông tin, giao lưu buôn bán hay tận hưởng các kiệt tác nghệ thuật khi gặp mặt và tiếp xúc trực tiếp, đến nghe tận nơi, nhìn tận mắt, thì ngày nay, công nghệ đã đem cả thế giới đến với từng người chỉ qua các thiết bị nhỏ bé, mở ra vô vàn dữ liệu qua những tương tác ẩn, chạm đơn giản. Quá trình tiếp cận, sử dụng công nghệ cũng hình thành thêm nhiều thói quen, hành vi mới và cả các nhu cầu mới; do đó, để đáp ứng và bắt kịp xu hướng của thời đại, công nghệ cũng vận động và thay đổi, thúc đẩy sự phát triển của nhiều ngành nghề, trong đó có ngành Thiết kế Đồ họa.

## **2.2. Thiết kế Đồ họa - ngành học của thẩm mỹ, sáng tạo và đam mê**

Thuộc lĩnh vực mỹ thuật ứng dụng, Thiết kế Đồ họa là ngành sử dụng các thủ pháp đồ họa, phần mềm thiết kế để truyền tải thông điệp bằng những hình ảnh đẹp, ấn tượng, đi vào lòng người.

Trong cuộc sống hiện đại, ngành Thiết kế Đồ họa đang được ứng dụng ngày càng rộng rãi. Từ danh thiếp, túi đựng quà, báo, tạp chí, poster, biểu ngữ, tờ bướm, tập san đến giao diện website, phim ảnh, logo hay toàn bộ hệ thống nhận diện thương hiệu của một doanh nghiệp, tổ chức đều là kết quả từ “bàn tay phù thủy” và óc thẩm mỹ tinh tế của người thiết kế. Tất cả các vật dụng đang hiện diện trong đời sống với những tên gọi tưởng như đã cũ nhưng hình ảnh của nó đang được những nhà thiết kế thay đổi liên tục, cùng với những sức sống mới, ấn tượng mới và ý nghĩa mới.

“Năng khiếu thẩm mỹ là một lợi thế cho những ai theo đuổi ngành Thiết kế Đồ họa, nhưng sáng tạo và đam mê mới là yếu tố quyết định đến sự thành công”.

Ths. Nguyễn Hồng Sơn – Giám đốc đào tạo ITPlus Academy

### **2.3. Tại sao ngành Thiết kế đồ họa lại cần thiết?**

Theo Calvin Carter, chủ sở hữu, nhà thiết kế Đồ họa và phát triển trang web của Logomazing: *“Thiết kế Đồ họa sẽ trở nên rất quan trọng trong 10 năm tới. Giấy sẽ dần trở nên lỗi thời, vì vậy mọi thiết kế sẽ hướng tới kỹ thuật số và giao diện web”*.

*“Công nghệ sẽ đóng vai trò lớn hơn bao giờ hết trong cách chúng ta giao tiếp thông qua thiết kế”* - Miguel Lee, giám đốc sáng tạo của Midnight Sherpa đánh giá.

Như vậy theo các chuyên gia hàng đầu trong lĩnh vực đồ họa, Thiết kế Đồ họa sẽ là chìa khóa cho sự phát triển của truyền thông trong tương lai, hứa hẹn những cơ hội vàng cho ngành graphic design.

Thực tế với sự phát triển của thương mại điện tử ngày nay, cạnh tranh khốc liệt giữa các thương hiệu dự báo sẽ tạo cho ngành Thiết kế Đồ họa tiếp tục “nóng” trong thời đại mới. Đặc biệt, khi Internet trở thành một phần không thể tách rời với con người hiện đại đã khiến cho nghề Thiết kế Đồ họa ngày càng trở nên quan trọng.

Các sản phẩm đồ họa đã len lỏi trong mọi ngóc ngách của cuộc sống chúng ta. Từ các trang truyện tranh đầy màu sắc đến những bộ phim kỹ xảo tinh vi, hay hình ảnh quả táo cắn dở sau lưng chiếc điện thoại cũng hình thành từ Thiết kế Đồ họa.

Không phải ngẫu nhiên mà các “ông lớn” trong ngành công nghệ như Microsoft, Samsung hay Apple dành những khoản đầu tư lớn cho mảng thiết kế sản phẩm, thiết kế tối ưu trải nghiệm người dùng. Ở chiều hướng ngược lại, chính lĩnh vực thiết kế cũng ảnh hưởng tới phát triển công nghệ.

### **2.4. Sự tối ưu hoá trong truyền tải thông tin qua hình ảnh**

Những năm gần đây, đặc biệt trong bối cảnh đại dịch Covid – 19, thế giới chứng kiến và đánh dấu sự bùng nổ của thương mại điện tử. Không còn chờ hữu xạ tự nhiên hương hay tiếp thị qua các kênh bán hàng truyền thống, bán hàng trực tuyến nổi lên như một sự thiết yếu và đem lại đa số doanh thu cho các nhãn hàng.

Để tối ưu hoá trải nghiệm của người tiêu dùng nhằm gia tăng sức mua, các nhãn hàng đưa ra các chiến dịch truyền thông trong đó hình ảnh đóng vai trò quan trọng trong khâu truyền tải thông điệp. Không chỉ gói gọn trong hình ảnh,

thông điệp còn được truyền tải qua các video giới thiệu, thiết kế bao bì bắt mắt và website. Có thể nói, trong thời đại công nghệ, bất cứ một sản phẩm nào cũng đều cần thiết kế và quảng cáo.

Về ngoài của sản phẩm chính là thông điệp thu hút người mua giữa một gian hàng đầy ắp. Sự hấp dẫn của bao bì sản phẩm chỉ có thể thực hiện được thông qua bàn tay của đội ngũ Thiết kế Đồ họa. Một bao bì ấn tượng không chỉ được người tiêu dùng lựa chọn mà còn thuyết phục họ nhớ đến và mua lần sau.

Xu hướng số hóa mọi hoạt động đặc biệt có thể thấy rõ qua giai đoạn toàn cầu trải qua dịch Covid-19 như hiện nay. Hơn 1/3 dân số thế giới phải Work from home qua các ứng dụng làm việc trực tuyến như Zoom, Skype, Trello, Email..., vì không thể đến được văn phòng, đảm bảo giãn cách xã hội. Ngay cả những concert, show diễn nghệ thuật, triển lãm nổi tiếng trước đây chỉ có thể được trình diễn, trưng bày tại một số nơi đặc biệt - thì nay ai cũng có thể truy cập và thưởng thức nhanh chóng, miễn là có thiết bị kết nối internet.

Giao tiếp bằng hình ảnh tốt có thể loại bỏ mọi rào cản ngôn ngữ. Với độ bao phủ trải dài mọi lĩnh vực cuộc sống, Thiết kế Đồ họa là một ngành nghề hấp dẫn, tiềm năng đối với các bạn trẻ trong tương lai.

## **2.5. Vai trò của thiết kế trong thời đại công nghệ mới**

Khi công nghệ phát triển, ngành thiết kế cũng thay đổi theo xu hướng thời đại, đem đến nhiều giá trị đột phá trong lĩnh vực design và đóng góp cho xã hội. Thiết kế Đồ họa đã vượt ra khỏi khái niệm của một ngành nghề chuyên về thiết kế mà đã “phủ sóng” ở hầu hết các phương tiện truyền thông.

Thiết kế đóng vai trò cầu nối quan trọng đưa các thông điệp truyền tải từ thiết bị công nghệ đến đối tượng mục tiêu. Muốn được xã hội chấp nhận, các thiết kế mới phải mang hơi thở thời đại, tạo ra trên nền tảng công nghệ, hay nói chính xác hơn, thiết kế và phát triển công nghệ đi song hành, tương tác lẫn nhau. Xu hướng đột phá của lĩnh vực design trong vòng một thập kỉ trở lại đây hầu hết mang dấu ấn song hành với công nghệ, mà tiêu biểu là xu hướng Tư duy thiết kế (Design Thinking).

Vai trò của Design hiện nay gắn liền với nhiều lĩnh vực (giáo dục, kiến trúc, thời trang, nội thất, truyền thông, đồ họa, thương mại điện tử...), được thể hiện bằng nhiều hình thức cũng như kênh tiếp cận khác nhau (app trên điện thoại, trò chơi điện tử, thiết bị ATM, biển báo ngoài trời, trang web mua sắm,

ứng dụng học tập và làm việc online...) Thiết kế app, thiết kế giao diện cho các phần mềm, ứng dụng trên mobile đã trở thành một xu hướng mới trong kỷ nguyên 4.0, nơi mà thiết bị di động có thể thực hiện hầu hết mọi thứ, từ giải trí, tới công việc và giao tiếp. Một trong những cách khác hỗ trợ cho công việc thiết kế ứng dụng là sử dụng những công cụ chuyên biệt với công nghệ hiện đại, không chỉ tiết kiệm thời gian và chi phí mà còn tạo nên sự khác biệt, chinh chu cho sản phẩm được tạo ra so với phương pháp truyền thống.

Với tần suất công nghệ xuất hiện thường xuyên, len lỏi vào tất cả ngõ ngách của cuộc sống, giờ đây thiết kế có thêm một nhiệm vụ nữa là định hướng hành vi ứng xử của con người. Các trải nghiệm trên nền tảng công nghệ đều tác động lớn đến cảm xúc, suy nghĩ, nhận thức và dẫn đến hành vi của mỗi người. Các designer cần phải định vị lại và mở rộng khái niệm thiết kế: thiết lập, kiến tạo những cái mới có ích và có thẩm mỹ cho xã hội.

Từ tổng quan đó cho thấy các nhà Thiết kế Đồ họa trong xã hội đương đại cần một sự thay đổi tích cực hơn so với thế hệ đi trước, sự thành công của một người thiết kế là khả năng sáng tạo, ứng dụng công nghệ hiện đại trong công việc và chúng ta nhận thức rõ hơn Thiết kế Đồ họa – một phần của đời sống công nghệ có vai trò ngày một quan trọng hơn.

## **2.6. Nhân lực & thu nhập của nghề Thiết kế Đồ họa với nhu cầu xã hội hiện tại**

Trong xu hướng hội nhập, sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp trong và ngoài nước tại Việt Nam ngày càng trở nên gay gắt. Để quảng bá thương hiệu, được đông đảo khách hàng và người tiêu dùng biết đến, các doanh nghiệp phải cần đến các công ty quảng cáo chuyên nghiệp và các công ty chuyên về Thiết kế Đồ họa.

### ***2.6.1. Nhu cầu tuyển dụng nhân lực ngành Thiết kế Đồ họa***

Hàng năm, nước ta có hơn 500.000 sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành Thiết kế Đồ họa, nhưng thực tế mới chỉ đáp ứng được 30 – 40% nhu cầu nhân lực cho ngành nghề thuộc lĩnh vực sáng tạo này. Một con số quá khiêm nhường trong khi số lượng doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực quảng cáo, truyền thông, thiết kế lên đến gần 6.000 công ty.

Theo số liệu của Hiệp hội quảng cáo Việt Nam (VAA), nước ta hiện có khoảng 50 công ty quảng cáo nước ngoài, gần 3.000 công ty quảng cáo của Việt

Nam và hàng ngàn công ty chuyên về Thiết kế Đồ họa,. Riêng tại HN có khoảng hơn 1.300 công ty quảng cáo và hàng trăm công ty thiết kế đang hoạt động sôi nổi. Không chỉ vậy, các nhà xuất bản, tòa soạn báo, đài truyền hình, nhà in, công ty tổ chức sự kiện, trường học hay bất cứ doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nào cũng đều có nhu cầu tuyển dụng các chuyên viên Thiết kế Đồ họa. Như vậy, nhu cầu nhân lực cho thiết kế các ấn phẩm truyền thông, quảng cáo, hệ thống nhận diện thương hiệu, ... không những không dừng lại mà còn tăng nhanh theo cấp số nhân.

Thêm vào đó, những năm gần đây, chúng ta chứng kiến sự bùng nổ về các sản phẩm công nghệ di động có tích hợp khả năng chụp hình, quay phim, thiết kế... tạo ra nhu cầu đưa các sản phẩm này lên mạng xã hội với tốc độ chóng mặt cho nhiều mục đích khác nhau. Công nghệ trí tuệ nhân tạo AI cũng đang dần chiếm vị trí quan trọng về mặt công nghệ tích hợp trong rất nhiều sản phẩm phục vụ cho nhu cầu giải trí của người tiêu dùng. Trong bối cảnh phát triển truyền thông đa phương tiện thì Đồ họa – một nhân tố then chốt phụ trợ truyền thông cũng trở nên quan trọng hơn bao giờ hết.

#### ***2.6.2. Thu nhập của ngành thiết kế Đồ họa từ năm 2018 – 2021***

##### ***a) Trên thế giới***

Không chỉ ở Việt Nam, Thiết kế Đồ họa cũng thuộc nhóm ngành thu nhập cao trên thế giới. Mặc dù đại dịch Covid-19 diễn ra khiến kinh tế thế giới gánh chịu không ít những biến động, nhưng Thiết kế Đồ họa vẫn nằm trong top những ngành nghề đem lại thu nhập cao.

Theo thống kê của trang Payscale, ở thị trường nước ngoài, lương trung bình của một designer dựa trên kinh nghiệm có xu hướng tăng rõ rệt. Nếu dưới 5 năm kinh nghiệm, mức lương sẽ là khoảng hơn 800 triệu đồng mỗi năm. Nếu có từ 5 – 10 năm kinh nghiệm, con số này sẽ tăng lên gần một tỷ đồng mỗi năm. Và con đường thăng tiến sự nghiệp cho dân Thiết kế Đồ họa cũng rộng mở với đa dạng cấp độ như: chuyên viên thiết kế cấp cao, trưởng nhóm thiết kế, giám đốc thiết kế, giám đốc sáng tạo...

Ở một số cường quốc như Mỹ, ngành Thiết kế Đồ họa đang có mức thu nhập khá cao (khoảng \$54,680/năm) cao hơn mức trung bình các ngành khác (khoảng \$51,960/năm) – theo Forbes.com. Tương tự, ở Singapore và Úc, mức thu nhập của những nhà Thiết kế Đồ họa trung bình ở mức \$70,330/năm (thống kê năm 2021 tại Úc) – theo LivinginAustralia.

### **b) Tại Việt Nam**

Tại thị trường lao động trong nước, theo số liệu thống kê từ những website tuyển dụng hàng đầu như Vietnamworks, Vieclam24h,... đều đăng tải những thông tin tuyển dụng cho các vị trí liên quan đến Thiết kế Đồ họa với mức lương dao động từ 7-10 triệu đồng/tháng cho cấp bậc cơ bản nhất. Theo thống kê, năm 2018 mức thu nhập bình quân của vị trí Thiết kế Đồ họa lên tới 8,5 triệu đồng/tháng (Theo Vietnamsalary)

Chưa dừng lại ở đó, do nhu cầu của thị trường liên quan đến Thiết kế Đồ họa ngày một cao, thu nhập ngành này ngày càng có xu hướng tăng trưởng. Từ 8,5 triệu/tháng năm 2018 tăng lên 11 triệu/tháng sau 3 năm. Theo dữ liệu được khai thác từ Vietnamsalary trong vòng 3 năm từ 2018 đến 2021, thị trường Việt Nam đã cho thấy sự tăng trưởng rõ rệt trong thu nhập của lĩnh vực Thiết kế Đồ họa, lên tới 125%.

|                  | <b>2018 (triệu/tháng)</b> | <b>2021 (triệu/tháng)</b> | <b>Tỷ lệ tăng trưởng</b> |
|------------------|---------------------------|---------------------------|--------------------------|
| Lương thấp nhất  | 3,5                       | 4                         | 33%                      |
| Lương trung bình | 7,1                       | 8,8                       | 24%                      |
| Lương cao nhất   | 8,5                       | 11                        | 29%                      |
| Lương bậc thấp   | 10                        | 13,1                      | 31%                      |
| Lương bậc cao    | 15                        | 33,8                      | 125%                     |

Một trang web tìm việc uy tín của Việt Nam còn cập nhật mức lương cho ngành nghề này với khoảng dao động từ 11 – 15.5 triệu đồng/tháng. Hầu hết các trang tuyển dụng lớn như Vietnamworks, Jobstreet... thống kê mức lương đề xuất cho những designer ở mức trung bình thấp là 8,6 triệu, còn đối với những chuyên viên giàu kinh nghiệm, mức lương cao nhất lên đến 25 triệu/tháng chưa kể khi phát triển lên vị trí quản lý với kinh nghiệm thực tế phong phú, mức lương còn được đòn bẩy gấp nhiều lần (dựa theo 2.411 việc làm trên VietnamWorks). Đây quả là mức thu nhập rất cạnh tranh so với mặt bằng chung các ngành nghề khác.

### **3. Kết luận**

Thiết kế Đồ họa là một trong những ngành giàu cơ hội việc làm nhất hiện nay Sinh viên Thiết kế Đồ họa luôn có sẵn sự lựa chọn nghề nghiệp tại rất nhiều lĩnh vực ngay sau khi tốt nghiệp.

Qua những con số về mức lương và sự tăng trưởng ấn tượng trên đây, có thể coi Thiết kế Đồ họa là “nghề của thời đại mới”. Trải qua thời kỳ biến động về kinh tế toàn cầu nhưng nhu cầu và thu nhập từ ngành vẫn không bị ảnh hưởng nhiều, thậm chí có xu hướng tăng so với trước đại dịch.

Tại ngành Thiết kế Đồ họa – Khoa Nghệ Thuật – Trường CDSPTU chúng tôi, 100% sinh viên ra trường có việc làm tốt, trong môi trường phù hợp chuyên môn, đa dạng vị trí, theo đam mê, cá tính mỗi người. Nhiều cá nhân thành đạt, vượt trội và có tiếng tăm trong nghề.

Theo học ngành Thiết kế Đồ họa là sự lựa chọn sáng suốt đối với các bạn sinh viên trong thời đại mới.

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Richard Moore (2009), *Đầu tư cho chiến lược hình ảnh thương hiệu*, Nxb Văn hóa – Thông tin.
2. <https://oit.williams.edu/files/2010/02/using-images-effectively.pdf>
3. <https://nlv.gov.vn/nghiiep-vu-thu-vien/>
4. <https://huongnghiep.hoasen.edu.vn/nghe-nghiiep-danh-cho-ban/>
5. <https://www.arena-multimedia.vn/tin-multimedia>
6. <https://www.arena-multimedia.vn/tin-bao-chi/>
7. <https://www.vanlanguni.edu.vn/tin-tuc-size-bar/>
8. <https://www.vietnamworks.com/>
9. <https://vietnamsalary.careerbuilder.vn/en>



# NÂNG CAO NĂNG LỰC TỰ HỌC MÔN ÂM NHẠC CHO SINH VIÊN KHOA MÂM NON TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM TRUNG ƯƠNG

**ThS. Phùng Thị Hồng Giang**

Khoa Nghệ thuật

## ***Tóm tắt:***

Âm nhạc là môn học thuộc lĩnh vực giáo dục nghệ thuật. Thông qua nội dung và hình thức học tập đa dạng, giáo dục âm nhạc tạo cơ hội cho sinh viên được trải nghiệm và phát triển các năng lực thẩm mỹ đặc thù ở môn học này như: thể hiện âm nhạc, cảm thụ âm nhạc, phân tích và đánh giá âm nhạc, ứng dụng và sáng tạo âm nhạc; đồng thời góp phần phát hiện, bồi dưỡng những sinh viên có năng khiếu âm nhạc. Bài viết này đề cập đến những kiến thức, kỹ năng thực hành âm nhạc cơ bản và phương pháp tổ chức hoạt động âm nhạc cho cấp Mầm non nhằm đáp ứng nhu cầu tìm hiểu chuyên sâu hơn về bộ môn, có thêm các kỹ năng hoạt động âm nhạc phục vụ cho các hoạt động ngoại khóa ở trường Mầm non. Thời lượng học chuyên ngành không đủ để đảm bảo sinh viên có thể thành thực các kỹ năng hoạt động âm nhạc, bài viết cũng đưa ra một số giải pháp: Cần phải giúp sinh viên hiểu được tầm quan trọng của việc tự học môn âm nhạc, các giảng viên cần biên soạn tài liệu giảng dạy, thiết kế các nội dung học tập phù hợp, áp dụng các phương pháp dạy học tích cực giúp các em phát huy tính tự giác, ham học hỏi để hoàn thành tốt mục tiêu môn học.

***Từ khóa:*** *Tự học, môn nhạc cụ, sinh viên khoa Mầm non*

## **1. Đặt vấn đề**

Tự học, tự nghiên cứu có ý nghĩa quan trọng đối với người học nói chung và sinh viên ở các Trường CĐSPTU nói riêng. Kết quả tự học, tự nghiên cứu không chỉ góp phần hoàn thiện kiến thức và chương trình đào tạo mà còn giúp các em khắc sâu và vận dụng những kiến thức, phương pháp tiếp thu được trên lớp vào giải quyết những vấn đề đặt ra trong thực tế. Đặc biệt, đối với môn âm nhạc giảng dạy cho sinh viên sư phạm đại trà giúp các em có kiến thức, kỹ năng hoạt động âm nhạc để sau này các em có thể chủ động trong các hoạt động tổ chức hoạt động âm nhạc trong trường mầm non luôn đòi hỏi sinh viên phải có tay nghề vững vàng trong quá trình làm việc. Rèn luyện nhân cách cho trẻ mầm non thông qua giáo dục thẩm mỹ âm nhạc. Để đáp ứng nhu cầu tự học cho sinh

viên nhằm nâng cao chất lượng môn học, trong bài viết này tác giả sẽ đề cập đến những thực trạng và đưa ra các biện pháp để nâng cao năng lực tự học môn âm nhạc cho sinh viên ngành Giáo dục mầm non tại Trường CDSPTU góp phần xây dựng chất lượng đào tạo ngày một nâng cao, khẳng định vị thế của nhà trường trong hệ thống giáo dục mầm non của cả nước.

## **2.Nội dung**

### **2.1. Thực trạng tự học môn âm nhạc của sinh viên Khoa Giáo dục mầm non Trường CDSPTU**

#### **2.2.1. Chương trình giảng dạy**

- Âm nhạc và múa: 02 tín chỉ (38 tiết) trong đó bao gồm: 22 tiết lý thuyết, 16 tiết thực hành. Số giờ tự học, tự nghiên cứu của môn này là 60 giờ

- Phương pháp tổ chức hoạt động Âm nhạc: 02 tín chỉ (38) tiết trong đó bao gồm: 22 tiết lý thuyết, 16 tiết thực hành. Số giờ tự học, tự nghiên cứu của môn này là 60 giờ.

- Tổ chức hoạt động Âm nhạc trong các sự kiện lễ hội ở trường Mầm non: : 03 tín chỉ (55 tiết) trong đó bao gồm: 35 tiết lý thuyết, 20 tiết thực hành. Số giờ tự học, tự nghiên cứu của môn này là 90 giờ

- Nhạc cụ: 02 tín chỉ (38 tiết) trong đó bao gồm: 22 tiết lý thuyết, 16 tiết thực hành. Số giờ tự học, tự nghiên cứu của môn này là 60 giờ

- Thanh nhạc: : 02 tín chỉ (38 tiết) trong đó bao gồm: 22 tiết lý thuyết, 16 tiết thực hành. Số giờ tự học, tự nghiên cứu của môn này là 60 giờ

Nhìn vào biên chế số tiết của các hoạt động dạy học bộ môn Âm nhạc có thể thấy số giờ tự học của sinh viên là rất nhiều, gấp hơn 2 lần so với số giờ được học trên lớp, tuy nhiên thẳng thắn nhìn nhận lại sinh viên đã dành bao nhiêu thời gian cho việc tự học, có thể nói là không đáng kể và chủ yếu là để học thuộc các phần của thầy cô đã dạy ở trên lớp nên kiến thức thu lại không có sự mở rộng và mang tính bị động.

Với thời lượng của các học phần được thực hiện học theo tín chỉ nên số tiết giảm đi đáng kể so với phương thức đào tạo theo niên chế trước đây. Đội ngũ giảng viên âm nhạc trong khoa Nghệ thuật có trình độ chuyên môn vững vàng và yêu nghề, luôn có ý thức học hỏi, đổi mới phương pháp dạy học nhằm phát huy tính tích cực, nâng cao hiệu quả của môn học. Tuy nhiên, việc hướng dẫn cho sinh viên tự học còn chưa được chú trọng.

### **2.2.2. Năng lực học tập của sinh viên**

Qua bảng tổng hợp sĩ số lớp của khoa Giáo dục mầm non, số lượng sinh viên dao động từ 45 đến 50 SV/lớp. Với đặc thù của giờ học âm nhạc thì số lượng sinh viên như vậy là quá đông dẫn đến hạn chế sự bám sát của giảng viên đối với từng cá nhân. Bên cạnh đó, đa số sinh viên vẫn còn thói quen với phương pháp học tập từ thời phổ thông, chưa làm quen được với môi trường giáo dục cao đẳng, đại học nên kỹ năng tự học còn hạn chế. Một số sinh viên không có năng khiếu âm nhạc thì ngại học, ngại hoạt động cũng đã làm ảnh hưởng đến bầu không khí của lớp học. Việc nắm lý thuyết sơ sài dẫn đến kỹ năng thực hành rất thiếu tính tự giác, chủ yếu là bắt chước làm theo một cách thụ động chứ không có tư duy sáng tạo dẫn đến các kỹ năng nghe, hát và sử dụng đàn organ còn yếu, không tự ứng dụng được khi thực hành hát, đàn.

## **2.2. Biện pháp nâng cao hiệu quả tự học của sinh viên ngành Giáo dục Mầm non**

### **2.2.1. Xác định tầm quan trọng trong việc tự học cho sinh viên**

Đối với sinh viên sư phạm, cần cho các em hiểu được rằng: tự học là một hoạt động độc lập của sinh viên nhằm lĩnh hội tri thức khoa học, kỹ năng, kỹ xảo, nó bao gồm: việc học tập trên lớp có tổ chức, điều khiển trực tiếp của giảng viên và tiến hành tự học một cách tự giác theo hứng thú, sở thích của bản thân nhằm thỏa mãn nhu cầu hiểu biết bổ sung và mở rộng kiến thức. Hoạt động tự học của sinh viên sư phạm có vai trò rất quan trọng bởi, ngoài việc thực hiện nhiệm vụ lĩnh hội những tri thức lý luận các môn học, sinh viên còn tự học để tự rèn luyện kỹ năng nghiệp vụ sư phạm. Tự học quyết định trực tiếp chất lượng, hiệu quả học tập của từng cá nhân người học, góp phần nâng cao hiệu quả đào tạo của nhà trường. Để đáp ứng được nhu cầu của nghề nghiệp, sinh viên sư phạm phải nắm được phương pháp học tập cốt lõi đó là phương pháp tự học.

### **2.2.2. Tài liệu giảng dạy**

Tài liệu là một công cụ đặc lực phục vụ quá trình học tập của sinh viên. Giảng viên có nhiệm vụ cung cấp các tài liệu cần thiết phục vụ việc học môn nhạc cụ cho sinh viên. Tài liệu phải đảm bảo tiêu chí:

- Phù hợp năng lực của sinh viên, rèn luyện được các kỹ thuật luyện ngón hỗ trợ trong quá trình sử dụng đàn organ.
- Các bài hát thuộc đối tượng trẻ Mầm non.
- Các bản nhạc có giai điệu hay và phổ biến.

- Sách hướng dẫn cách đặt hợp âm cho 1 bài hát ở mức độ đơn giản.
- Các đường link hướng dẫn tự học đàn organ và piano trên internet

Các giảng viên khoa Nghệ thuật đã tập hợp một số tài liệu tham khảo giúp sinh viên thuận lợi trong quá trình tiếp cận tri thức, tự nghiên cứu ở mức độ cơ bản và nâng cao, ứng dụng nhiều bài hát trong chương trình Mầm non hoặc các bài hát mang tính phổ biến có giá trị nhân văn. Ngoài những bài quy định còn có những bài thực hành để sinh viên ứng dụng được các kiến thức ở phần lí thuyết. Hệ thống các bài hát trong chương trình Mầm non có cùng giọng, cùng nhịp, cùng âm hình tiết tấu để từ một bài mẫu sinh viên sẽ tự ứng dụng thực hành, luyện tập kĩ năng được nhiều bài. Với âm nhạc, phương tiện học tập là một điều kiện quan trọng cho hoạt động tự học, thiếu nó việc tìm tòi khám phá sẽ thiếu cơ sở khoa học.

Với đặc tính của âm thanh là vang lên rồi mất đi dẫn đến việc đọc nhạc sẽ rất khó khăn khi các em không có phương tiện học tập hỗ trợ. Vì vậy, giảng viên cần phải dựng các video do giảng viên trình bày các bài tập cơ bản như chạy gam, rải, các bước sử dụng đàn khi chọn tiết tấu, âm sắc và tốc độ cho các bản nhạc viết cho trẻ Mầm non để sinh viên quan sát khi ở nhà.

### **2.2.3. Điều kiện tiên quyết nhằm nâng cao năng lực tự học cho sinh viên ngành Giáo dục mầm non**

#### **a) Đối với giảng viên**

Trước khi lên lớp giảng viên phải có kế hoạch tổ chức lớp học và sự chuẩn bị tốt bài giảng, nhất là khâu thiết kế bài dạy nhằm tạo động cơ và mục đích học tập của môn học. Giúp sinh viên nhận thức vai trò và mục tiêu của môn học: Tiết học đầu tiên giảng viên cần trao đổi để sinh viên hiểu được âm nhạc là môn học có vị trí đặc biệt quan trọng trong hệ thống giáo dục ở trường Mầm non bởi ngoài việc học để có kiến thức về văn hóa âm nhạc, nó còn có vai trò tích cực trong việc giáo dục đạo đức và thẩm mỹ cho trẻ. Với tiêu chí lấy người học làm trung tâm, giảng viên cần có các biện pháp tổ chức hoạt động dạy học kết hợp giữa thầy và trò, hoạt động học giữa trò và trò. Từ đó hình thành và phát triển ở sinh viên những kĩ năng tự học, học hỏi lẫn nhau giữa các bạn trong lớp, nhằm phát huy tính tích cực học tập và tính chủ động rèn luyện sáng tạo của sinh viên. Tạo môi trường học tập thân thiện, phong phú, rèn luyện kĩ năng vận dụng kiến thức vào những tình huống khác nhau khi thực hành, tạo niềm tin, niềm vui, hứng thú trong học tập. Khơi dậy năng khiếu còn tiềm ẩn trong mỗi cá

nhân. Khi tổ chức kiểm tra đánh giá, đề thi cần kết cấu hai phần gồm kiến thức trong bài giảng và kỹ năng thực hành âm nhạc ứng dụng trong quá trình tự học. Có như vậy, sinh viên mới có ý thức và động lực để tự học có hiệu quả

#### *b) Đối với sinh viên*

Việc tự học đòi hỏi tính tự giác, kỷ luật rất cao. Việc xác định được mục đích môn học là yếu tố tiền đề để giúp các em có động cơ học tập đúng đắn. Bên cạnh đó xây dựng được tình yêu với môn học sẽ giúp cho các em tiếp thu kiến thức được hiệu quả hơn.

Môn nhạc cụ đòi hỏi phải có sự rèn luyện thường xuyên, liên tục, do vậy sinh viên cần tranh thủ tập luyện trong các giờ học chính khóa trên lớp đã được trang bị đàn. Sinh viên có đàn cá nhân là tốt nhất, trong trường hợp không có đàn, sinh viên nên tập trên hình mô phỏng để ngón tay thành thục các thế bấm như chạy gam, rải hoặc các bài tập luyện ngón nên vừa xướng âm vừa chuyển động thể tay theo yêu cầu để buổi lên lớp với đàn sẽ không bị bỡ ngỡ. Đây là một giải pháp mà có thể gọi là trong cái khó ló cái khôn nhưng hiệu quả đạt được lại không hề nhỏ, tuy nhiên rất cần sự nỗ lực và quyết tâm vượt khó của cá nhân vì tập không có âm thanh dễ gây sự chán nản cho người học. Môn học này rất cần sự chăm chỉ, tự giác, nếu các em sinh viên dành cho môn học được tối thiểu từ 1 đến 2 giờ/ ngày thì chắc chắn các bạn sẽ đạt được trình độ ở mức độ cần thiết cho các hoạt động âm nhạc trong trường Mầm non, sinh viên sẽ làm chủ được cây đàn organ và đệm được các bài hát ở lứa tuổi Mầm non.

Việc nghiên cứu thêm tài liệu về cách đặt hợp âm cơ bản cho 1 bản nhạc cũng là một yêu cầu cần thiết đối với sinh viên, các em nên chủ động tìm tài liệu theo hướng dẫn của giảng viên, chủ động trao đổi với giảng viên về các ý tưởng đặt hợp âm cho bài hát để tìm ra phương án tối ưu nhất và qua đó đúc kết được nhiều kinh nghiệm quý báu.

Kỹ năng tự kiểm tra, tự đánh giá có vai trò rất quan trọng trong quá trình học tập của sinh viên, nó giúp các em tự điều chỉnh hoạt động học của mình để đi tới mục tiêu học tập đã đề ra. Để tự kiểm tra, tự đánh giá, đòi hỏi sinh viên phải có kỹ năng nhận thức, kỹ năng xác định mục tiêu của bài học, kỹ năng thực hành luyện tập... nội dung tri thức đã học thể hiện cụ thể trên một tác phẩm

### **3. Kết luận**

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tiễn phương pháp dạy học nhằm nâng cao năng lực tự học cho sinh viên, có thể nhận thấy rằng tự học bao giờ

cũng là một nhân tố quyết định kết quả lĩnh hội tri thức ở bậc cao đẳng và đại học. Đặc biệt, đối với sinh viên ngành sư phạm mầm non là đối tượng học âm nhạc đại trà, không chuyên, năng lực học âm nhạc không đồng đều nên việc tự học môn âm nhạc là rất khó khăn.

Như vậy, để việc tự học nhạc cụ của sinh viên đạt hiệu quả cần phải có sự hướng dẫn, tổ chức, điều khiển của giảng viên một cách tận tình và khoa học với phương pháp dạy học sinh động, hấp dẫn theo đặc trưng môn học và nội dung từng bài học. Trong thời gian qua, phương pháp chính mà giảng viên tổ bộ môn âm nhạc, học phần nhạc cụ vận dụng là: Dạy học tích hợp theo hướng hình thành năng lực tự học, gắn lí thuyết với thực hành, cách tổ chức các hoạt động và thực hành luyện tập. Các bài tập thực hành của sinh viên cần được lặp đi lặp lại nhiều lần để hình thành các kĩ năng, kĩ xảo là rất cần thiết, phương pháp luyện tập từ thấp đến cao, dễ đến khó, đơn giản đến phức tạp đã cho thấy hiệu quả rõ rệt. Khi nắm được các kiến thức vững vàng và kĩ năng sử dụng đàn thuần thục sẽ giúp các em tự tin học tập hiệu quả.

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Cù Minh Nhật, *Học đệm organ* (Tập 1), NXB Dân trí tái bản (2015)
2. Cù Minh Nhật, *Organ thực hành cho thiếu thi*, NXB Âm nhạc (2007)
3. Czerny, ZEN – ON Music Co, Ltd, Tokyo (1967)
4. Nguyễn Phước Vĩnh Hưng, *Lý thuyết và thực hành trên đàn organ* (Tập 1) NXB Thành phố Hồ Chí Minh (1993)

# VẬN ĐỘNG THEO NHẠC TRONG TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG ÂM NHẠC TẠI CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON

**ThS. Nguyễn Hoàng Anh**

Khoa Nghệ thuật

**Tóm tắt:** Trong cơ sở giáo dục mầm non, âm nhạc là một trong những loại hình nghệ thuật phát triển năng lực, cảm xúc, tưởng tượng, sáng tạo, sự tập trung chú ý, khả năng bộc lộ cảm xúc, diễn tả những hứng thú của trẻ. Âm nhạc là phương tiện giúp trẻ nhận thức về thế giới xung quanh, phát triển lời nói, quan hệ trong giao tiếp, trao đổi tình cảm... Nhận biết được tầm quan trọng của hoạt động vận động theo nhạc trong cơ sở giáo dục trường mầm non, ngoài lý thuyết sinh viên sẽ biết vận dụng các hình thức vận động vào thực tiễn để dạy trẻ hiệu quả trong thời đại mới.

**Từ khóa:** vận động theo nhạc, tổ chức hoạt động âm nhạc, cơ sở giáo dục mầm non,

## **1. Đặt vấn đề**

Trong cuộc sống, khi nghe nhạc ai cũng đều có ý muốn cử động theo tiết tấu như tay đung đưa, chân gõ nhịp, đầu lắc lư, đó chính là hình thức vận động tự phát. Do đặc điểm lứa tuổi mầm non trẻ rất hồn nhiên, thích khám phá ham hoạt động nên mối quan hệ giữa âm nhạc và vận động được hình thành dễ dàng. Các bài hát, bản nhạc tạo cho trẻ những cảm xúc mạnh, trẻ vận động phù hợp với đặc tính của âm nhạc, ở đây âm nhạc giữ vai trò chủ đạo còn vận động là công cụ thể hiện hình tượng âm nhạc. Vận động theo nhạc giúp trẻ phát triển cảm giác, nhịp điệu, sự khéo léo, khả năng phản ứng nhanh và đúng các ấn tượng nghe được trong âm nhạc. Ngoài ra còn làm thỏa mãn nhu cầu tình cảm của trẻ, trẻ được bộc lộ cảm xúc, giao tiếp với bạn bè. Hoạt động vận động âm nhạc cho trẻ mầm non góp phần tăng cường sức khỏe cho trẻ, giúp trẻ tích cực và tự giác trong các hoạt động, vận động giúp cơ thể trẻ phát triển hài hòa, cân đối, phong thái đẹp.

## **2. Nội dung:**

### **2.1. Vai trò, ý nghĩa của vận động theo nhạc**

Vận động theo nhạc là hoạt động phối hợp giữa âm nhạc và các động tác nhảy múa hoặc sử dụng đồ chơi âm nhạc gõ đệm theo nhạc. Hoạt động này giúp trẻ phát triển về cảm giác nhịp điệu, sự khéo léo, phản ứng nhanh và đúng với tính chất âm nhạc, vì vậy cần chú ý đến từng độ tuổi và khả năng của trẻ để lựa

chọn nội dung vận động cho phù hợp. Hoạt động này giúp trẻ phát triển về cảm giác nhịp điệu, sự khéo léo, phản ứng nhanh và đúng với tính chất âm nhạc. Vận động theo nhạc có mối liên hệ chặt chẽ với hoạt động ca hát, vì trẻ chỉ có thể phối hợp vận động tốt khi trẻ đã thuộc bài hát và có những cảm nhận về nhịp điệu của bài hát đó, ngược lại việc hát kết hợp với vận động cũng tạo nên sự hứng thú, phấn khởi của trẻ.

Vận động theo nhạc giúp trẻ thể hiện cảm xúc khi nghe bằng cách thể hiện ngôn ngữ cơ thể như vận động theo nhịp, múa minh họa. Bên cạnh đó vận động theo nhạc giúp hỗ trợ trẻ trò chơi âm nhạc linh hoạt, sáng tạo khiến trẻ không cảm thấy nhàm chán vì trẻ sẽ không phải ngồi một chỗ lâu và được vận động, được thả sức bộc lộ cảm xúc của mình bằng các hoạt động hình thể một cách ngẫu hứng tạo nên sự cuốn hút mạnh mẽ đối với trẻ mầm non. Để vận động theo nhạc đạt hiệu quả tốt nhất, chỉ nên yêu cầu và gợi mở các vận động đảm bảo tính vừa sức đối với trẻ, để dạy vận động theo nhạc đòi hỏi giáo viên phải linh hoạt, sáng tạo, hiểu tính chất và cấu trúc tác phẩm cũng như đặc điểm của trẻ để có những động tác vận động phù hợp, vừa sức hoặc không quá khó với trẻ. Khi dạy vận động giáo viên cần hiểu dạng vận động đó để tìm nhạc vận động cho phù hợp với trẻ phù hợp với tính chất vui tươi, trong sáng, hồn nhiên hay mềm mại, trữ tình của câu hát, bài hát.

Chính vì vậy, việc tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vận động âm nhạc là rất quan trọng giúp trẻ phát triển khả năng nghe nhạc các giác quan của trẻ nhanh nhạy hơn, giúp phát triển các nhóm cơ đặc biệt biết thể hiện cảm xúc qua ngôn ngữ cơ thể trẻ giúp trẻ phát triển toàn diện.

## **2.2. Các dạng vận động theo nhạc của trẻ mầm non**

### **2.2.1. Vận động theo nhịp điệu**

- Vận động theo nhịp điệu: Nhịp điệu là sự chuyển động lặp đi lặp lại của các nốt và phần nghỉ trong thời gian. Đó là nhận thức của con người về thời gian. Nhịp điệu một mô hình các nốt hoặc giọng mạnh và yếu lặp đi lặp lại trong suốt bài hát. Những mẫu này có thể được tạo ra bằng trống, bộ gõ, nhạc cụ và giọng hát. Nhịp điệu âm nhạc hoạt động như xương sống nhịp nhàng cho các yếu tố âm nhạc khác, nhịp điệu âm nhạc có thể ảnh hưởng đến tâm trạng. Một bài hát có nhịp độ nhanh sẽ kích động sự di chuyển, kích động và hưng phấn. Mặt khác, một bài hát có nhịp điệu bình tĩnh sẽ tạo điều kiện thư giãn.



### 2.2.2. Múa, minh họa

Múa là chuyển động do cơ thể con người tạo ra và thể hiện nhằm mục đích thẩm mỹ và múa là một loại hình nghệ thuật mang tính tổng hợp khách quan, đặc thù phương tiện thể hiện chính là cơ thể con người. Ngôn ngữ được thể hiện bằng các động tác, dáng dấp, cử chỉ, điệu bộ, nét mặt cùng với sự chuyển động có trình tự logic khi con người có những xúc cảm không thể diễn đạt bằng lời thì người ta thể hiện qua ngôn ngữ của cơ thể. Âm nhạc là bộ phận cấu thành nghệ thuật múa, các tư thế động tác múa phải tuân theo quy luật âm nhạc, múa chúng ta nhìn bằng mắt qua những chuyển động tinh tế của cơ thể để thăng hoa, linh hồn của múa là âm nhạc.

Nhảy múa là một phương thức biểu đạt nhất thời được thực hiện theo một hình thức và phong cách nhất định bởi cơ thể con người di chuyển trong không gian. Nhảy múa diễn ra thông qua các chuyển động nhịp điệu được lựa chọn và kiểm soát có chủ đích, hiện tượng kết quả được cả người biểu diễn và các thành viên quan sát của một nhóm nhất định công nhận là nhảy múa. Nhảy múa bao gồm việc thực hiện một số động tác nhất định kèm theo cơ thể, cánh tay và chân. Những động tác này được thực hiện theo nhịp điệu của âm nhạc.

### 2.2.3. Vận động theo các dạng âm hình tiết tấu

#### + **Chậm**

Ví dụ: Câu 1: Cờ hòa bình bay phấp phới giữa trời xanh biếc xanh

X X X V X X X V

Câu 2 : Kìa đàn bò câu trắng trắng , mắt tròn xoe hiền hòa

X X X V X X X V

#### + **Kết hợp**

Ví dụ: Câu 1: Cờ hòa bình bay phấp phới giữa trời xanh biếc xanh

X X X X V X X X X V

Câu 2 : Kìa đàn bò câu trắng trắng , mắt tròn xoe hiền hòa

X X X X V X X X X V

#### + **Nhanh**

Ví dụ: Câu 1: Cờ hòa bình bay phấp phới giữa trời xanh biếc xanh

X X X X X V X X X X X V

Câu 2 : Kìa đàn bò câu trắng trắng , mắt tròn xoe hiền hòa

X X X X X V X X X X X V

## 2.3. Một số lưu ý khi lựa chọn hình thức vận động

Việc lựa chọn các hình thức vận động phụ thuộc vào sự linh hoạt và sáng tạo của giáo viên, khi nghiên cứu bài vận động lưu ý động tác không nên quá khó khiến trẻ không thực hiện được, cũng không nên có quá nhiều động tác hoặc sự di chuyển trong không gian với tuyến và đội hình phức tạp sẽ làm trẻ khó nhớ. Với trẻ động tác có thể lặp lại nhiều lần và nên thay đổi hướng di chuyển đơn giản, động tác phải phù hợp tính chất âm nhạc, cấu trúc của bài. Mặt khác, muốn bồi dưỡng khả năng vận động cho trẻ giáo viên cũng cần có những phương pháp gây hứng thú bằng sự chuyển động của cơ thể, phong cách trình diễn của chính giáo viên, giúp trẻ cảm thụ âm nhạc trước khi vận động.

Cảm thụ âm nhạc là yếu tố quan trọng giúp trẻ phối hợp nhịp nhàng trong các vận động, thậm chí còn kích thích sự sáng tạo vận động mới. Giáo viên phải tạo điều kiện để phát huy tính chủ động tích cực của trẻ, cô chỉ là người điều khiển và giúp trẻ phối hợp động tác nhịp nhàng, uyển chuyển cùng với âm nhạc. Tuy nhiên trong thực tế thì không phải giáo viên mầm non nào cũng thực hiện dễ dàng, vì vậy trước khi vận động giáo viên phải cho trẻ nghe bằng hình thức trong sinh hoạt hàng ngày hoặc ôn lại bài hát bằng nhiều cách như nghe, hát, trò chuyện và gợi ý để trẻ hiểu được yêu cầu mới của bài học.

Giáo viên sử dụng phương tiện đài, đĩa phải lưu ý chất lượng về âm thanh và khi hát phải truyền cảm, khi gõ đệm thể hiện sắc thái cường độ to nhỏ kết hợp với vận động minh họa sinh động, nhịp nhàng để lôi cuốn trẻ thích thú với bài vận động sau đó tiến hành dạy trẻ. Khi dạy trẻ vận động múa giáo viên cần giải thích rõ ràng giáo viên cần gợi ý để trẻ liên tưởng nội dung, hình ảnh trong từng câu hát và tương ứng với những động tác minh họa phù hợp để trẻ dễ tưởng tượng, dễ nhớ và nhớ lâu, cho trẻ luyện tập từng động tác riêng lẻ sau đó cho trẻ tập phối hợp động tác múa với âm nhạc trên nền nhạc của đĩa hay băng ghi âm trên đàn phím điện tử.

Trong quá trình luyện tập vận động theo nhịp điệu, các hình tiết tấu, giáo viên cần luôn luôn quan sát, động viên và dùng lời nhắc nhở, mô tả để trẻ hiểu và biểu cảm đúng yêu cầu của động tác, nhịp, phách. Sau khi trẻ đã thuộc hết các động tác, giáo viên có thể sử dụng đĩa hoặc đánh đàn hướng dẫn trẻ phối hợp vận động cùng âm nhạc vì vừa nghe vừa vận động lớp học thêm sinh động dễ gây hứng thú cho trẻ. Dạy vận động giáo viên phải chuẩn bị trang phục, dụng cụ âm nhạc, đạo cụ như :hoa, cờ, quạt, mũ gắn hình các con vật... sẽ tạo hứng thú cho trẻ khi vận động và trình diễn,

### 3. Kết luận

Vận động theo nhạc có mối liên hệ chặt chẽ với hoạt động ca hát, nghe hát, chơi trò chơi vận động giúp trẻ sáng tạo, hứng khởi và yêu thích âm nhạc. Vận động theo nhạc giúp trẻ thể hiện cảm xúc bằng cách thể hiện ngôn ngữ cơ thể như vận động theo nhịp điệu, múa minh họa, vận động các dạng âm hình tiết tấu

Dạy vận động theo nhạc trong cơ sở giáo dục trường mầm non có vai trò ý nghĩa rất quan trọng trong đào tạo sư phạm, đó là nội dung mà giáo viên tương lai đảm nhiệm nhiệm vụ dạy học và tổ chức các hoạt động giáo dục âm nhạc, giúp giáo viên có đủ tự tin, đủ năng lực chuyên môn nghiệp vụ, đáp ứng nhiệm vụ dạy học và giáo dục âm nhạc ở các cơ sở trường mầm non và cũng đáp ứng những yêu cầu ngày càng cao của xã hội .

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phạm Thị Hòa, *Giáo dục âm nhạc* (tập II) – NXB Đại học Sư phạm.
2. Lincoln Kirstein, *Dance*, Dance Horizons Incorporated, New York, 1969, p.
3. Joann Kealinohomoku (1970). *Copeland, Roger; Cohen, Marshall (biên tập). An Anthropologist Looks at Ballet as a Form of Ethnic Dance (PDF). What is Dance? Readings in Theory and Criticism (ấn bản 1983). New York: Nhà xuất bản Đại học Oxford. Bản gốc (PDF) lưu trữ ngày 4 tháng 1 năm 2011.*

**ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN  
TRONG DẠY HỌC**

\*\*\*\*\*

# GIỚI THIỆU SƠ LƯỢC VỀ E-LEARNING VÀ KHÓA HỌC ĐẠI TRÀ TRỰC TUYẾN MỞ (MOOC)

**ThS. Phạm Hồng Dương**  
Khoa Tiếng Anh

**Tóm tắt:** Trong số những sản phẩm phục vụ nhu cầu học tập trực tuyến, E-Learning và MOOCs đang nổi lên là một trong số những công cụ đáp ứng được yêu cầu đa dạng của người dạy và đặc biệt là người học, khắp nơi trên thế giới. Bài viết trình bày quá trình hình thành, khái niệm và vai trò của MOOCs và E-learning đối với giáo dục đại học.

**Từ khoá:** *mooc, e-learning, giáo dục đại học, Việt Nam.*

## **1. Đặt vấn đề**

Chúng ta đang trải qua thời khắc đặc biệt của ngành giáo dục, khi mọi hoạt động: học và dạy, tất cả đều được thực hiện trực tuyến (online) qua sự hỗ trợ của máy tính và Internet. Lợi ích của công nghệ thông tin (CNTT) và Internet là điều dễ nhận thấy. Tuy nhiên, trong bối cảnh hiện tại, khi dịch bệnh ảnh hưởng tới mọi hoạt động của đời sống, trong đó có giáo dục, chúng ta càng thấy rõ tầm quan trọng và vai trò của CNTT và Internet. Giáo dục đại học ở Việt Nam, không chỉ do ảnh hưởng của dịch bệnh, mà nằm trong xu thế chung, tiệm cận với nền giáo dục toàn cầu hiện đại, việc dạy và học trực tuyến chắc chắn là một yêu cầu đòi hỏi tất cả các bên: nhà trường, sinh viên và thầy cô cùng phải vào cuộc.

## **2. Nội dung**

### **2.1. Lịch sử ra đời và lợi thế của E-Learning**

Ngày nay, khái niệm E-Learning dường như không còn xa lạ với nhiều người. Mức độ phổ biến của khái niệm này càng được khuếch đại với sự phát triển của các hình thức đào tạo trực tuyến. Tuy nhiên, E-Learning là gì thì vẫn chưa có sự thống nhất giữa các nhà nghiên cứu.

#### **2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển E-Learning**

E-Learning là chữ viết tắt của Electronic Learning được hiểu là một môi trường học tập trong đó công nghệ thông tin truyền thông (CNTT&TT) được sử dụng như một nền tảng hỗ trợ cho quá trình dạy và học. Đây là quá trình học tập

có sự hỗ trợ của các nội dung và công cụ số (Nichols, 2008, p.2). Tuy nhiên, không đợi tới khi các công cụ CNTT&TT phát triển thì hình thức này mới xuất hiện, mà nó đã xuất hiện khá sớm trong lịch sử.

Năm 1728, một giáo viên dạy tốc ký người Mỹ ở Boston tên Caleb Philips đã quảng cáo một khóa dạy viết tốc ký và cam kết bài giảng sẽ được chuyển tới người học hàng tuần qua thư. Cũng dùng cách giống Philips, năm 1840, một giáo viên dạy tốc ký người Anh là Isaac Pitman áp dụng hình thức dạy học qua thư từ với học sinh của mình - các bài giảng và bài tập được trao đổi qua hàng tuần qua thư. Đây chính là hình thức sơ khai của đào tạo từ xa.

Ở Australia, Đại học Queensland bắt đầu hình thức đào tạo từ xa từ năm 1911. Năm 1924, giáo sư Sidney Pressey (Đại học Ohio, Mỹ) thiết kế một công cụ hỗ trợ các bài đánh giá tiêu chuẩn thông qua một thiết bị tự động với tên gọi “Giáo viên tự động” (Automatic Teacher). Tuy nhiên, do thiếu sự đầu tư nghiên cứu và sự hấp dẫn, phát minh này không được sử dụng phổ biến tới nhiều người.

Năm 1957, nhà tâm lý học người Mỹ Skinner tại Đại học Harvard sáng tạo ra chiếc máy dạy học (Teaching Machine) có tên gọi GLIDER. Thiết bị này hướng tới việc dạy người học, thay vì đánh giá họ, như phát minh của Pressey ở trên.

Năm 1960, chương trình đào tạo dựa trên máy tính (computer-based training program hay CBT program) đầu tiên mang tên PLATO được Giáo sư Don Bitzer (Đại học Illinois) phát minh nhằm phục vụ cho sinh viên theo học tại trường. Tuy nhiên, vượt khỏi mong đợi ban đầu, phát minh này được nhiều trường trong khu vực sử dụng và trở thành nền tảng cho những hệ thống E-Learning hiện đại sau này như Blackboard hoặc WebCT.

Năm 1993, trường Đại học Quốc tế Jones (Jones International University - JIU) - trường đại học trực tuyến đầu tiên được công nhận - chính thức khai trường. Trường có trụ sở tại Colorado (Mỹ), cung cấp 5 khóa học trực tuyến hệ cử nhân và 24 khóa học hệ cao học về giáo dục và kinh doanh, và đóng cửa vào năm 2015.

Năm 1994, CompuHigh - trường phổ thông trực tuyến đầu tiên được công nhận - được thành lập. Trường cung cấp các khóa học bằng tiếng Anh cho học sinh từ lớp 9 tới lớp 12, ở tại nước Mỹ cũng như toàn thế giới.

Vào năm 1999, thuật ngữ “E-Learning” lần được sử dụng với ý nghĩa nghề nghiệp của từ này bởi Elliott Masie trong một cuộc hội nghị về các hệ thống đào tạo dựa trên máy tính (CBT systems.)

Ngày nay, với sự bùng nổ của CNTT&TT, các khóa học E-Learning không chỉ bó hẹp trong các cơ sở giáo dục, mà các doanh nghiệp, các cá nhân, đều có những cách thức tận dụng ưu thế E-Learning mang lại, để phát triển năng lực bản thân, cũng như của người lao động trong tổ chức mình. Vậy E-Learning là gì và những lợi ích mà E-Learning có được, so với những hình thức đào tạo khác là gì?

### **2.1.2. Khái niệm E-Learning**

Thực tế chưa có một khái niệm thống nhất về E-Learning. Có quan điểm cho rằng E-Learning mô tả việc học tập, đào tạo dựa trên công nghệ thông tin và truyền thông (*Compare Infobase Inc*). Theo cách hiểu của Ủy ban Châu Âu thì E-Learning là “*việc sử dụng các công nghệ đa phương tiện mới và Internet để nâng cao chất lượng học tập bằng cách làm cho việc tiếp cận các phương tiện và dịch vụ, việc trao đổi và cộng tác từ xa dễ dàng hơn.*” (Commission of the European Communities, 2001).

Tuy có khác biệt, nhưng chúng ta có thể đồng ý ở một bình diện khái quát rằng: E-Learning có thể được hiểu là giáo dục và các hoạt động có liên quan tới giáo dục được hỗ trợ bởi công nghệ số, bởi CNTT&TT. Dù cho có công nghệ tân tiến, hiện đại như nào, nhưng nếu thiếu hoặc không hỗ trợ/không nhắm tới hỗ trợ cho mục đích giáo dục - thì cũng không được coi là E-Learning. Và như vậy, khái niệm này bao hàm rộng, từ việc ứng dụng CNTT&TT vào các hoạt động giáo dục, cho tới ngay cả việc kết hợp CNTT&TT với các phương thức giáo dục truyền thống cũng đều được xem xét như một khía cạnh của E-Learning. Việc kết hợp giữa ứng dụng của CNTT&TT với sư phạm, giáo dục ở đây được thể hiện trong một thể thống nhất và nhất quán.

### **2.1.3. Lợi thế của E-Learning trong giáo dục đại học**

*Với không gian và thời gian:* E-Learning giúp khắc phục được những hạn chế về không gian và thời gian học tập, cho cả người dạy và người học. Trong mô hình giáo dục truyền thống, người học phải tới lớp, tham dự các bài giảng của giáo viên trong một phạm vi không gian cố định và có phần hạn chế. Trở ngại về khoảng cách, địa lý, thời gian sẽ được loại bỏ gần như hoàn toàn trong các hình thức E-Learning. Người học ở Việt Nam hoàn toàn có thể tham gia một

bài giảng của một giáo sư người Mỹ, dù cho khoảng cách xa và thời gian chênh lệch nhau mười mấy tiếng đồng hồ. Việc sử dụng các thành tựu CNTT&TT cho phép người học có thể xem lại các bài giảng tiện lợi và dễ dàng - điều mà trong giáo dục truyền thống dường như khó thực hiện.

*Với người dạy:* E-Learning hỗ trợ người dạy rất nhiều trong việc xây dựng các nội dung giảng dạy phong phú, đa dạng và hấp dẫn thông qua việc sử dụng các phương tiện đa phương tiện (multimedia). Cũng nhờ E-Learning, người dạy có cơ hội quảng bá rộng rãi và nhanh chóng các sản phẩm giáo dục của mình, cung cấp các nhu cầu ngày càng đa dạng và phong phú của người học.

*Với người học:* E-Learning góp phần quan trọng trong việc nâng cao vai trò của người học trong quá trình học tập. Người học giờ đây ngày càng đóng vai trò chủ động và trung tâm trong quá trình đào tạo, họ có thể học mọi lúc, mọi nơi và tùy theo nhịp độ cá nhân để tiếp thu và lĩnh hội tri thức. Nội dung và hình thức phong phú, đa dạng mở ra cho họ nhiều cơ hội lựa chọn để học tập. E-Learning cũng góp phần hỗ trợ người học trong việc giải quyết nhu cầu học tập, mà không quá bị chi phối bởi các yếu tố tài chính, thời gian và không gian.

*Về nội dung và hình thức truyền tải:* Như đã nói trên, nội dung đào tạo cũng như hình thức truyền tải các nội dung này ngày càng đa dạng và phong phú, đáp ứng nhu cầu của người học, phụ huynh cũng như của xã hội nói chung. Các hiệu ứng đa phương tiện như âm thanh, hình ảnh, kỹ xảo ... được sử dụng rất nhiều trong các nguồn học liệu, giúp nâng cao tính tương tác giữa người học - người dạy, người sản xuất - người sử dụng .. Điều này giúp tăng sự thích thú, kích thích mong muốn học tập và trải nghiệm của người học, từ đó góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và hiệu quả trong học tập, giảng dạy. Ngoài ra, E-Learning cho phép cập nhật, bổ sung các nội dung giáo dục tiện lợi và nhanh chóng, với mức giá cả rẻ hơn (so với các hình thức tài liệu truyền thống.)

*Với các tổ chức giáo dục và xã hội nói chung:* E-Learning giúp các tổ chức giáo dục giảm được các chi phí đầu tư như trường lớp... E-Learning cũng giúp các nhà quản lý quản lý các hoạt động giáo dục có hệ thống, tiện lợi và nhanh chóng, hiệu quả hơn. E-Learning góp phần quan trọng trong quá trình xây dựng và duy trì mô hình xã hội học tập và học tập suốt đời theo tinh thần của UNESCO.

Tuy nhiên như vậy không có nghĩa là E-Learning toàn hảo. Bên cạnh những lợi ích vừa kể trên, E-Learning vẫn tồn tại một số hạn chế.



- Một số môn học thực hành, đòi hỏi người học phải được thao tác hoặc thực hành trực tiếp như môn nấu ăn, xây dựng, kỹ thuật hoặc y học... không thể có được hiệu quả tốt nhất khi học qua E-Learning.

- Học qua E-Learning, do thiếu sự tương tác trực tiếp, người học dễ có cảm giác đơn độc, mất động lực học tập, lười...

- Lo ngại về sức khỏe của người học và người dạy: việc tiếp xúc nhiều giờ với các phương tiện điện tử sẽ khiến chúng ta dễ gặp các vấn đề về thị giác, tư thế, cột sống và các vấn đề sức khỏe khác... Chắc hẳn ai trong chúng ta cũng có thể cảm nhận được điều này qua đợt dạy và học trực tuyến kéo dài từ khi bắt đầu xảy ra đại dịch tới giờ.

- Những yếu tố khác như đường truyền, điện, chất lượng thiết bị... cũng ảnh hưởng tới chất lượng giảng dạy và học trong quá trình sử dụng E-Learning.

## **2.2. Lịch sử hình thành phát triển và vai trò của MOOC**

### **2.2.1. Khóa học trực tuyến đại chúng mở (Massive open online course - MOOC)**

MOOC là một khóa học trực tuyến được truy cập mở thông qua Internet, và không giới hạn số lượng người tham dự. Trong giáo dục từ xa và E-Learning, MOOC ngày càng thể hiện là một công cụ hữu dụng và mang lại nhiều lợi ích cho không chỉ người sử dụng, mà còn là cả người cung cấp dịch vụ giáo dục nữa.

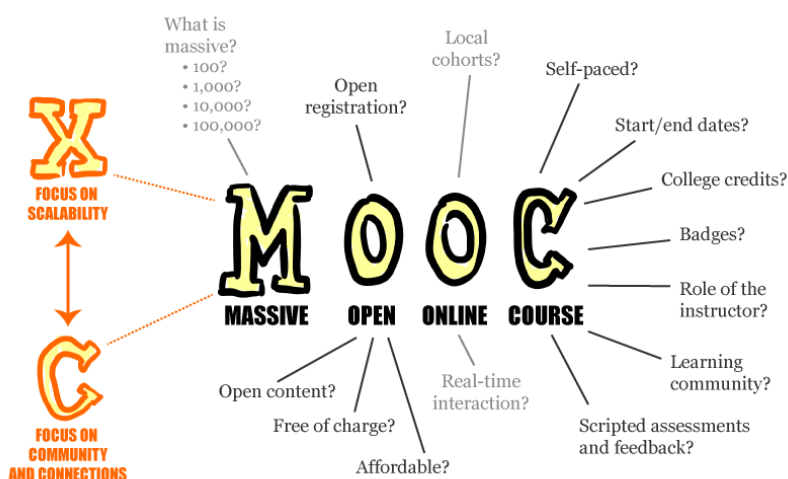
MOOC lần đầu tiên được sử dụng năm 2008, dùng để chỉ khóa học “Connectivism and Connective Knowledge” (CCK08) được sáng tạo bởi 3 tác giả người Canada là George Siemens, Stephen Downes và Dave Cormier. Học viên của khóa học này gồm 27 sinh viên đang theo học tại Đại học Manitoba lúc đó, cùng với hơn 2.200 sinh viên đăng ký học trực tuyến qua Internet. Các sinh viên Manitoba lúc đó phải trả một khoản chi phí, số sinh viên còn lại học miễn phí. Nội dung của khóa học được truyền tải và học qua công nghệ RSS. Sinh viên học trực tuyến thông qua các công cụ tương tác như các bài đăng trên blog, các cuộc thảo luận theo chuỗi (chủ đề) trên Moodle và các cuộc họp mặt trên Second Life.

Cuối năm 2011, Đại học Stanford giới thiệu 3 khóa học. Với số lượng đông đảo người đăng ký, các tác giả của 3 khóa học này lần lượt thành lập Udacity và Coursera. Sau đó, hai công ty này liên kết với một số trường đại học như MIT, Harvard, Stanford... cho phép họ trả một khoản phí để cung cấp các

khóa học trực tuyến của mình tới người dùng thông qua các nền tảng mà hai công ty này hỗ trợ.

Dù ra đời tại Mỹ, tuy nhiên xu hướng này đã nhanh chóng được các quốc gia châu Âu và châu Á đón nhận và phát triển. Năm 2012 được thời báo New York gọi là “Năm của MOOC”. MOOC trở thành một trong những chủ đề thu hút sự chú ý của những chuyên gia hoạt động trong lĩnh vực giáo dục. Theo số liệu thống kê chưa đầy đủ, tới cuối 2020, đã có hơn 900 trường đại học và các tổ chức giáo dục trên toàn thế giới cung cấp hơn 11.000 khóa học online tới hơn 180 triệu người dùng. (Class Central, 2021; Commonwealth of Learning, 2012).

Một định nghĩa cho rằng “MOOC là các khóa học trực tuyến được thiết kế cho một số lượng lớn người tham dự, các khóa học này dành cho bất cứ ai và được truy cập ở bất cứ đâu miễn là họ có thể kết nối với Internet. MOOC là nguồn mở cho tất cả mọi người, và không đòi hỏi bất kỳ chứng thực trình độ nào. MOOC cung cấp các khóa học trực tuyến hoàn chỉnh và hoàn toàn miễn phí.” (OpenupEd, 2021).



(Nguồn: Wikipedia)

Mỗi một chữ cái trong từ MOOC bao hàm một ý nghĩa cụ thể.

- M (Massive - phổ biến, đại trà) nói tới việc phổ biến tới số lượng người học đông đảo.

- O (Open - tính mở) có một vài ý nghĩa. Thứ nhất là tính mở của nguồn học liệu được truy cập và khai thác hoàn toàn miễn phí. Thứ hai là ‘mở’ về không gian, thời gian cũng như tiến độ học tập. Người học hoàn toàn có thể tự quyết định các vấn đề này khi tham gia vào khóa học. Tính mở còn được thể hiện ở đặc điểm nội dung các khóa học có thể được sử dụng để học tập, giảng

dạy, nghiên cứu. Một đặc điểm nữa của tính mở, đó là người học không cần phải có các chứng nhận đầu vào hoặc bằng cấp để tham gia các khóa học.

- O (Online - trực tuyến.) Nội dung khóa học hoàn toàn được chuyển giao tới người học qua hình thức trực tuyến, với sự hỗ trợ của máy tính hoặc các thiết bị có kết nối Internet.

- C (Course - khoá học hoàn chỉnh) thường gồm các thành phần: đề cương/ hướng dẫn học tập (study guide/syllabus); nội dung học tập (educational content); tương tác (interaction) giữa người học với nhau hoặc giữa người học với người dạy, thông qua các kênh như mạng xã hội, RSS để xây dựng một cộng đồng học tập; các hoạt động trong dạy học (nhiệm vụ học tập, bài tập, kiểm tra, phản hồi)...; các hình thức công nhận (recognition options) như huy hiệu hoặc chứng chỉ...

- Hiện có hai mô hình chính của MOOC là: xMOOC và cMOOC.

- cMOOC (Connective Knowledge): Là mô hình đầu tiên được phát triển vào năm 2008. Trong mô hình này, quá trình học tập được thực hiện thông qua việc học, thảo luận giữa những thành viên tham gia khóa học thông qua mạng xã hội. Kiến thức được chia sẻ và lĩnh hội thông qua đóng góp từ những thành viên khác trong cộng đồng học tập, chứ không hề có một chương trình học tập được chuẩn bị sẵn.

- xMOOC (Traditional Extended Course): Có cấu trúc giống một khóa học truyền thống hơn, với mục tiêu đạt được chứng chỉ thông qua việc thu nhận kiến thức về một chủ đề cụ thể của khóa học. xMOOCs được hỗ trợ bởi các hình thức truyền tải nội dung như video, sự hỗ trợ của máy tính. Tính tương tác giữa người tham gia và người hướng dẫn trong xMOOCs khá hạn chế. (Commonwealth of Learning, 2012).

## ***2.2. Ưu thế và hạn chế của MOOC***

Tuy mới xuất hiện, nhưng MOOC cho thấy những ưu điểm vượt trội của nó, và đóng góp vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ E-Learning.

- Cung cấp cơ hội học tập nâng cao hiểu biết, kiến thức chuyên môn cho rất nhiều người, vượt được ranh giới không gian, thời gian. Với triết lý ban đầu là cung cấp giáo dục có chất lượng tới đông đảo mọi người, MOOCs được đánh giá là một công cụ quan trọng, góp phần đạt mục tiêu số 4 “Đảm bảo cung cấp giáo dục có chất lượng bình đẳng và toàn diện, đồng thời thúc đẩy cơ hội học

tập suốt đời cho tất cả mọi người” trong Chương trình nghị sự 2030 về phát triển bền vững của Liên Hiệp Quốc.

- Cung cấp các lựa chọn thay thế cho học tập chính quy. Điều này đặc biệt có ý nghĩa với những cá nhân muốn tiếp thu kiến thức nhưng gặp rào cản về địa lý, thời gian hoặc gặp khó khăn về tài chính. Ngoài ra, người học cũng không bị hạn chế cơ hội học tập, bởi MOOCs không yêu cầu người học phải có bằng cấp hoặc trình độ mới có thể tham gia.

- Cung cấp chương trình học linh hoạt. Người học hoàn toàn có thể chủ động về không gian, thời gian học cũng như tiến độ học tập phù hợp với khả năng của bản thân.

- Đây là một công cụ marketing hiệu quả của các trường đại học, các cơ sở giáo dục tới đông đảo người học trên khắp thế giới thông qua việc cung cấp các khóa học.

- Tương tác trực tuyến trên Internet cung cấp cơ hội trao đổi, thảo luận với các cá nhân đến từ nhiều nền văn hóa khác nhau. Điều này giúp người học có được trải nghiệm, không chỉ về kiến thức, mà còn là về văn hóa các nền văn hóa khác. Điều này đặc biệt thật hữu dụng trong xu thế hội nhập toàn cầu hóa như hiện nay. Nó cũng góp phần kiến tạo một cộng đồng trực tuyến gắn kết những cá nhân có chung một nhu cầu học tập nào đó.

- Các khóa học trực tuyến cung cấp cơ hội học tập phù hợp, là một giải pháp kịp thời và phù hợp, trong tình hình dịch bệnh xảy ra khắp nơi trên thế giới như hiện nay.

- Tuy nhiên, MOOCs cũng còn những hạn chế.

- Phần lớn các khóa học và các cơ sở cung cấp các khóa học tập trung ở các nước Âu Mỹ, vậy nên ngôn ngữ chủ yếu của các khóa học vẫn là tiếng Anh. Đây là rào cản khá lớn về ngôn ngữ với người học khi tiếng Anh không phải ngôn ngữ mẹ đẻ của họ.

- Không chỉ ngôn ngữ, mà MOOCs còn đòi hỏi người dùng phải có những kỹ năng nhất định về công nghệ, máy tính, các thiết bị kết nối... cũng như kỹ năng tìm kiếm, trao đổi và đánh giá thông tin trên mạng.

- Vì do được tự do lựa chọn không gian, thời gian và tiến độ học tập nên kỹ năng tự học, tính tự giác của người học cũng là một vấn đề lớn, đòi hỏi ở họ quyết tâm, khả năng kiểm soát và tính kỷ luật rất cao.

- Về phía nhà cung cấp, việc thiết kế, vận hành và duy trì các khoá học đòi hỏi một lượng tiền đầu tư lớn, cho cả thiết bị công nghệ và nguồn nhân lực tham gia.

- Tình trạng loạn/nhiều thông tin do số lượng người học, bình luận, câu trả lời... là vô cùng lớn. Tính mở cho phép người tham gia có thể đưa ra bình luận, nhận xét của riêng họ, và việc kiểm soát chất lượng, độ chính xác của những thông tin này vẫn là một thách thức với các tổ chức cung cấp khóa học.

- Không chỉ khó khăn trong khâu kiểm tra và đánh giá, mà vấn đề cấp chứng chỉ và đảm bảo chất lượng vẫn là một bài toán bị bỏ ngỏ trong mô hình giáo dục này.

### **3.Kết luận**

Dù còn có những ý kiến về lợi ích và vai trò của E-Learning và MOOCs đang bị đề cao một cách thái quá, tuy nhiên một điều không thể phủ nhận đó là những lợi ích mà các công cụ này mang lại cho người học, người dạy và cả những nhà quản lý, đặc biệt với tình hình dịch bệnh trong thời gian 2 năm qua, cũng như nhiều năm trước đây. Nhận thức và kịp thời tận dụng được những ích lợi mà các công cụ này mang lại sẽ giúp chúng ta thuận tiện hơn trong quá trình dạy, học, và quản lý trong bối cảnh toàn cầu hóa mạnh mẽ hiện nay.

## **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Class Central. (2021). *Massive List of MOOC Providers Around The World*. Retrieved 1.9.2021 from <https://www.classcentral.com/report/mooc-providers-list/>

2. Commission of the European Communities. (2001). *The E-learning Action Plan: Designing Tomorrow's Education*. Commission of the European Communities.

3. Commonwealth of Learning. (2012). *Teaching in a Digital Age - Lesson 11 - Massive Open Online Courses*. Retrieved 1.9.2021 from <https://tell.colvee.org/mod/book/view.php?id=646&chapterid=984>

4. Delors Jacques. (1996). *Learning: the treasure within; report to UNESCO of the International Commission on Education for the Twenty-first Century (highlights)*

[programme and meeting document]. Unesco Publishing.  
<https://unesdoc.unesco.org/ark:/48223/pf0000109590>

5. e-student.org. (2019). *The History of E-Learning*. Retrieved 31.8.2021 from <https://e-student.org/history-of-e-learning/>

6. edX.org. (2021). *About MOOCs*. Retrieved 14.8.2021 from <https://www.mooc.org/>

7. Govindasamy, T. (2001). Successful implementation of e-learning: Pedagogical considerations. *The internet and higher education*, 4(3-4), 287-299.

8. Harvard University. (2012). *MIT and Harvard announce edX*. Retrieved 1.9.2021 from <https://news.harvard.edu/gazette/story/2012/05/mit-and-harvard-announce-edx/>

9. Massachusetts Institute of Technology. (2021). *Education*. Retrieved 1.9.2021 from <https://www.mit.edu/education/>

10. Nguyễn Ngọc Tuấn. (2021). Các khóa học đại trà trực tuyến mở MOOC. <http://openedu.vn/Kho-tri-thuc/Cac-khoa-hoc-dai-tra-truc-tuyen-mo-MOOC>

11. Nguyễn Tấn Công. (2017). Khóa học trực tuyến mở - xu hướng phát triển giáo dục đại học. *Tạp chí Thư viện Việt Nam*, 66(4), 31-38. [https://nlv.gov.vn/nghep-vu-thu-vien/khoa-hoc-truc-tuyen-mo-xu-huong-phat-trien-giao-duc-dai-hoc.html?fbclid=IwAR0PhcZ93MsKtiL0u5uuBj0prXw\\_1pivoLJ8Z7QpiHcehqVsThvauHvhsFw](https://nlv.gov.vn/nghep-vu-thu-vien/khoa-hoc-truc-tuyen-mo-xu-huong-phat-trien-giao-duc-dai-hoc.html?fbclid=IwAR0PhcZ93MsKtiL0u5uuBj0prXw_1pivoLJ8Z7QpiHcehqVsThvauHvhsFw)

12. Nichols, M. (2008). E-learning in context. *E-Primer series*, 1, 1-28.

13. OpenupEd. (2015). *Definition Massive Open Online Courses (MOOCs)* [https://www.openuped.eu/images/docs/Definition\\_Massive\\_Open\\_Online\\_Courses.pdf](https://www.openuped.eu/images/docs/Definition_Massive_Open_Online_Courses.pdf)

14. OpenupEd. (2021). *About MOOCs*. Retrieved 1.9.2021 from <https://www.openuped.eu/93-about-moocs>.

15. Organization for Economic Co-operation and Development. (2005). *E-learning in Tertiary Education*. OECD.  
<https://www.oecd.org/site/educeri21st/40600545.pdf>

16. Rosenberg, M. J. (2001). E-Learning: Building successful online learning in your organization. *McGrow Hill, New York, NY, USA*.

17. Vũ Hữu Đức, & Cộng sự. (2020). *Nghiên cứu về phương thức học tập, đào tạo dựa trên công nghệ thông tin (E-learning) trong giáo dục Đại học và đào tạo*

trực tuyến mở dành cho đại chúng MOOCs (Massive Online Open Courses): Kinh nghiệm thế giới và ứng dụng tại Việt Nam [Thuyết minh đề tài nghiên cứu khoa học cấp quốc gia, Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh].

<http://chuongtrinhkhgd.moet.gov.vn/content/dauthaudautucong/Lists/DuAn/Attachments/104/%C4%90T.043a.pdf>

18. Wikipedia. (2021a). *CompuHigh*. Retrieved 31.8.2021 from <https://en.wikipedia.org/wiki/CompuHigh>

19. wikipedia. (2021b). *Jones International University*. Retrieved 31.8.2021 from [https://en.wikipedia.org/wiki/Jones\\_International\\_University](https://en.wikipedia.org/wiki/Jones_International_University)

20. Wikipedia. (2021d). *Open Universities Australia*. Retrieved 1.9.2021 from [https://en.wikipedia.org/wiki/Open\\_Universities\\_Australia](https://en.wikipedia.org/wiki/Open_Universities_Australia)

# CÁCH TẠO SÁCH ĐIỆN TỬ LẬT TRANG (FLIPBOOK) VÀ TRIỂN KHAI LÊN HỆ THỐNG HỌC TẬP LMS

**ThS. Nguyễn Thanh Thủy**

Khoa Công nghệ thông tin – Giáo dục nghề nghiệp

**Tóm tắt:** Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương (Trường CĐSPTU) đang xây dựng kho học liệu phục vụ đào tạo trực tuyến trên hệ thống LMS của nhà trường như: học liệu dạng bài giảng điện tử, bài giảng elearning, học liệu dạng video tương tác, học liệu dạng sách lật,... trong đó phần mềm iSpring Suite 10 hiện là công cụ hữu ích để xây dựng học liệu điện tử. Bài viết này tác giả sẽ trình bày cách tạo sách lật bằng phần mềm iSpring Suite 10 và đưa lên hệ thống đào tạo trực tuyến LMS.

**Từ khóa:** *iSpring Suite 10; Sách điện tử lật trang; Flipbook.*

## **1. Đặt vấn đề**

**Flipbook – Sách điện tử lật trang** là một file kỹ thuật số. Người ta có thể tạo ra nó bằng nhiều phần mềm khác nhau và phần mềm iSpring Suite 10 là một trong số đó, không những thế nó còn là một sự lựa chọn hàng đầu.

Phần mềm này cho phép chuyển các tệp tin có sẵn (ví dụ như \*.pdf, \*.docx, \*.pptx) thành tệp tin \*.html (định dạng web). Người dùng có thể dễ dàng mở xem tệp tin định dạng này bằng các trình duyệt web thông dụng như Google Chrome, Cốc Cốc, Microsoft Edge, ...

Khi xem, thay vì cuộn chuột/lăn chuột.. để sang các trang tiếp theo thì người dùng chỉ cần nháy chuột trái để lật xem từng trang rất dễ dàng, có thể hình dung như đang xem một quyển sách thật.

Trong khuôn khổ bài viết này, tác giả xin hướng dẫn cách tạo sách lật bằng phần mềm iSpring Suite 10 và triển khai lên hệ thống học tập trực tuyến LMS.

## **2. Nội dung**

Phần mềm iSpring Suite có ưu điểm tốt và dễ sử dụng, có thể tận dụng, kết hợp khả năng thiết kế bài giảng một cách mềm dẻo của Powerpoint. iSpring Suite giúp chuyển đổi các bài trình chiếu Powerpoint sang dạng chuẩn HTML5 có thể chạy được cả trên máy tính và điện thoại di động, có lời thuyết minh (narration), có câu hỏi tương tác (quiz), đồng bộ âm thanh, hình ảnh, có thể chèn phim ra lề bài giảng... iSpring Suite biến Powerpoint thành công cụ soạn bài giảng E-Learning có thể tạo bài giảng để học viên tự học, tự suy nghĩ có thể ghi lại lời giảng, hình ảnh giảng bài; chèn các câu hỏi tương tác và đặc biệt có thể chuyển đổi bài giảng sang sách lật một cách nhanh chóng... Bài giảng điện tử E-



Learning, sách lật,... được đưa trực tiếp vào hệ thống Moodle (mã nguồn mở) quản lý tài nguyên và quản lý học tập trực tuyến LMS. Phần mềm Ispring Suite như một add-in tích hợp với MS PowerPoint, một ứng dụng được hầu hết các giáo viên nắm bắt, sử dụng trong các tiết dạy có ứng dụng CNTT. Tuy nhiên, đây vẫn là phần mềm tính phí và sách lật được tạo từ phần mềm này chưa bắt mắt, mềm dẻo, linh hoạt như một số phần mềm chuyên dụng phía dưới

Dưới đây là một số phần mềm tạo sách lật khác để đọc giả tham khảo:

| <b>Tên phần mềm</b>        | <b>Cung cấp nhiều mẫu thiết kế có sẵn</b> | <b>Tạo sách lật trang từ file</b> | <b>Nền tảng hỗ trợ</b> | <b>Miễn phí /Trả phí</b>                                                         |
|----------------------------|-------------------------------------------|-----------------------------------|------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|
| Flip Book Maker            | √                                         | PDF                               | Windows                | Miễn phí                                                                         |
| Kvisoft FlipBook Maker Pro | √                                         | PDF, Word, Excel, PowerPoint      | Windows                | Miễn phí                                                                         |
| Flip PDF Professional      | √                                         | PDF                               | Windows                | 299\$                                                                            |
| 3D PageFlip Writer         |                                           |                                   | Windows                | 99\$                                                                             |
| Flip PDF                   |                                           | PDF                               | Window, MacOS          | 99\$                                                                             |
| FlipSnack                  | √                                         | PDF                               | Window, MacOS          | - Starter: 14\$/tháng.<br>- Professional: 35\$/tháng.<br>- Business: 79\$/tháng. |
| FlippingBook Publisher     |                                           | PDF, Word, Excel, PowerPoint      | Windows                | - Professional: 699\$.<br>- Business: 1199\$.                                    |

## 2.1. Cần chuẩn bị trước những gì để tạo sách điện tử lật trang?

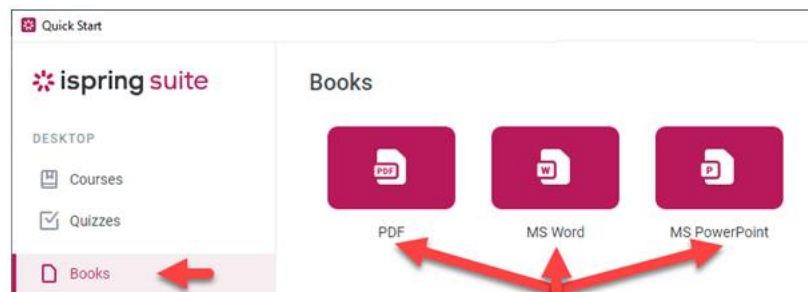
- Bước 1. Cài đặt phần mềm iSpring Suite 10 hoặc phiên bản mới hơn.
- Bước 2. Chuẩn bị các tệp tin nguồn, tức là các file mà bạn muốn tạo Flipbook, các định dạng được hỗ trợ là \*.PDF, \*.DOCX, \*.PPTX

## 2.2. Các bước tạo sách điện tử lật trang (Flipbook)

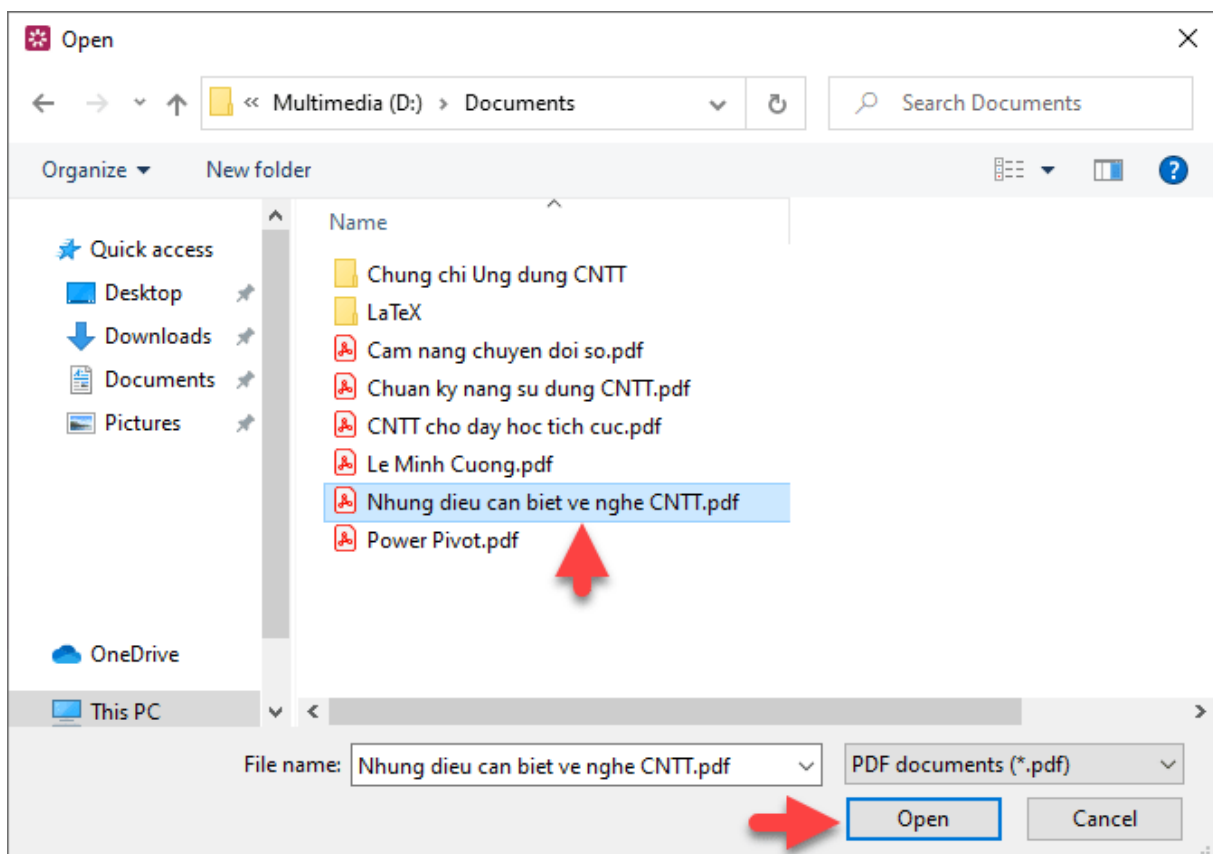
Ví dụ 1: cần chuyển tệp tin “Nhưng điều cần biết về nghe CNTT.pdf” thành Flipbook, thực hiện tuần tự theo các bước sau:

- Bước 1: Nháy đúp chuột vào biểu tượng iSpring Suite 10 trên màn hình nền → chọn Books → tùy thuộc vào định dạng của tệp tin nguồn mà chúng ta sẽ lựa chọn cho phù hợp

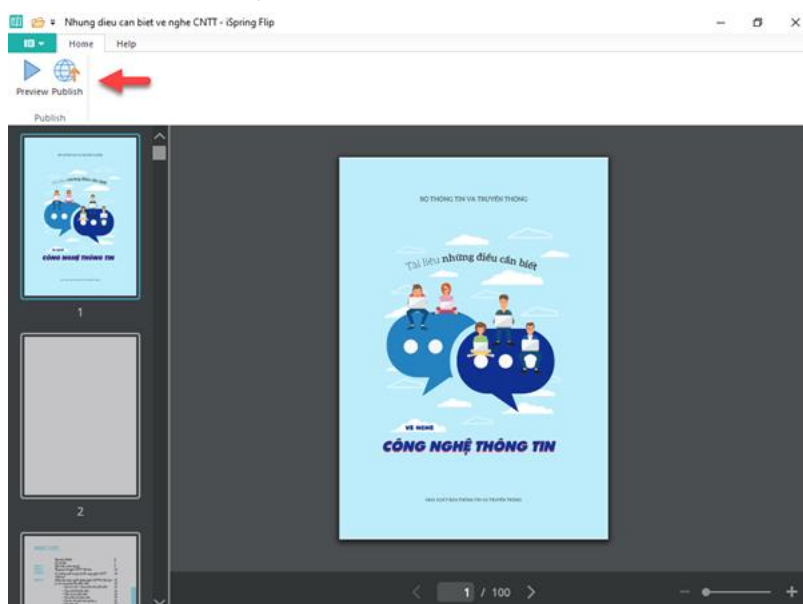
Vì định dạng tệp tin nguồn là \*.pdf nên sẽ chọn PDF:



- Bước 2: Khi hộp thoại Open xuất hiện, hãy mở thư mục chứa tệp tin cần tạo → chọn tệp tin cần tạo → chọn Open



- Bước 3: Trong cửa sổ iSpring Flip, chọn vào Preview để xem trước, hoặc chọn vào Publish để xuất bản. Ở đây sẽ chọn Publish



- Bước 4: Tùy chọn nơi xuất bản (vị trí lưu file), có 4 tùy chọn tất cả trong đó tùy chọn thứ hai và thứ ba do chính iSpring cung cấp, đó là:

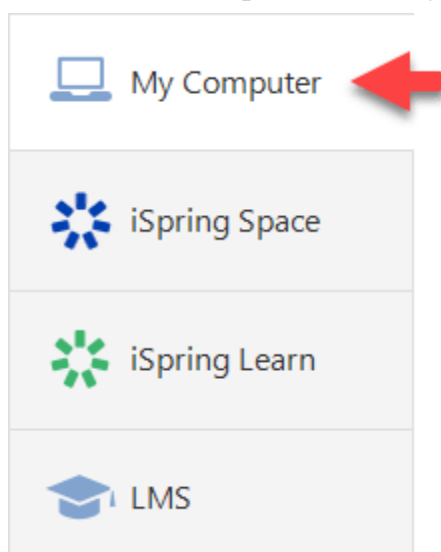
**My Computer:** Lưu trên máy tính.

**iSpring Space:** Cung cấp các tính năng cho phép chúng ta chia sẻ nội dung và việc nhóm.

**iSpring Learn:** Hệ thống quản lý học tập trực tuyến của iSpring.

**LMS:** Là viết tắt của cụm từ **Learning Management System**, tức hệ thống quản lý học tập trực tuyến.

Giả sử chọn My Computer để xuất bản tệp tin vào máy tính..



- Bước 5: Tùy chỉnh và thiết lập các tùy chọn đầu ra:

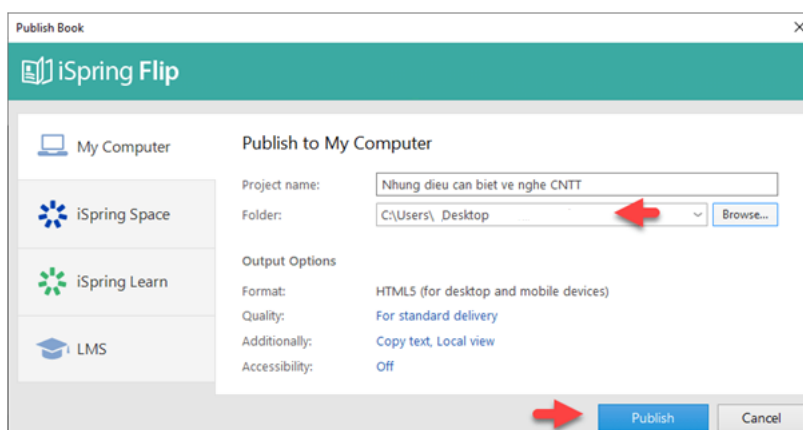
**Format:** Phần mềm hiện tại chỉ hỗ trợ một định dạng đầu ra duy nhất là HTML5.

**Quality:** Chọn vào For standard delivery để tùy chỉnh lại chất lượng trước khi xuất bản.

**Additionally:** Cung cấp thêm một số tùy chọn như *mật khẩu truy cập*, *có cho phép chọn và sao chép văn bản*, *có cho phép xem trên mạng localhost*..

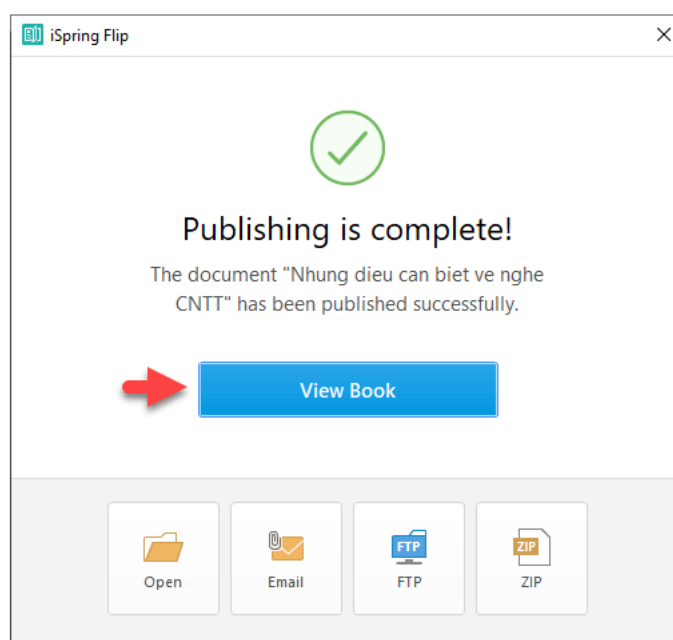
**Accessibility:** Cho phép bật hoặc tắt trợ năng đọc màn hình..

Thông thường ta chỉ chọn lại đường dẫn của tệp tin xuất bản bằng cách chọn vào Browse... Các tùy chọn còn lại đều giữ như mặc định → chọn Publish

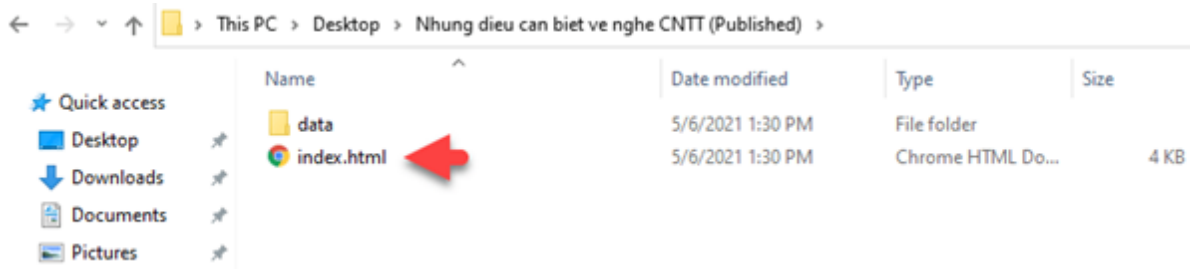


Quá trình tạo Flipbook sẽ tự động diễn ra, nhanh hay chậm phụ thuộc vào dung lượng của tệp tin nguồn và cấu hình máy tính của bạn.

- Bước 6: Cuối cùng chọn vào View Book để xem thành quả.



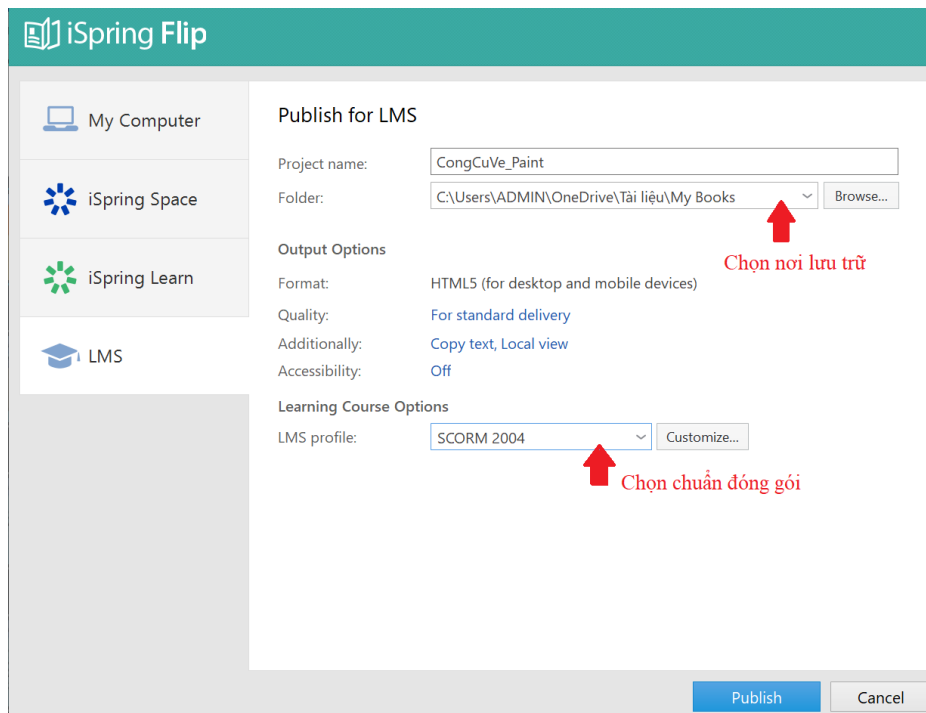
Ngoài cách trên có thể xem tệp tin xuất bản bằng cách mở thư mục “Nhưng điều cần biết về nghề CNTT (Publish)” => mở thư mục data => mở tệp tin index.html



Hình ảnh demo về sách lật trang mà sau khi làm xong:

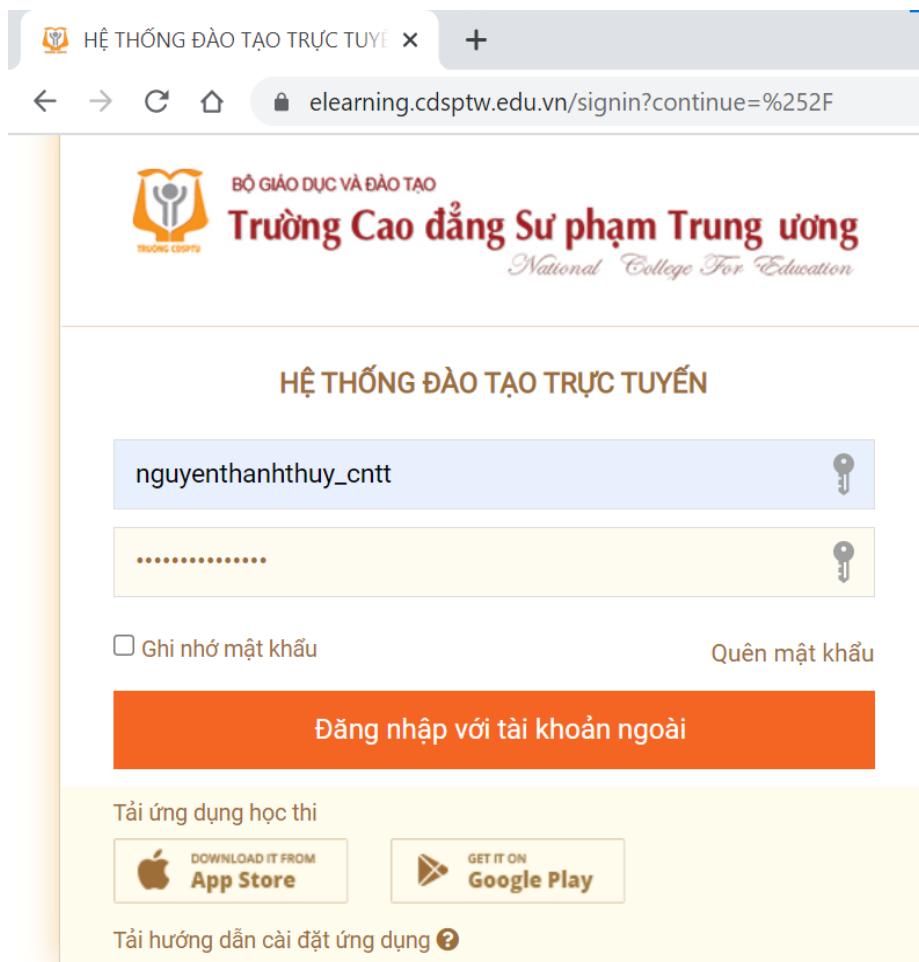


Ví dụ 2: cần chuyển file PowerPoint “CongCuVe\_Paint.pptx” thành Flipbook để đưa lên LMS thì thực hiện tương tự như các bước trên, nhưng ở Bước 1, Bước 2: chọn file PowerPoint “CongCuVe\_Paint.pptx”. Bước 3 (tương tự như trên) Tại bước 4: chọn LMS, chọn nơi lưu trữ, chọn chuẩn đóng gói và nhấn Publish.



### 2.3. Triển khai sách lật lên hệ thống LMS của Trường CĐSPTU

- Bước 1. Truy cập trang [elearning.cdsptw.edu.vn](http://elearning.cdsptw.edu.vn).
- Bước 2. Sử dụng tài khoản đã được nhà trường cấp để đăng nhập hệ thống LMS

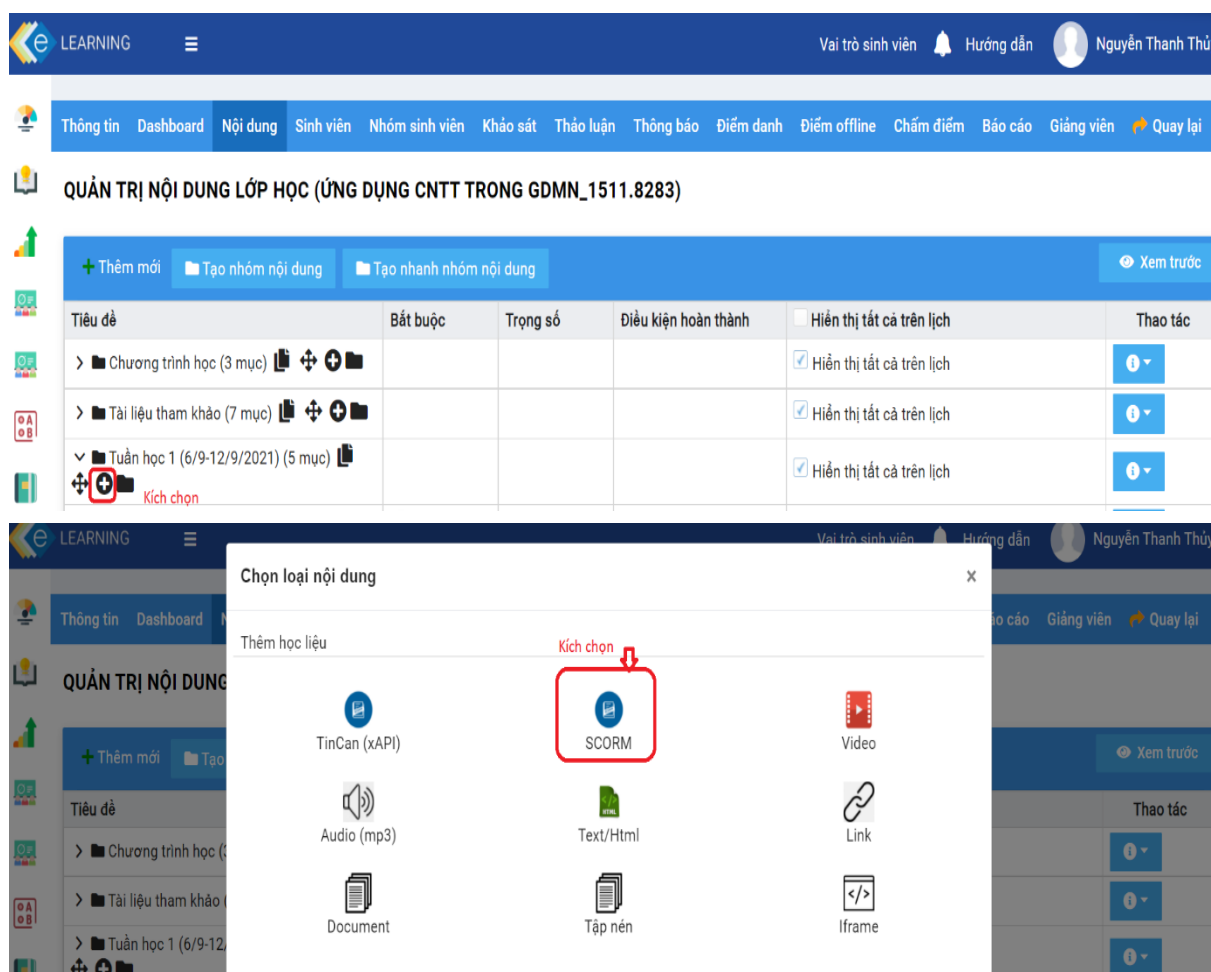


### - Bước 3. Đăng nhập với “Vai trò giảng viên”



(Ở đây tác giả chỉ tập chung vào việc đưa học liệu dạng sách lật lên hệ thống LMS. Và giả sử đã tạo lớp học phần; các nhóm “Chương trình học”; “Tài liệu tham khảo”; “Tuần học 1 (6/9-12/9/2021)” cho lớp học phần đó).

### - Bước 3. Kích vào dấu + bên phải nhóm nội dung “Tuần học 1 (6/9-12/9/2021)” \chọn Scorm



Tìm đến đường dẫn nơi lưu trữ sách trên máy tính, sẽ thấy xuất hiện thư mục

đóng gói file nén trùng tên file PowerPoint. Bạn sẽ chọn file nén này để đưa lên hệ thống LMS theo dạng chuẩn Scorm là học viên có thể xem được.

Khi hiển thị chế độ Sinh viên đăng nhập

Như vậy là chúng ta đã vừa hoàn thành các bước tạo sách điện tử lật trang (Flipbook) bằng iSpring Suite.

Sách điện tử lật trang có một ưu điểm mà sách điện tử truyền thống không có là khả năng hạn chế tối đa vấn nạn sao chép / chỉnh sửa trái phép.

Thật vậy:



Trường hợp bạn có Website hoặc Blog cá nhân thì bạn có thể Upload lên đây. Khi đó người khác chỉ có thể xem chứ không thể sao chép được. Miễn cưỡng thì có thể dùng cách chụp ảnh màn hình, nhưng nó rất hạn chế.

Trường hợp bạn không có Website hoặc Blog thì không hạn chế được vấn đề sao chép trái phép, nhưng hoàn toàn có thể hạn chế được vấn đề chỉnh sửa trái phép.

### **3. Kết luận**

Khi triển khai lên hệ thống đào tạo trực tuyến đòi hỏi cần đa dạng các loại học hiệu để học viên nắm bắt kiến thức nhanh chóng, hiệu quả. Song song với bài giảng e-learning thì sách lật cũng là loại học liệu không thể thiếu trong quá trình dạy học. Vì vậy, bên cạnh thông tin tác giả cung cấp ở trên, độc giả nên tham khảo thêm các phần mềm tạo sách lật khác.

Tác giả cũng rất mong muốn Nhà trường tiếp tục đẩy mạnh bồi dưỡng chuyên sâu tạo sách lật cho giảng viên hơn nữa để kho học liệu của mỗi giảng viên thêm phong phú và hữu ích đối với người học.

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. <https://blogchiasekienthuc.com/thu-thuat-hay/cai-dat-ispring-suite.html>
2. <https://blogchiasekienthuc.com/thu-thuat-hay/cach-tao-sach-dien-tu-lat-trang-flip-book.html>

# ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG GIÁO DỤC Ở GIAI ĐOẠN MỚI, CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC

**ThS. Nguyễn Thị Hương Giang**

**ThS. Nguyễn Trung Hiếu**

*Khoa Giáo dục mầm non*

**Tóm tắt:** Việc ứng dụng công nghệ thông tin là một xu hướng tất yếu của thời đại, nhất là trong bối cảnh dịch bệnh phức tạp như hiện nay. Ứng dụng công nghệ vào dạy học giúp nâng cao hiệu quả giáo dục, tuy nhiên trong giai đoạn hiện nay còn tồn tại một số khó khăn, cần tìm ra các giải pháp để tháo gỡ nhằm cải thiện nâng cao chất lượng giáo dục.

**Từ khóa:** công nghệ thông tin, dạy học trực tuyến, phần mềm, ứng dụng.

## **1. Đặt vấn đề**

Trong thời đại ngày nay, công nghệ thông tin đã tạo ra những biến đổi to lớn trong mọi mặt hoạt động của đời sống con người và xã hội. Việc ứng dụng công nghệ thông tin rộng rãi trên tất cả các lĩnh vực, đặc biệt là trong giáo dục và đào tạo đã đem lại những bước tiến mới cho xã hội.

Đầu năm 2020, khi dịch bệnh Covid -19 bùng phát và diễn biến phức tạp, người học không được đến trường, trường học phải đóng cửa dài ngày. Trong bối cảnh đó, thực hiện lời kêu gọi của Bộ trưởng Bộ Giáo dục Phùng Xuân Nhạ “ tạm dừng đến trường, không dừng việc học” thì việc ứng dụng công nghệ thông tin để quản lý và dạy học trực tuyến trở nên cấp bách và góp phần giải quyết bài toán thực tiễn hết sức hiệu quả. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện, việc ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học trực tiếp và trực tuyến còn bộc lộ một số hạn chế cần được tháo gỡ.

## **2. Nội dung**

### **2.1. Ý nghĩa của việc ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học trực tuyến**

Ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác dạy và học được nhiều nước trên thế giới chú trọng từ khá lâu. Đây được xem là xu hướng tất yếu của thời đại, khi mà công nghệ thông tin có sự phát triển vượt bậc. Ở Việt Nam, việc áp dụng công nghệ thông tin vào dạy học đã được tiến hành tuy nhiên còn nhỏ giọt và chưa tiến hành một cách quy mô, bài bản. Phải đến khi dịch bệnh Covid 19 xuất hiện, giáo dục Việt Nam nói riêng và giáo dục thế giới nói chung đã chuyển

mình mạnh mẽ để thích ứng với giai đoạn mới - nhất là trong việc ứng dụng công nghệ thông tin vào giáo dục. Dù ứng dụng trong hoàn cảnh mang tính tình thế cấp bách, nhưng cũng đã và đang mang lại nhiều lợi ích thiết thực và mở ra triển vọng to lớn cho nền giáo dục nước nhà. Cụ thể:

- Công nghệ giúp người học- người dạy cập nhật nhanh chóng tới các nguồn tri thức.

Từ tri thức phổ thông đến tri thức học thuật đều có thể dễ dàng tìm kiếm và áp dụng trong quy trình giảng dạy thông qua các hệ thống tra cứu của thư viện, các công cụ tìm kiếm như Google search, Google books, các mạng xã hội Acadamy, Resarch Gates...

- Công nghệ phù hợp, hấp dẫn và tăng tính tương tác, gắn kết với người học

Công tác ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học có thể thực hiện trong giờ lên lớp hoặc người học có thể tự học trực tuyến ngay tại nhà. Giáo viên có thể sử dụng tích hợp các công cụ đa phương tiện như hình ảnh, âm thanh, video... vào nội dung bài giảng, để tăng sự phong phú, hấp dẫn. Điều này còn giúp kích thích tư duy và tính sáng tạo của học sinh, và tăng mức độ tương tác giữa giáo viên và học sinh.

Ngoài ra, khi dùng các thiết bị công nghệ như smartphone, laptop, máy tính bảng... để học tại nhà, học sinh sẽ cảm thấy thoải mái và tự tin trao đổi kiến thức cùng bạn bè, thầy cô. Điều này giúp thắt chặt mối quan hệ với bạn bè, thầy cô của các em – nhất là trong bối cảnh dịch bệnh, không thể đến trường. Đây là tiền đề quan trọng để khơi gợi hứng thú học tập nơi học sinh.

- Tạo điều kiện để người học thích ứng nhanh với công nghệ trong tương lai.

Thực tế, đa số giới trẻ ngày nay được sinh ra trong môi trường công nghệ - một thế giới kỹ thuật số, nơi mà internet đang lan rộng, các công cụ kỹ thuật số rất nhiều. Những người trẻ tuổi sử dụng các công cụ kỹ thuật số này trong đời sống hàng ngày bên ngoài trường học rất nhiều. Tuy nhiên, việc sử dụng các công cụ này trong trường học thường bị hạn chế. Vì thế, xu hướng ứng dụng các công cụ kỹ thuật số tham gia vào các hoạt động giáo dục có ý nghĩa ngày càng phổ biến.

Không chỉ dừng ở kỹ năng số, khi dạy học ứng dụng công nghệ thì người học có cơ hội được rèn luyện kỹ năng mềm, tư duy phản biện, khả năng nghiên cứu độc lập và thành thạo khi phối hợp sử dụng các công nghệ khác nhau.

- Tạo lập môi trường học tích hợp giữa offline và online.

Với việc tích hợp giữa việc học online và offline, người học sẽ cảm thấy thích thú bởi tính mới lạ, giảm stress trong học tập, giúp nâng cao chất lượng dạy và học, tăng tính kết nối giữa người dạy và người học, giảm thiểu lo lắng, căng thẳng do dịch bệnh mang đến. Nhờ các biện pháp ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học, giáo viên có thể tổ chức giờ dạy của mình một cách linh động và sáng tạo, mang đến những phút giây học tập đầy thư giãn và thú vị cho người học. Nhất là trong bối cảnh hiện tại, khi dịch bệnh đang diễn biến phức tạp, thì việc ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học trực tuyến đã giúp chúng ta giải quyết bài toán giáo dục trong bối cảnh Covid.

- Công nghệ giúp tạo lập môi trường học tập tích hợp

+ Việc sử dụng giáo trình điện tử, tổ chức thi và nộp bài trực tuyến giúp giảm chi phí cho việc in ấn và mua học liệu giấy. Ngoài ra, người học thực sự thích thú việc học đồng thời cả trực tuyến trên mạng và trực tiếp trên lớp. Bên cạnh đó các công cụ công nghệ sẵn có giúp giáo viên tổ chức giờ học một cách thân thiện, vui vẻ và hiệu quả.

+ Các phương tiện dạy học không chỉ dừng lại ở chức năng minh họa trực quan mà thông qua đó tạo nên động cơ tích cực cho người học. Giáo viên có thể sử dụng các phương tiện dạy học đơn giản có tính chất nghịch lý để tạo nên những tình huống có vấn đề. Từ đó kích thích những tranh luận, những ý kiến quan điểm cá nhân của người học, sự tò mò hứng thú khám phá kiến thức.

- Hỗ trợ giáo viên nâng cao chất lượng bài giảng.

Công nghệ thông tin giúp nội dung bài giảng trở nên phong phú, đa dạng và hấp dẫn hơn. Với phương pháp giáo dục truyền thống, giáo viên chỉ có thể giảng bài thông qua giáo trình, sách vở, phấn trắng và bảng đen, cảm giác rất tẻ nhạt và khó để khơi gợi hứng thú học tập cho học sinh. Công nghệ đã giúp chúng ta loại bỏ, giảm thiểu những điều này. Với nhiều phương tiện như hình ảnh, video... nội dung và chất lượng bài giảng được cải tiến đáng kể.

## **2.2. Thực trạng ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học**

### **2.2.1. Thuận lợi**

Ở Việt Nam trong những năm qua, việc đổi mới nội dung, chương trình sách giáo khoa được thực hiện khá đồng bộ. Các trường học, cấp học tiến hành đổi mới nội dung, chương trình, đổi mới phương pháp dạy học – với các hoạt

động thi đua sôi nổi, tích cực để đẩy mạnh việc ứng dụng các phương pháp dạy học mới, hiện đại nâng cao hiệu quả giáo dục.

Hiện nay, hầu hết các trường học, các cấp học đều cố gắng đầu tư và trang bị tivi, xây dựng phòng học đa năng với hệ thống máy tính và máy chiếu, nối mạng internet, máy chụp ảnh, tạo điều kiện cho giáo viên có thể ứng dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy. Qua đó người giáo viên không những phát huy được tối đa khả năng làm việc của mình mà còn trở thành một người giáo viên năng động, sáng tạo và hiện đại, phù hợp với sự phát triển của người giáo viên nhân dân trong thời đại công nghệ thông tin.

Công nghệ thông tin phát triển mạnh kéo theo sự phát triển của hàng loạt các phần mềm giáo dục và có rất nhiều những phần mềm hữu ích cho người giáo viên mầm non như bộ Office, Violet, Active Photoshop, Adobe Presenter... Các phần mềm này rất tiện ích và trở thành một công cụ đắc lực hỗ trợ cho việc thiết kế giáo án điện tử và giảng dạy trên máy tính, máy chiếu, bảng tương tác cũng như trên các thiết bị hỗ trợ khác như tivi, đầu video vừa tiết kiệm được thời gian cho người giáo viên, vừa tiết kiệm được chi phí cho nhà trường mà vẫn nâng cao được tính sinh động, hiệu quả của hoạt động giáo dục..

Việc áp dụng công nghệ thông tin trong dạy học giúp cải thiện được một số hạn chế dạy học truyền thống đơn thuần “thầy đọc, trò chép” như:

- + Đối với phương pháp giảng dạy truyền thống, học sinh chỉ được học qua sách vở và kiến thức mà giáo viên truyền tải. Khi ứng dụng công nghệ thông tin, việc học trở nên chủ động hơn khi các em có thể tự tìm kiếm tư liệu kiến thức cho mình. Việc kết hợp giữa giảng dạy truyền thống và ứng dụng công nghệ thông tin tạo ra môi trường học tập có tính tương tác cao, tăng hiệu quả truyền tải kiến thức, nhờ đó học sinh sẽ tiến bộ rõ rệt – khai thác được thế mạnh của người học thời kì mới.

- + Kích thích sự phát triển đa giác quan của học sinh bằng các chương trình học được lập trình sẵn trên máy tính, với nhiều phương tiện như: hình ảnh, video, âm thanh, biểu đồ minh họa...Phát triển tư duy, khả năng tưởng tượng, tăng cường nhận thức, giúp học sinh dễ dàng nắm bắt quá trình, hiện tượng vật lý, tự nhiên...

- + Lĩnh vực công nghệ thông tin không chỉ được ứng dụng trong giáo dục mà còn nhiều lĩnh vực khác. Thông qua các thiết bị thông minh và kết nối internet, người dùng có thể tiếp cận dễ dàng với nguồn dữ liệu tri thức khổng lồ,

mang thể giới tri thức vào trong tầm tay. Việc học tập trở nên thuận tiện và thú vị hơn bao giờ hết, giúp khơi gợi hứng thú, trí tò mò của học sinh; phát huy tính sáng tạo và tự giác trong học tập.

### **2.2.2. Khó khăn, thách thức**

Không thể phủ nhận vai trò và lợi ích của việc ứng dụng công nghệ thông tin vào dạy học hiện nay. Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học mang lại kết quả khả quan là tín hiệu đáng mừng cho nền giáo dục Việt Nam. Tuy nhiên, công tác này vẫn đang còn mới mẻ đối với nền giáo dục nước ta nên các kết quả này vẫn còn rất khiêm tốn và tồn tại nhiều khó khăn, thách thức cần giải quyết:

- + Không phải nội dung bài giảng nào cũng phù hợp để thiết kế trên máy tính, có những bài giảng khi giảng dạy theo phương pháp truyền thống sẽ dễ dàng hơn cho cả học sinh và giáo viên.

- + Công nghệ giáo dục vẫn còn là một lĩnh vực khá mới mẻ, do đó không ít giáo viên, đặc biệt là những giáo viên lớn tuổi thường thiếu một số kiến thức cơ bản về ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học và các kỹ năng khác liên quan.

- + Lạm dụng ứng dụng công nghệ thông tin, dùng không đúng lúc, không đúng chỗ khiến chất lượng truyền tải kiến thức không đảm bảo.

- + Phương tiện, thiết bị hỗ trợ công tác giảng dạy bằng giáo án điện tử không đảm bảo về số lượng lẫn chất lượng, chưa thể đồng bộ hóa và triển khai rộng rãi. Khả năng kết nối internet vẫn còn nhiều hạn chế và bất cập.

- + Công tác đánh giá hiệu quả truyền tải kiến thức chưa rõ ràng. Cơ chế quản lý thiếu tính hệ thống và chuyên nghiệp.

### **2.2.3. Một số giải pháp để nâng cao hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin trong bối cảnh giáo dục hiện nay**

- Giảng dạy bằng bài giảng điện tử

Giảng dạy bằng giáo án điện tử E-Learning là hình thức được nhiều giáo viên chọn lựa. Phương pháp dạy học hiện đại này mang đến hiệu quả thiết thực trong việc truyền tải nội dung kiến thức, được giới chuyên gia giáo dục đánh giá cao và khuyến khích sử dụng. Giảng dạy thông qua E-Learning sử dụng nhiều công cụ như video, hình ảnh, âm thanh... giúp buổi học thêm sinh động, hấp dẫn hơn, khơi gợi hứng thú học tập của người học.

- Tra cứu thông tin, tài liệu qua mạng Internet

Kiến thức là vô hạn và hơn ai hết, người giáo viên cần có kiến thức sâu rộng để truyền tải cho học sinh của mình, giúp các em hiểu bài tốt hơn và tiến bộ

từng ngày. Do đó, người giáo viên mẫu mực cần nâng cao tinh thần tự học và bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng của bản thân. Với thời đại 4.0 ngày nay, giáo viên và người học có thể dễ dàng tra cứu thông tin và tìm kiếm tài liệu thông qua Internet - đây là kho dữ liệu khổng lồ, chứa đựng rất nhiều thông tin.

- Tham khảo sách điện tử, giáo trình điện tử

Để có thể ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học, việc tham khảo sách điện tử và các giáo trình điện tử là vô cùng cần thiết. Chỉ với một thiết bị thông minh có kết nối internet, thầy cô có thể tìm thấy vô vàn đầu sách và giáo án điện tử được đăng tải trên những nguồn học liệu mở. Việc tham khảo này hoàn toàn mang tính chủ động, bất kể không gian hay thời gian.

- *Tham khảo thêm các ứng dụng mới phục vụ cho quá trình dạy học trên lớp*

+ Để tăng khả năng tương tác cũng như hứng thú của người học: Ví dụ như Kahoot và Quizizz là hai phần mềm hỗ trợ học tập miễn phí dựa trên nền tảng trò chơi và được sử dụng như một hệ thống lớp học tương tác. Kahoot và Quizizz hỗ trợ người dùng tạo trò chơi như các bài kiểm tra trắc nghiệm, trả lời ngắn, trả lời dài có thể tích hợp hình ảnh, video một cách dễ dàng, nhanh chóng. Có thể sử dụng phần mềm này với mục đích khởi động, kiểm tra, thảo luận, khảo sát và điểm danh lớp học.

+ Các công cụ hỗ trợ thảo luận khác như: Mentimeter - là một ứng dụng tuyệt vời cho phép thầy cô sử dụng điện thoại di động hoặc máy tính bảng để bỏ phiếu hay trả lời cho bất kỳ câu hỏi nào.

+ Các công cụ hỗ trợ làm việc nhóm: Sử dụng tính năng chia nhóm trên zoom, team để chia nhóm: có thể chia ngẫu nhiên hoặc để người học chọn nhóm theo danh sách có trước.

+ Phần mềm thảo luận Padlet: Đây là trang mạng cho phép bạn cộng tác với những người dùng khác bằng văn bản, hình ảnh, liên kết và các nội dung khác. Mỗi không gian cộng tác được gọi là một “bức tường”. Nó cũng có thể được sử dụng như một bản tin riêng, trao đổi, chia sẻ thông tin.

+ Tổng kết lại bài học là một hoạt động quan trọng để tóm lược kiến thức, kiểm tra xem người học đã tiếp thu được những gì. Để giúp hoạt động tổng kết sinh động, hấp dẫn và có sự tương tác, giáo viên có thể sử dụng công cụ thiết kế sơ đồ tư duy online như Edrawmindmap, Canva, Mindmeister...

- Tham gia vào các cộng đồng giáo dục uy tín như qua facebook, youtube để cập nhật học hỏi những ứng dụng mới và cách sử dụng, khai thác hiệu quả.

### **3.Kết luận**

Như vậy, bên cạnh những cơ hội để nâng cao hiệu quả dạy và học, việc ứng dụng thông tin cũng đang gặp những khó khăn thách thức. Tuy nhiên, trong bối cảnh hiện nay, giáo viên và người học cũng cần có cách tiếp cận mới, sẵn sàng học hỏi hợp tác, chấp nhận sự thay đổi và tính linh hoạt để thích ứng với hoàn cảnh mới. Giáo viên cần cố gắng tiếp cận, ứng dụng các công nghệ mới để nâng cao chất lượng giáo dục, phát huy tiềm năng của người học. Đồng thời phát triển các mối quan hệ hiệu quả, hỗ trợ sự tương tác của các người học khi tham gia hoạt động học tập. Cho dù công việc học tập diễn ra trong môi trường nào – trực tiếp hay trực tuyến thì cũng đều phải hướng tới người học, lấy người học làm trung tâm. Người học được khuyến khích đặt câu hỏi và tham gia tích cực vào các hoạt động của giờ học. Giáo viên cố gắng thực hành giảng dạy, ứng dụng hiệu quả các phần mềm, khai thác các ứng dụng... để có thể kết hợp giữa trực tuyến và trực tiếp, nâng cao chất lượng giáo dục trong bối cảnh mới.

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Microsoft, Trung tâm học tập dành cho giáo viên (MEC)  
<http://education.microsoft.com/vi-vn>
2. Clark, R. E., & Feldon, D. F, The Cambridge Handbook of Multimedia Learning New York: Cambridge University Press, 2005.
3. Lâm Quang Đông (chủ biên), Sổ tay Công nghệ Giáo dục, NXB Đại học Quốc gia, 2009



# ỨNG DỤNG PHẦN MỀM AZOTA HỖ TRỢ GIÁO VIÊN TRONG QUÁ TRÌNH DẠY TRỰC TUYẾN CHO TRẺ MẦM NON

**ThS. Nguyễn Thanh Thủy**

Khoa Công nghệ thông tin – Giáo dục nghề nghiệp

**Tóm tắt:** Phần mềm Azota hỗ trợ giáo viên mầm non dạy học trực tuyến rất hiệu quả. Phần mềm đã giúp tiết kiệm thời gian giáo viên kiểm soát các hoạt động, nhiệm vụ giao cho trẻ thực hiện trực tuyến trên lớp; dễ dàng liên lạc với phụ huynh; thống kê và theo dõi học tập; hệ thống lưu trữ nhận xét, quá trình học tập của trẻ, giáo viên chỉ cần tra cứu và tải báo cáo về để in hoặc lưu trữ tại hệ thống; phụ huynh gửi cho giáo viên hoạt động của con mình chỉ bằng một thao tác. Hơn nữa nền tảng thiết kế đơn giản, dễ dùng nhất với tất cả mọi người.

**Từ khóa:** Azota, dạy học trực tuyến, công cụ giao và chấm bài online.

## 1. Đặt vấn đề

Dạy trực tuyến gặp nhiều khó khăn như không quản lý được quá trình học tập, lĩnh hội của trẻ. Nhưng khi dạy học, sử dụng kết hợp với phần mềm Azota thì mọi khó khăn trên được khắc phục hơn.

Ứng dụng Azota là ứng dụng hỗ trợ các thầy cô giáo hoàn toàn mới trong công tác giảng dạy, đặc biệt là trong việc giao nhiệm vụ học tập, hoạt động cho học sinh tiểu học, mẫu giáo. Azota sử dụng tài khoản Zalo để đồng bộ nội dung trên tất cả thiết bị. Giao diện của Azota sẽ giúp các thầy cô giao nhiệm vụ học tập, hoạt động cho trẻ và quản lý quá trình trẻ thực hiện các hoạt động được giao nhanh chóng, thuận tiện. Và cũng từ ứng dụng này các thầy cô cũng dễ dàng nhận xét ngay, động viên khuyến khích trẻ bằng các hình, biểu tượng động vui nhộn, ngộ nghĩnh đáng yêu. Azota cũng có thêm tính năng theo dõi quá trình học tập của trẻ, rất hữu ích cho các thầy cô giáo. Bài viết dưới đây sẽ hướng dẫn các thầy cô dùng ứng dụng Azota.

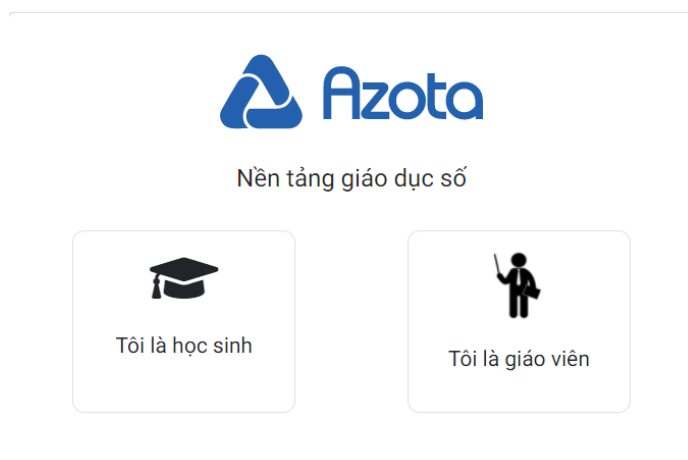
## 2. Nội dung

Azota sử dụng tài khoản Zalo và khả năng đồng bộ tài liệu trên các thiết bị liên quan, tiết kiệm thời gian cho giáo viên cũng như tăng cường tính tương tác giữa giáo viên và trẻ trong mùa dịch.

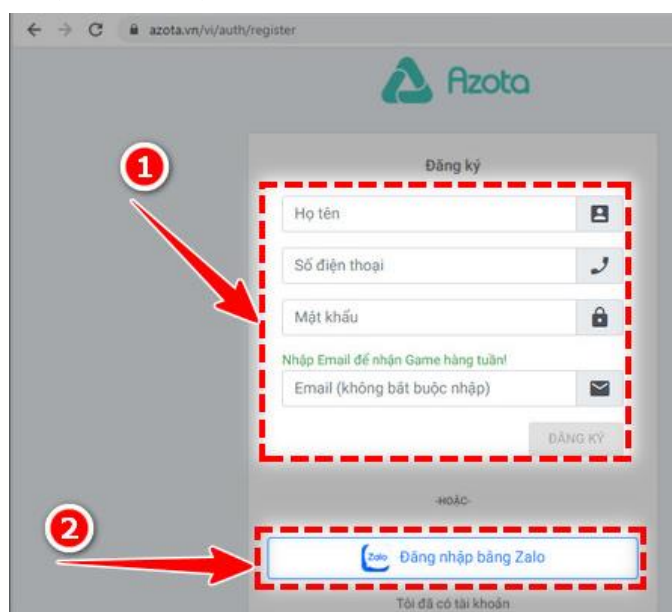
Hầu hết các lớp học hiện nay từ mẫu giáo đến Trung học Phổ thông đều có nhóm Zalo để các phụ huynh tương tác với giáo viên, cho nên việc kết hợp với ứng dụng Azota là khá dễ dàng và tiện lợi. Ứng dụng này còn giúp phụ huynh kiểm soát và theo dõi được quá trình học tập của con. Azota còn hỗ trợ giáo viên quản lý hoạt động của trẻ từ bất kỳ thiết bị nào, kết quả sẽ được trả về cho học sinh, phụ huynh, chỉ cần một chạm trên hoạt động của trẻ đã được gửi đến cô.

## 2.1. Cách tạo tài khoản Azota

Bước 1: Để đăng ký tài khoản Azota, truy cập <https://azota.vn> [2]. Chọn “**Đăng ký**”, chọn tiếp “**Tôi là giáo viên**”



Azota sẽ hiển thị 2 cách đăng ký là tạo tài khoản mới (mũi tên 1) hoặc đăng ký bằng tài khoản Zalo (mũi tên 2).



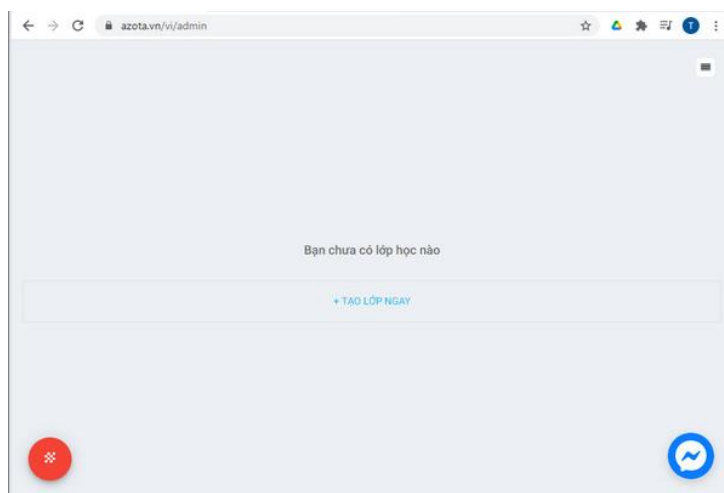
- Cách 1: **Đăng ký Azota thông thường, tạo tài khoản mới**<sup>(1)</sup>

Bước 2: Để tạo tài khoản Azota, **nhập các thông tin** chính xác, đầy đủ vào các ô:

- **Họ tên:** Nhập họ tên của giáo viên.
- **Số điện thoại:** Nhập số điện thoại mà giáo viên đang dùng.
- **Mật khẩu:** Nhập mật khẩu mà giáo viên muốn.
- **Email:** Nhập email của giáo viên (không bắt buộc).

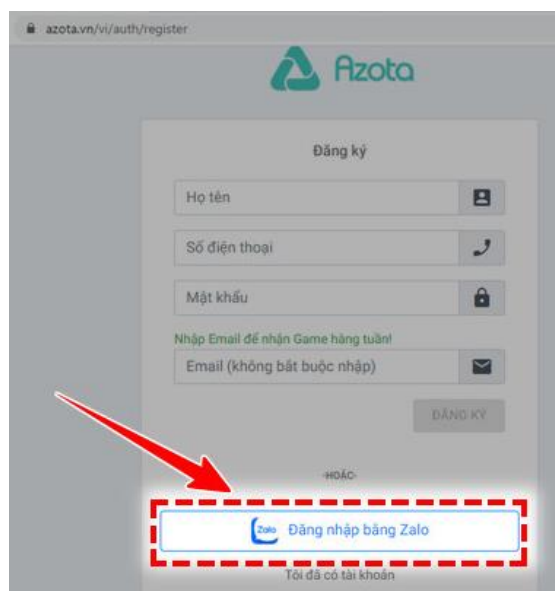
Bước 3: Khi nhập xong thông tin, click vào "**Đăng ký**"

Hiện ra trang sau, có nghĩa đã tạo đăng ký Azota thành công.

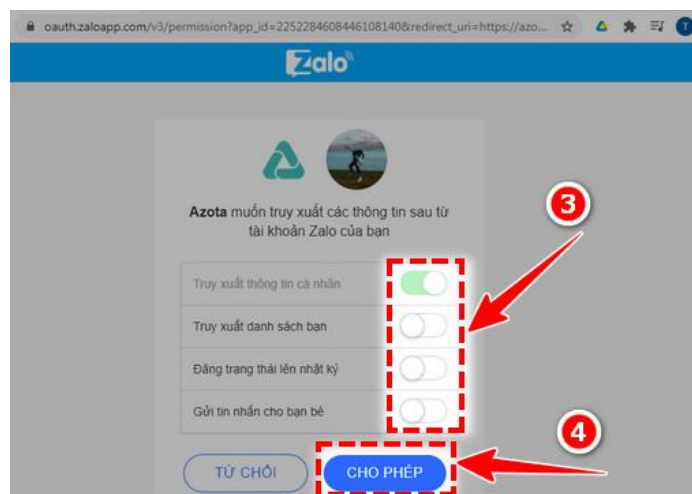


- **Cách 2: Đăng ký Azota thông qua đăng nhập Zalo**

**Bước 2:** Tạo tài khoản Azota bằng đăng nhập Zalo, click vào "Đăng nhập bằng Zalo"



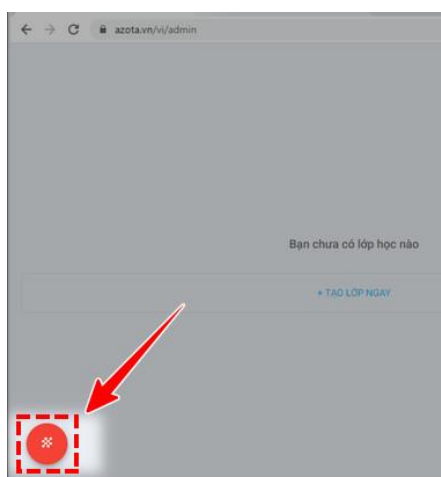
Bước 3: Azota hiển thị muốn truy xuất thông tin từ tài khoản Zalo, tùy vào nhu cầu mà giáo viên **bật các truy xuất** (Mũi tên 3) sau đó lựa chọn "**Cho phép**" (Mũi tên 4) để tiếp tục (còn muốn quay lại bước 2 thì click vào "**Từ chối**").



Sau đó, Azota sẽ hiện ra hình (ở bước 3-cách 1 phía trên), có nghĩa là bạn đã đăng ký Azota thành công.

## 2.2. Cách Đăng Xuất Azota

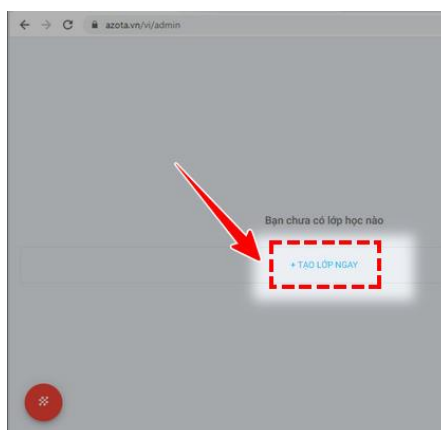
Bước 1: Vào góc dưới bên trái của giao diện Azota, click vào biểu tượng ô tròn màu đỏ, bên trong có nhiều chấm trắng.



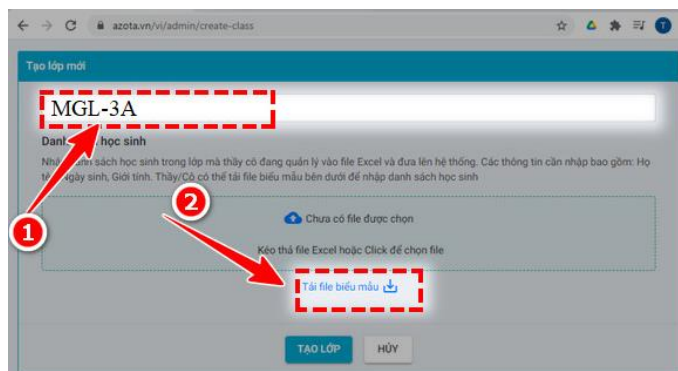
Bước 2: Tiếp đó, click vào "Đăng xuất" là được.

## 2.3. Cách giao các hoạt động, nhiệm vụ bằng ứng dụng Azota

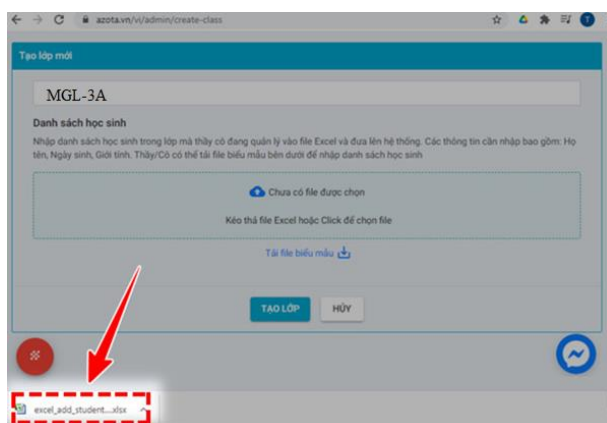
Bước 1: Sau khi đăng ký và đăng nhập vào ứng dụng Azota xong, thầy cô nhìn giữa giao diện, click vào "Tạo lớp ngay".



Bước 2: Ở phía trên, ở ô **Nhập vào tên lớp**, giáo viên **nhập tên lớp** mà thầy cô mong muốn (mũi tên 1). Nếu như có danh sách học sinh trước đó thì thầy cô **tải file biểu mẫu** (mũi tên 2) về máy tính.



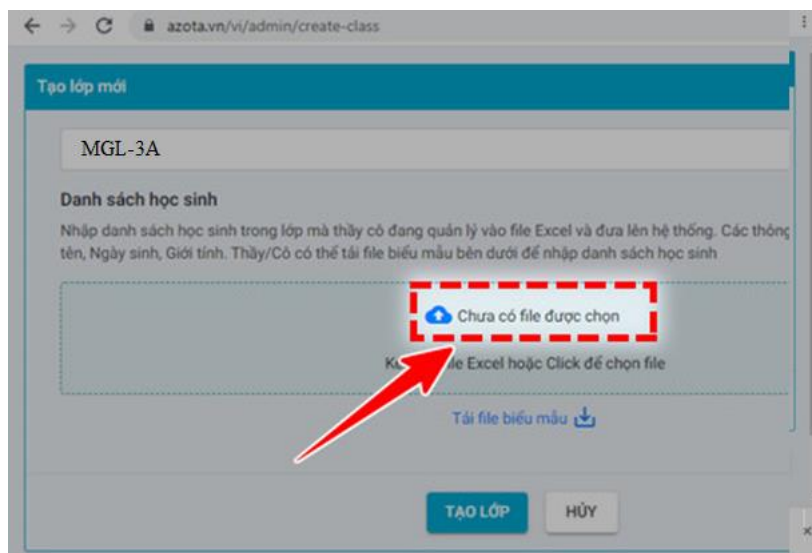
Bước 3: Click vào tệp tin mà thầy cô vừa tải về "**Exel\_add\_student ...**" phía dưới tay trái giao diện



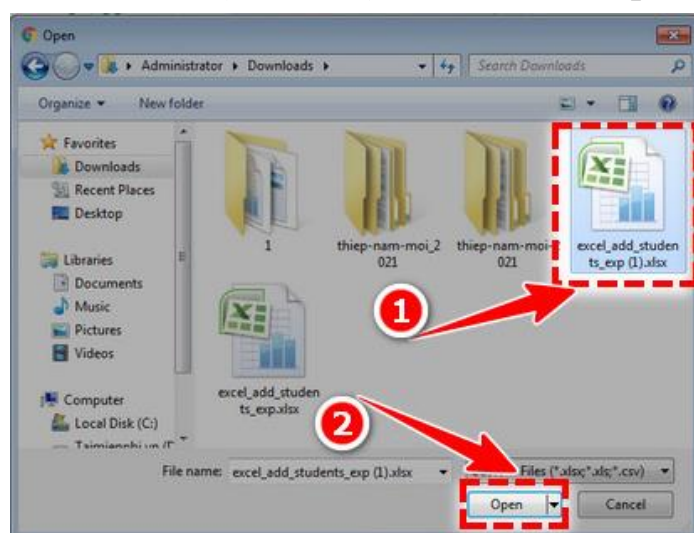
Lúc này, file excel sẽ xuất hiện. Trong file, thầy cô **nhập thông tin họ và tên, ngày sinh giới tính của học sinh** mình vào như hướng dẫn ở trong file rồi lưu lại (Nhấn tổ hợp Ctrl+S).

| STT | Họ và tên    | Ngày sinh  | Giới tính |
|-----|--------------|------------|-----------|
| 1   | Nguyễn Văn A | 01/10/2001 | 1         |
| 2   | Phạm Thị B   | 05/10/2001 | 0         |

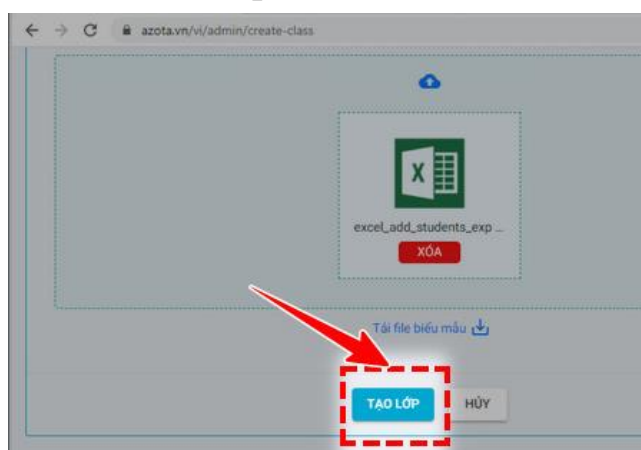
Bước 4: Tiếp theo, thầy cô quay về trình duyệt, click vào "**Chưa có file được chọn**" và tới **thư mục lưu trữ file** vừa lưu để đăng tải lên.



Thầy cô click vào **file vừa tạo** (mũi tên 1) rồi click vào **"Open"** (mũi tên 2).

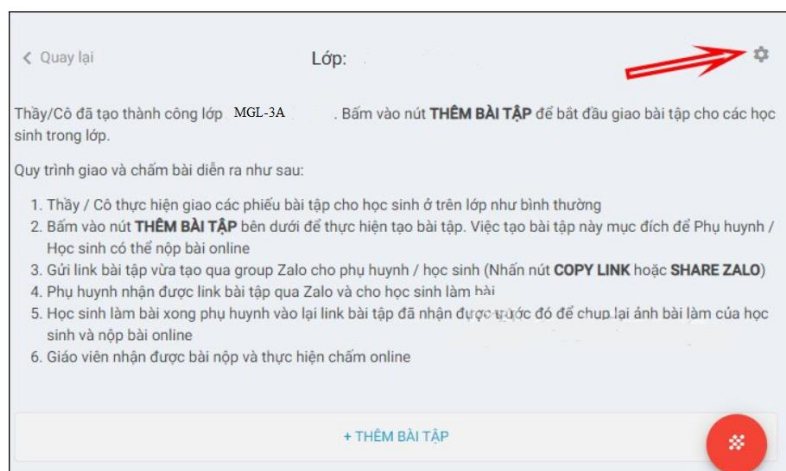


Bước 5: Tiếp đó, click vào **"Tạo lớp"**.

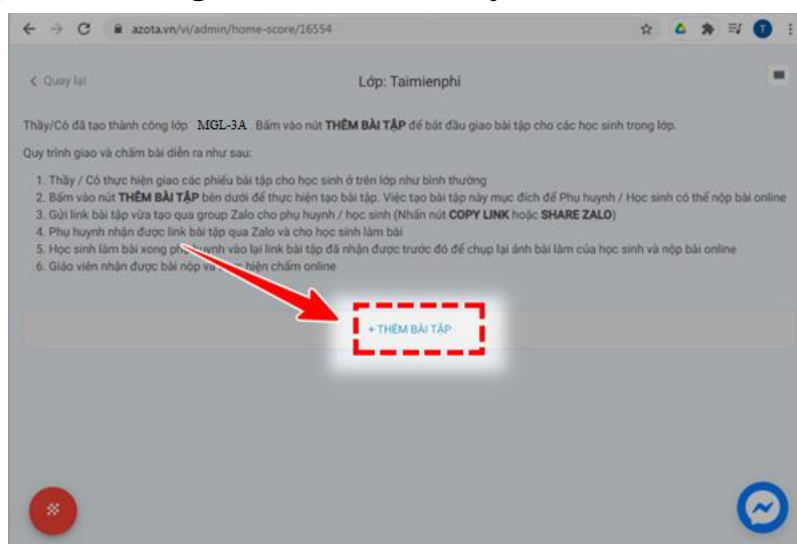


**Lưu ý:** Nếu như thầy cô **chưa có file học sinh** tạo trước đó thì **bỏ qua phần tải file** trên mà click vào **"Tạo lớp"** luôn. Khi giáo viên gửi link hoạt động nhiệm vụ, phụ huynh của trẻ đó sẽ cập nhật thông tin theo bảng cho giáo viên. Ngoài ra trong giao diện này các **thầy cô** cũng có thể thêm học sinh bằng cách thủ công,

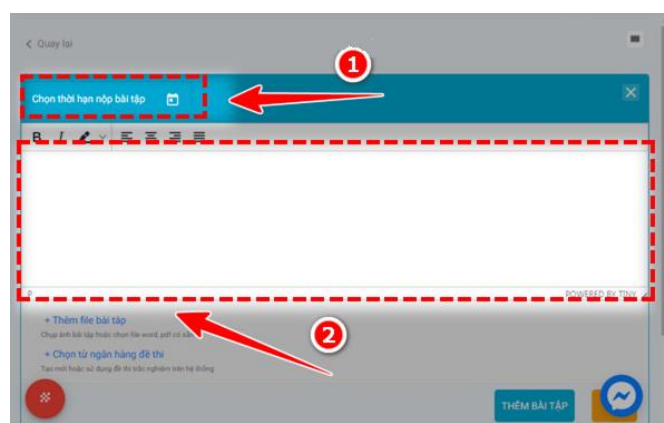
nhấn biểu tượng **bánh răng cưa**. Nhấn nút **Thêm học sinh** rồi nhập đủ thông tin các trường hiển thị rồi nhấn Lưu là được.



Bước 6: Để giao hoạt động, nhiệm vụ, các thầy cô click vào "**Thêm bài tập**".

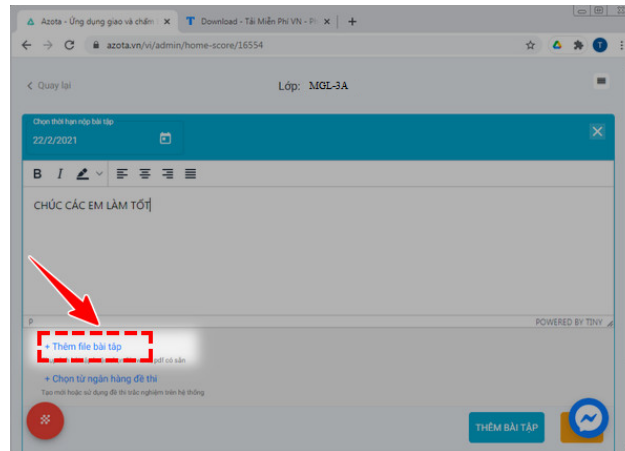


Bước 7: Ở đây, thầy cô chọn thời gian giao nhiệm vụ hoạt động cho trẻ bằng cách click vào ô "**chọn thời gian nộp bài**" (mũi tên 1) rồi **nhập nội dung mô tả hoạt động nhiệm vụ trẻ cần thực hiện bằng các hình ảnh đơn giản, dễ nhớ để trẻ làm theo** (mũi tên 2).



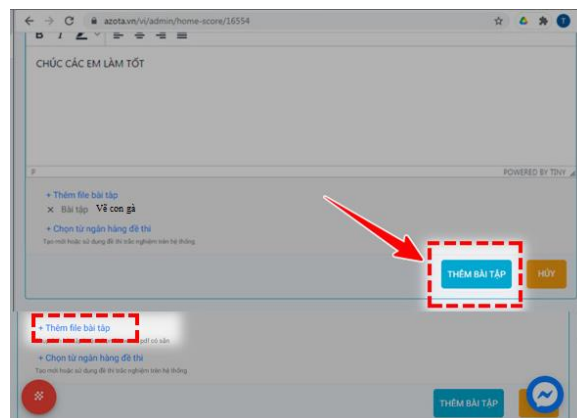


Tiếp tục, thầy cô click vào "**Thêm file bài tập**". Ở trên máy tính, các thầy cô có thể tải file word, pdf, ảnh đều được. (Còn trên điện thoại, khi click vào “thêm file bài tập” thì điện thoại sẽ hiện ra phần chụp ảnh).

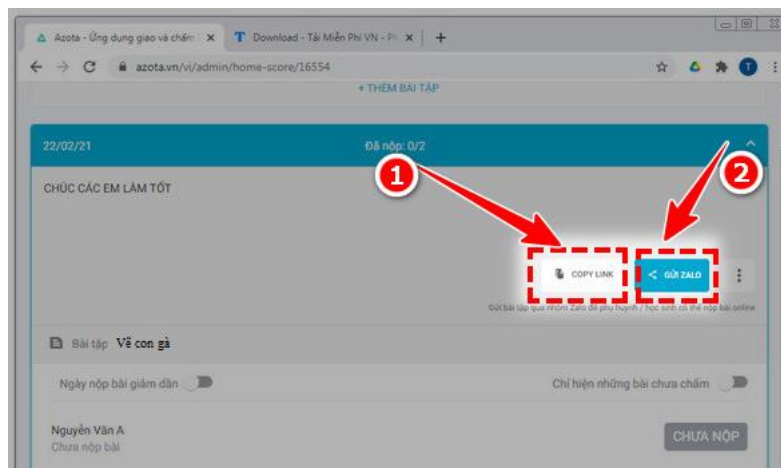


Thầy cô đến **thư mục lưu file hoạt động, nhiệm vụ cần gửi cho trẻ** rồi click vào **file** đó rồi click tiếp vào **Open** để tải file lên.

Bước 8: Sau đó, thầy cô click vào "**Thêm bài tập**" như hình dưới.



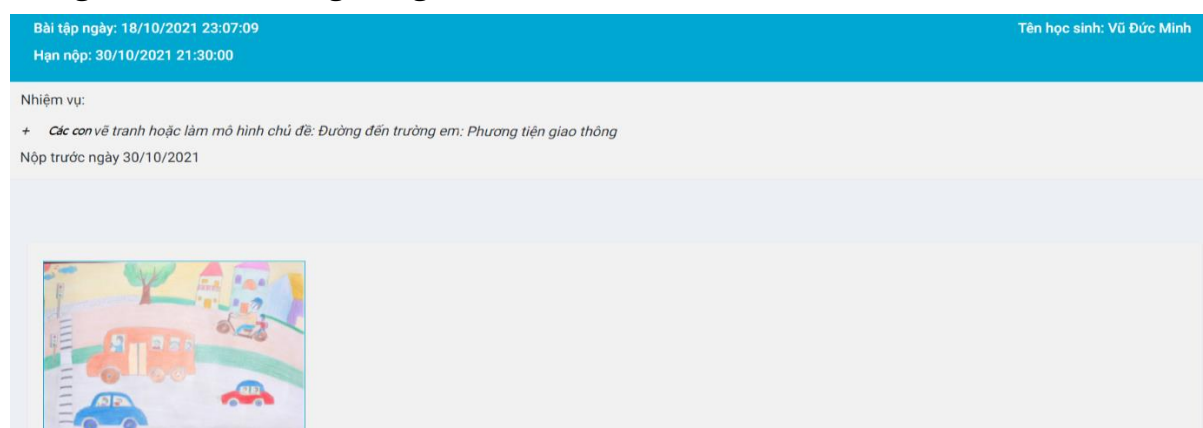
Bước 9: Thầy cô click vào "**Copy Link**" (mũi tên 1) hoặc click vào "**Gửi Zalo**" (mũi tên 2) để gửi link hoạt động nhiệm vụ cho các em học sinh, phụ huynh trên Zalo.





Khi giao hoạt động nhiệm vụ bằng ứng dụng Azota, các trẻ sẽ tiến hành chụp lại sản phẩm của mình hoặc quay lại hoạt động trẻ đã thực hiện rồi sau đó gửi lại cho giáo viên trên ứng dụng. Sau đó, giáo viên tiến hành nhận xét hoạt động nhiệm vụ đó cho trẻ (giáo viên có thể kết hợp các ảnh động ngộ nghĩnh đáng yêu để gắn vào lời nhận xét).

Nếu thầy cô muốn xóa nhận xét đã ghi thì nhấn và giữ rồi di luôn lên biểu tượng thùng rác. Sau đó, thầy cô **nhấn Lưu dữ liệu** để gửi kết quả phản hồi lại cho học sinh. Phụ huynh học sinh truy cập lại vào link bài tập mà cô giáo đã giao và sẽ thấy nhận xét về hoạt động nhiệm vụ của con em mình. Ví dụ về bài vẽ gửi cho giáo viên trên ứng dụng Azota:



Tóm lại, phần mềm Azota kết hợp trong dạy học trực tuyến rất phù hợp trong bối cảnh dịch bệnh như hiện nay vì:

### ***Tiết kiệm thời gian giao và nhận xét các hoạt động nhiệm vụ của trẻ***

Vì thời gian trẻ học trực tuyến không nhiều, giáo viên không thể quan sát và nắm bắt được hết trẻ có tiếp thu được hoạt động nhiệm vụ giáo viên đã hướng dẫn trên lớp hay không. Và nếu phụ huynh hay trẻ có quay lại video nộp cho thầy cô trên Zalo cũng sẽ không tập chung và hiệu quả. Do đó, thầy cô chỉ cần nhắc học sinh, phụ huynh nộp bằng cách chụp ảnh sản phẩm, video gửi vào đường link, giáo viên có thể nhận xét ngay trên điện thoại.

### ***Dễ dàng liên lạc với phụ huynh***

Phụ huynh có thể dễ dàng xem lại kết quả học tập của con mình trong lịch sử học tập

### ***Thống kê và theo dõi học tập***

Hệ thống lưu trữ nhận xét, quá trình học tập của học sinh, giáo viên chỉ cần tra cứu và tải báo cáo về để in ra hoặc lưu trữ tại hệ thống

### ***Học sinh, phụ huynh thực hiện 1 thao tác gửi***

Nền tảng thiết kế đơn giản, dễ dùng nhất với tất cả mọi người.

### **3. Kết luận**

Hiện nay, trong bối cảnh dịch bệnh COVID -19, ứng dụng Azota đang được nhiều cơ sở giáo dục vận và đã đem lại hiệu quả nhất định. Thứ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Nguyễn Hữu Độ nhấn mạnh trong bối cảnh dịch COVID-19 diễn biến phức tạp, ngành giáo dục xác định phải chuyển trạng thái từ dạy học trực tuyến/dạy học qua truyền hình là giải pháp tình thế sang chủ động và có kế hoạch dạy học theo hình thức này. Đây cũng là cách để ngành giáo dục có thể đạt được ba mục tiêu: An toàn vì dịch, hoàn thành chương trình năm học và kiên trì mục tiêu chất lượng [3].

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- [1]. <https://gioithieu.azota.vn/huongdan>
- [2]. <https://azota.vn/>
- [3]. <https://baohaiduong.vn/giao-duc/hang-loat-giai-phap-khac-phuc-kho-khan-sau-mot-thang-hoc-truc-tuyen-182570>

# ỨNG DỤNG TÂM LÝ HỌC VỀ ÂM NHẠC TRONG GIÁO DỤC TRẺ MẦM NON

*ThS. Lê Hoàng Huệ Hương*

Khoa Nghệ thuật

**Tóm tắt:** Tâm lý học về âm nhạc có thể được coi là một nhánh của tâm lý học và âm nhạc học. Nó nhằm mục đích giải thích hành vi và trải nghiệm âm nhạc, bao gồm các quá trình mà âm nhạc được nhận thức, tạo ra phản hồi và kết hợp vào cuộc sống hàng ngày. Tâm lý học về âm nhạc có giá trị quan trọng trong đời sống âm nhạc và việc học âm nhạc. Đặc biệt đối với trẻ em, tâm lý về âm nhạc không chỉ ảnh hưởng đến việc hình thành ý thức âm nhạc mà sẽ ảnh hưởng đến khả năng tư duy âm nhạc của trẻ. Vì vậy, trong quá trình giáo dục âm nhạc cho trẻ, giáo viên phải quan tâm đến việc trau dồi tâm lý về âm nhạc cho trẻ. Bài viết làm rõ sự cần thiết của việc ứng dụng tâm lý học về âm nhạc vào việc giáo dục trẻ để mang lại hiệu quả trong dạy học nhằm trau dồi trí nhớ âm nhạc của trẻ, nuôi dưỡng trí tưởng tượng của trẻ, nâng cao khả năng cảm thụ âm nhạc của trẻ.

**Từ khóa:** *Tâm lý học, âm nhạc, giáo dục âm nhạc mầm non.*

## **1. Đặt vấn đề**

Trong đời sống tâm lý con người, âm nhạc có thể đem đến cho mọi người những phản ứng tình cảm dễ chịu, thoải mái và bình tĩnh, hay kích thích sự sáng tạo và hứng khởi. Sức mạnh của âm nhạc còn giúp con người loại bỏ cảm giác tiêu cực từ những việc đã qua, có thể lọc ra những thông điệp lành mạnh và tích cực nhất. Vì thế, âm nhạc là một trong những nhu cầu không thể thiếu trong đời sống mỗi người. Ứng dụng tâm lý học về âm nhạc giáo dục nói chung và trong giáo dục trẻ mầm non nói riêng chính là giáo dục tình cảm đạo đức, thẩm mỹ cho trẻ, hình thành cho trẻ lòng yêu thiên nhiên, Tổ quốc, tình yêu thương con người. Ứng dụng tâm lý học về âm nhạc trong giáo dục trẻ mầm non còn là phương tiện nâng cao khả năng cảm thụ âm nhạc, phát triển trí tuệ, thể chất, giúp trẻ phát triển trí tưởng tượng, củng cố kiến thức cho trẻ thông qua học tập, vui chơi.

## **2. Nội dung**

### **2.1. Khái niệm: Tâm lý học về âm nhạc.**

Trong Tiếng Anh, tâm lý học âm về nhạc là Psychology of music, có nghĩa là sử dụng các lý thuyết và phương pháp tâm lý học, các hiện tượng tâm lý giữa âm nhạc và con người để nghiên cứu các quy luật hoạt động của tinh thần.

Cơ sở khoa học của tâm lý học về âm nhạc

- Nguồn gốc lịch sử:

Người khai phá đầu tiên trong lĩnh vực này là một nhà khoa học gia người Đức - Helmholtz năm 1863 đã xuất bản một công trình đáng chú ý về nhận thức âm thanh là cơ sở sinh lý học của thuyết âm nhạc. Cuốn sách này dựa trên lý thuyết âm thanh của Ohm và lý thuyết năng lượng về dây thần kinh. Nghiên cứu tập trung hơn vào nhận thức của mọi người về âm thanh, trí nhớ âm nhạc, trí tượng tưởng về âm nhạc. Nhận thức của người dân về âm thanh bao gồm 4 yếu tố: cảm nhận, tốc độ, tiết tấu, thời gian. Những yếu tố này được hình thành dựa trên những nhận thức của con người về các đặc tính của âm thanh như tần số, độ lớn, dạng sóng, thời gian.

- Cơ sở khoa học của tâm lý học về âm nhạc cho trẻ mầm non

Tâm lý học âm nhạc dựa trên nền tảng lí luận của tâm lý học được rút ra từ vật lý học, di truyền học, nhân loại học, mỹ học và các học thuyết liên quan khác, sử dụng các phương pháp tâm lý thí nghiệm để nghiên cứu và giải thích kinh nghiệm âm nhạc và hành vi âm nhạc từ lúc sinh ra cho đến khi có những kinh nghiệm âm nhạc. Cơ sở khoa học nghiên cứu của tâm lý học âm nhạc vô cùng rộng rãi như đặc trưng của âm thanh vật lý trên sự phản ứng của con người về thính giác; trạng thái tâm lý con người dựa trên kí ức âm nhạc, tưởng tượng âm nhạc, tài năng âm nhạc và năng lực biểu diễn âm nhạc...

Trẻ mầm non rất nhạy cảm với âm nhạc. Đối với trẻ, âm nhạc là một thế giới kì diệu đầy cảm xúc vui sướng. Thông qua các hoạt động âm nhạc, trẻ phát triển nhạc cảm, mở rộng nhận thức thế giới xung quanh, phát triển các kĩ năng hoạt động. Trẻ ở lứa tuổi mẫu giáo biết cảm thụ và thích thú với những hoạt động mang tính nghệ thuật, đặc biệt là âm nhạc. Khi nắm bắt được các đặc điểm tâm sinh lí của trẻ mẫu giáo, các giáo viên mầm non sẽ có định hướng tốt hơn trong khi tổ chức dạy các hoạt động: Ca hát, nghe nhạc, vận động- múa và trò chơi để sử dụng âm nhạc sẽ phát triển toàn diện nhân cách trẻ về đức, trí, thể, mỹ cho trẻ trong tương lai.

## ***2.2. Ứng dụng của tâm lý học âm nhạc cho trẻ mầm non***

### ***2.2.1. Trau dồi trí nhớ âm nhạc của trẻ***

Không chỉ là một lựa chọn giải trí trong đời sống, âm nhạc còn được xem là một yếu tố có tác động lớn đến quá trình hình thành và phát triển của con

người ở mọi độ tuổi. Đặc biệt, trong những năm đầu đời, âm nhạc đóng vai trò lớn trong sự phát triển của trẻ.

Trẻ luôn luôn nhận thức thế giới khách quan và không ngừng cải tạo nó cho phù hợp với cuộc sống của mình. Để thực hiện được điều này đòi hỏi trẻ phải tích lũy được những hiểu biết và kinh nghiệm trong mọi lĩnh vực thông qua hoạt động thực tiễn của mình. Một trong những yếu tố cơ bản để có thể tích lũy được hiểu biết và kinh nghiệm đó là trí nhớ.

Trí nhớ là một quá trình tâm lý có liên quan chặt chẽ tới toàn bộ đời sống con người, liên hệ chặt chẽ với quá khứ và hiện tại. Dựa vào tính chất của trí nhớ người ta chia thành bốn loại: trí nhớ hình ảnh, trí nhớ cảm xúc, trí nhớ vận động và trí nhớ từ ngữ.

Khi trẻ thưởng thức âm nhạc thường bị hạn chế bởi kinh nghiệm sống, và thường không thể kết nối âm nhạc với đời sống hiện tại. Để trau dồi trí nhớ âm nhạc chúng ta cần hiểu được những tính chất của trí nhớ để tổ chức các hoạt động cho phép trẻ kết hợp âm nhạc với cuộc sống qua đó hình thành nhận thức đa chiều với thị giác, thính giác, xúc giác đồng thời củng cố bộ nhớ của âm nhạc.

Ví dụ: Trong giờ tổ chức hoạt động nghe hát bài: “Du xuân- An Thuyên” cô giáo có thể cho trẻ xem những hình ảnh về mùa xuân như chợ hoa ngày Tết hoặc phong tục Tết của các vùng miền để xây dựng trí nhớ hình ảnh về Tết cho trẻ. Ngoài ra, cô giáo có thể đọc thơ hoặc câu đố trong chủ đề Tết và trò chuyện với trẻ để từ đó phát triển trí nhớ từ ngữ. Cuối cùng cô giáo mới tổ chức cho trẻ nghe giai điệu của bài hát kết hợp với vận động để từ đó tăng cường cảm xúc của trẻ. Khi đó giai điệu và lời ca của bản nhạc hòa với khung cảnh mùa xuân. Sự kết hợp của tâm trạng vui vẻ biến nhận thức đa chiều này trở nên sâu sắc hơn lúc đó trí nhớ âm nhạc thấm sâu vào trong tâm thức của trẻ.

### *2.2.2. Nuôi dưỡng trí tưởng tượng của trẻ.*

Einstein từng nói: “Trí tưởng tượng quan trọng hơn kiến thức, bởi kiến thức thì có giới hạn, và trí tưởng tượng tổng hợp mọi thứ trên thế giới, thúc đẩy tiến bộ, và là nguồn gốc của tiến hóa kiến thức”.

Chúng ta cũng biết âm nhạc trừu tượng. Đó là thứ mà người ta không thể nhìn hay chạm vào. Cùng nghe một bài hát nhưng mỗi người lại có những đánh giá, cảm xúc khác nhau. Cho nên, dù chơi nhạc, nghe nhạc hay sáng tạo ra âm nhạc đều có thể để lại cho con người một trí tưởng tượng riêng biệt.

Việc nuôi dưỡng trí tưởng tượng trong âm nhạc là một trong những nội dung quan trọng của tâm lý học âm nhạc. Nâng cao trí tưởng tượng âm nhạc của

trẻ thông qua việc phân tích nền tảng âm nhạc và văn hóa. Thông qua học tập âm nhạc, trẻ có thể giải phóng tâm hồn, lồng ghép những nội hàm của âm nhạc vào trong suy nghĩ của bản thân hình thành nên một trí tưởng tượng phong phú, đồng thời qua đó góp phần xây dựng trạng thái tinh thần lành mạnh cho trẻ. Nâng cao trí tưởng tượng âm nhạc của trẻ cần thông qua phân tích về văn hóa, lịch sử... trong dạy học âm nhạc ở trường mầm non.

Ví dụ: Thông qua hoạt động ca hát có thể bồi dưỡng trí tưởng tượng cho trẻ bằng cách mô phỏng những nhân vật, hình ảnh của nội dung ca từ thông qua đồ dùng hoặc đạo cụ (ví dụ những chiếc khăn quàng cổ có thể được sử dụng tung trên không trung, tưởng tượng chúng là những chiếc lá, một bông hoa hoặc cánh bướm...)

Hoặc khi tổ chức hoạt động nghe nhạc với chủ đề về quê hương đất nước cô giáo cần giới thiệu cho trẻ đôi nét về văn hóa vùng miền phù hợp với nội dung của bài hát, qua đó cho phép trẻ tái hiện về lịch sử, văn hóa qua cảm nhận và tưởng tượng của bản thân. Cô giáo có thể nâng cao trí tưởng tượng âm nhạc của trẻ thông qua việc kết hợp giữa âm nhạc và vận động: Thông qua âm nhạc, lời ca kết hợp với sức biểu cảm của vũ đạo để nâng cao suy nghĩ tưởng tượng của trẻ về khung cảnh cuộc sống đằng sau bài hát.

Ví dụ: Khi cho trẻ thưởng thức bản nhạc “The sound of spring”, trẻ có thể thưởng thức những bài hát theo những cách khác nhau qua đó cảm nhận sự tươi mới, sống động của âm nhạc và các lễ hội âm nhạc. Buổi biểu diễn mang lại cho trẻ trí tưởng tượng vô tận về mùa xuân.

### *2.2.3. Nâng cao khả năng cảm thụ âm nhạc của trẻ.*

Nghiên cứu của Đại học Vanderbilt đã cho thấy rằng , trẻ em có nền tảng vững chắc có xu hướng xã hội hóa hơn, cảm thấy hạnh phúc hơn và học tập tốt hơn những bạn bè đồng trang lứa thiếu đi nền tảng này. Yếu tố cảm xúc của trẻ hoàn toàn được bồi dưỡng thông qua âm nhạc.

Những trải nghiệm với âm nhạc từ những năm tháng đầu đời sẽ giúp trẻ kết nối tình cảm với những người xung quanh thông qua sự nhịp nhàng và cách thể hiện sáng tạo trong các bài hát. Đồng thời thái độ của trẻ đối với hạnh phúc cũng được thể hiện thông qua những bài hát có giai điệu vui tươi.

Cảm thụ âm nhạc là khả năng nhận thức của trẻ về cao độ, nhịp độ, tiết tấu và trẻ biết thể hiện, biểu diễn đánh giá khi tham gia vào các hoạt động của âm nhạc. Việc trau dồi khả năng cảm thụ âm nhạc của trẻ không chỉ góp phần vào khả năng đánh giá âm nhạc trong tương lai mà còn góp phần nâng cao trình độ văn hóa toàn diện cho trẻ. Thông qua cái nhìn tâm lý học, áp dụng vào giảng

dạy, cô giáo có cái nhìn khách quan về khả năng cảm thụ âm nhạc của trẻ qua đó hiểu những khiếm khuyết của trẻ để vận dụng những phương pháp và thay đổi tâm lý trong giảng dạy từ đó mang lại hiệu quả cao nhất với trẻ.

Như chúng ta đã biết trẻ luôn thích vận động. Một trong những cách để giúp tiết học thêm sôi nổi và trẻ cảm nhận âm nhạc một cách đơn giản và tự nhiên là tạo các hoạt động phù hợp với độ tuổi.

Ví dụ: Trong hoạt động ca hát cô giáo có thể gợi ý để trẻ hưởng ứng và cảm nhận âm nhạc thông qua các động tác như vỗ tay, dậm chân, chạm ngón tay, lắc tay, chớp mắt, uốn người... Một số chuyển động có thể được thực hiện xung quanh vòng tròn hoặc ngồi dưới sàn nhà theo những nhóm nhỏ...

### **3. Kết luận**

Âm nhạc đóng một vai trò quan trọng trong cuộc sống và sự phát triển tinh thần của trẻ. Vì vậy, trong giáo dục âm nhạc, giáo viên không chỉ hiểu nội hàm của tâm lý học về âm nhạc mà còn biết các ứng dụng các phương pháp dạy học và tiếp cận, tâm lý học về âm nhạc trong giáo dục trẻ ở trường mầm non nhằm thúc đẩy nâng cao chất lượng giáo dục âm nhạc cho trẻ.

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo(2009), *Chương trình giáo dục mầm non 2009 in lần thứ 6*), NXB Giáo dục Việt Nam.
2. Phạm Thị Hòa(2005), *Giáo dục âm nhạc*, tập 2, NXB Đại học Sư phạm Hà Nội.
3. Hách Á Nam(2007), *Phân tích tầm quan trọng của của tâm lý học âm nhạc trong giáo dục âm nhạc ngoại khóa*, Trường Đại học Hà Bắc.
4. Kim Mĩ Lâm (2007), *Ứng dụng và thực hành tâm lý học âm nhạc cho trẻ mầm non*, Đại học Thường Xuân.